

ĐỖ HỒNG NGỌC
ĐỂ LÀM GÌ?

tạp bút



Tuổi 80. Chân dung tự họa trên giấy dó (Đỗ Hồng Ngọc, Mũi Né 1.2020)

ĐỖ HỒNG NGỌC. TẠP BÚT * * 1

Lời ngỏ

Tôi đặt tên cho “Tập tuyển” này là ĐỀ LÀM GÌ bởi vì trong lúc tập hợp một số các bài viết ngắn của mình dưới đây tôi luôn tự hỏi *để làm gì, để làm gì...* mà vẫn không sao trả lời được!

.....

Rồi một hôm, trong buổi “về thu xếp lại”, tôi gom góp một số bài tùy duyên, tùy hứng, tùy nghi, tùy hỷ ... bấy lâu mình thích mà làm thành một “Tập”, mà tôi gọi là Tạp bút như một món quà lưu niệm dành riêng đọc vui một mình, rồi biết đâu cũng có người đồng điệu, cũng nòi tình mà cùng sẻ chia trong chốn thân quen...

Không ngờ mà khi thu xếp, gom góp lại rai như vậy, tôi đã không cảm được nước mắt khi đọc lại “nỗi cô đơn uy nghi” của Võ Hồng, “người ta ở bên” của Trần Văn Lệ, “gọi chiều nước lên” của Trần Hoài Thu, và “lắm nỗi không đành” của Võ Tấn Khanh...

Rồi cũng không thể không cười một mình với “làm mới thơ”, với “vơ vẩn cùng Mây” với “hỏi không đáp, bèn...”

Rồi lại cũng không thể không trầm ngâm ngẫm ngợi với “để làm gì”, với “sáng, trưa, chiều, tối” ...

Mít ướt. Nó vậy đó. Biết sao.

Đỗ Hồng Ngọc

(Saigon, 2.2020)

“Để làm gì?”

André Maurois trong cuốn “Nghệ thuật già” (L’art de vieillir) có nói rằng khi nào trong đầu mình nảy ra cái ý “Để làm gì?” thì lúc đó mình đã già thiệt rồi! Tôi vừa mới nói “già thiệt” phải không? Ấy, bởi vì lâu nay mình vẫn biết là đã già, đang già tốc hành, già khú đế mà vẫn cứ nghĩ là mình đang “già giả” thôi! Mà không phải mình tôi nghĩ đâu nha.

Ông họa sĩ “trời ơi” là Picasso có cái hình này bạn coi nè. Ông vẽ cái “già” chẳng qua chỉ là cái mặt nạ thôi, đeo chơi vậy, trong khi trong ta là một cậu thanh niên trai trẻ, tươi non, hừng hực lửa yêu thương đó thôi. Tôi vừa gọi Picasso là ông họa sĩ “trời ơi” phải không? Là bởi vì theo tôi, trường phái “trừu tượng” của ông thực ra chỉ vì ông có quá nhiều người yêu, vẽ mà như thực chắc chịu hồng nổi với mấy bà, bèn vẽ bà này cái mũi, bà kia cái mắt, bà nọ cái môi... rồi chồng chéo lên nhau thế là ổn cả, mặc cho các nhà phê bình nghệ thuật diễn giải, ông chỉ cười tùm tùm một mình thôi!

Tôi bây giờ cứ định làm gì đó thì bỗng nảy ra ý: Để làm gì? Chẳng hạn gặp một chuyện gì đó vui vui, hay hay, xưa thì đã “thư gửi bạn xa xôi” kể cho bạn nghe, hoặc cũng “Ghi chép lang thang” chút gì đó, nhưng nay “Để làm gì?”. Ngay cả những vấn đề cần tranh luận, cần giải thích, cần đưa quan điểm chung riêng gì đó, nhưng rồi cũng... “để làm gì?”. Vậy đó.

Rồi tôi lại loay hoay “về thu xếp lại...” một mình giữa ngồn ngang tư liệu, sách vở, gặp chuyện buồn chuyện vui không thiếu định chia sẻ với bạn rồi “để làm gì?”. Gửi “meo” cho anh Hai Trầu, người bạn hơi già của tôi hỏi

sao lâu nay im re, anh nói già sao nhanh quá anh ơi, chả muốn làm gì cả. Thì ra, tuổi già, đúng là “Chả cần gì! Chỉ cần già!” là vậy.



Chủ nhật rồi, tôi đi Hóc Môn thăm BTD, người bạn đã thân quen từ 60 năm trước, năm 1960 từng đi chơi suối Lò Ô với Nguyễn Ngu Í, Lê Phương Chi, Hồ Xích Tú (con ông Hồ Hữu Tường), Quách Giao (con nhà thơ Quách Tấn), Nguyễn Công Thuần... Anh vốn là người mê văn chương, mê sách cổ, vốn có một vườn cây kiểng, đá kiểng... nổi tiếng một thời, bây giờ đang... Alzheimer, quên hết mọi thứ. Nhắc chuyện xưa, nhớ chút chút... Anh nhút định đòi tôi tặng anh cuốn “Già sao cho sướng?” mà cũng không biết sướng “để làm gì?”.

Một hôm, tôi ra ngồi một mình ở café Đường Sách, trời còn lạnh lạnh sau cơn bão rớt, chăm chú đọc La Sơn Phu Tử của Hoàng Xuân Hãn, bỗng một cô bé áo vàng đến hỏi dạ bác tên gì ạ? Tôi ngạc nhiên, ngó lên. Để làm gì? Dạ để chú thích cái hình con mới chụp lên bác, một ông già đang mê đọc sách nè... Bác không có tên con ạ. Tôi trả lời. Cô thất vọng bỏ đi. Tôi tội nghiệp hỏi. Con làm việc ở đâu? Con tập sự ở báo..., mới ra trường, làm ở phòng... muốn đăng hình phải có tên người. Ồ, sếp con là ai? Cô nói tên đến người sếp thứ ba, thứ tư gì đó... tôi mới à một tiếng có biết. Bác làm nghề gì? Cô hỏi lại. Con đoán xem. Hình như bác làm ngành giáo dục? Có một chút. Bác làm bên văn học nghệ thuật? hay báo chí? Có một chút. Tôi đành khai. Bác làm bên ngành y. Bác là bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc. Cô ngẩn ra. Người bạn đi cùng cô à hình như có một nữ bác sĩ tên là Đỗ Hồng Ngọc, con có đọc đâu đó một bài thì phải. Cô áo vàng bỗng reo lên: À, gõ Google coi nào! Cô bấm bấm cái điện thoại. Ồ, bác có trong Google này. Tôi nói thêm. Con thử gõ dohongngoc.com xem. Cô lại ồ bác có “châm com” nữa hả? Chiều đó, cô gửi tôi cái hình chụp lên và nói con may mắn được quen biết bác...

Cũng ngộ phải không? Cô bé chỉ nhỏ hơn mình chưa tới 60 năm, hưởng chi cái ông Từ Thức lên non mấy tháng trở về đã nhiều trăm năm trôi qua mà còn đi hỏi thăm người này người nọ!

Lục trong đồng thư từ cũ thấy có một thư viết tay của một em bé 15 tuổi ở Bến Tre nói em tình cờ đọc cuốn “Gió Heo May Đã Về” của tôi (1995) bèn mua về cho Ba Mẹ. Ba mẹ em tuổi mới ngoài 50, hục hặc nhau luôn, từ ngày đọc cuốn này đã thôi không còn gây gổ nữa, em rất mừng viết thư cảm ơn. Nhưng bất ngờ nhất là có một em coi cuốn Nghĩ Từ Trái Tim, viết về Tâm kinh Bát-Nhã (2003), mua về đọc cho Bà Nội nghe vì thấy bà nội thường tụng Tâm kinh hàng ngày. Bà nội thích lắm, bắt đọc cho nghe hoài... Đến khi bà mất, em đã đem cuốn sách Nghĩ Từ Trái Tim đó “đốt” theo Bà!

An lạc

An lạc không phải là hạnh phúc, sướng khoái, hài lòng, vui sướng... nhất thời, trái lại nó như dòng suối mát tưới tắm ở bên trong. An lạc là một trạng thái hỷ lạc tự bên trong mỗi cá nhân, nhẹ nhàng, bền bỉ, mang lại sự bình an cả thân và tâm cho chính mình và lan tỏa đến người khác. An lạc thường đến từ tuệ giác, đưa đến sự tự tại, ung dung, cân bằng cả về vật chất lẫn tinh thần. (Đỗ Hồng Ngọc)

Một người trúng số độc đắc, một hoa hậu đạt vương miện, một người có tên trên bảng vàng, có thể đang cảm nhận rất hạnh phúc, rất sướng vui... nhưng chẳng bao lâu sự bất an sẽ dồn dập đến, nỗi khôn khổ sẽ kề bên...

Một người thực sự an lạc chẳng thấy có hào hứng rộn rã bộc phát âm ỉ nào cả; chẳng có đám đông vỗ tay với những tiếng hò reo, chẳng có vòng nguyệt quế, mà chỉ có sự lặng im, nhiều khi một mình, âm thầm, lặng lẽ. Nụ cười đến tự bên trong, nụ cười của toàn thân, của từng tế bào, không ở đâu môi khoe miệng...

Cho nên an lạc không dễ. Nó đòi hỏi sự kham nhẫn, sự tri túc, và cả từ, bi, hỷ, xả.

Nhiều khi phải qua cái tuổi nào đó, thấm đẫm một chút cuộc đời, nghe được cái tiếng kêu ‘trần thế’ thì mới nhận ra sự thiết yếu của tự tại. Nhưng đợi đến lúc “*nhìn lại mình đời đã xanh rêu*” (Trịnh Công Sơn) thì đã trễ. Bởi người ta có thể an lạc ở đây và bây giờ.

Ta hay chúc nhau “Thân tâm thường an lạc” như một ước vọng. Phải, an lạc thì phải cả thân và tâm. Thân tâm nhất như. Tâm có an thì thân mới lạc. Tâm có lạc thì thân mới an. Mà đời thì vô thường. Làm sao thấy thường trong vô thường đây. Trừ phi thấy *Thực tướng*, thấy *Chơn Như*...

Mấy năm gần đây, tôi thường được mời nói chuyện về “Một nếp sống an lạc” ở nơi này nơi khác. Có khi ở một ngôi chùa, có khi ở một trung tâm mục vụ, có khi ở một hội quán, câu lạc bộ doanh nhân, một nhóm bạn trẻ, hoặc cùng các bậc trí thức... Những buổi chuyện trò đó, với tôi, đều là một cơ hội để học hỏi, giao lưu, chia sẻ. Lờ lẽ do vậy mà nhiều khi rề rà, cà kê... chớ không mạch lạc, khúc chiết. Có một số buổi được thu âm, ghi hình. Thế rồi một hôm, có bạn đề nghị hay là ta gom mấy bài nói chuyện này lại, chọn ra một ít rồi in thành tập sách chia sẻ với mọi người cũng hay! Tôi chỉ yêu cầu làm sao giữ được giọng điệu trò chuyện cà kê, kể cả tiếng địa phương, kể cả chuyện tếu táo... để người đọc như đang nghe trực tiếp thì tốt. Tóm lại, đây là một cuốn sách “nói” chớ không phải sách viết. Người đọc thì... nghe chớ không phải xem.

Hôm rồi, ngồi với một người bạn trẻ trong một quán café nhỏ, chúng tôi bàn với nhau về hai chữ “An lạc”. An lạc có phải là *well-being*, là *bien-être* không? Hay An lạc là *eudaimonia*, một tiếng cổ Hy Lạp thời Aristote gồm “eu” (“good”) và “daimon” (“spirit”), một đức hạnh, đòi hỏi có sự rèn tập? Phải chăng đó cũng chính là điều Phật đã dạy trong “*An lạc hạnh*” một phẩm của kinh Pháp Hoa hơn hai ngàn năm trăm năm trước: biết an trụ trong pháp *Không*, trong hạnh *Tùy hỷ*, trong đại *Từ đại Bi*?

Thử “chiết tự” từ Hán Việt thì ra *An* là ‘dưới mái nhà có người con gái’, còn *Lạc* là ‘ngôi nhà tràn đầy ánh sáng, có vườn cây xanh mát, có tiếng hát, tiếng đàn, tiếng dật cửi, quay tơ...’.

Rồi cùng mà cười. “*Em lo gì trời gió/ em lo gì trời mưa.../ em cứ yêu đời đi/ như lúc ta còn thơ/ rồi để anh làm thơ/ và để em dệt tơ...*” (Thoi tơ, thơ Nguyễn Bính, nhạc Đức Quỳnh).

Một hôm gặp lại...

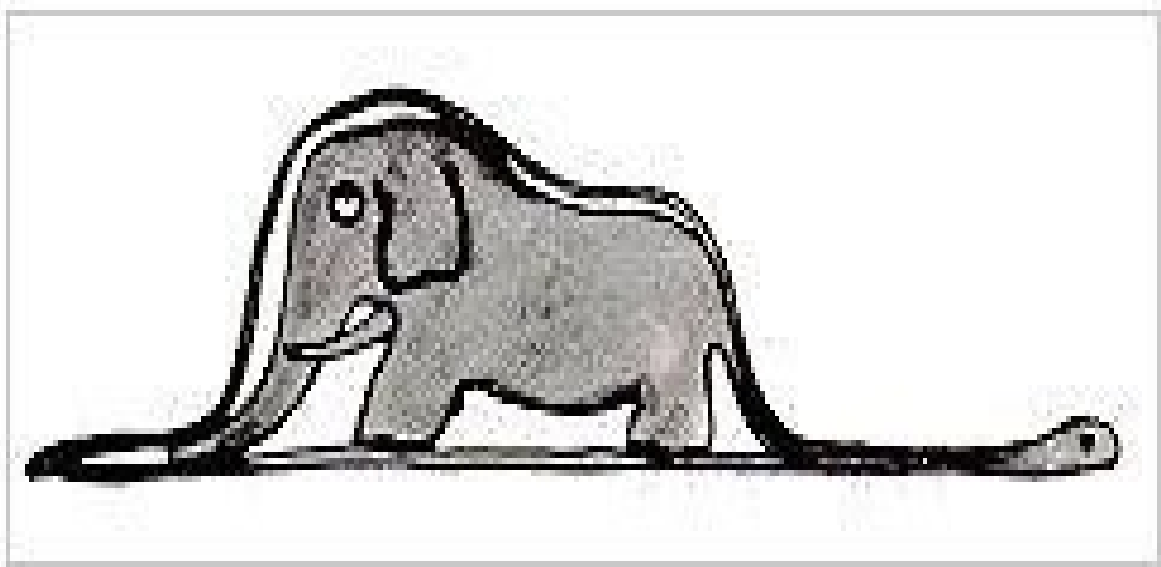
Hồi lên sáu tuổi, có lần tác giả (Saint-Exupéry) vẽ một bức phác thảo trông như thế này rồi đem khoe kiệt tác đó của mình với những người lớn và hỏi nó có làm cho họ khiếp hãi không, họ đều trả lời: “Sao lại phải khiếp hãi với một cái mũ chứ?”.



Điều này khiến ông vô cùng thất vọng. Ông đâu có vẽ cái mũ - mà là vẽ một con trăn vừa nuốt chửng một con voi đang nằm chờ tiêu hóa! Vậy là ông phải vẽ thêm một phác thảo thứ hai có hình con voi trong bụng trăn để người lớn có thể hiểu. Người lớn lúc nào cũng cần phải có giải thích mới hiểu được! Ông nghĩ.

Và thật là mệt cho bọn trẻ con phải luôn cố công giải thích cho họ hiểu. Họ còn khuyên ông hãy bỏ cái trò vẽ vờ vờ vẫn đó đi để lo học toán, lý hóa, địa dư...! Chán nản, ông chọn nghề... lái máy bay!

Sau này, mỗi khi có dịp gặp một người lớn có vẻ sáng sủa thông minh một chút, ông lại đem bức phác thảo số một ra để hỏi. Thì họ luôn trả lời: “Đấy là một cái mũ”!



Cho tới một ngày kia, phi cơ của ông bị hỏng máy rơi tòm giữa sa mạc Sahara, giữa lúc sống chết một mình nơi hoang mạc, chỉ còn đủ nước uống chừng tuần lễ, phải ngủ trên cát lạnh ngàn ngàn dặm cách biệt với con người thì chợt một giọng nói nhỏ lớ ngớ kỳ lạ bỗng đánh thức ông dậy:

“Nếu vui lòng... hãy vẽ cho tôi một con cừu!”

“Hả!”. Ông giật mình sững sốt!

“Vẽ cho tôi một con cừu...”

Ông nhảy nhồm, giụi mắt năm lần bảy lượt. Và thấy một chú chàng tí hon rất mực kỳ lạ đương chăm chăm nhìn mình. Chú bé chẳng có vẻ gì là một đứa trẻ lạc lõng giữa sa mạc hoang vu, ở cách cõi sống của con người ngàn ngàn dặm đất.

“Nhưng... nhưng mà chú bé làm cái gì ở đây vậy?”

“Nếu vui lòng... xin vẽ cho tôi một con cừu!”. Chú dường như chẳng thèm để ý tới lời ông, nằng nặc đòi cho được ý mình.

Vì trước nay chưa bao giờ vẽ cừu, ông đành vẽ lại bức phác thảo số một cho chú. Và ông chờ dẫn kinh ngạc khi nghe chú bé tí hon nhìn bức họa nói:

“Không! không! Tôi không muốn. Tôi không thích cái con voi nằm trong bụng con trăn thế này đâu! Một con trăn, thật là nguy hiểm, và một con voi, thì thật là lịch kịch rầy rà. Quê tôi bé tí. Tôi cần một con cừu. Hãy vẽ cho một con cừu đi.” Chú nài nỉ.

Từ chối mãi không được, ông đành vẽ con cừu cho chú. Vẽ đi vẽ lại mấy lần chú đều không chịu. Bực mình, ông vẽ đại... một cái thùng rồi gất lên:

“Nè, con cừu chú muốn nè. Nó nằm ở trong đó đó!”

Chú bé mặt rạng ngời:

“Thật đúng cái tôi muốn! Bác nghĩ có cần nhiều cỏ cho cừu **hó** ăn không?”

“Vì sao hỏi vậy?” Ông chưng hửng.

“Vì quê tôi, thật bé tí...”

Hai người từ đó thân quen, tác giả và hoàng tử bé. Chú kể cho ông nghe những chuyến du hành qua các tỉnh cầu nhỏ, gặp bao nhiêu là chuyện lạ. “Tôi biết một tỉnh cầu có một ông nọ mặt đỏ như gấc chín. Chẳng bao giờ ông ta ngó một ngôi sao. Chẳng bao giờ ông ta yêu ai hết. Chẳng bao giờ ông ta làm một cái việc chi khác, suốt ngày ông ta lặ đi lặ lại y hệt như bác: “Tôi là một con người trang nghiêm!” và cái đó làm ông ta phình to lên cái lỗ mũi tự hào. Nhưng đó không phải một con người, đó là một cây nấm!”. “Một cây nấm ư?”. “Phải, một cây nấm!”.

Rồi chú gặp một vị vua ở một tiểu tinh cầu khác:

– A! Đây là một thân dân của ta! Nhà vua kêu lên khi thấy hoàng tử bé. Người hãy đến gần cho trẫm nhìn người được rõ!

Chú bé mỗi mệ, ngáp dài một cái.

– Đứng trước bậc đế vương mà ngáp là vô lễ! Ta cấm người ngáp.

– Nhưng vì tôi không giữ được ạ! Tôi buồn ngủ quá!...

– Thế thì trẫm ra lệnh cho nhà người ngáp. Nào, ngáp nữa đi!

– Nhưng tôi hết ngáp... được rồi!

– Hừm! Thế thì ta ra lệnh cho người khi thì ngáp khi thì... Nhà vua có vẻ phật ý!

Rồi ở một tiểu tinh cầu khác, chú gặp một “người bận rộn”. Ông này bận rộn đến nỗi không ngẩng được đầu lên khi hoàng tử bé tới gần ông.

– Chào ông, em nói với hấn. Điều thuốc lá của ông tắt rồi kìa!

– Ba với hai là năm. Năm với bảy là mười hai. Mười hai với ba là mười lăm. Chào chú. Mười lăm với bảy là hăm hai. Hăm hai với sáu là hăm tám. Chẳng có thời giờ! Hăm sáu với năm ba mươi một. Xong! Tất cả là năm trăm linh một triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi một.

– Năm trăm triệu cái gì vậy?

– Hử? Năm trăm linh một triệu... ta cũng chẳng biết là cái gì nữa. Ta có quá nhiều công việc phải làm!...

Và cứ thế chú bé đưa ta đi khắp các tinh cầu nhỏ bé... để rồi hiểu được nụ hồng vì sao có gai, hiểu được một người say xỉn, một anh hề, một con sói...!

Hoàng Tử Bé của Antoine de Saint-Exupéry - bản dịch Bùi Giáng- là một tác phẩm đầy ắp tình người với những thông điệp vẫn còn nóng bỏng cho hôm nay: cứu lấy hành tinh chúng ta trước khi nó bị nhấn chìm trong cơn đại hồng thủy!

Hãy một hôm gặp lại chàng! Hoàng tử bé của mỗi chúng ta!

“Em hồn nhiên rồi em sẽ bình minh”

Tôi không tin *Tản Văn Thi* của Nguyễn Thị Khánh Minh là *giấc mơ*, là *huyền thoại*, là *chiêm bao*. Trái lại, nó rất hiện thực. Nó rất ở đây và bây giờ. “*Đó là bức tranh sắc màu cuộc sống*”: bức tranh của một gia đình hạnh phúc, thứ hạnh phúc đơn sơ như ‘Me tôi ngồi khâu áo bên cây đèn dầu hao/ Cha tôi ngồi xem báo... Tôi nghe tiếng còi tàu...’ (Kỷ Niệm, Phạm Duy).

Phải rồi. Chỉ ở đó mới có tiếng chim trao lòng tin cậy; chỉ ở đó mới có bờ vai nương tựa sớm hôm; chỉ ở đó mới có những ánh mắt sao trời thơ trẻ; và đôi cánh bay lên những ước mơ đắm thắm ngọt ngào của người thi sĩ, luôn nhắc nhở mình “*đừng như bóng mây tan*”.

Phải rồi. Chỉ ở đó mới có tiếng reo vui Tát-bà-ha của Tâm kinh Bát nhã khi thấy biết “*ngũ uẩn giai không/ độ nhất thiết khổ ách*”. Bát nhã (Prajñā) là cái nhận thức có trước nhận thức, là cái trí tuệ có trước trí tuệ, không đếm đo, toan tính, nó vậy là nó vậy. Và chỉ ở đó, người ta mới thực sự hồn nhiên, thực sự reo vui: Tát-bà-ha!

Tiếng chim riu rít mách tôi sự trong trẻo ban mai trao lòng tin cậy.

Bóng đêm mở nỗi sợ cho tôi tìm ra ánh sáng bờ vai nương tựa.

Những vì sao tặng tôi cách nhìn ngây thơ trong sáng.

Gió cho tôi đôi cánh và đường bay mơ ước con người.

Bóng mây tan nhắc tôi mỗi phút giây ở lại bên mình yêu dấu.

Tiếng cười bé thơ cho tôi nghe reo vui lời tâm kinh bát nhã.

(Nguyễn Thị Khánh Minh, Khoảnh khắc giấc mơ)

Cho nên người thơ viết: *Nên tôi quý những điều tôi đã nhận/ Nên tôi tận lòng với những điều đang ở.*

Còn có cách nào hơn là “*mở con đường trú ngụ hơi thở tịch lặng*” – Anapanasati - ở đó, hiện tại là sát-na mệnh mông không ngần mé...

Và chỉ ở đó: *“Trong sáng láng áy tôi đã gặp nhà thơ Mặt Trời. Lòng lộng nắng phương đông, chặt chiu hết tinh khôi nhân ái rắc xuống cánh đồng thơ diễm ảo. Tôi thức giấc từ lời hát của một bông cỏ dại người ban tặng và mảnh vỡ trái tim tôi thành những hạt pha lê được nuôi sáng bằng lời thơ dâng hiến...”*

Phải, đã gặp một Tagore lòng lộng nắng phương đông, một Tagore viết nên những lời thơ dâng hiến! Còn phải tìm kiếm đâu xa?

Và một khi đã thấy biết (tri kiến) như thế, khi đã reo vui như thế, thì người ta sống với yêu thương, sống trong yêu thương, sống vì yêu thương:

“Yêu thương nhé” “nói cùng lá cứ sống hết mình xanh”,

“yêu thương ơi xin thức dậy cùng người...”

“yêu thương ơi khoảnh khắc sum vầy đơn sơ thế xin một lần được cất cánh bay”.

Rồi tự dặn với lòng: *“yêu thương ơi chút lòng riêng xin chặt chiu nghe...”* “*Cho dấu chiều rồi phai nắng...”*

(Nguyễn Thị Khánh Minh, Yêu thương ơi).

Rồi một hôm, người Bạn sẽ đến. Thế nào cũng sẽ đến “*trong chiếc áo màu nắng mang theo chân trời rất lạ của phương đông*”. Phải chính là người Bạn “*nơi con đường vừa mới có tên mọc đầy hoa Nguyễn Ước*”: “*Lưu ly reo âm thanh trái tim. Và sẽ tặng tôi phép màu của câu thơ đi vào cuộc sống. Tôi run rẩy chờ đợi...* “. Người bạn đầy Nguyễn Ước phương đông đó chính là Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai đó vậy!

Và dĩ nhiên người thơ sẽ đến điểm hẹn đầu giữa đêm tuyết giá. “*Sẽ đem theo trái tim đầy tin cậy*”. Trái tim đầy tin cậy, ấy chính là ‘*Tín tâm*’. Hãy giữ lấy. Dù “*Ngày xám đục những mây/ đứng dưới một cây phong bay những chiếc lá khô/ Không có loài chim nào đến hót/ Con bão rút đem mưa làm nước mắt...* “. Con bão rút sẽ đến rồi sẽ qua. Vô thường sẽ là ‘*đóa hoa*’ của Trịnh.

Rồi cũng có lúc “*ngũ âm xí thịnh*”, người thơ hoang mang: Nếu có tìm tôi... Nếu có tìm tôi...? Ai tìm ai? Hãy nương tựa chính mình thôi nhé!

Nếu có tìm tôi. Xin trông chờ mảnh sáng sao băng.

Nếu có tìm tôi xin hát bằng nhịp tim bỗng trầm lời tình tự...

Nếu có tìm tôi. Xin theo dấu sáng đom đóm quỳên hương bờ giậu quê nhà. (...). Cho tôi đôi cánh hoa bay về miền đồng lúa chín vàng. Ngôi làng không bận lòng gì hơn là sống bình yên. Có con tàu đi về chở chuyên hội ngộ. Mỗi tiếng cửa mở ra là một tiếng reo sum vầy. Mỗi bếp lửa là mỗi báo tin mùa màng no đủ.

Nếu có tìm tôi... Trên bước gió mở ngàn khơi nơi cuối cùng là phương Đông ám một mặt trời...

(Nguyễn Thị Khánh Minh, Khoảnh khắc giấc mơ, 2018).

Hoang mang thế nhưng rồi, như một nhà thơ từng viết: Tôi vịn câu thơ mà đứng dậy!

“Tôi đi tìm những trang bản thảo, mảnh đất tị nạn bình yên của tôi. Nơi có trò chơi trốn tìm dưới ánh chớp những chùm sao đang va vào nhau vang

dội. Âm thanh ẩn mật là chiếc chìa khóa cuối cùng tôi phải mở, cõi thách thức cảm xúc phục sinh.

Tôi nhặt được một trang bản thảo lem luốc đầy vết xóa và tôi nghe tiếng tim mình còn hồi hộp đập...”

(Nguyễn Thị Khánh Minh. Trong cơn bệnh).

Phải, “Còn hồi hộp đập” nghĩa là còn sẽ nhặt nhạnh thêm.

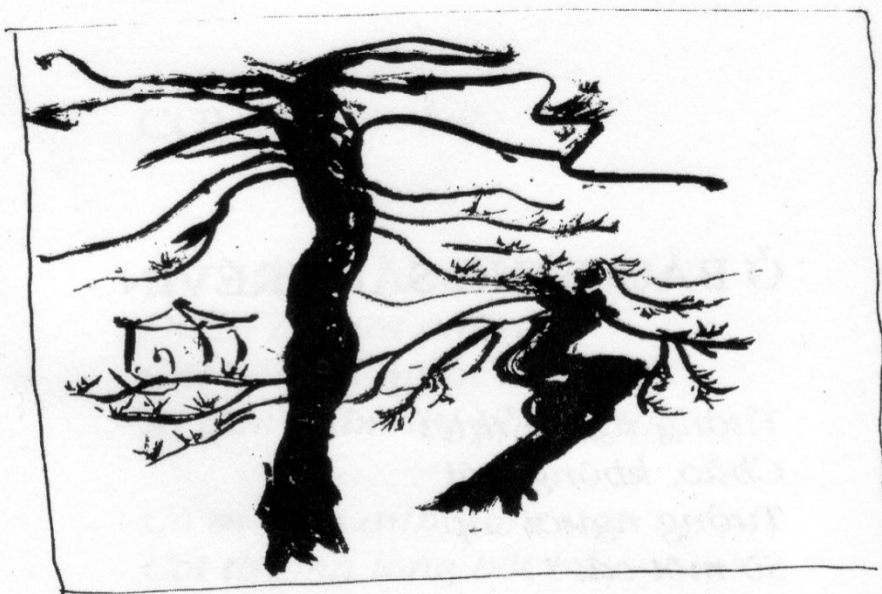
“Em hồn nhiên rồi em sẽ bình minh” thôi mà! Phải không?

Nhớ tiếng thu giữa Boston

Tôi đi giữa Boston. Cả một mùa thu. Trọn một mùa thu. Nhớ tới Xuân Diệu với “Lá không vàng, lá không rụng, lá lại thêm xanh, ấy là mùa thu đã về, mùa thu mới về, yêu điệu thực nữ...”. Thực ra, lá như rắng níu lại chút xanh, và vì níu lại nên có vẻ chặt hơn, xanh hơn lên mà thôi. Bởi vì rất nhanh, lá bỗng vàng rộm, vàng rực, vàng tía, vàng buốt... và bầu trời rộng ra, thênh thang, yêu điệu kỳ cục. Mới mấy ngày thôi mà cây cứ tô dần tô dần cái màu vàng buốt, óng ả, rực rỡ chen lẫn với xanh đậm, xanh lọt mong manh đó... và sáng hôm sau, rơi từng lá từng lá tràn ngập các lối đi.

Thu ở Boston hình như lạ hơn thu ở những nơi khác trên nước Mỹ, nên hàng năm cả nước Mỹ hành hương về Boston giữa mùa thu vàng. Họ không gọi Autumn – mùa Thu, mà gọi Fall – mùa Rụng, bởi vì chỉ có lúc lá rụng bởi bởi như vậy người ta mới thấy hết được nỗi vui mừng, nỗi xót xa, nỗi buồn nhớ... không rõ vì đâu. Và vì Fall, người ta dễ “fall in love” có phải, vì vậy mà người qua đường như cũng đẹp thêm ra, luộm thuộm thêm ra với lụa là gấm vóc, không còn nhếch nhác mùa hè mà cũng chưa cục mịch mùa đông. Tôi chưa có lần nào được sống thu như vậy, hoặc là chỉ là sống với mùa thu trong sách vở, tưởng tượng ra cái mùa thu không có thật giữa miền Nam mưa nắng hai mùa nên tôi cứ lang thang, lang thang mà dòm cho hết cái thu của Boston. Và tôi bỗng nghe. Vâng, lúc đầu tôi chỉ định dòm thôi nhưng tôi bỗng nghe, không phải là tiếng quạ kêu quang quác thảng thốt, cũng không phải tiếng chim cu gù rúc rúc quyến rũ mà là một thứ tiếng lạ, tôi chưa từng nghe bao giờ, *tiếng thu*. Và tôi giật mình nhớ Lưu Trọng Lư. Chính Lưu Trọng Lư chứ không phải ai khác. *Em không nghe mùa thu*. Rõ ràng thu không phải để dòm, để ngó, để ngắm, để nghĩa... mà chỉ có thể để nghe. Mà cũng không phải để nghe tiếng, dù là tiếng lá rụng mà để nghe mùa. Cái tiếng

mùa đi, mùa về, cái tiếng đời của mỗi chúng ta. Nó ở trong không gian dằng dặc, đùng đục thên thang kia, và ở cả trong thời gian hun hút, héo hon rơi rụng nọ, một thứ “tiếng động nào gõ nhịp không hay” (Trịnh Công Sơn) đó chẳng. Tôi bước đi từng bước nhẹ dưới những vòm cây và nghe cho hết tiếng thu về. Dưới chân mình là từng lớp lá rụng, bước chân bỗng như hẫng đi và tôi chợt ngỡ ngác. Thấy mình như không còn là mình nữa. Hay mình là nai? Có thể chứ? *Con nai vàng ngơ ngác* của Lưu Trọng Lư? Và... Ồ hay... Có lẽ nào... Hay cũng chính là... Cũng có thể là... không hề có một con nai nào cả, mà nhà thơ, chính nhà thơ là nai! Thôi rồi, đừng có hòng mà giấu giếm gì nữa nhà thơ ơi! Chính nhà thơ là con nai vàng đang bước đi từng bước huyền hoặc ngơ ngác đó thôi, sau lâu nay cứ làm cho người ta tưởng là có một con nai thiệt, đến nỗi trong một bài dịch thơ sang tiếng Mỹ, người ta cứ dịch con nai là con nai, có tội nghiệp không chứ! Phải rồi chính nhà thơ mới là con nai, một con nai ngơ ngác, nghe tiếng mùa yêu và *fall in love*. Với ai, vì sao nên nỗi? Có phải cái tiếng *thôn thức*, cái tiếng *rạo rục* của ai kia đã một hôm thu làm cho chàng thi sĩ trẻ tuổi trở thành một con nai, lang thang dẫm ngập lá vàng, hẫng bước đi mà chẳng biết về đâu, vì sao... (Thu 1993, Massachusetts)



Phụ bản: Một góc chùa
Đỗ Hồng Ngọc

Con tinh yêu thương

Ở Paris, dưới chân ngọn đồi tuyệt đẹp nổi tiếng với nhà thờ uy nghiêm Sacré Coeur không xa là khu Pigale cũng nổi tiếng không kém với những nhà hàng ăn chơi và các rạp chiếu phim sex, những sex-shop bán sách báo, phim ảnh khiêu dâm cùng với những vật dụng... phục vụ cho chuyện tình dục của con người. Người bạn cùng đi khuyên tôi đừng vào rạp phim sex, bởi vì sau khi xem xong ra đường sẽ thấy chán đời không thể tả! Âu Mỹ có cái lạ là chuyện yêu đương mà gọi là “làm” (make love, faire l’amour), chẳng trách người ta phải hùng hục, phải... đổ mồ hôi sôi nước mắt, thật khác với Đông phương thường được gọi là “thương”, là “cung”, là “chiều”, là “ăn nằm”, là “gần gũi”... Trong một sex-shop, tôi lật lật mấy tờ báo coi chơi. Mới đầu cũng thấy hay hay, sau thì chán ngắt. Tôi thích hình ảnh “*cô sơn nữ miêng cười khúc khích...*” hoặc “*ngoài phố mùa đông, đôi môi em là đóm lửa hồng...*” hơn. Người chủ tiệm đơn đả mời chào: “Hay ông chọn một người nhé! Da trắng, da vàng, da đen... đều có cả!”. Rồi ông đưa cho tôi mấy cái hộp carton. Thì ra đó là những búp bê, khi cần thì thổi phình to lên như người thật, có thể “ăn nằm” với nhau được. Toàn là những người mẫu xinh đẹp, những diễn viên nổi tiếng trên thế giới! Thật tội nghiệp cho Đoàn Dự, nhân vật của Kim Dung, say mê Vương Ngọc Yến như điều đồ mà cô chỉ yêu biểu ca của mình! Giá mà có Đoàn Dự ở đây, hẳn chàng có thể đặt làm riêng cho mình một “con” giống hệt Vương Ngọc Yến để được luôn tôn thờ, gần gũi, kề cận bên mình khi hành tẩu giang hồ. Còn có nhiều dụng cụ khác nữa khiến người ta nghĩ rằng có thể “yêu thương” mà chẳng cần có con người!

Thật ra, vào thế kỷ 21 người ta cũng chẳng cần như vậy nữa! Với tiên bộ vượt bậc của khoa học, đặc biệt sinh học gần đây, người ta có thể cho “sinh sản vô tính” một con người giống y chang bằng cách lấy một tế bào bình thường của người đó, kích điện một cái, rồi cấy vào một cái noãn để phát triển thành một con người – như người ta đã làm với cừu Dolly và nhiều sinh vật khác khá dễ dàng. Những chàng Đoàn Dự si tình tương lai chỉ cần xin nàng một chút tế bào! Chẳng lẽ tiếc gì mà không cho! Hiện người ta cũng đã chế tạo ra nhiều robot ngày càng tinh xảo, càng có trí thông minh, có cả “tình cảm” nữa, như gặp ta thì mỉm cười (!) “Chào buổi sáng!” (Có thể nói tiếng Việt lơ lơ vì chưa có dấu, nhưng chẳng hề chi!). Ở Nhật hiện nay đã bắt đầu có dịch robomania, tức là điên vì mê robot! Cứ tưởng tượng đi, mỗi người chúng ta sau này đi đâu đều có vài robot xinh đẹp đi theo, chẳng thua gì Nguyễn Công Trứ “Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì. Bụt cũng nực cười ông ngất ngưỡng...”!



ĐHN

Tháng 8 năm 2000, các nhà khoa học đã công bố bản đồ “gen” của con người. Vậy là từ nay người ta có thể tìm hiểu người yêu cận kề hơn bằng cách nghiên cứu bản đồ gen của nàng (hay chàng). Người ta có thể biết được người kia nói dối mấy chục phần trăm khi tỏ tình bằng máy dò nói dối. Muốn có một đứa con hủ hỉ mà không phải bận bịu chuyện hôn nhân, nàng có thể đến ngân hàng tinh trùng mua một nhúm tinh trùng (của một “danh nhân” nào đó mà nàng yêu mến và ngưỡng mộ); còn chàng thì đến một cửa hàng mua một cái “tử cung nhân tạo”, rồi mua thêm một cái trứng để thụ tinh nữa là xong! Rồi cứ lửng lẳng mang cái “tử cung nhân tạo” đi đây đi đó chẳng khác gì người xưa mang túi thơ bầu rượu!

Nhưng có lẽ mọi sự sẽ không xảy ra như vậy! Bởi vì con người mãi mãi vẫn còn muốn được “quấy nhiễu” bởi con người, bởi những nồng cháy, những đam mê, những hỉ nộ ái ố... những lời tán tỉnh, những nổi giận hờn, những niềm tiếc nhớ... chứ không muốn mọi thứ cứ được chương trình hóa bởi robot hay đơn giản hóa bởi chiếc hộp đựng búp bê hay sinh sản vô tính. Con người vẫn cần có con người. Bởi vì trước sau gì rồi cũng có một hôm “Con tinh yêu thương vô tình chợt gọi, lại thấy trong ta hiện bóng con người!”, như lời một bài hát của Trịnh Công Sơn. Và tôi đồng ý với anh, dù chúng ta đang bước vào thiên niên kỷ mới.

(Paris, 1997)

Cám ơn Asimo

Mới chế tạo được người máy Asimo, con người đã mừng hóm, tự hào đã tạo ra được một người máy thông minh nhất thế giới, mang đi trình diễn khắp nơi: nào đến Thái Lan bắt tay Thủ tướng, rồi đến Úc, Singapore, Malaysia, Indonesia, Philippines, Ấn Độ, Mỹ, Canada và bây giờ là... Việt Nam. Không chừng sắp tới có thể còn đến Hỏa tinh nữa! Mừng hóm cũng phải vì phải mất hơn 14 năm, cải tiến qua nhiều thế hệ, đến nay loài người mới có được Asimo – có nghĩa là nguyên thủy... Asimo, người máy nguyên thủy thông minh nhất thế giới này trang phục như một nhà du hành vũ trụ, đi những bước đi tự nhiên kèm tiếng vo vo của các bánh răng cưa, biết bước chéo, nhảy múa, leo cầu thang, đứng một chân... gọi là “bước đi đa dạng”; Asimo còn biết chào, biết nói (biết nói cả tiếng Việt), biết xưng tên “Tôi là Asimo”, biết bye bye và biết cả... khóc cười, tức giận, mừng vui, ngạc nhiên, khoái trá...! Asimo có con mắt màu mini-cam, có bàn tay... 5 ngón, nặng 52 ký và cao 1,2m, đủ để với tới công tắc đèn, khóa cửa, lau chùi bàn ghế...

Mới chế tạo được Asimo mà con người đã mừng hóm đến vậy, tưởng tượng khi Thượng đế tạo ra con người... nguyên thủy thứ thiệt, Ngài đã mừng hóm đến cỡ nào! Con người nguyên thủy cao lớn, vạm vỡ, đẹp... trai hơn Asimo, làn da tươi mát, mềm mại, co giãn, mắt sáng rực, tai thính, mũi phập phồng, răng trắng nõn, ngực nở nang, rắn rỏi không thua anh Vội, bụng thon nhỏ với những cơ bắp cuộn cuộn không thua... Lý Đức; leo trèo, nhảy nhót, lặn ba vi bộ hơn hẳn Đoàn Dự... Về ngôn ngữ, về cảm xúc, về trí thông minh... đều tuyệt vời, “đa dạng” hơn hẳn Asimo. Thế nhưng hình như Thượng đế không mừng mấy chút, trái lại Ngài lo nhiều hơn. Chuyện phải lo đầu tiên là phải kiếm ngay cho chàng một người bạn... gái (Asimo không rõ giới tính, trông hùng dũng giống trai, mà tiếng nói thanh thoát như gái, thân hình lại giống trẻ con, có vẻ còn thiếu thiếu một thứ gì!). Nghe nói lúc tạo

người bạn gái cho người nguyên thủy, Thượng đế mới giạt mình thấy thiếu... nguyên liệu, bèn lấy một chút mặt trời nóng bỏng, một chút mặt trăng dịu mát, một chút tinh tú nhấp nhánh... rồi một chút sông ngòi quanh co, một chút biển cả bát ngát, rồi hoa thơm cỏ lạ, trái ngọt cây lành, sắc màu đủ điệu... để tạo ra nàng. Mới có ba ngày, chàng đã giận dữ, đem nàng trả lại cho Thượng đế. Ngài mỉm cười không nói năng chi. Ba ngày sau, chàng lại hót hơ hót hải tims tới, van nài cho nhận lại người bạn kỳ diệu mà kỳ quặc đó. Thượng đế lại mỉm cười, vui vẻ ban cho. Hình như Ngài lo nhiều hơn mừng, chưa hề nói đó là loài sinh vật thông minh nhất trên cõi đời, cũng chẳng hề có ý định đưa đi trình diễn ở hành tinh này hay hành tinh khác. Trái lại, hình như Ngài còn ân cần dặn dò không được nghe những lời dụ dỗ, không được ăn trái cấm... Kết quả là nó ăn ngay trái cấm, nghe ngay lời dụ dỗ và nhờ đó... mà bây giờ mới nào sinh sản vô tính, nhân giống đơn dòng và... Asimo! Điều tệ hại có lẽ là nó không hề biết công ơn của Thượng đế, không hề biết trân trọng chính bản thân mình, những kỳ diệu, những phép lạ ngay trong bản thân mình mà cứ mày mò tìm kiếm đâu đâu. Có lẽ vì thế Ngài cho nó có khả năng chế tạo... người máy, để biết thế nào là những khó khăn trong từng chi tiết nhỏ. Một cái nhướn mắt, một cái nhếch môi đâu phải dễ dàng. Chỉ mỗi nụ cười đã có hàng trăm thứ (gọi là cười... đa dạng), chỉ mỗi bước đi, cả trăm điệu (bước đi đa dạng...) và còn hàng triệu triệu những đa dạng trong cảm xúc, trong suy tư không sao nói hết. Hỉ nộ ái ố, thất tình lục dục, tham sân si... đủ cả. Asimo còn phải nạp năng lượng phức tạp chớ con người biết tự tạo năng lượng từ thức ăn, hơi thở, từ các bộ máy hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn gắn sẵn bên trong, tự nạp năng lượng năm bảy chục năm xài vẫn còn tốt!...

Nghe nói người máy được cho thuê làm nhiệm vụ lễ tân giá rất cao mà chỉ cần con số lẻ đó thôi, ta có thể kiếm vài người... mẫu, cao ráo, xinh đẹp, dịu dàng, tươi mát, biết nheo mắt, mỉm cười, biết mặc thời trang đủ loại, biết múa hát, đàn ca, biết giận hờn đủ kiểu, dĩ nhiên là có thể nói nhiều thứ tiếng, kể cả tiếng Việt để làm lễ tân.

Một anh bạn nói nhờ Asimo, nghĩ lại thấy cũng được an ủi phần nào: anh cao hơn 1,6m, nặng 60 kg, biết tắt mở đèn, TV, tủ lạnh, quạt máy, biết khóa cửa, rửa chén, ủi đồ, lau bàn ghế, còn biết đọc báo, biết cười khóc, giận hờn, cãi nhau... ; bước đi đa dạng mà không bị kêu vo vo, chỉ có lúc ngủ kêu khò khò tí chút...

Tóm lại, cảm ơn Asimo. Nhờ Asimo mà ta sực nhớ những Asimos -số nhiều- tuyệt vời ở quanh mình, và cũng nhờ Asimo mà ta nhận ra Asimota-chính ta- cũng là cả một sự kỳ diệu Thượng đế đã trao tặng mà nhiều khi ta chẳng hay! Cảm ơn Asimo.

(2009)

Kể thơ trên xe lửa

Buổi tối, chúng tôi ngồi xe lửa từ Baltimore về Washington D.C. Cô bạn Mỹ Susan Barnes nhỏ nhắn và lạnh lẽo hướng dẫn tôi cứ coi tôi như một em bé, sợ tôi lạc giữa đám đông. Tôi bỗng lo sợ vẩn vơ. Đọc báo cứ thấy lâu lâu ở Mỹ có người nổi hứng leo lên xe lửa rĩa một loạt đạn vào mọi người rồi... lạnh lùng bước đi. Tôi nhìn quanh quất hỏi có chắc xe này về D.C không, cô cũng không biết rõ nữa, phải hỏi lại người soát vé mới sure. Cả buổi chiều đi thăm bệnh viện Johns Hopkins, phòng xét nghiệm, khoa điều trị, tiếp xúc với bác sĩ, bệnh nhân, tôi đã thấy thấm mệt, muốn mau mau về nghỉ. Xe lửa lắc lư chậm chạp đi trong đêm.

Những hành khách trẻ tàu. Vội vã. Nhấn nhó. Có người thấy như muốn rút súng thì phải. Bỗng Susan lên tiếng: “Thơ cổ điển Việt Nam, ngoài Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du... Hồ Xuân Hương còn ai nữa không?”. Tôi giật mình, sững sốt. Dĩ nhiên cô nói tiếng Mỹ và phát âm tên riêng còn khó nghe nhưng tôi nghe rất rõ những tên người đó. Cô hỏi cả Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương! Suốt buổi sáng làm việc trong hội thảo và cả buổi chiều đưa tôi đi thăm Johns Hopkins đâu thấy cô có “triệu chứng” gì để biết cô rành văn chương Việt Nam đến thế. Cô giải thích rằng từ ba năm nay cô theo học khoa Đông Nam Á và chọn văn hóa Việt Nam. Ra thế. Cô lại hỏi về những người làm thơ tình đương đại. Tôi lục trong trí nhớ. Nhiều quá! Những nhà thơ tình Việt Nam đương đại! Tôi nhắc tên nhiều người cả trong và ngoài nước – và bỗng đọng lại ở Đỗ Trung Quân. Dĩ nhiên có nhiều người làm thơ tình hay hơn Đỗ, bay bướm hơn, uớt át hơn, lâm ly hơn... nhưng tôi không biết giải thích cách nào để cho cô bạn Mỹ không rành tiếng Việt kia hiểu, cũng không thể đọc cho cô nghe âm điệu để cô có thể thấm được cái hay. Và lại, tôi cũng chẳng thuộc được mấy chút thơ. Đỗ thì từ lâu đã khá nổi tiếng với bài *Quê hương*, anh cũng có những bài thơ tình cho mẹ, cho con và cho vợ... cho cả tình đầu, tình cuối gì đó nữa... Nhưng ngay với bài *Quê hương*, tôi cũng không sao giải thích cho cô bạn cái hay của “*Quê hương là đêm*

trăng tỏ, Hoa cau rụng trắng ngoài thềm”. Bởi vì ở Mỹ, đèn điện thì cứ sáng choang hoặc sương mù che lấp cả trăng đi, mà có nói đến trăng người ta cũng chỉ nói đến Apollo, đến Armstrong mà thôi. Còn hương cau, biết nói sao đây? Làm sao cho cô nghe được mùi hương cau của những đêm trăng tỏ, làm sao cho biết được cái mo cau, để từ đó có cái quạt của thằng Bờm và làm sao cho cô hiểu rằng cau không phải là cau mà gắn với trầu để thành cái “*Ngày xưa có hai anh em nhà kia...*”, rồi làm sao cho cô hiểu cái cau qua cái trầu của “*Ba đồng một mớ trầu cay...*”. Tôi cũng không thể nói cho cô hiểu về cái anh chàng có “*Bài thơ cứ còn hoài trong cặp... Giữa giờ chơi mang đến lại mang về*” bởi vì ở Mỹ thường những mối tình đầu như vậy sẽ là chuyện giả tưởng... ở một hành tinh nào khác. Cho nên tôi đành kể cho Susan nghe bài thơ “*Thầy còn nhớ em không*” của Đỗ. Hình như tựa bài thơ không phải vậy, nhưng chẳng cần! Cái cậu học trò ăn mặc bảnh bao đến mua thuốc lá và nhận ra người bán thuốc lá ở góc đường kia là thầy học cũ của mình. Cậu học trò nhớ những bài học tôn sư trọng đạo được thầy dạy ngày xưa ở trường nên đã reo lên mừng rỡ “*Thầy còn nhớ em không?*”, nhưng người thầy kia đã lạnh lùng từ chối, không dám nhận mình là thầy nữa rồi. Vì đâu nên nỗi? Không cần sống trong bối cảnh Việt Nam vào thời điểm đó, tôi thấy cô bạn tôi đã hiểu và im lặng hồi lâu. Tôi lại kể cho cô nghe bài thơ khác của Đỗ, tôi cũng chẳng nhớ nỗi cái tựa, đó là bài thơ viết về mấy đứa nhỏ học trò ngây thơ được người lớn dẫn đi coi... máy chém, và nhà thơ hỏi có khi nào bạn mua món quà là máy chém về tặng sinh nhật con mình không? Đại khái ý thơ là vậy còn câu cú lời lẽ thì tôi quên tuốt. Cô bạn Susan không nói năng gì, im lặng hồi lâu để tôi nghe rõ tiếng sắt xịch xịch trên đường ray. Tôi không dám nhìn cô. Nhưng tôi biết cô đang nghĩ đến một điều gì khác, như nghĩ đến bức tường ghi tên dài ngoằng ở quê hương cô chẳng hạn. Đột nhiên cô reo lên: “*Tới rồi!*”. Và cô vội vã thu xếp hành lý. Cô lí nhí cảm ơn tôi đã cho cô biết thêm về thơ Việt Nam và tôi cũng cảm ơn cô vì nhờ cô mà tôi quên tuốt đoạn đường đi và cả những bản tin khủng khiếp về những người leo lên xe lửa rĩa một loạt đạn... Tôi cũng cảm ơn anh bạn Đỗ đã có những bài thơ mà tôi không nhớ nỗi cái tựa để tôi được làm một việc là kể thơ trên đoạn đường xe lửa từ Baltimore về Washington D.C của một buổi tối mùa thu 1993.

(1993)



ĐHN

Làm mới thơ

Hơn 40 năm trước, anh bạn tôi, một nhà thơ có nhiều thơ đăng báo, có lần thử gửi thơ mình đến một vài tòa báo có tiếng là đang “làm mới thơ” thì đều bị từ chối không đăng. Một hôm, anh hí hửng khoe: “Rồi, họ đăng thơ moa rồi”. “Thiệt hả! Sao họ chịu đăng?” – Tôi hỏi. Anh cười: “Có gì đâu, moa thấy bài thơ hay mà họ không chịu đăng, tức quá, cắt ra từng mảnh, bỏ vào cái nón ni, xóc xóc mấy cái, lượm ra, ghép lại, thành một bài thơ kỳ dị, ký cái tên lạ hoắc, gửi, họ đăng ngay. Có lẽ tòa soạn đọc thấy lạ, không hiểu gì cả nên đăng”. Còn một anh bạn khác, để thơ được sớm đăng, ký một bút danh có thêm chữ Thị, một cái tên con gái. Ông chủ bút vốn ga-lăng. Thời đó có ít nhà thơ nữ.

Gần đây, đọc mấy bức thư Phan Triều Hải – đang dự hội thảo văn học ở Iowa (Mỹ) gửi về – đăng trên báo, thấy anh ghi nhận có những nhà thơ làm thơ như sau:

a

ab

abc

abcd

.....

và cứ như thế ghép cho đủ 26 chữ cái. Dĩ nhiên thơ này không để ngâm, không để đọc, mà chỉ để nhìn. Rồi có thơ sử dụng vi tính, có lập trình sẵn để đảo câu đảo chữ tạo ra những từ mới, tứ mới, rất công nghiệp. Chẳng khác gì hơn 40 năm trước anh bạn tôi cắt nhỏ bài thơ rồi xóc xóc trong cái nón nỉ một cách thủ công.

Tôi có được đọc một tạp chí thơ của một nhóm bạn Việt kiều, có bài thơ không có chữ nào cả mà toàn là ký hiệu như ký hiệu giao thông, các đường vẽ ngoằn ngoèo dẫn ta đi từ nơi này sang nơi khác. Dĩ nhiên, thơ này cũng để nhìn, không để đọc. Họ cũng giới thiệu một thứ thơ gọi là thơ “thơ tương tác”. Trong thơ có các gạch dọc (/) để người đọc tùy nghi đảo chữ, sắp chữ, đọc ngược xuôi theo ý mình. Một bài thơ như vậy sẽ trở thành vô số bài. Cũng trong tạp chí đó, một nhà phê bình đã nhận xét khá lý thú bằng cách cho một thí dụ với hai câu thơ của Vũ Hoàng Chương:

Em ơi lửa tắt bình khô rượu

Đời vắng em rồi say với ai

Có thể đọc theo lối “tương tác” là:

Bình rượu

Khô

Em ơi

Lửa tắt

Vắng em

Say với ai

Rồi đời

Tôi nhớ không chính xác lắm, nhưng không sao, thơ “tương tác” mà, ta có thể “chập” đủ kiểu!

Ngàn năm trước, Kinh Thi nói thơ là cõi lòng, là tiếng lòng, “thôn tâm thiên cổ”, mà nay tiếng lòng nổi lòng bây giờ thật đã trở nên phức tạp hơn nhiều! Bỗng nhiên thềm nghe một câu thơ đơn giản như:

Thò tay ngắt một cọng ngò

Thương anh đứt ruột giả đò ngó lơ...

(2009)

Tôi cũng tin vậy

Hơn bốn mươi năm cầm bút, chàng “nho sinh” kia vẫn chỉ có mỗi một việc để làm, miệt mài, không mệt mỏi, ấy là *thử bút*. Chàng nắn nét, nâng niu, đưa ngọn bút lông lên ngang tầm mắt, ngắm nghía từng sợi nhỏ, xoay tới xoay lui đôi ba bận một cách thuần thục mà ngập ngừng, rồi thè lưỡi liếm nhanh mấy cái như vót cho các sợi lông bút quấn quít vào nhau, cho nhọn hoắc lại như gom nội lực vào nhất điểm; rồi thận trọng, nhẹ nhàng chàng nhúng bút sâu vào nghiên mực đã mài sẵn, ngập đến tận cán, rút nhanh ra rồi chắt vào thành nghiên, ần ần xoay xoay lúc nặng lúc nhẹ cho mực tủa ra nức nở, ào ạt rồi thưa dần, đến lúc sắc nhọn vừa ý, chàng phết nhẹ một nét lên tờ giấy đợi chờ, như để đo độ đậm nhạt, hít một luồng chân khí, định thần, lim dim, phóng bút...Chàng “nho sinh” mỉm cười khoái trá, trút đi gánh nặng ngàn cân, kiệt sức, nhanh tay nhúng bút vào lọ nước trong... Những giọt mực thừa rơi lả tả...

Thử bút, không phải tùy bút, không phải tản mạn, không phải tạp văn... Nó ùa ra, nó tủa ra, nó lan ra, có lúc tòe loe, có khi hụt hẫng, những cảm hứng, những ngẫu hứng, những xúc động bất chợt, như không kềm chế được.

* * *

Bạn tôi, *Lữ Kiều* Thân Trọng Minh, con mắt thầy thuốc đẩn đo, cái hồn thi sĩ mang mang, trái tim hiền triết đông phương. Tuổi đôi mươi tự vấn vấn

chương, số phận, ý nghĩa đời người... Rồi “xuôi dòng” với bao bờ bên lạ. Có những phút tưởng thoát ra được. Giàng xé, hoang mang. Cuối cùng là đầu hàng. Chàng vẫn là kẻ chỉ sống với cảm tính, viết với cảm tính, nếu có nhận ra một điều gì đó như là một khẳng định thì ấy chính là “*chỉ có văn nghệ là vượt thoát, là giúp con người tử tế với nhau*”. Chàng thổ lộ.

Thuở đôi mươi chữ nghĩa đã mê hoặc tôi.

... cho đến khi hiểu ra, cuộc sống vẫn hồn nhiên trôi đi, ta cũng trôi đi

... chúng tôi không còn trẻ, quỹ thời gian của đời người đang hồi vét cạn (2001)

Khi nói về thơ, thứ mê hoặc hơn tất cả những mê hoặc, chàng cũng đã nhận ra của hôm nay và ngày tháng cũ:

Thơ bây giờ là bài ca mê muội của lòng say đắm, có cái thất thanh của tiếng vỡ thủy tinh nhưng cũng đâu đó đã có cái bồi hồi im lặng của giới hạn.

... những điều tưởng như rất cũ xưa kia, giờ đây đã khác. Đã có sự giả hình, lòng khinh bạc, có cả sự thù hận lẫn trong tình thương yêu...

Những cuộc chia tay, những lần phụ tình, thấy lòng nghèo đi những xúc động cũ. Mới hoảng hốt thương mình đã sống quá xa đường hẹn ước...

Chàng không viết “những lần tình phụ” mà viết “những lần phụ tình”. Tôi thích cái cách viết của bạn tôi, khẳng khái, của một tâm hồn hào hoa mà nhân bản. Nhưng điều đáng cay đọng lại trong chúng tôi chính là “thấy lòng nghèo đi những xúc động cũ... hoảng hốt thương mình đã sống quá xa đường hẹn ước.”

Bởi đã có một thời chàng hùng hồn như đứng giữa đời mà hét: *Con đế mèn có thể hát để mà hát nhưng tôi không thể viết để mà viết*. Đó là những phút rời bỏ viễn mơ, thấy con đường trách nhiệm của người trí thức, thấy cần thiết một dân thân.

Phải, nhưng rồi chàng đành thú thật: *Đời sống trở nên đầy ắp giằng co. Sự giằng co giữa hai người trong một tâm thân làm ta kiệt quệ!*

Đó chính là sự giằng xé giữa lý trí và cảm xúc để cuối cùng chỉ còn “chừa lại một sợi khói phù du”. Vâng, chính là sợi khói phù du đó mà ta “ung tác như thị quán!”.

Đọc Lữ Kiều, thấy có những lúc ngọn bút của anh như những nhát dao phẫu thuật, sắc cạnh và chính xác; lại có những lúc như những nhát cọ **mon** man, dăm đuổi...

Tôi thương bạn như thương chính mình, cùng những anh em bạn bè mình một thuở khôn nguôi. Chàng như vùng vẫy giữa trùng vây của *ngã nhân chúng sanh thọ giả*, để rồi hốt hoảng nhận ra mình đang cheo leo: “*Tôi vẫn thường ngồi thâu đêm, suy nghĩ và không suy nghĩ. Thời gian qua đi, tôi chiêm nghiệm được thời gian trên từng phân vuông da thịt, bởi khi người ta già, ta nhạy cảm với cái chết của từng tế bào trong cơ thể, vô hình nhưng có thật*”.

Đó là những lúc bạn bè về trong trí nhớ, và đôi mắt nhưng ai kia đã từng dòng lệ nhỏ, một chiều cuối năm hun hút nơi đầu hẻm cụt phố phường:

Bạn cũ gọi về trong trí nhớ

Lá vẫn bay và ta cuối năm

Đôi mắt nhưng đen hàng lệ nhỏ

Thì thôi lá chọn đất ân cần.

Bạn cũ. Đất. Ân cần. Đó là tất cả những gì còn lại trong người đàn ông 60 chiều cuối năm. (2003).

Đọc Lữ Kiều, thương một thân phận. Cảm được cái chán chường, cái đắng cay lạ lùng không nói hết, không nói được. Tôi rung rức nhớ hình ảnh buổi chiều, anh ngồi bên tôi ở một quán riêng. Để ánh sáng hắt từ phía sau lưng mình, không như lệ thường, chàng buồn bã nói với tôi về chiếc lá bàng đỏ hun hút cuối hành lang của một phòng thí nghiệm, ở đó, một người bạn

chung của chúng tôi là bác sĩ “anapath” mỉm cười cùng chàng mà ánh mắt vời vời xa xăm.

Với tôi, dấu thế nào tôi cũng hiểu và thương bạn hơn bao giờ hết: *Khi tác phẩm đã hình thành, mây tan, hồn tôi khánh kiệt*. Bạn viết. Sự khánh kiệt nào cũng dễ thương, như một bông xả. Bởi bông xả nào mà không khánh kiệt, phải không?

Tôi có một thói xấu là mỗi khi soạn chồng sách cũ, giở lại những tờ thư xưa, những tấm ảnh hoen màu lại bản thân rã rượi, bị chìm đắm cuốn hút vào bao nhiêu kỷ niệm lúc nào không hay, quên cả thờ chánh niệm! Đọc bản thảo *Thư Bút* của bạn, nhớ lời bạn dặn viết gấp mấy dòng mà đắm và sợ. Như ngọn lửa ngùn trong một góc cây to, chỉ cần thổi vài hơi là đủ bùng cháy. Bụi nhùi đâu mà sẵn sàng đến vậy?

Rồi bỗng lóe lên một niềm hy vọng mong manh khi bạn tôi viết:

Tìm trong kinh Dịch, bèn đắc ý với một hào dương dưới những hào âm, quẻ Phục đó!

Tôi cũng tin vậy.

(2009)

“Chỉ ngân ấy thôi”

Máy bay êm như ru, hay tôi êm như ru, không biết. Kệ nó. Nhìn đồng hồ. Sắp đến rồi ư? Trăng đã nhạt tự bao giờ. Chân trời bỗng hiện ra một vùng sáng tấp tểp, mênh mông, lúc đầu còn phơn phớt rồi ửng hồng lên. Mới gần 4 giờ sáng. Hã còn quá sớm mà sao ánh hồng đã rực rỡ? Thì ra tôi đang bay về phía mặt trời. Thời gian ngừng lại. Tôi vặn đồng hồ thêm hai tiếng theo thông báo. Không cảm thấy mình mất đi hay được thêm. Bởi, làm gì có thời gian? Thời gian chỉ được làm bởi không gian đó thôi. Tôi xuống phi trường Kansai, Osaka lúc 6g30, giờ địa phương. Nhiệt độ bên ngoài hơi lạnh. Sài Gòn lúc tôi đi nóng hầm hập, còn ở đây 11 độ C! Trong túi tôi có mấy lá bùa: mấy dòng chữ Nhật hỏi đường ra bến xe bus về Sannomiya, Kobe, và ít tiền Yen để mua vé, gọi điện thoại khi cần. Mọi thứ lạ hoắc, đặc biệt khi mà ở một nơi ta như... mù, câm và điếc. Ta không đọc được chữ, không nghe được tiếng và nói thì chả ai hiểu cái gì cả! Cái cảm giác trong phút chốc mình thành một người vừa mù, vừa câm vừa điếc ở một xứ sở văn minh nhất Châu Á cũng hết sức thú vị! Lại một lần nữa mình được sống “vô sở trụ”!

Tôi chập chờn nhìn một nước Nhật văn minh, hiện đại, vừa ngủ gà ngủ gật, thấy mình đi trong những cái hộp, cái thùng, cái hang, cái cầu. Thì ra đường cao tốc ở đây đều có vách ngăn với dân cư chung quanh cho đỡ tiếng ồn. Nhà cửa, đường sá tầng tầng lớp lớp, trên dưới, phải trái, chen chúc, ngột ngạt. Ô kia, biển! Biển vậy mà biển sao? Có thấy bãi bờ, thùy dương cát trắng gì đâu! Mỗi lần ra Nha Trang, đường xa mệt mỏi mà đến Cà Ná đã nghe thênh thang cái mùi biển mặn, đã thấy tít tấp bao la về phía chân trời một màu xanh thẳm. Không khí biển như đượm chất muối iod làm cho tâm hồn ta sáng khoái, thông minh ra thì phải! Ở đây thì không. Không thấy bờ,

không thấy bãi. Chỉ có nhà là nhà, san sát. Biển bị lán đến đau nhức vì bê tông. Thôi, chớp mắt một chút cái đã. Và rồi đến Sannomiya lúc nào không hay! Hình như ai đó khẽ vỗ vai tôi, kêu dậy, đến bến rồi. Mọi thứ rầm rập như lịch trình đã xếp đặt. Làm việc với người Nhật, hình như cứ việc phó mặc cho cái... chương trình nó chạy. Chỉ cần chệch một chút là hỏng bét. Người bạn đến trước tôi đã từng bị lạc vì chệch một chút gì đó. Chỉ cần mê nói chuyện một chút đủ chệch. Chuyến bus đã chạy qua vài giây trước đó và anh cứ ráng gân cổ lên mà chờ chuyến sau có khi cả giờ nữa, để rồi lỡ thêm một lô công việc khác. Tôi tùm tùm cười, quan sát, dòm ngó. Mọi người đi lại rầm rập, rầm rập. Mạnh ai nấy đi, không ai nói với ai, không ai cười với ai. Ai cũng có việc mình. Tôi có cảm giác hình như ai cũng cô đơn trong cái sự chen chúc, rầm rập này.

Với người Nhật hình như sự “may mắn” nào cũng có xếp đặt. Họ tin vào sự xếp đặt. Dĩ nhiên thỉnh thoảng cũng có sự nhắc nhở của thiên nhiên. Xe chạy qua những đường hầm dài tít tắp, hàng chục cây số, ngọt ngọt, tối tối. Nghĩ lúc này mà động đất, núi sập một cái thì chắc hẳn là chuyện ngoài xếp đặt. Xe được hướng dẫn bởi navigator, màn hình hiện ra vị trí của xe đang ở đâu, đường nào trước mắt, điểm nào phải tới. Chương trình đã lên khuôn nên chỉ cần chạy lạc qua hướng khác lập tức máy móc sẽ si vả ta ngay. Ta phải quành xe lại theo chỉ dẫn của navigator. Tôi nghĩ đến một lúc nào đó rồi cũng chẳng cần phải có người lái nữa. Lên xe, nhắm mắt, bấm nút, mở mắt, đến nơi. Thế là xong. Cách đây khá lâu, đọc báo thấy hình như cũng ở Nhật người ta đã có thể fax một bức tượng Phật bằng gỗ từ nơi này sang nơi khác. Có lẽ nay mai người ta có thể fax một con người! Và lúc đó, thật là hạnh phúc khi ta vừa ngồi đây làm việc lại có một ta khác ở một nơi khác... Cứ y như Tôn Ngộ Không nhổ sợi lông thổi cái phù. Ta cũng có thể thổi cái phù lắm chứ, tại sao không?

Xe qua mấy đoạn đường hầm tối tối, đèn mù mờ, rồi mấy đoạn đường đèo quanh co khúc khuỷu thì bỗng rơi vào một không gian khác, tĩnh lặng, thưa thớt, hoang sơ. Và ơ kìa! Hoa anh đào! Ở một góc đường và, à... rồi... ở cả một đoạn đường dài hun hút rục rờ cơ man nào là hoa và hoa! Hoa choáng ngợp! Hoa lạ lùng. Hoa buốt lạnh. Nhạt nhòa mà rung rúc. Hồng hồng mà tuyết tuyết. Tôi kêu dừng xe, dừng xe lại...



Minh họa: Lê Ký Thương

Tôi đứng nhìn trân rặng hoa anh đào nhạt nhòa mà rung rúc trước mặt như nhìn một cổ nhân. Có chút ghen ngào. Như đã từng ước hẹn! Tôi bấm liền mấy tấm ảnh. Làm như sợ nó tan biến. Chừng một tuần nữa hoa sẽ rụng hết! Nghe mà rung ròi! Suốt đoạn đường còn lại tôi chỉ lo ngắm. Một loài hoa lạ. Rực rỡ, chói ngợp mà lạnh lùng. Chen chúc mà riêng tư. Rộn rảng mà kín đáo. Mong manh. Thanh thoát. Bỗng dưng tôi nhận ra tất cả cái đẹp của vô thường! Hoa có vẻ như không có mùi hương, hay không cần có mùi hương, hay hương rất thoảng vì đã pha trong màu mây, màu nắng, màu gió để rải đều khắp các rặng núi xa kia? Nó không quyến rũ bằng mùi hương mà quyến rũ bằng sự e ấp, dịu dàng. E ấp dịu dàng mà rộn rã ngây ngất. Thật lạ! Chỉ có thể tìm thấy trong tác phẩm của Kawabata. Trong hồn Nhật. Đẹp và buồn. Người ta thấy ở nơi này nơi kia cũng có hoa anh đào. Ở Washington DC chẳng hạn. Hoa đào ở đó cũng được chiết từ Nhật sang. Nhưng hình như nó rực rỡ, hào nhoáng, mà có phần hờn hĩnh, thiếu một chút gì đó, một chút hồn hoa! Ở Nhật người ta đồng hóa anh đào với mỹ nhân. Mỹ nhân tự cổ như

danh tướng. Cái đẹp tức tưởi của những dặm hôn, của mong manh mà vĩnh hằng. Rồi cái màu tuyết bẽn lễn tinh khiết điểm chút hồng thơ đại kia chợt gọi tôi nhớ đến Uy Viễn tướng công! Hồng hồng tuyết tuyết. Mới ngày nào! A, đúng rồi! Phải gọi hoa anh đào là hoa “mới ngày nào” mới đúng. Mới ngày nào, những cành đào khảnh khiu kia như còn áp úng với mùa đông thì nay đã nghiễm nhiên náo nức, báo hiệu xuân về. Hoa rủ nhau òa lên một lượt, xòe ra một lượt, làm choáng ngợp cả không gian, rồi trong lúc mọi người chưa kịp hết ngẩn ngơ thì hoa rủ nhau òa lên một lượt, rưng bời bời một lượt cho người ta luyến tiếc, ngậm ngùi.

Ở đây, đoạn đường không đo bằng cây số mà đo bằng thời gian. Hỏi đây đến Nagoya bao nhiêu cây số, người ta nói một giờ xe đầu đạn. Từ trường ra Kobé bao nhiêu cây số? Một giờ mười lăm phút xe bus. Vậy thôi. Núi non trùng điệp, đường sá quanh co, khi xẻ núi khi lấp biển, ai biết gần xa? Đường chim bay hay đường đèo dốc, đường có ánh trăng trong lòng đá hay đường có nắng hoa đào? Ngôi trường ở trên một ngọn đồi tuyết đẹp. Nhấp nhô từng khối nhà. Có cái vẻ hoang vu. Xa xa là núi rừng trùng điệp, ló nhố hoa là hoa. Trên bãi nắng sân trường, cỏ xanh mượt, những cô sinh viên Nhật nhỏ nhắn xinh đẹp ngồi nép từng cụm dưới hoa, vừa sưởi nắng vừa ăn trưa. Có tiếng chim riu rít rụt rè đâu đó. Cảm lòng không đậu, tôi cũng ngả lưng vào một cội đào để nghe cho hết tiếng thì thào. Rừng xưa có gã từ quan. Lên non tìm động hoa vàng ngủ say (Phạm Thiên Thu). Tôi không phải là gã từ quan, cũng không tìm động để ngủ. Tôi thức, thao láo thức. Tôi thử nâng một chùm hoa đào trên lòng bàn tay. Hoa tíu tíu bám vào từng kẽ ngón. Hoa bám rất chặt, như níu lấy khiến tôi cũng giựt mình. Bỗng dưng từng cánh hoa run rẩy. Càng lúc run càng mạnh. Ô hay, chẳng lẽ? À, mà không, gió! Xin chứng giám, gió!

Chỉ mấy ngày nữa thôi, hoa sẽ rụng hết! Và, đúng vậy, chỉ mới mấy ngày bận bịu mà hoa đã lìa cành. Rụng cũng lạ! Rụng la đà, rụng lênh đênh. Rụng mà không khô, không héo, không tàn. Rụng là để rụng vậy thôi như nở là để nở vậy thôi. Rủ rê nhau nở đồng loạt, rồi cũng rủ rê nhau rụng đồng loạt, lớp lớp mênh mang. Nó lãng đãng rụng. Nó lơ đễnh rụng. Chập chờn lả tả. Như những cánh bướm. Thôi thì thôi chỉ là phù vân. Thôi thì thôi nhé có ngàn ấy thôi (Phạm Thiên Thu).

Buổi tối, những rặng núi xa mờ, thâm tím từng từng lớp lớp đàng xa kia. Ánh trăng thượng tuần huyền hoặc. Những cảnh đào khăng khiu nhô lên, vươn qua rặng núi, vút lên trời cao. Sớm mai, tiếng chim én riu rít. Những con đường nhỏ lát từng cánh hoa đêm trước đã ngậm đầy sương.

Trời oi, trăng nhàn nhạt, mây lang thang, những ngọn núi xa tít tắp sẫm màu, những cành cây chói với nhô cao, rừng âm u, hoang lạnh. Những rặng anh đào buổi tối nghe có cái gì rờn rợn, lung linh. Trong khung cảnh hư hư thực thực đầy cái vẻ lãng mạn nào nùng nùng như vậy mà đèn cứ bật sáng trưng rồi tắt ngấm từng cơn từng cơn như vậy có đáng trách không! Nó có cái gì đó máy móc, vô cảm, không hòa điệu với thiên nhiên. Bỗng dưng tôi tiếc ngẩn ngơ những giậu mồng tơi quê nhà! Nhà nàng ở cạnh nhà tôi. Cách nhau cái giậu mồng tơi xanh rờn! (NB). Nhờ trời, cái giậu mồng tơi xanh rờn đó tối om, không có đèn bật lên bật xuống kiểu này nên trai gái quê tôi mới có dịp hẹn hò những đêm trăng sáng, những tối trăng lu, mới có dịp rử rĩ rừ rì, rúc ra rúc rích. Chớ kiểu này thì còn làm ăn cái nỗi gì! Tôi chợt hiểu ra tại sao thanh niên Nhật không thèm lấy vợ lấy chồng! Hò hẹn ở đâu? Rúc rích ở đâu? Cho nên không lạ khi biết vấn đề đau đầu của Nhật hiện nay là trẻ thì không chịu lập gia đình, không chịu đẻ con, còn già thì cứ già hoài...!

Hình như con người càng chế tạo ra nhiều máy móc tinh xảo có tính người gọi là humanoid để phục vụ mình thì máy móc cũng “chế tạo” ra những con người có tính máy móc gọi là robotoid để hợp tác với nó chẳng?

Khi đặt chân lên đất Phù Tang – một xứ sở thần tiên đầy phép lạ – tôi nhanh chóng nhận ra cái cảm giác cô đơn, lạc lõng, bơ vơ giữa chốn đông người, giữa một môi trường đầy máy móc bao quanh khiến mình phát hoảng.

(2007)

Văn hóa đọc...

Nhiều người sợ rằng đến một lúc nào đó người ta sẽ không còn ai đọc sách in trên giấy nữa, vì đã có CDRom, Ebook... tiện lợi hơn nhiều!

Thực ra, với những người yêu sách, mê sách, thì không có lý do gì để phải... hoảng sợ! Bởi vì sách không chỉ để đọc mà còn để nhìn, để ngắm, để ngửi, để nghe.... Thời còn in typo, xếp chữ chì, bước vào nhà in nghe cái mùi mực, mùi chì, riết rồi ghiền. Nhìn những người thợ xếp chữ ở trần trùng trực, hai tay thoăn thoắt bắt chữ, xong vỗ một cái cộp lên giấy, ta có ngay một bản vỗ (morasse) còn ướt mực, nóng hổi, “vừa thổi vừa đọc”! Rồi nhìn ông thầy “cò” (correcteur) óm nhom, râu lồm chồm như nhiều ngày quên cạo, chăm chú móc từng chữ sai trong bản vỗ, hí hoáy lòng vòng như vẽ bùa - chỉ có những người thợ xếp chữ mới biết ông ta muốn gì - để sau đó, ta có bản vỗ thứ hai rồi thứ ba, cho đến lúc sạch trơn không còn sai một lỗi nhỏ. Thật là kỳ công mà cũng thật là... thú vị! Hiện nay, trên một vài phố nhỏ ở Paris, người ta còn thấy trưng bày trong tủ kính những trang bản thảo do chính những nhà văn nổi tiếng tự sửa morasse. Ta như có dịp thấy Victor Hugo, Lamartine, Marcel Proust... ngồi trước mặt mình, chăm chú, hí hoáy... móc từng dòng từng dòng, xóa, xóa, thêm, thêm...

Có một thời mỗi loại sách có kiểu giấy riêng. Thơ được in trang trọng nhất trên giấy có hoa văn, mùi thơm thoang thoảng, khổ to, chữ bự, cứ như một bức tranh. Tiểu thuyết, sách nghiên cứu... dùng những loại giấy khác nhau. Mỗi nhà xuất bản thường “chơi” một loại giấy riêng, cách đóng riêng, trình bày riêng. Nhìn qua là biết ngay nhà xuất bản nào. Có “nhà” không

dùng giấy trắng láng mà in trên giấy dày, xù xì, màu gỗ như gạo lứt, thô ráp, rờ đủ sướng. Sách lại không xén sẵn mà để nguyên từng “cahier” cho người đọc được cái thú tự rọc lấy. Khi rọc - với một con dao không bén ngọt - chẳng những được nghe tiếng soàn soạt, lách rích, mà còn được thấy giấy vụn bươm ra, tung tóe như cánh bướm, được ngửi mùi gỗ thơm vương vít trong bụi giấy... Tóm lại, ngửi, nghe, nhìn, sờ... đủ kiểu trước khi sách được đọc. Mà vẫn chưa đọc ngay đâu. Hẳn coi cái cách người ta trình bày bìa, trình bày sách, kiểu chữ, dàn trang ra sao cái đã. Hẳn coi những dòng ghi ở cuối sách, cho biết in lần thứ mấy, bao nhiêu cuốn, có bao nhiêu cuốn đặc biệt được đánh dấu riêng, dành cho tác giả... cái đã. Rồi đọc. Đọc nhâm nhi hay đọc ngẫu nhiên. Đọc ngồi hay đọc nằm, đọc đứng, đọc đi, tùy. Nhưng khi đọc, thường có cây viết chì cùn, giắt ở mép tai, thỉnh thoảng đánh dấu chỗ này chỗ nọ, ghi chú điều này điều khác. Tóm lại, người mê sách đã biến cuốn sách đâu đâu thành thân quen, gần gũi, riêng tư của mình... Vài chục năm sau, một hôm dọn dẹp nhà cửa, tình cờ đọc lại những dòng xưa, nét xưa... không khỏi ngậm ngùi!

Sách còn một chức năng khác: Một ông bạn kể chuyện ông mê cô hàng xóm xinh đẹp, không dám nói, một hôm gửi tặng nàng cuốn “Hình như là tình yêu” của Hoàng Ngọc Tuấn (ông chưa hề đọc) rồi hồi hộp chờ đợi. Khá lâu sau, nàng gửi tặng lại ông cuốn “Tâm tình hiến dâng”, bản dịch thơ Tagore (cũng chưa hề đọc). Thế rồi hai người cùng đọc với nhau tới bây giờ... chưa biết chán!

Người mê sách còn phải luôn cảnh giác vì người xưa có nói: “Thư trung hữu nữ nhan như ngọc”, trong sách có cô gái đẹp như... ngọc. Nên phải hết sức cẩn thận. Không khéo có hôm nàng hiện ra, “hỏi không đáp...” thì nguy!

Tóm lại, còn lâu mới “diệt” được sách in!

* * *

Thế nhưng gần đây sự phát triển ồ ạt của sách in lại có mặt đáng lo khác! Sách ngày càng nhiều, ngày càng đẹp. Bìa hoa hòe hoa sỏi có, thiếu nữ khỏa thân có... bên cạnh những cuốn sách triết học đông tây kim cổ dày cộm có... Các đại gia nhà cao cửa rộng bắt đầu say mê sách! Họ trung bày nhiều tủ

sách trong nhà nhưng không phải để đọc mà để khoe như khoe quây rượu, tủ quần áo, giày dép hàng hiệu... Có lần tôi đến một khách sạn lớn để dự một buổi ra mắt sách. Ôi chao! Căn phòng rộng mênh mông của khách sạn đầy sách là sách! Các tủ sách kín bung bọc quanh bốn bức tường khiến khách như bị ngộp trong một hang động... sách! Đủ các loại, tây tàu nga mỹ nhật hàn... cổ kim dày mỏng đều có, ngấp từ dưới sàn nhà cho đến tận trần nhà. Không ngờ một “nơi ăn chốn ngủ” giữa thành phố thế này mà văn hóa đọc cao đến thế! Tôi tâm tặc lần mò dò đọc các gáy sách với lòng thán phục rồi hỏi nhỏ người phụ trách có cho mượn không, anh thiệt thà bảo chỉ toàn là gáy sách đó thôi, chớ có sách vở gì đâu, chỉ trưng bày cho đẹp căn phòng “văn hóa” đó thôi! Thì ra vậy. Cứ tưởng thiệt thì lỗi tại ta!

Khúc khích trên lưng

“**K**húc khích” là từ gọi tả tiếng cười nhỏ và liên tiếp, biểu lộ sự thích thú riêng với nhau. *Từ điển tiếng Việt* của Ủy ban Khoa học xã hội và Viện ngôn ngữ học nói vậy. Cười nhỏ và liên tiếp. Tại sao nhỏ? Vì muốn không ai nghe. Tại sao liên tiếp? Vì không thể dừng được, không thể ngưng được. Tại sao cười? Vì thích thú. Thích thú cái gì? Chỉ có trời mới biết! Có điều chỉ thích thú “riêng với nhau” thôi. Của hai người thôi. Người ta không thể khúc khích một mình. Một mình chỉ có thể tùm tùm hoặc ha hả. Cũng không khúc khích chỗ đông người, dễ bị tưởng là mới ở bệnh viện ra. Khúc khích phải có chút rụt rè, bẽn lẽn, “nhột nhột” trong đó mới được. Đó là tiếng cười của Triệu Mẫn lúc lọt xuống hầm với Trương Vô Kỵ, và Trương giáo chủ đã không bỏ lỡ cơ hội vừa quát tháo vừa cù nhẹ vào lòng bàn chân nhỏ nhắn xinh đẹp của nàng làm cho nàng cười... khúc khích mãi cho đến thành... giáo chủ phu nhân! Khúc khích hẳn không xuất phát từ một ý định cười. Không chuẩn bị cười. Không toan tính cười. Nó phải đến tự nhiên từ một cảm xúc bất ngờ nào đó. Nhưng ở đây không chỉ nói về khúc khích mà là “khúc khích trên lưng” kia! Số là trong nhạc phẩm **Quỳnh hương** rất nổi tiếng, Trịnh Công Sơn viết: “*Ta mang cho em một đóa quỳnh, quỳnh thơm hay môi em thơm. Em mang cho ta một chút tình, miệng cười khúc khích trên lưng*”. Ừ thì một chút tình (một chút thôi, bởi nhiều quá thì e rằng chuyển tông sang... cần nhân!). Nhưng tại sao “khúc khích trên lưng”? Hẳn là họ đã đi xe đạp? Chàng đạp xe hì hục chở nàng? Nàng ngồi sau, úp mặt vào lưng chàng rồi cứ thế mà... khúc khích suốt con đường Duy Tân cây dài bóng mát? Cũng có thể họ đi xe gắn máy? Nhưng xe gắn máy thì ồn quá, nhanh

quá, khó mà khúc khích lâu. Hơn nữa bây giờ người ta ra đường đều bịt miệng, bịt mũi, nên càng khó khúc khích.

Có một ngành chuyên nghiên cứu về sinh lý học của cái cười – có thể gọi một cách thời thượng là “Cười học” – Gelotology – ráng đi tìm cách giải thích tại sao người ta cười, cái cười chịu tác động của các bộ phận nào trong cơ thể và cơ chế hoạt động của nó ra sao với hy vọng dùng cái cười như là một “liệu pháp” để chữa bệnh – nhất là các bệnh thời đại – vì ai cũng biết “một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ”. Người ta biết có đến 15 cơ mặt đã tham gia vào “cuộc cười” (trần cười, chuyên cười?) và còn nhiều cơ khác của toàn thân trong đó có các cơ hô hấp, cơ lưỡi gà, và cả cơ... bàng quang! Người ta biết bộ não tham gia toàn bộ vào cuộc cười chứ không riêng một khu vực nào chịu trách nhiệm. Cười cũng tốn khá nhiều năng lượng. Có người cười xong thì ngất luôn (phải chăng do đó ta có từ “cười ngất”?) Người ta cũng nghiên cứu cười trong phòng thí nghiệm. Khổ thay, cứ bị quan sát thì cười... biến mất! Hình như cười phải được tạo nên bởi một sự bất ngờ, ngạc nhiên, thích thú. Khi bị quan sát thì cười sẽ thành giả tạo. Người ta còn nghĩ cười hẳn là một phản xạ thần kinh, chắc là phải có một cái “công tắc” cười nào đó, thọc léc trúng là... cười! Đại học California ở San Diego chế ra một cái máy thọc léc (tickle machine) nhưng thất bại... không làm cho người ta cười được! Các nhà xã hội học cũng tham gia nghiên cứu và họ thấy cười là một hiện tượng văn hóa xã hội. Nó dễ lây lan trong một số điều kiện. Cười còn liên quan đến... quyền lực. Khi nhân viên đang cười vui với nhau mà sếp xuất hiện thì họ lập tức... ngưng cười! Sếp càng to càng dễ cười, dễ hài hước. Nhân viên... có nhiệm vụ cười theo. Có một chuyện kể rằng sếp thường hay kể chuyện cười cho nhân viên nghe, kể đi kể lại hoài một chuyện mà nhân viên vẫn cười. Một hôm, sau khi kể xong, thấy một cô không cười, ngạc nhiên hỏi, cô đáp: “Cuối tháng này em nghỉ làm rồi ạ!”.

Cười cũng tùy nền văn hóa, tùy trình độ văn hóa mỗi người nữa. Ở ta còn phân biệt các kiểu cười rất phong phú như cười nịnh, cười gằn, cười ruồi, cười dê, cười bò, cười mím chi cộp, v.v...

Tóm lại, cười hẳn còn nhiều bí ẩn, còn phải nghiên cứu dài dài. Thế nhưng, dù thế nào đi nữa, cười “khúc khích trên lưng” thì còn lâu mới tìm ra tính chất sinh lý học và xã hội học của nó.

Bởi nó ở một phạm trù khác.

Gần đây có người còn phát hiện ra một thứ cười mới: khúc khích trên đầu ngón tay!

Trà đạo!

Đại học phụ nữ Konan ở Kobe nằm trên lưng chừng một ngọn núi cao. Lòng lộng biển khơi trước mặt! Giữa sân trường đại học nữ là một... người đàn ông khỏa thân, ngồi suy tưởng! Đó là bức tượng nổi tiếng Le Penseur của Rodin! Ông đang ngẫm ngợi điều chi? Ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, lấy vợ Nhật? Vợ Nhật ư, tìm đâu ra bây giờ? Bây giờ các cô gái Nhật đâu có chịu lập gia đình, đâu có muốn sanh con đẻ cái. Tiếp chúng tôi là Bác sĩ Matsuura, một chuyên gia về sức khỏe cộng đồng, giáo sư của trường. Matsuura là một bác sĩ... đẹp trai, khoảng ngoài 60, nhiệt tình và cởi mở. Đúng chất người làm cộng đồng! Khi mới ra trường được 10 năm, ông tình nguyện về một hòn đảo xa để thực hiện chương trình chăm sóc sức khỏe cho người dân - đa số là người già - kết hợp giữa y tế và phát triển cộng đồng. Chương trình thành công. Người già không ai... tự tử, người trẻ chịu lập gia đình! Hiện nay chương trình này đã trở thành một mô hình tốt. Buổi trao đổi giữa chúng tôi càng trở nên tương đắc, hào hứng. Bởi riêng tôi cũng đã có khá nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này từ năm 1984, khi thực hiện Chương trình săn sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em ở phường 13 Quận 6 và từ năm 1986, trong Chương trình Hiệp Phước, tại một xã cù lao nghèo thuộc huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh. Khác chẳng là ở mục tiêu. Ta thì hạn chế sinh đẻ còn Nhật thì khuyến khích sinh đẻ. Ta thì tập trung lo cho trẻ con suy dinh dưỡng, sốt rét, bệnh nhiễm trùng còn Nhật thì lo cho người già, tàn phế, tật nguyền, chán sống... Nhưng nói chung phương pháp vẫn là Tiếp cận dựa vào cộng đồng (community-based approach), dựa trên những nguyên tắc như tham gia cộng đồng (community involvement), phối hợp liên ngành (intersectoral cooperation) và kỹ thuật học thích hợp (appropriate technology). Chủ khách

đã trở thành tri âm tri kỷ tự lúc nào! Sau đó, bác sĩ Matsuura mời chúng tôi về thăm nhà riêng!

Nhật mới có “trà đạo” thì phải. Một nếp sống tâm linh của cả một dân tộc. Trà đạo không phải là đạo... trà! Không dành cho những người ghiền trà. Trà đạo càng không phải là một cách uống trà, một nghi thức uống trà, kiểu cách, xa hoa nào đó!

Một căn phòng vuông vắn và trống huếch, được trải những tấm tatami tinh tươm. Làn gân chiếu nhấp nhô như những đợt sóng ngầm. Có những đường viền đậm. Một góc lõm tokonoma sâu thăm thẳm. Một bức thư họa kakejiku ... ngoằn ngoèo huyền bí. Lò lửa ngun ngút ở giữa phòng. Đốt bằng thứ than cội anh đào. Chiếc gáo. Hộp trà. Cối gỗ... Mấy cái chén tổng bậm trợn như giả vờ thô kệch mà ngạo nghễ, bay bổng những hoa văn. Tự dung thấy lòng hẫng nhẹ. Bụi bậm đường xa gạt bỏ hết bên ngoài. Một không gian khác. Một thời gian khác. Lòng rộng không. Phòng rộng không.

Trà xanh Nhật lạ lùng. Cái màu xanh như của cốm làng Vòng. Xanh lá mạ. Xanh nếp con gái. Đòng đòng... Màu xanh không mất đi dù được phơi nắng, giã nhuyễn bao lần. Có những nguyên tắc chung nào đó nhưng mỗi “trà nhân” đều có cách pha riêng của mình, phóng khoáng, tự do và đầy ngẫu hứng. Nếu không vậy, chắc họ đã chế ra các cỗ máy... cho “trà đạo” hàng loạt rồi! Ở đây... là con người. Chính con người. Là bóng dáng người phụ nữ Nhật. Rón rén mà nghiêm trang. Thanh thoát mà miên mật. Chính xác. Thuần thực. Mỗi động tác đều mang một ý nghĩa nào đó. Một hồn Nhật lâng lâng của những kawabata, akutagawa... xa lắc xa lơ.

Khi nâng chén ngang mày, nghe thoáng mùi hương trà xanh tỏa ngát. Ném. Không chát đắng. Tan loãng. Nghe ngóng. Ngập ngừng. Bàn tay nâng niu, bàn tay che chở. Bàn tay nào của Đức Phật mà Tôn Ngộ Không cân đầu vùn ngàn lần không thể vượt qua? Chậm rãi, từ tốn, cẩn trọng. Để nghe cho hết từng tác động thân hành. Nghi thức chỉ là tướng. Ly tướng thì thấy. Thấy gì? Thấp thoáng bóng Trương Chi dưới đáy ngọc hay Duy Ma Cật giữa trùng vây?

Hôm đi Nara, thành phố có những ngôi chùa cổ nổi tiếng, nhưng đọng lại trong tôi chính là vườn nai. Vườn mênh mông mà nai cũng mênh mông! Tự dung tôi nghe gần gũi lạ. Như đang ở nơi Đức Phật thường cùng các đệ tử dạo chơi, đàm đạo, và... uống trà! Những con nai bây giờ cũng hiền lành như hồi đó. Lang thang trong khu vườn xanh mướt hoặc ngẩn ngơ bên bờ suối, rừng cây, hồ nước... Chúng thân thiết sẽ chia những mẩu bánh cám cùng du khách, lững thững bước theo họ. Dịu dàng, thông dong và tĩnh lặng. Và ơ kìa, một trà thất trên sườn đồi giữa vườn nai. Trà thất chên vênh, bập bênh, đơn sơ mấy cọc rào tre, chơ vơ vài bức phướn dưới ngàn hoa lá đủ sắc màu. Mùa Đông như chưa qua mà mùa Xuân chưa đến hết, vẫn còn ngập ngừng đâu đó. Gần cửa trà thất là một tảng đá lớn tạc thành cái chén đường kính cả thước. Nước chảy từ một máng tre, tuồn tuột, leo leo. Một cái gáo tre vắt ngang, mong manh. Chén trà của Trời đất mà mỗi trà thất đều phải có như một biểu tượng. Đúng là một trà thất của ngày xưa sót lại. Trà thất lặng lẽ mà ấm cúng. Khiêm cung. Cả cái cửa vào cũng khiến ta phải gập mình xuống để nhẹ nhàng lướt qua. Trong nhà ơ hay đông đúc mà im ắng lạ! Thì ra, họ đang thưởng thức món... cháo trà! Trà đạo ở Nhật không chỉ uống mà còn... ăn. Cháo trà. Cơm trà. Và, có thể lắm, nhai trà, xĩa trà nữa không chừng! Cái ăn, cái uống... chẳng là đạo ư?

Bỗng dung tôi nhớ đến trà của mình! Thứ trà vua mà các cung nữ phải bơi thuyền lẳng lẩy những hạt sương còn đọng trên cánh lá sen mỗi sáng tinh mơ, đến ly trà đá mát rượi đất phương Nam, rồi chè vối của cây đa bên nước, con đò, và... cô hàng chè yếm thắm. Lại nhớ Lâm Đồng với những đồi trà tíu tắp xanh rợn chân trời và những cô gái nhấp nhô gùi trên sóng, những “cô nàng về để suối tương tư” thuở nào. Tôi lại nhớ thứ trà nồn, trà búp, trà con nít, trà móc câu Đà Lạt nhọn hoắc, trắng xóa. Uống thấy thương! Nó có cái vị đậm đà. Càng uống càng ngây ngất. Uống trà, với tôi, là uống với ai, uống ở đâu, uống lúc nào, và uống cách nào. Uống trà mà không biết mình đang uống trà thì thật là đáng tiếc cho trà vậy!



Minh họa Lê Ký Thương

Lãng mạn xưa và nay...

Ở vào cái thời mà lãng mạn thứ thiệt trở nên quý hiếm, chỉ còn thứ lãng mạn catalogue, với những hình vẽ chỉ cách chống cằm, nghiêng người... nói lên một điều gì đó thật nghèo nàn thảm hại thì tìm thấy một nơi còn có chút lãng mạn thứ thiệt hẳn là rất thú vị.

Hữu ngạn sông Đồng Nai, cách Vườn Cò mấy dặm, trên những ngọn đồi chập chùng, bên những rặng tre già ven bờ sông rì rào sóng vỗ, dưới những tán cây cao rợp mát, có một ngôi chùa cổ và một lối đi ngoằn ngoèo thăm thẳm dẫn vào một quán “lương đình” như một bức tranh thủy mặc đượm nét hoang sơ. Ở đó, bên cạnh những ông già bà lão đi chùa cúng kiến là dập dìu những nam thanh nữ tú tìm về một nơi bình yên, vắng vẻ, xa chôn phồn hoa đô hội để mặc sức tự tình... Trời ạ, cả bốn bức tường của quán lương đình dày đặc, chen chúc những thơ là thơ, được viết bằng mọi thứ gạch ngói, đất đá, viết chì, viết bi, đủ kiểu, đủ loại! Đó là những bài thơ không viết cho mọi người, mà viết chỉ riêng cho một người, của những nhà thơ - những thi sĩ vô danh - tràn trề hạnh phúc, thỉnh thoảng cao hứng còn minh họa bằng những đường nét thô sơ mà tượng hình như trong các thạch động thời tiền sử. Đa số không ghi tên tác giả, có chăng chỉ đôi ngày tháng ngao du. Ở đó, bên cạnh những bài thơ cháy bỏng còn có những bài thơ mang một thứ triết lý về tình yêu thời đại, một thứ lãng mạn hôm nay, khác với thứ lãng mạn của ngày xưa, không xa lắm! Chẳng hạn một cô gái viết đại ý: Em chỉ có một trái tim duy nhất, xin tặng anh một nửa, còn một nửa để dành, lỡ mai kia một nọ, tình anh gây sóng gió thì với nửa trái tim này em sẽ làm lại cuộc đời! Thì ra đó là

một người tình... tiết kiệm, nói cách nào đó là người biết “nói không” khi cần thiết.

Nhớ lại ngày xưa:

Anh chỉ có một tình yêu thứ nhất

Anh trao em cùng với một tờ thư

Em không nhận nghĩa là tình anh mất

Tình đã trao không lấy lại bao giờ

(Xuân Diệu).

Bên cạnh cô gái là bài thơ của một chàng trai:

Tình bạn là tô hủ tiếu

Tình yêu là tô bún riêu

Sống ở đời không thể thiếu

Hủ tiếu và bún riêu.

Chắc phải có một tình huống gay cấn chi đây giữa hủ tiếu và bún riêu khiến nhà thơ buộc phải khẳng định, phải rạch ròi như thế. Rõ ràng hủ tiếu thì dai, đa dạng, phong phú, còn bún riêu thì bở, nhưng đặc thù, chuyên biệt, đậm thắm, mặn mòi... Cái nào ra cái đó! Triết lý ẩn tàng thì đã rõ: Có thực mới vực được đạo.

Thật khác với ngày xưa, nhà thơ thường lúng túng khi cắt nghĩa tình yêu:

Làm sao cắt nghĩa được tình yêu

Có nghĩa gì đâu một buổi chiều

Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt

Bằng mây nhẹ nhẹ gió hiu hiu

(Xuân Diệu).

Bây giờ thì không mây không gió, không nhẹ nhẹ hiu hiu chi nữa cả, chỉ xì xụp hít hà thôi.

Cũng chẳng chiếm hồn ta làm chi cho đau khổ, chiếm ngay cái bao tử cho chắc ăn!

Không xa lắm, một nhà thơ lãng mạn nói với người yêu của mình:

Hôm nay Nga buồn như một con chó ốm

Như con mèo ngái ngủ trên tay anh

Đôi mắt cá ươn như sắp sửa se mình

Để anh giận sao chả là nước biển

(Nguyễn Sa).

Ta thấy nhà thơ gọi hẳn tên người yêu của mình ra, không ốm ờ em này em nọ dễ gây hiểu lầm. Nhưng bên cạnh đó nào chó, nào mèo, nào cá ươn... làm sao mà người yêu của nhà thơ không rúng động chết đi được! Anh mà là nước biển thì em đâu có đến nỗi... ươn lên như thế!

Lãng mạn xưa và nay có khác nhau đôi chút đó, nhưng dù thế nào, nó cũng là lãng mạn thú thật, đáng trân quý chứ phải không?

Gần đây trở lại thăm chốn xưa. Trời ơi. Chùa đã cháy. Và đã xây mới. Lộng lẫy và lòe loẹt. Quán lương đình cũng không còn. Con đường hầm cũng đã san phẳng...

Nó vậy là nó vậy. Vô thường mà. Phải không?

Sến già nam

Thấy tôi đứng loay hoay tìm kiếm mãi trên các kệ đầy nhóc băng đĩa ngồn ngang, cô bé bán hàng đến gần hỏi:

– Bác muốn kiếm loại nào?

– Nhạc. Nhạc xưa.

Cô đọc vài cái tên gì đó...

– Không. Xưa hơn nữa kìa. Chừng nửa thế kỷ trước. Có không?

– Bác chờ con lấy.

Một lúc, cô mang ra một cái... giỏ, đúng hơn là một cái rổ to, hình chữ nhật, chứa hàng ngàn đĩa CD, buộc dây thun từng cọc nói bác lựa đi.

Tôi giật mình thấy trên thành rổ dán mấy mảnh giấy viết tay bằng chữ in khá to: SẾN GIÀ NAM.

Tuần trước, vào một siêu thị ở một tỉnh miền Đông nọ tôi thấy nơi người ta bán băng đĩa có rất nhiều rổ đựng các thứ, được phân loại như có rổ phim hành động, phim kinh dị, phim Mỹ, phim Hồng Kông... và đặc biệt có hai rổ ghi: Nhạc sến nam, Nhạc sến nữ. Tôi định mua vài thứ xem sao, nhưng thấy kỳ kỳ nên thôi. Tuy vậy, tôi cũng học được vài từ mới. Có điều ở cửa hàng này, một cửa hàng bán băng đĩa khá lớn ở thành phố có cách phân loại độc đáo hơn: Sến Già Nam. Tôi đoán đây là loại nhạc “sến” dành riêng cho nam giới “già”!

– Có Sến Già Nữ không cháu? Tôi tò mò.

– Dạ có. Bác kiểm xong Sến Già Nam con đưa Sến Già Nữ ra bác lựa!

Thì ra nam nữ đây không phải khách hàng mà là ca sĩ. “Sến” do “nam” ca sĩ hát cho người “già” nghe thì gọi là... Sến Già Nam v.v...Tiếng Việt ta thiệt hay! Nhớ lần ra Hà Nội năm xưa, người ta giới thiệu tôi một xí nghiệp có tên là Xí nghiệp Cao Xà Lá. Hỏi “Cao xà lá” là cái gì? Là Cao su, Xà bông và thuốc Lá, gọi tắt Cao Xà Lá!

Tôi vừa tùm tùm cười vừa lựa đồng băng đĩa trong rổ Sến Già Nam, chọn được vài đĩa. Nhiều khi cả đĩa chỉ có một bài ưng ý. Thôi vậy cũng được. Có một bài mình thích là quý rồi! Tôi hỏi còn Sến Già Nữ đâu? Cô bung ra một rổ Sến Già Nữ nữa và nhìn tôi có vẻ nghi tôi mê cô ca sĩ nào đó của năm mươi năm trước!

“Sến” là gì? Người ta bảo là do chữ Marie sến, tức người giúp việc, người ở đợ, con sen, người nhà quê, ít học. Nhạc sến là nhạc... tâm thường, nhà quê mà các cô gái này thường hát hồng để trải tâm sự nỗi lòng khi vô công rỗi việc.

Đã có những bài báo, những tranh luận sôi nổi về thứ nhạc “sến hay không sến” này. “Sến” mà sao người ta thuộc, người ta khắc cốt ghi tâm? “Sến” mà sao người ta cười người ta khóc?... Gần đây trên mạng, nhiều bạn trẻ “còm” rằng nhờ “sến” mà nuôi dưỡng được tâm hồn trong một thế giới vô cảm, và có bạn còn rất tự hào rằng đã sưu tầm được hàng ngàn bản nhạc “sến” để làm của quý!

Còn tôi, tôi chỉ biết nhạc hay hay dở với mình mà thôi. Hay là thứ làm tôi “rung động sáu cách” (nhãn nhĩ tử thiệt thân ý)..., còn dở là nhạc “nghe không vô”!

Chiều làng em của Trúc Phương chẳng hạn, với tôi là một bài hay, không chỉ rất lãng mạn “khó lam buồn như muốn ngừng thời gian” mà còn do tác giả viết bài này lúc ở Bình Tuy, quê tôi, cho một cô gái mà tôi có lẽ cũng quen biết.

*Anh ơi nhớ về thăm thôn xưa,
Để nghe tiếng ngọt ngào ru bóng dừa
Xa xôi bước người anh lữ thứ
Nhớ thương hoài câu hát chiều làng em...*

Còn **Mộng ban đầu** của Hoàng Trọng làm sao quên được:

*Trông em mừng vườn cau
Trái mậ tròn xuân mới
Bông me cười me nói
Con bé lớn thật mau
Mai một mẹ ăn trầu*

“Mai một mẹ ăn trầu” bây giờ không còn nữa nên “đám trẻ” không biết là phải rồi. Còn những trái cau “mậ tròn xuân mới” cũng khó kiếm! Bây giờ là bưởi, là dưa hấu cả rồi!

Rồi **Lối về xóm nhỏ** của Trịnh Hưng

*Có những chiều hôm
Trời nghiêng nắng xế đầu non
Nắng xuống làng thôn
Làm cho đôi má em thêm giòn
Lúa đã lên bông
Mắt già tươi sáng thôi chờ mong
Tiếng hò cô gái bên Cửu Long
Mơ rằng mai lúa lên đầy bông...*

hay *Tình lúa duyên trăng* của Hoài An

Quê hương ta đất xưa vốn nghèo

Nhưng giàu tình thương nhau

Biết yêu lúa màu xa cuộc đời cơ cầu

Gái trai biết làm tròn lời thề khi ban đầu

Tôi không hiểu vì sao những lời ca đầy tình quê hương, đất nước, tình gia đình, tình gái trai “biết làm tròn lời thề khi ban đầu” như vậy mà “sến” được?

Hà Đình Nguyên trong một bài báo về vấn đề nhạc sến đã viết: “... nhưng không biết do đâu mà hầu như tất cả các bản nhạc được sáng tác trước 1975 – nhất là những bản có điệu boléro, rumba... đều bị quy là nhạc sến (tiếng “sến” được hiểu theo nghĩa dè bieu, mĩa mai, khinh thị...).

... nhưng sẽ thật sai lầm khi quan niệm “nhạc sến” với hàm ý khinh thị, chê bai bởi trong dòng nhạc bình dân này có rất nhiều tuyệt tác mà chưa chắc các nhạc sĩ dòng nhạc “hàn lâm” đã sáng tác được, như: *Khúc Ca Ngày Mùa* (Lam Phương), *Hoài Thu* (Văn Trí), *Xóm Đêm* (Phạm Đình Chương), *Ai Lên Xứ Hoa Đào* (Hoàng Nguyên), *Nắng Chiều* (Lê Trọng Nguyễn), *Đường Xưa Lối Cũ* (Hoàng Thi Thơ), *Nửa Đêm Ngoài Phố* (Trúc Phương), *Thương Hoài Ngàn Năm* (Phạm Mạnh Cương), *Nắng Lên Xóm Nghèo* (Phạm Thế Mỹ)...”

Còn nhà thơ *Đỗ Trung Quân* có một bài thơ được Vũ Hoàng phổ nhạc rất hay tên *Phượng Hồng* có lần bực mình:

“Nói chú đừng giận, bài *Phượng Hồng* phổ thơ của chú sến chảy nước”, chàng trai 20 tuổi tóc tai kiểu hip-hop nói thẳng thừng. ... Thế hệ trẻ 8X hôm nay không thể tin nổi, không thể chấp nhận nổi có một gã nào đó trạc tuổi mình suốt một năm dài ngồi cạnh bàn, học cùng lớp để ý cô bạn gái mà vẫn cứ: “bài thơ còn trong cặp... giữa giờ chơi mang đến lại mang về...”. Nhất gái đến thế, “yếu” đến thế thì “sến” là cái chắc. Bây giờ, chỉ cần một cú nhấn tin chớp nhoáng là a-lê-háp! Ra cà phê hộp ngồi ngay. Yêu à? Tỏ tình

à? Đây, nhanh gọn lẹ: “Anh là number one, vừa đẹp trai lại vừa dễ thương...”. Không yêu nữa cũng chẳng sao: “thà như thế, thà rằng như thế...”. Đỡ lời thôi, đỡ mắt thì giờ, khỏi mang tiếng “sến” ...



Minh họa: Đỗ Trung Quân

Gần đây nhiều ca sĩ bắt đầu quay về với nhạc “sến” có lẽ để đáp ứng nhu cầu tình cảm của con người trong một thế giới ngày càng vô cảm chẳng! Có điều, vì sến... thiếu gốc nên nhiều khi hát sai mà không hay. Chẳng hạn “Đêm qua chưa mà trời sao vội sáng” trong *Chiếc lá cuối cùng* của Tuấn Khanh, có ca sĩ hát ngon lành “đêm chưa qua mà trời sao vội sáng”! *Qua*

chưa với *chưa qua* khác nhau xa quá! Cũng như “Bây giờ tháng mấy rồi hồi em” của Từ Công Phụng mà hát thành “Bây giờ mấy tháng rồi hồi em?”... thì nguy tai!

Tôi vẫn còn nhớ những đêm ngồi nghe Tuấn Khanh đàn piano dưới chân cầu sắt Đa Kao trong một quán cà phê nhỏ chên vên...

Đêm qua chưa mà trời sao vội sáng

Một đàn chim cánh nhỏ chở mùa sang

Chiều vào thu tiễn em sâu lạnh giá

Lá trên cành từng chiếc cuốn bay xa...

(xin đừng nhầm với Tuấn Khanh, Hoài An, các nhạc sĩ nổi tiếng hiện nay!)

Tôi chắc rồi một hôm nào đó cậu trai 8X kia sẽ tìm đến bản nhạc “sén chảy nước” nọ và rồi 8X sẽ được thay thế bởi 9X, 0X... Rồi sẽ có những người tìm đến Sén Già Nam, Sén Già Nữ như tôi hôm nay cho mà coi!

Không lâu lắm đâu! Hãy đợi đấy!

(2013)

“Một cốt cách ở đời”

Võ Phiến, “Cuối Cùng” là sự Mộc Mạc.

Suốt một đời người đeo đẳng văn chương chữ nghĩa, chẻ sợi tóc làm tư, lặn lội vào những ngõ u uẩn góc ngách của lòng người, bỗng dung cuối cùng hiện ra trước mắt một vàng sáng: **Mộc Mạc**.

Phải, Mộc Mạc. Đó là tựa của một bài Thơ đặt ở trang cuối cùng của cuốn *Cuối Cùng*, như một khép lại: *Những hẹn hò từ nay khép lại. Thân nhẹ nhàng như mây... Chút nắng vàng giờ đây cũng vợi...* (Trịnh Công Sơn). Với tôi, Cuối Cùng là bài thơ, một bài thơ Thiên. Nhiều người tưởng Võ Phiến là một nhà văn, hóa ra ông là một nhà thơ. Đọc kỹ đi rồi thấy. Có người mắt tinh đời sớm nhận ra điều đó: “*Võ Phiến là thi sĩ. Mà là thi sĩ của trần gian nữa. Dù có khi anh viết bằng văn xuôi*”. (Đặng Tiến).

Cuối Cùng của Võ Phiến là một tập sách trang nhã. Bìa cứng cổ điển. Nhưng bìa bọc ngoài lại là một màu trời xanh và mây trắng với những cái bóng của Võ Phiến. Không phải hình, mà bóng. Một cái lõi, xưa cũ, cứng cáp bên trong; một cái vỏ, bay bổng, tuyệt mù... bên ngoài.

Trang cuối không đánh số trang của Cuối Cùng như đã nói là một bài thơ. Mộc Mạc là tên bài thơ đó. Một sự trở về. Về với mộc mạc, với chất phác. *Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi một* (Trịnh Công Sơn). Chắc vậy rồi. Với Võ Phiến, chôn về đó là xóm là làng, có con trâu, con chó, con gà, đàn cò, lũ sẻ, bà con cô bác...

*Xưa từng có xóm có làng
Bà con cô bác họ hàng gần xa
Con trâu, con chó, con gà
Đàn cò, lũ sẻ, đều là cố tri.*

(Mộc Mạc)

“Đều là cố tri”. Họ thân thiết nhau quá, gần gũi nhau quá mà! Đi sao nữa. Xa sao đàn. Chẳng qua gặp thời thế thê thòi. Một người như Võ Phiến hẳn “*chân bước đi mặt còn ngoảnh lại, từ cái mái nhà cái thềm nhà cho đến bụi cây khóm cỏ....*” (Quốc văn giáo khoa thư). Rút sao ra.

Rồi Võ Phiến viết tiếp sau khi ngậm ngùi nhớ những “cố tri” đó của mình:

*Múa may mãi chẳng ra gì
Mỗi lâu thêm một cách ly rã rời.*

(Mộc Mạc)

Ra gì là ra gì? “Múa may” coi cũng được quá đó chứ! Mọi người đều nhìn nhận Võ Phiến, dù không nói ra mà ai cũng phải gật gù. Đông Hồ khen “nhất” miền Nam. Nguyễn Hiến Lê khen tùy bút sâu sắc, tự nhiên, dí dỏm, đa dạng... Đặng Tiến bảo tác giả hàng đầu, Nguyễn Hưng Quốc kêu nhà văn của thế kỷ... Vậy mà múa may mãi chẳng ra gì sao? Tới bây giờ, nhớ *Đêm xuân trăng sáng* hay *Thác đổ sau nhà* của ông đọc từ hồi còn trẻ, tôi vẫn còn như nghe nhột nhột ở đuôi trong...

Tuyệt vời nhất ở hai chữ: *mỗi lâu*. Vừa mộc mạc vừa sâu thẳm. Sao lại “mỗi lâu”? Ấy là bởi ông đã đợi chờ, đã nghe ngóng, đã mong mỏi nó “rụp rụp” cho rồi, ai dè nó cứ dưng dưng dưng dưng, bực cả mình. Rụp rụp như cái dao phay chặt thịt mà ông từng thấy ở một người đàn ông mặc áo thun, bán hủ tít, quơ dao múa may mấy cái rồi rụp rụp ngon lành. Đằng này nó cứ

đứng đĩnh, cứ lẳng nhằng. Nó càng đứng đĩnh, càng lẳng nhằng ông càng bên lên vì đã có đôi lân ông làm thơ “giã biệt” gửi cho “những người ở lại” rồi, thế mà, chính ông lại ở lại. “Quê” quá chứ phải không? Nhưng mỗi lâu rồi thì sao? Thì, khổ thay, cứ mỗi lâu nó lại thêm một cách ly, rã rời! Cách ly? Rã rời? Ông thấy hình như mọi người đâu đó đã sẵn sàng cả rồi, hội họp chờ đợi cả rồi, vậy mà chuyện lại không tới. Tễn tò, tản ra, xa dần, quên lãng... ? Tự ông, ông cảm thấy “ngượng ngập vu vơ”. Ngượng ngập. Vu vơ. Văn viết không ra, chỉ có thơ mới “nói lên” được: mỗi lâu thêm một cách ly rã rời...

Thân tàn đất lạ chơi vui

Trông lên chỉ gặp bầu trời là quen.

(Mộc Mạc)

Người ta thì gần đất xa trời, ông thì gần trời xa đất. Đất lạ, trời quen. Với người xa xứ “lạc loài đến đây” như ông thì cách ly với con trâu, con chó, con gà, đàn cò, lũ sẻ đã đành là khổ, mà cách ly với những thân tình càng khổ hơn: “Gần đây nhiều lần nghe những trao đổi tung bưng về các hướng thơ văn cũ mới, bị không khí sôi nổi lôi cuốn mạnh, tôi xun xoe nhập nhòm. Bỗng chợt buồn, tặc lưỡi: Mình còn được bao nhiêu ngày tháng? Những chuyện... như thế... trên đời... ối dào! (Người ơi người ở dài dài, tr 45)”. Mãn Giác thiền sư chẳng đã từng than “*Sự trục nhân tiên quá/ Lão đầu từng thượng lai...*” đó sao? Còn “rã rời”. Làm sao mà không rã rời cơ chứ? Có cái gì gắn với cái gì đâu. Toàn tạm bợ, lắp ráp cả đó chứ. Ngũ uẩn giai không mà! Bài thơ “Cũng Hợp” - lại Thơ - mở đầu cho cuốn *Cuối Cùng*, ông chẳng bảo “lắp ráp” xài chơi, lâu ngày chày tháng thấy “cũng hợp”, cũng OK. Rồi đến một lúc nghĩ hay là ta... ở lại trần gian luôn chừng nghìn năm nữa cũng được. Để rồi giật mình: đã lắp ráp thì hẳn có lúc phải rời ra. Một câu hỏi đặt ra: Lắp ráp để chi? Để “trưa nào cũng bay” (tr 139) chớ chi. Hoàn thành nhiệm vụ rồi thì rã. Rã rời lại ráp không chừng. “Cả năm uẩn chúng quấy ta là thế” (Cũng Hợp). Võ Phiến hiện nguyên hình thành một... thiền sư!

Dặn lòng lòng vẫn nao nao

Ta đi mây ở, trưa nào cũng bay

Nhưng thiên sư mà có cái chuyện dẫn lòng này mới lạ! Dù sao thì cũng chỉ nao nao thôi. Nao nao khác với bùng bùng. Đó là khi ông nhìn những phút “ân tình” của chim câu: “... cái đuôi con chim mái, vệt qua một phía...”. Xong. Rồi bay. Trưa nào cũng bay. Ông thấy “nao nao”. Nao nao quá chớ. Nó đến nó đi hờ hững thản nhiên. Sao trời nở đóa đày nhau đến thế? (Cũng Hợp, tr 17).

* * *

“Cái còn lại của một cốt cách: ít ỏi quá, mong manh quá”. (Hình bóng cũ, tr 32).

Không đâu. Cái cốt cách ở đời của Võ Phiến theo tôi không ít ỏi quá, cũng chẳng mong manh quá. Nó đáng cho ta ngả mũ chào. Với một nụ cười tủm tỉm, hân hoan.

“Gọi chiều nước lên...”

Tập thơ mỏng tanh mà nặng trĩu với tôi. Tôi đọc mà nghe lòng mình rung rúc. Toàn tập thơ có thể nói chỉ là một bài duy nhất từ đầu đến cuối - như một bản trường ca chưa viết xong - mà cũng có thể coi là một tập hợp của nhiều bài thơ rải rác mang một cái tên chung: Xa Xứ.

Một tập thơ lạ, không như những tập thơ khác của Thư Ân Quán: gần như vuông vức, cứ mỗi trang thơ lại có một trang tranh tương ứng.

Ừ nhỉ, cuối năm nơi đất lạ

Mưa mênh mông và sông mênh mông

Ừ nhỉ, hình như lòng rướm lệ

Như một người không có quê hương (tr 16)

Cuối năm, ấy là lúc lòng chợt như dừng lại. Không khí sảng đặc hơn với cái buốt lạnh chiều đông. Và chỉ cần dừng lại, người ta đã thấy khác đi - trên con đường bươn chải, miệt mài, mù tăm... của bao ngày tháng nơi đất lạ quê người.

Dừng lại. Thì nghe được mưa ngoài trời và mưa trong lòng.

Anh nói hình như, hình như thôi, mà tôi tin lòng anh rướm lệ thật rồi. Rướm lệ bởi vì trời tháng chạp rồi. Đó là lúc người ta trở về. Về đâu? *Đi về sao chẳng về đi/ Ruộng hoang vườn rậm còn chi không về* (Đào Tiềm)...

Nhưng, về đó là về cho kẻ có quê hương. Còn anh, như một người không có quê hương. Ở đây đất lạ quê người. Mấy mươi năm cũng một đời xứ xa (tr 50).

Thì về đâu? Chẳng về đâu cả. Về với lòng mình thôi.

Anh như muốn hét to lên một tiếng. Một tiếng dài cho lạnh tới sao khuê. “Trường khiêu nhất thanh hàn thái hư” (Không Lộ thiền sư) vậy.

Bây giờ trời đất thênh thang

Tôi lên trên núi trên ngàn để vui

Dưới kia, mệt quá cuộc đời

Xa kia, xa quá, vợ vời Việt Nam... (tr 52)

Dưới kia, mệt quá cuộc đời... Xa kia, xa quá, vợ vời Việt Nam.

Chỉ cần mấy giờ bay, chỉ cần một cái “cân đầu vân” là đến thế mà xa quá, xa như từ cõi lòng này đến cõi lòng kia, từ bờ bến này đến bờ bến nọ, khi ta chưa có trong tay con thuyền Bát nhã, khi ta chưa đọc câu thần chú: Gaté, Gaté, Paragaté, Parasamgaté...

Anh viết *vời vời* không phải vì anh “kẹt vần” đâu mà tôi nghĩ anh đã không còn cách nào khác. Vợ vời rõ ràng không phải vời vời. Vời vời dẫu xa muôn trùng mà không cách biệt. Vợ vời thì hết. Không phải là chuyện cách núi ngăn sông nữa rồi.

Hình như có lúc anh chẳng cần thơ nữa. Anh nói. “Có một ngày giữa tiểu bang môn minh, chúng tôi đã bàng hoàng dừng xe, thỏn thức” (tr 22). Thỏn thức? Phải. Tôi nghĩ anh đang chạy xe với tốc độ cao trên xa lộ, mắt lại cận thị nặng, vậy mà, cũng đã kịp nhận ra:

“Bụi chuối nhà ai bên đường đã mọc

Chuối mẹ chuối con, trời hồi quê nhà!” (tr 22).

Vàng chỉ là một bụi chuối xúm xít mẹ con. Chỉ thể thôi. Nhưng trong anh là cả một quê nhà vắng vặc. Tôi biết anh chẳng quên Trần Minh khô chuối, cũng chẳng quên *Gió đưa bụi chuối sau hè, anh mê vợ bé bỏ bè con thơ...*

Hai tiếng “trời hời” mới “cải lương” làm sao! Nhưng nó đã làm tôi muốn rơi nước mắt! Cải lương thật tuyệt vời!

Rồi anh “lý giải” cho cái sự *trời hời* đó của mình:

Ở đâu cũng vẫn đất trời

Cũng rừng cô tịch cũng đôi tà dương

Cũng ngày nắng cũng đêm sương

Cũng qua cũng lại phố phường người đứng

Cũng trên trời một vầng trăng

Cũng sông vẫn chảy hai giòng ngược xuôi

Nhưng lòng sao lại không nguôi

Nghe như bìm bịp gọi chiều nước lên... (tr 46)

Lạ lùng là ở chỗ đó. Bìm bịp gọi chiều nước lên nó khác biệt bao nhiêu tiếng rùng rùng chuyển động của những con tàu cơ khí với rầm rập bước chân người lạc lõng giữa đám đông, với ..., với...

Tôi có sống ở Boston mấy tháng mà thấy trăng Boston sao khác trăng mình. Trăng to quá, bự quá, sừng sững quá, lộ liễu quá, tênh hênh quá. Khác với trăng năm sóng soài trên cành liễu, khác với bẽn lẽn làm sao lúc nửa đêm của quê nhà. Cho nên “nghe như” tiếng bìm bịp kêu chiều kia đã làm cho anh khóc được: *chiều chiều lại nhớ chiều chiều...*

Ngăn kéo cũ đã lâu rồi không mở

Tám hình tôi lem luốc nhìn không ra

Tôi đứng giữa những nỗi buồn lịch sử

Lần ngông cuồng của tuổi trẻ hôm qua... (tr 56)

Bạn chúng tôi, Lữ Kiều nói “lịch sử chọn chúng ta chứ chúng ta không chọn lịch sử”.

Bốn mươi năm trước, những ngày ở Nha Trang, tôi lang thang cùng anh trên bãi biển đầy những con sóng thịnh nộ giữa những ngày tháng bão bùng... Rồi ở Sài Gòn, có lần tôi đèo anh bằng chiếc xe lọc cọc của mình đến tòa soạn *Bách Khoa*, nơi anh hò hẹn, nhưng nàng không đến. Anh ủ rũ quay về. Chiếc xe nặng trĩu. Trong trí nhớ tôi, Trần Hoài Thư là một chàng thư sinh nho nhã, vàng trán rộng quá khổ, đôi mắt hun hút sau tròng kính cận, những ngón tay lòng thòng, dáng đi lỏng lẻo... Anh là một kẻ “nồi tình”, dễ nước mắt, dễ giận hờn, dễ đứng cay...

Bốn mươi năm không gặp lại. Anh vẫn nhắc tôi món bánh cuốn nóng ở cạnh nhà mình mà hôm đó anh và tôi ra ngồi bên lò lửa từ rất sớm, để tiễn anh đi, không, tiễn anh về, Về nơi gió cát. “Đêm trăng này nghỉ mát nơi nao”. Không cảm lòng được, hôm đó tôi đã viết cho bạn:

Ta cũng muốn ngâm tràn câu tống biệt

Đưa người đi tiếng sóng ở trong lòng

Nhưng khói thuốc đã cay sè đôi mắt

Có ai còn thổi sáo trên sông

Trời buổi sáng mù sương lớp lớp

Người hành trang nỗi tuyệt vọng rã rời

Và khí phách thôi một thời trẻ dại

Ta nói gì cho bớt chút chia ly?

*Đưa người ta nâng ly cà phê nhỏ
Rồi quan san rồi bụi đỏ người đi
Rồi khói súng người tập tành nổi chết
Ta trở về hiu hắt đường khuya...*

.....
(Đỗ Hồng Ngọc, 1972)

Bây giờ đọc Xa Xứ của Trần Hoài Thư:

*Hẹn với lòng tháng chạp sẽ về quê
Mà hơn ba mươi năm vẫn chưa về cố xứ
Khi hứa hẹn cứ nghĩ mình trẻ quá
Giờ thì già, ngựa đã nản chân bon (tr 76)*

Tôi nghĩ không phải đợi tới bây giờ ngựa mới nản chân bon đâu. Lâu lắm rồi, bốn mươi năm về trước rồi, Trần Hoài Thư như lừa chúng tôi đã thấy rõ “*Nỗi bơ vơ của bây giờ ngựa hoang*”^(*) rồi! Nhưng hãy đọc tiếp:

*Tôi lạc lối, em biết không
Tôi đang quờ quạng giữa vùng mù sương
Cũng vì cái ngạnh cái ương... (tr 44)*

Tôi băn khoăn khi ghi lại những dòng này. Nghĩ trong lòng không biết có nên.

Thơ, tác lòng ngàn năm - thốn tâm thiên cổ - là vậy. Không “*hư cấu*” được với thơ đâu Thư ơi!

Đêm quá khuya, đêm không chịu trôi mau

Mắt đã mở mà sao trông chẳng khép (tr 38)

Còn nói gì thêm được nữa?

Rồi những bức tranh, như đã nói, cứ một trang thơ lại có một trang tranh tương ứng. Những bức tranh đăm đuối quê nhà: khi thì đồi núi cao nguyên trùng trùng điệp điệp của Thân Trọng Minh, khi thì những con thuyền phơi mình nhớ sóng của Thanh Hằng, rồi cầu tre lắt léo, rồi bụi chuối sao hè... Và những mượt mà, thảng thốt, trầm tư, ưu uất... của Đinh Cường, Nguyễn Trọng Khôi, Tống Phước Cường, Lê Liễu... Tranh không còn là tranh nữa mà đã thành thơ trong Xa Xứ. Tôi bàng hoàng với bức tranh của Trần Quý Thoại ở trang 55: một con nai vàng, phải, một con nai vàng - và ngơ ngác, dĩ nhiên - nhưng không phải “đạp trên lá vàng khô” mà đạp trên lưng một con người cúi gục, với cái đầu to quá khổ mà chiếc cổ nhỏ bé không sao giữ nổi! Rồi ở trang 61, một lần nữa tôi ray rứt với những giọt nước mắt của khuôn mặt đàn bà mộng du, từng mảng rời đóng hộp, và những làn mây trôi trên cao. Cũng tranh Trần Quý Thoại. Hình như Thoại vẽ được những gì Trần Hoài Thu không viết được nên lời.

Vỏ tôi đỏ nhưng hôn tôi trôi giạt

Em ở quê nhà có hiểu lòng tôi? (tr 60).

* **

Em có hỏi tại sao ta chưa về cố xứ

Ta trả lời: Ta về chứ đêm qua

Ta vẫn về, rất thâm lặng thiết tha (tr 78)

Ai sao không biết, tôi thì tôi tin. Tôi tin Trần Hoài Thu vẫn về đêm đêm, về thâm lặng, thiết tha... Thậm chí không cần phải dặn: *thấy hiu hiu gió thì hay chị về!* (Nguyễn Du).

Nhưng, gió bắc đã hiu hiu rồi đó Thu ơi (2011)

Võ Hồng vào tuổi 80!

Tôi quen biết anh từ 30 năm trước ở Nha Trang. Tính về vai vế tôi phải gọi anh bằng... “ông”, vì dì tôi là bạn của con gái lớn anh. Nhưng anh vốn xuề xòa, dễ tính, bảo gọi bằng anh thôi. Còn anh luôn toa, moa với tôi một cách thân mật.

Năm nay có dịp về Nha Trang, tôi ghé thăm anh. Tìm nhà hơi khó vì đường sá đã mở rộng, nhà cửa thay đổi nhiều. Tôi đang loay hoay tìm cây khế, cây trứng cá “làm dấu” trước nhà thì một bà già đi ngang qua thấy, hỏi tìm ai, “Dạ tìm ông nhà văn Võ Hồng”, bà đáp: “Văn võ nào đâu tôi chả biết, chỉ biết có ông già sống một mình ở ngôi nhà kia thôi!”. Tôi kể lại anh nghe, anh cười ha hả, có vẻ... chịu bà già lắm vì nhà văn Võ Hồng thì không biết mà lại biết anh sống một mình!

Mà thiệt vậy! Vợ anh mất sớm lúc anh hãy còn rất trẻ. Anh vẫn ở vậy, không tục huyền, dù không ít cô thầm thương trộm nhớ ông thầy giáo, ông nhà văn nho nhã, dễ mến. Anh vẫn gà trống nuôi con. Tất cả đều thành đạt, đều đang sinh sống ở nước ngoài, chỉ còn ông... gà trống ngày một lớn tuổi loay hoay một mình với những người hàng xóm, với cây trứng cá, cây khế và mấy gốc dừa.

Anh nuôi một con chó con làm bạn. Lần tôi đến thăm, anh lững thững ra mở cổng, con chó ủa ra ra sữa ằm lên. Tôi hơi hoảng, hỏi: chó có dữ không anh? Anh trả lời tỉnh queo: nó còn hiền hơn moa! Rồi anh dẫn tôi lên gác. Vẫn căn gác nhỏ với một phòng chừng hai chục mét vuông, vừa là chỗ ăn ngủ, làm việc, tiếp khách... lổn nhổn những sách vở, thư từ, bản thảo... Nhờ cái sân thượng phía trước có bóng râm cây khế, cây dừa mà anh còn có chỗ để mà trầm tư mà hoài cổ nhân... Anh khoe với tôi cái chậu nhỏ trong đó có một

cây gai bàn chải to bằng bàn tay. Anh nói miền quê anh đi đâu cũng gặp cây gai bàn chải mọc dọc hai bên đường. Anh nhớ nó quá nên tìm một gốc về trồng. Anh giấu nó ở một góc sân thượng, sợ người ta trông thấy cho là lập dị!

Có lần Đài truyền hình Trung ương làm một bộ phim ngắn về “Thầy Võ Hồng”. Anh rất cảm động khi được về thăm lại trường Bồ Đề cũ, chùa Hải Đức, nhà thờ Chánh tòa Nha Trang... nhưng anh vẫn thấy ngượng ngượng khi phải... đóng phim. Rồi cô Thu Trang dạy Cao đẳng Sư phạm ở Tuy Hòa, quê hương anh, đã làm một luận văn thạc sĩ ngữ văn về sự nghiệp văn học của anh: “Võ Hồng, nhà văn và tác phẩm” do giáo sư Hoàng Như Mai hướng dẫn, mà người phản biện là tiến sĩ Huỳnh Như Phương ghi nhận xét: mong sớm được thấy in thành sách để giúp bạn đọc hiểu thêm về nhà văn Võ Hồng. Nhắc đến mình, anh như luôn có vẻ ngượng. Mấy năm trước, trong thư gửi tôi, kèm tập thơ mới in của anh, anh viết: “Đọc lại văn mình moa thấy: nếu là văn xuôi thì Ngộ, còn thơ thì Ngượng. Cái gì mà yêu thương, nhớ nhung, đợi chờ... mắc cỡ thấy mò!”. Tôi hiểu anh, bởi vì văn thì còn đồ thừa tại hư cấu, tại tâm lý nhân vật nọ kia, chứ thơ thì hết phương chôi cãi! Nhưng theo tôi, văn Võ Hồng đã là một thứ thơ, một thứ thơ xuôi, nhàn nhã, đằm thắm, chân thật... làm xúc động lòng người!

Hỏi anh lúc này có khỏe không, anh nói khỏe gì nổi, bệnh rề rề. Nhiều tuổi rồi, con ở xa, bệnh cũng làm biếng đi bệnh viện nữa. Phải nhờ người quen đưa đi khám hoài ngại quá! Vậy mà hôm nghe tôi bệnh nặng, phải đi mổ cấp cứu, anh viết thư: “Mười hai giờ khuya, moa ra sân thượng, quỳ hướng về sao Bắc đẩu hết lòng cầu nguyện cho toa tai qua nạn khỏi...”.

Trở lại chuyện thăm anh ở Nha Trang lần này, tôi thật bất ngờ thấy anh không còn “cô đơn” nữa. Trong phòng anh treo một tấm ảnh chân dung khá lớn của cô đào hát bóng xinh đẹp Lý Linh, người đóng vai Tống Khánh Linh trong phim nhiều tập chiếu trên truyền hình! Thì ra “ông lão” mê cô tài tử này không biết tự bao giờ! Thấy tôi ngỡ, anh cười: “Đứa cháu mình ở ngoài quê coi phim rồi nói với mình: “Cậu ơi, sao mà cô đào đóng phim này giống hệt mẹ... Mình giật mình, “kiểm chứng” lại quả là có nhiều nét giống y hệt vợ mình hồi đó, nên mình treo ảnh này lên đây”. Anh lại có vẻ ngượng.

Nhớ Tết này anh đã tám mươi, tôi thử bói cho anh một quẻ bằng cách mở ngẫu nhiên một trang trong cuốn *Trăm Tư* của anh mà tôi gọi là “bói Võ Hồng”, tình cờ trúng câu 259, câu trao đổi của anh với một “cô nào đó”, chắc là Lý Linh:

– *Em như đóa hồng dành cho vương tôn quyền quý, còn anh...*

– *Câu đó phải do em nói. Tâm hồn anh đẹp và mảnh như hoa. Nên khó nuôi dưỡng, khó chăm sóc. Em đành phụ bạc anh...*

Vậy là anh chàng “Tú Uyên” Võ Hồng với “tâm hồn đẹp và mảnh như hoa” đó vẫn chờ đợi nàng Giáng Kiều từ trong tranh một hôm nào đó lại bước ra...

(2009)

... và nỗi “cô đơn uy nghi”

Võ Hồng là một nhà thơ. Dù ông viết truyện ngắn, truyện dài gì thì với tôi cũng đều là thơ. Thơ xuôi. Đọc ông thấy lòng lạnh ra. Tuy nhiên ông cũng đã in hẳn một tập Thơ cho riêng mình. Chân tình và mộc mạc. Đằm thắm những yêu thương.

Năm giờ sáng mở mắt

Nhìn quanh: chỉ ghé bàn

Thèm thấy một khuôn mặt

Thèm nghe tiếng dịu dàng

Mười giờ đêm thâm u

Bóng tối như côi chết

Tình yêu, tìm nơi đâu

Hạnh phúc, chào vĩnh biệt

(Quạnh hiu)

Quạnh hiu. Hoang vắng. Cô đơn. Không muốn “độc cư” mà thành độc cư. Với một tâm hồn vô cùng nhạy cảm, ông héo hắt dần với tháng năm. An ủi của ông trong tuổi già là những người con đều thành đạt, hiếu thảo, nhưng vì hoàn cảnh riêng mà phải sống xa nhau kẻ chân trời người góc biển.

Nay các con nên người

Mỗi đũa đi một ngã

Mình cha căn nhà xưa

Trông vừa quen vừa lạ

Không còn ngày gian khổ

Chỉ dư ngày tiêu điều

Vắng con như cây cỏ

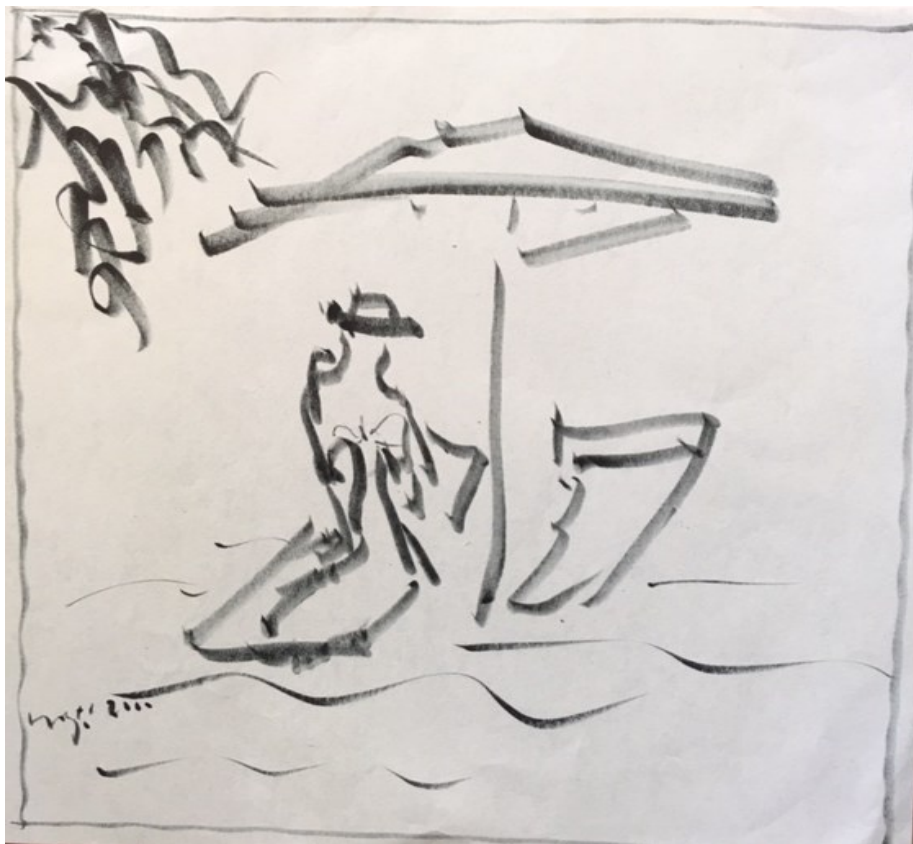
Héo úa giữa quạnh hiu

(Ba mươi năm sau)

Vẫn căn gác nhỏ với một phòng chừng hơn chục mét vuông, vừa là chỗ ăn chỗ ngủ, chỗ làm việc, tiếp khách... lộn nhón những sách vở, thư từ, bản thảo... tràn lan trên bàn, trên nệm, dưới gầm. Nhờ cái sân thượng phía trước khá rộng có bóng râm cây khế, cây dứa mà ông có một khoảng không để mà *trầm tư*, mà *hoài cố nhân*... Tôi bấm cho ông mấy tấm ảnh kỷ niệm, có cảnh ông ngồi trên chiếc ghế “cô đơn uy nghi” đặt ở sân thượng, dưới tàn cây trướng cá. Lúc đó, ông mới 74 tuổi, còn hoạt bát lắm, đòi khoác áo tràng hoàng rồi mới chịu cho chụp hình.

Ông kể năm 70 tuổi, người ta dựng một phim ngắn về ông: *Thầy Võ Hồng*. Ông cảm động lắm vì được trở về thăm lại chốn xưa, trường cũ, ngôi nhà thờ, ngôi chùa thân quen ngày nào... nhưng vẫn thấy ngượng ngượng vì phải “đóng phim”! Ông kể hôm họp mặt mừng tuổi 70 của ông, ai cũng nhắc

câu “Thất thập cô lai hy”, nên khi đáp từ, ông sờ tay vào cô, nói “Thất thập cô lai hy” nè, rồi lần tay xuống ngực “Lục thập ngực lai hy” nè, “Ngũ thập bụng lai hy” nè, rồi “Tứ thập...” mọi người la hoảng!



ĐHN

Khi tôi gửi ông bản thảo “Già Oi... Chào Bạn!” để nhờ ông đọc, ông cười: Sau “Già oi chào bạn” *toa* sẽ viết tiếp cái gì nữa đây? Ông là vậy. Lúc nào cũng hóm hỉnh, sâu sắc mà sáng khoái trừ những lúc một mình trong nỗi “cô đơn uy nghi” nhớ đến người thân.

Mấy năm gần đây, tình trạng sức khỏe ông yếu dần, nằm liệt giường, được chuyển xuống tầng trệt cho tiện chăm sóc. Cô con gái lớn Diệu Hằng vẫn thường từ Pháp về thăm cha. Rồi cô lại đi, bận bịu bao điều, nhưng vẫn quán xuyên lo toan. Người con trai thứ ở Đức đã dựng riêng cho cha một trang web, tập hợp toàn bộ các tác phẩm của cha, với nhiều tài liệu quý.

Năm ngoái, có dịp về Nha Trang, tôi lại ghé thăm ông, bây giờ ông đã 91 tuổi, đã dần dần khó tiếp xúc... Cô Đạm, người học trò cũ quý thương ông vẫn là người hằng ngày trực tiếp đến chăm sóc ông cùng với một người giúp việc. Ông tuy nằm liệt giường đã lâu vậy mà trông vẫn thanh mảnh, sạch sẽ lắm. Tôi cảm động nói với cô Đạm, thay mặt những bạn bè thân quen gần xa của nhà văn Võ Hồng, trân trọng cảm ơn cô.

Ông đã sẵn một bài thơ gọi là “Di ngôn” viết về nỗi “cô đơn uy nghi” của mình:

*Cho đến một ngày kia ... tôi sẽ nhẹ nhàng già từ / Hạnh phúc yêu thương
... Bãng giá mây mù .../ Nhưng trên sân, chiếc ghế cô đơn uy nghi còn đó /
Tiếp tục ngồi chờ, lặng lẽ chờ cho mãi đến thiên thu.*

Nhớ Võ Hồng, vừa thương vừa cảm, vừa xót vừa xa. Thấy trôi đi một kiếp nhân sinh phù thế: *Ngũ uân phù vân không khứ lai / Tam độc thủy bào hư xuất một...* (Chứng đạo ca).

Mà mừng ông nay đã vào cõi “tịch diệt vi lạc”!

Di ngôn

Sau khi tôi chết

Xin giữ y nguyên giùm mọi dấu vết

Của những ngày u buồn trĩu nặng hồn tôi

Đây: cây bút màu đen sớm tối không rời

Đây: cuốn vở cất đầy những mảnh lòng hiu hắt

Kia chồng sách không bao giờ ngăn nắp

Này: góc vườn, hoa rụng trái lồi đi

Trên khung rào thưa, lá khế thâm thì

*Nơi sân thượng xin để nguyên chiếc ghế
Kê sát lan can, hướng xuống mặt đường
Nơi những đêm dài, trong tối đầy sương
Tôi ngồi lặng, mắt chong chờ đợi
Đợi một người đi không hẹn trở lại*

*Hun hút đường dài... vun vút xe qua
những dáng ngược xuôi... những cặp hẹn hò
Bầy chó lang thang ... hàng cây đứng lặng
Chia sẻ nỗi niềm: từng ngôi sao xa*

*Người đi không về. Giờ đang nơi đâu?
Cực lạc non Bồng hay cõi Diêm phù
Đêm trắng trải dài... Mỏi mòn đêm trắng
Canh hai... canh ba... từng canh qua mau*

*Cho đến một ngày kia... tôi sẽ nhẹ nhàng già từ
Hạnh phúc yêu thương... Bãng giá mây mù...
Nhưng trên sân, chiếc ghế cô đơn uy nghi còn đó
Tiếp tục ngồi chờ, lặng lẽ chờ cho mãi đến thiên thu.*

Võ Hồng

(2013)

Mình...?

Tôi có việc phải đến liên hệ ở một Công ty. Cô tiếp tân trẻ, chừng ngoài hai mươi, khá xinh, ân cần cúi chào. Tôi nói tôi có hẹn với cô T sáng nay. Cô tiếp viên liền nhắc điện thoại lên để gọi cho cô T và đột ngột quay qua hỏi tôi: “Mình tên gì ạ?”.

Tôi chưng hửng. Trời! Lâu lắm rồi chưa được ai gọi mình là... mình cả! Bây giờ bỗng dưng được gọi là “Mình”. Sượng ghê nơi! Mà cô tiếp tân nhỏ hơn mình nửa thế kỷ. Sực nhớ Nguyễn Công Trứ đã từng sượng sùng: “Ngũ thập niên tiền...”.

Nghĩ lại cũng may. Nếu lúc đó mà mình lơ đễnh ngó đi đâu đó, dám cô kêu: “Mình ơi, mình tên gì ạ?” thì càng nguy! Nguy, bởi vì chữ “mình” tiếng Việt mình phức tạp lắm!

Bùi Giáng: “Mình ơi tôi gọi là nhà/ Nhà ơi tôi gọi mình là nhà tôi...”. Lại nhớ xưa Cô Diệu Huyền có mục “Mình ơi!” trên Bán nguyệt san Phổ Thông. Cái ông Nguyễn Vỹ giỏi thiệt. Người ta có thể quên nhiều thứ trên Phổ Thông của ông chớ khó mà quên “Mình ơi...!” của Cô Diệu Huyền do chính ông sắm vai!

Trên TV (truyền hình) ở Việt Nam ngày nay cách gọi “mình” để chỉ đối tượng (khách mời) khá là phổ biến. Cô MC hỏi khách mời: Nhà mình có mấy người con ạ? Nhà mình có ai mắc bệnh này không ạ? Nhà mình ở có xa đây không? Hóa ra “nhà mình” không phải là nhà mình mà là nhà người ta! Thậm chí vào quán café, lúc tính tiền, cô thu ngân nói “Của mình bốn chục ngàn ạ!”.

Vậy “Mình” không phải là mình mà là người đối diện, là đối tượng, ngôi thứ hai trong xưng hô. Bây giờ ngôi thứ hai đã trở thành ngôi thứ nhất. Thú vị quá! Mình với ta tuy hai mà một/ Ta với mình tuy một mà hai. Hình như cách xưng hô này để bày tỏ tình thân ái?

Có điều một cô gái trẻ đẹp, nhỏ hơn mình nửa thế kỷ mà hỏi: “Mình tên gì ạ?” thì ngần ngơ cũng phải!

Tiếng Việt phong phú lắm. Vợ chồng thường gọi nhau là “mình”. Mình lấy giùm anh cái cặp... Mình đưa cho em cây dù. Nhưng khi có ai hỏi: Chị nhà có khỏe không? Thì trả lời “Nhà tôi” cũng khỏe. Anh nhà có khỏe không? Nhà tôi cũng ổn. “Nhà tôi” là vợ hay chồng mình. Cho nên Bùi Giáng mới viết: Mình ơi tôi gọi là nhà/ Nhà ơi tôi gọi mình là nhà tôi...!

Như vậy, ngày nay “Mình” đã thay cho chú bác ông bà anh chị cô dì ... ! Từ lúc nào vậy nhỉ? Từ lúc nào mà người người sống với nhau thân thiết thương yêu đậm đà đến vậy?

Xưng hô trong tiếng Việt không phải là “chuyện nhỏ”. Cho nên ca dao thời đại có câu: “Xin đừng gọi chú bằng anh/ Để cho chú phải hy sinh cuộc đời!”.

Tự điển tiếng Việt (NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1988): Mình: 1) Từ dùng để tự xưng hoặc để chỉ bản thân cùng với người đối thoại một cách thân mật, có tính chất bạn bè. “Cậu giúp mình một tay”. 2. Từ vợ chồng hoặc người yêu gọi nhau một cách âu yếm: “Mình mong em lắm phải không?” (trg 658).

Tự điển cũng ghi thêm “Mình là từ dùng để gọi nhau một cách thân mật giữa bạn bè trẻ tuổi”. Thí dụ: “Mình đi trước, tớ còn bạn!”. Vậy điều kiện ở đây phải là giữa bạn bè thân mật, và trẻ tuổi, chớ không dùng để xưng hô giữa hai người xa lạ hay giữa một người trẻ với một người già. Ngay cả trường hợp trên, nếu nói: “Bạn đi trước, tớ còn bạn” hoặc “Bạn đi trước, mình còn bạn” có lẽ hay hơn chẳng?

Không biết các nhà ngôn ngữ học bảo sao nhỉ? (2015)

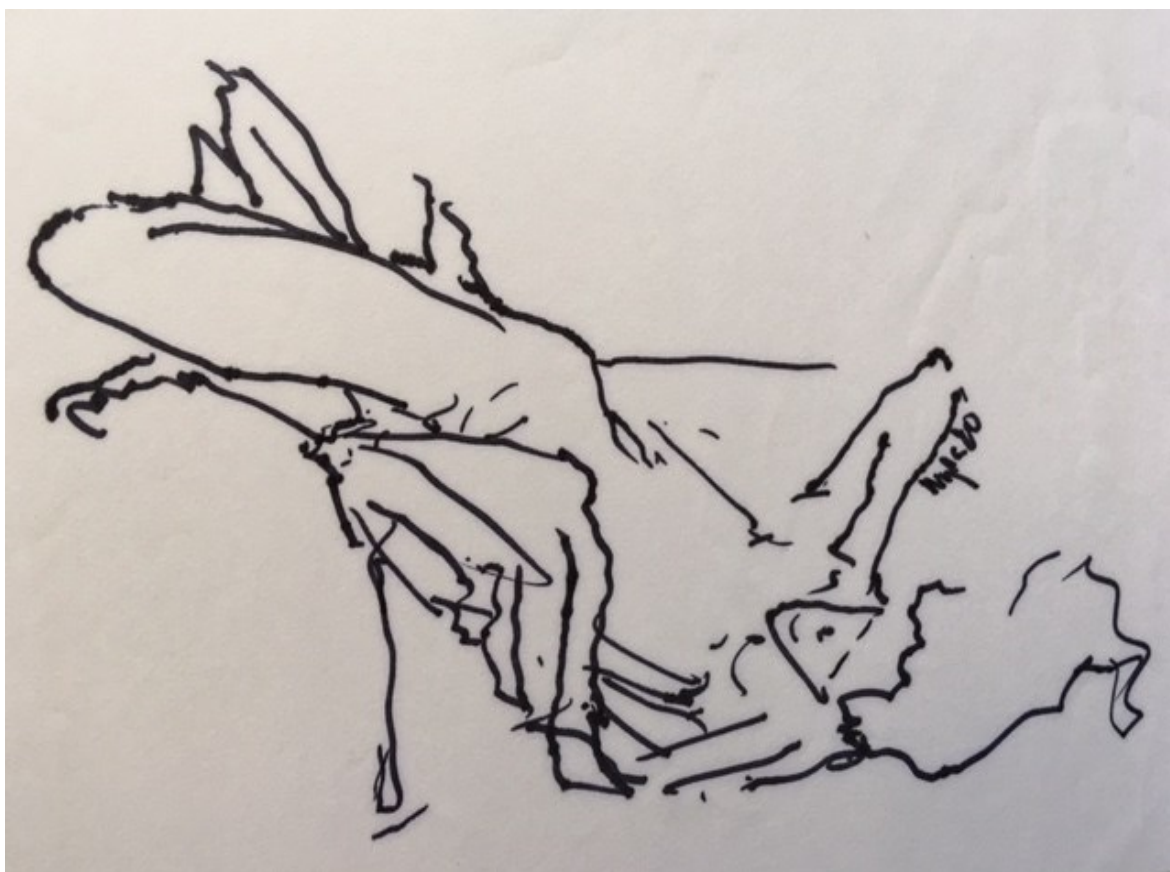
Hỏi không đáp, bèn...

Xã Khang Ninh, tục gọi làng Mễ, có văn nhân Lý Vĩnh tuổi còn trẻ mà học lực uyên thâm, kinh sử thuộc lòng, khiếu văn thông thạo, đặt bút thành thơ. Và chẳng rõ thực hư, nhưng cứ theo lời một người láng giềng thì vào những đêm trăng vắng sao mờ, vẫn có hồn ma bóng quỷ hiện về trộm nghe chàng ngâm nga bên ngõ. Niên hiệu Minh Mệnh, Lý đỗ đầu xứ. Kịp khi thi hương, liền chiếm Giải Nguyên. Mùa thu năm đó, bạn đồng khoa là họ Ngô ở Nam Trực gửi thiệp mời Lý sang chơi. Trong thiệp nói sẽ dẫn chàng đi coi mắt một trang tuyệt thế giai nhân, nếu ưng ý sẽ vì bạn mà đứng ra se tơ kết chỉ. Bèn nhận lời. Không ngờ đến hẹn, sắp sửa khởi hành, bỗng nhiên ngoại bệnh. Mất nửa tháng sau, khỏi hẳn, mới lên cang ra đi. Nhưng đến nơi thì Ngô tưởng Lý không sang nữa, đã đánh thuyền ngược thăm quê ngoại từ ba bữa trước. Người em trai Ngô cho người ruổi ngựa đi đón anh về. Đêm đó, Lý ngủ một mình, buồn không biết cùng ai đàm luận. Muốn cho khuây khỏa bèn dậy lấy sách coi chơi. Ngẫu nhiên đụng một cuốn sách cũ, bìa long gáy rách, là một cuốn ngoại sử ly kỳ, có vẽ hình một mỹ nhân diễm lệ. Lý lật đầu gấp sách, lẩm bẫm: “Cố nhân thật khéo bịa đặt hảo huyền! Thế gian làm gì có những chuyện như thế!” Rồi định chọn cuốn khác. Giữa khi đang lúi húi soi nên trong ngăn tủ, bỗng đầu vầng mắt hoa. Định thần nhìn lại thấy một nữ lang xinh đẹp dịu dàng đang đăm đăm nhìn mình... Lý tâm thần bất định, vội ôm lấy nàng. Hỏi không đáp. Bèn... giao hoan.

Giao Châu Đậu Húc, tự Hiếu Thông, bữa nọ đang nằm ngủ trưa, chiêm bao thấy một người con gái tuổi 16, 17 nhan sắc nguyệt thẹn hoa nhường, bước đi nghe tiếng ngọc khua rổ rảng, hương bay ngào ngạt khiến chàng rung động ngất ngây... Hỏi không đáp. Bèn giao hoan...

Trần công tên là Bảo Thuộc, người tỉnh Mân, làm quan đạo Thanh Châu. Sau một ngày vất vả, đêm ngồi một mình đọc sách trước án thư đột nhiên thấy một nữ lang vén màn che đi vào, nhìn coi thì không quen mà đẹp quá lắm... Hỏi không đáp. Bèn giao hoan.

Thường thì những cuộc tình “hỏi không đáp, bèn giao hoan”^(*) như vậy chỉ nòng thắm chừng vài năm... rồi thì chàng thân thể đã ngày một hao mòn, thần khí suy nhược mà không tự biết... người yếu quá đến nỗi không thể lê bước, công danh sự nghiệp dở dang, kịp lúc có một đạo sĩ xuất hiện... chỉ vào mặt mà bảo rằng: “Ta mà chậm chút nữa thì tính mệnh nhà ngươi đi đời. Cũng may chớ không thì nó làm yêu làm quái chắc ta đâu trị nổi! Từ nay nên thận trọng, đừng có nhẹ dạ, điên cuồng!” Nói xong cho một viên thuốc, giục nuốt ngay. Rồi cười: Đã thật sướng chưa? Từ nay chừa nhé! Kế ân cần chỉ cách nhiếp sinh, luyện khí, tầm dưỡng đâu đó rồi đứng dậy ung dung cất bước ra đi...



ĐHN

Khá lâu trước đây, người ta cho thủ dâm – tự tìm khoái cảm tình dục một mình – là một hành vi tội lỗi, đưa đến những nguy cơ vô sinh, liệt dương, sinh con tật nguyền... do vậy mà trong suy nghĩ của nhiều người, thủ dâm bị kết án, tạo ra một tâm lý sợ hãi, che giấu, lo lắng, mặc cảm, đặc biệt ở tuổi mới lớn là thời kỳ có sự thay đổi nhanh chóng và mạnh mẽ về tính dục dưới ảnh hưởng của các kích thích tố. Y học ngày nay xác định thủ dâm không phải là một bệnh hay tật gì cả mà chỉ là một hành vi bình thường của đời sống tính dục, rất phổ quát ở mọi lứa tuổi, mọi thời đại, mọi nơi chốn trên thế giới. Y học coi hành vi thủ dâm của trẻ con chẳng khác gì thói quen bú tay, tự nhiên sẽ khỏi khi trẻ lớn lên. Gần đây, khi bệnh AIDS hoành hành, thì thủ dâm còn được coi là một hành vi tình dục an toàn (safe sex), được khuyến khích để phòng tránh AIDS. Lý do vì AIDS chủ yếu lây qua đường tình dục (90%), nên thà “hỏi không đáp, bèn giao hoan” còn hơn là “cò kè bớt một thêm hai”. Thế nhưng lạm dụng cũng tai hại không kém như “thân thể ngày một hao mòn, thần khí bạc nhược...”. Có tình trạng đó dĩ nhiên là do lạm dụng quá độ! Tác hại rõ nhất là những bất ổn về tâm lý, xã hội: hoang mang lo lắng, không tập trung vào chuyện học hành; mặc cảm tội lỗi với bản thân, với gia đình; không có khả năng giao tiếp nhất là với người khác phái, ru rú trong xó nhà, lẩn tránh mọi tiếp xúc... Cũng như mọi thứ “nghiện” khác, nhiều khi phải có “đạo sĩ” ra tay và bản thân phải có nghị lực, phải tìm một đam mê khác mạnh mẽ hơn để thay thế như nghệ thuật, thể dục thể thao... thì mới có thể “từ nay chừa nhé” được!

(2010)

.....

(* *Dựa theo “Liêu trai chí dị” (Bồ Tùng Linh) và “Nam Hải truyền kỳ” (Hư Chu).*

“... Còn sữa để cho con...”

Phải học đến năm thứ năm, Y khoa Đại học đường Sài Gòn thời đó (1962-1969), chúng tôi mới được học môn Nhi khoa với giáo sư Phạm Gia Cẩn, giáo sư Phan Đình Tuân và nhiều thầy cô khác, nhưng nhớ nhất là giáo sư Phạm Gia Cẩn vì ông luôn có cách hỏi thi vấn đáp rất lạ mà sinh viên nào cũng ngán sợ. Chẳng hạn ông thường hỏi những câu như: “Khi bé mấy tháng tuổi thì có thể bế sang nhà hàng xóm chơi?”; “Khi bé mấy tháng tuổi thì cho ăn trứng gà?”; “Hãy so sánh sữa bò với sữa mẹ?”. Nhiều sinh viên rớt kỳ I vì những câu hỏi oái oăm này! Câu hỏi “Khi bé được mấy tháng tuổi thì có thể bế sang nhà hàng xóm chơi?” thì đa số sinh viên ó ra vì chưa được dạy bao giờ. Câu trả lời chính xác là... “Khi bé đã được chủng ngừa đầy đủ”! Chủng ngừa đầy đủ rồi thì bế sang hàng xóm chơi sẽ an toàn, không còn sợ bị lây bệnh bạch hầu, uốn ván, ho gà, lao, sốt bại liệt... gì nữa. Câu hỏi này thực ra là để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc chủng ngừa. Thay vì hỏi lịch tiêm chủng thì sinh viên nào cũng trả lời ro ro, ông đã đặt một câu hỏi như vậy.

Nhớ lại thuở đó mới thấy học Nhi khoa là học cách chăm sóc trẻ, nuôi nấng trẻ, giúp trẻ tăng trưởng và phát triển toàn diện chứ không phải chỉ biết chữa bệnh khi trẻ đau ốm. Trẻ con không phải là một người lớn thu nhỏ. Trẻ con khác với người lớn ở chỗ trẻ đang phát triển và đang tăng trưởng. Bộ não của một trẻ hai tuổi đã phát triển bằng 80% bộ não của người lớn; chiều cao của một trẻ hai tuổi (khoảng 85 cm) thì đã bằng một nửa chiều cao của người lớn. Do vậy, nuôi con giỏi chính là nuôi ở hai năm đầu đời này. Không chỉ vậy, trẻ tăng trưởng và phát triển không chỉ nhờ sữa, nhờ thức ăn mà còn nhờ tình thương của cha mẹ. Không có tình thương thì trẻ sẽ còi cọc cả thể chất

lẫn tinh thần. Ta hiểu tại sao ngày nay thế hệ trẻ ở một số nước phát triển – thừa mứa vật chất – mà nhiều vụ tự tử, nhiều vụ rìa súng... xảy ra “không rõ nguyên nhân”!

Trẻ không thể lớn nổi, không thể thành người nếu thiếu tình yêu thương. Và đó là lý do tại sao tất cả các thứ sữa nhân tạo, dù làm bằng sữa bò, sữa trâu, sữa lạc đà, sữa dê, sữa đậu nành... đều không thể so sánh với sữa mẹ. Bởi sữa mẹ, ngoài chất dinh dưỡng tuyệt vời ai cũng biết còn có những thứ khác nữa, không thể tìm đâu ra. Thí dụ... mùi mồ hôi chua lét của mẹ, mùi tóc tai lòng thòng của mẹ, mùi à ời của mẹ. Trong lúc đang hí hửng nhoi nhoi sữa mẹ, bé có thể cắn một phát đau điếng do thiếu sữa, do ngộp sữa, do mẹ lơ đễnh, không “chánh niệm”, vừa cho bú vừa nghĩ đâu đâu... Mẹ đau quá, đét một phát vào mông bé, rồi hối hận siết chặt con vào lòng... Một tương tác, một khúc hòa tấu. Không thể tìm thấy ở đâu với sữa nhân tạo.

Đời sống bây giờ, người mẹ “hiện đại” vội vã làm sẵn một lô sữa bò – có bổ sung các chất thông minh... này nọ – rồi tất tả ra đi cho kịp giờ hội nghị, cho kịp thương thảo hợp đồng, bỏ trẻ bơ vơ với một đồng tiền nghi từ đồ chơi đến thức ăn thì vẫn còn thiếu cái tình âu yếm đó, cái mùi mồ hôi đó, khúc hòa tấu không lời đó.

Người ta đã làm những thí nghiệm để chứng minh. Trẻ khóc râm rứt, cắn nướu khó chịu, bỏ ăn bỏ ngủ, chỉ cần cho trẻ ngửi cái áo cũ đầy mùi mồ hôi của mẹ, trẻ nín khóc ngay. Trẻ sơ sinh chỉ cần nghe khúc thu băng nhịp tim của mẹ, trẻ cũng ngủ ngon lành. Người cha cũng vậy. Con có cha như nhà có nóc không phải là một câu nói ngoa (mặc dù hiện nay đã có những ngôi nhà trăm nóc!).

Trở lại câu hỏi thi môn Nhi khoa: “Hãy so sánh sữa bò với sữa mẹ”, sinh viên nào cũng hí hửng tưởng trúng tủ, thao thao bất tuyệt nhưng vẫn không làm ông thầy hài lòng. Ông lắc đầu lia lịa và kêu bổ sung, bổ sung nữa. Khi sinh viên chịu bĩ, ông mới thủng thẳng nói: “Anh quên so sánh cái... bình bú!”. Không có cái bình nào đẹp đẽ, căng tròn, phình xẹp, hồng hào, thơm tho... như cái bình sữa mẹ! Lúc nào cũng ủ đúng 37°C không hơn không kém, lúc nào cũng sạch sẽ, tươi mát, hợp vệ sinh, chẳng cần phải hấp luộc, khử trùng chi cả! Người mẹ chỉ cần vạch áo, nặn vài giọt sữa đầu tiên rửa qua

cái núm thể là xong. Trong vài giọt sữa đó đã có đủ chất kháng khuẩn rất tốt rồi. Có người cãi, biết đâu đôi khi cũng có mùi khác lạ, như mùi thuốc lá, mùi bia bọt... thì sao? Nhưng đó là chuyện khác. Trẻ sẽ tỏ ngay thái độ, không khoan nhượng.

Tôi sực nhớ câu thơ của một nữ thi sĩ hơn 40 năm về trước: “*Ngực cho anh còn sữa để cho con*” (Hồng Khắc Kim Mai, *Mắt màu nâu*, Sài Gòn, 1965). Nhà thơ viết những câu thơ đó lúc tuổi mới đôi mươi, nghe nói còn chưa có người yêu! Hồng Khắc Kim Mai còn có những câu thơ viết về cái... bình bú khá hấp dẫn: “*Ngực em tròn thật tròn/ Nhấp nhô từng hơi thở/ Áo cài khuy nút hờ/ Cho người thêm thân em/ Cho người hôn lên trên...*” (HKKM, *Mắt màu nâu*, 1965).

Chuyện đáng ngại bây giờ là người ta dần quên về thứ hai: *còn sữa để cho con*, mà chỉ nhớ về thứ nhất. Người ta bắt đầu chăm chút kỹ cái bình bú, làm đẹp nó về hình thức như bơm, độn, tạo hình... có khi là với silicone, có khi là với túi nước muối khéo léo chèn đầu đó. Tưởng tượng đi đâu cũng phải mang theo mấy túi nước muối chắc cũng chẳng vui gì! Lại phải luôn cảnh giác: nhẹ tay, dễ vỡ! Chưa ai làm một phỏng vấn các bé cảm nghĩ thế nào khi được bú cái bình bú ướp muối này.

Thiên nhiên cũng lạ, có người hồi nhỏ nhỏ xíu (*Anh thấy em nhỏ xíu, nhỏ xíu anh thương*, Trần Tiến), vậy mà khi có con, sữa tràn đầy thì ngực cũng lớn lên theo sữa. Nói khác đi, cái bình bú thiên nhiên đó nó phát triển theo nhu cầu, nó nhấp nhô... theo từng hơi thở, mới ngộ cho chớ!

(2009)

Bò, tại sao điên?

Càng ngày người ta càng bị “vô sinh”, không hiểu tại sao! Vô sinh có tính “toàn cầu hóa” một cách rất rõ rệt. Nước càng tiên tiến, càng vô sinh. Tiên tiến trước vô sinh trước, tiên tiến sau (chậm tiến) vô sinh sau, còn đang phát triển thì... vô sinh từ từ! Trong khi người Âu – Mỹ đi tìm con nuôi đảo dác thì người Mỹ, người Uganda... vẫn đề ào ào. Tại một quốc gia giàu có... thì người giàu đề khó hơn người nghèo. Nhà cao cửa rộng, tiện nghi đầy đủ, cao lương mỹ vị thì vô sinh nhiều còn nhà ổ chuột, thiếu ăn thiếu mặc thì đề nuôi không xuể! Trong một cuộc điều tra “Xã hội học – sức khỏe” tại một xã nghèo ở ngoại thành có tỷ lệ phát triển dân số rất cao, một thanh niên cho chúng tôi biết sở dĩ người ta đề nhiều là vì không có niềm vui nào khác! Mười năm sau trở lại chôn này đã thấy đô thị hóa, dịch vụ giải trí thừa mứa, người ta bận rộn nhiều việc, có nhiều niềm vui khác nên người ta không buồn đề nữa! Kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm ngày càng dễ dàng và tiện lợi, giá cả phải chăng và tại Anh, người ta còn cho miễn phí nhằm thúc đẩy phát triển dân số, “trẻ hóa” dân số đang già cỗi của họ nên chuyện thụ tinh nhân tạo sẽ ngày càng phổ biến. Cách đây khá lâu, một tạp chí Pháp đăng một bức tranh biếm, vẽ một đám cưới cô dâu chú rể đang âu yếm dặt tay nhau đi chào mọi người thì một đoàn các labo cầm ống nghiệm rồng rắn chạy theo đề tiếp thị.

Tại sao bỗng dưng con người lại bí... đề một cách toàn cầu hóa như thế? Có phải vì nhà cao cửa rộng, người ta ít còn có dịp thân mật gần gũi như xưa? Có phải vì ngày nay người ta quá đổi bận rộn không còn có thì giờ? Có phải vì người ta bây giờ đa đoan vất vả, căng thẳng thần kinh, rã rời thân xác đến nỗi phải mượn đến Viagra hỗ trợ mà Viagra thì lại hoàn toàn không

có tác dụng gì cho chuyện sinh tinh, giúp dễ thụ thai. Các nghiên cứu gần đây cho thấy tinh trùng ở đàn ông ngày càng yếu đi, cả chất lượng lẫn số lượng, đến nỗi thụ tinh nhân tạo phải chất lọc, tìm kiếm cho được một chú tinh trùng còn khỏe mạnh rồi giúp “bắn” thẳng chú vào cái trứng đang mong đợi kia, nếu không làm vậy, chú cũng chẳng buồn ngo ngoe! Khác với ngày xưa, cả một bầy hùng tử con hùng hực chạy marathon tìm đến trứng, rồi chỉ một “người hùng” xâm nhập được vào trong trứng... để thụ tinh. Ôi, thời oanh liệt nay còn đâu!

Có một giả thuyết hoàn toàn sinh học để giải thích hiện tượng vô sinh toàn cầu hóa này: Đó là tại cái... quần Jean! Số là tinh trùng được sinh sôi nảy nở ở hai tinh hoàn, vốn là một phòng thí nghiệm tối tân, luôn luôn được giữ lạnh ở mức tối ưu mà thiên nhiên đã xếp đặt sẵn trong hai “biu dái” nằm bên ngoài cơ thể, để nhiệt độ lúc nào cũng mát mẻ hơn so với nhiệt độ cơ thể, thế rồi con người bày ra các loại đồ lót kín bung, kín mít, rồi còn tròng thêm một lớp quần jean dày cứng, ngọt ngọt... sẵn sàng bóp nghẹt mọi mầm mống phát triển, khiến cho việc sinh tinh bị hạn chế, cả về số lượng lẫn chất lượng! Không phải sao? Thử nhớ lại các cụ ta ngày xưa! Họ không hề mặc đồ lót dày cứng mà chỉ mặc... xà lỏn thùng thình, phát phối tung bay; quần áo ngoài thì chỉ là một bộ bà ba lụa lèo rộng rãi, phong phanh, mát mẻ; ăn uống thì lành mạnh, không lo thừa đạm, dư cholesterol; ngủ thì chật chội, xoay qua đung, xoay lại đung... do vậy mà cứ đẻ sòn sòn, đầu năm con trai, cuối năm con gái!

Nhưng mà, bài này có cái tựa là: “Bò, tại sao điên?” kia mà! Chuyện như vậy. Một ông bạn tôi hỏi sao lúc này bò điên nhiều thế, hết ở Anh lại đến Pháp rồi Hà Lan, Canada...? Tôi giải thích là do một loại Prion gần giống như virus làm cho não bộ của bò bị xóp đi... Ông bạn cười: Ông chả biết cái gì cả! Bò điên là tại vì trên thế giới hiện nay người ta nhân giống bò không theo kiểu cổ điển, lâu ngày bò chẳng làm ăn gì được nên mới hóa điên đó thôi!

(2010)

Chuyện sanh đẻ

Xưa, người đỡ đẻ được gọi là Cô Mụ. Người ta quý trọng cô Mụ lắm. Nào cô Mụ dạy trẻ cười, cô mụ dạy trẻ khóc, dạy trẻ làm duyên... Chuyện gì cũng đổ cho cô Mụ. Cô Mụ nắn trẻ thành con trai, con gái.

Trước đó nữa, trước khi có cô Mụ vườn, người ta cũng biết chạy vô rừng đẻ, ôm gốc cây đẻ, xong rồi bồng đứa nhỏ nhúng xuống nước cho nó khóc thét lên vì lạnh ngắt như bây giờ người ta xịt alcohol. Khóc càng to càng tốt.

Ở thôn quê bà mẹ mới sanh còn phải nằm lửa. Vì lúc mang thai, kiêng cử quá đáng, sợ con to, đẻ khó, nên trẻ thường bị sanh thiếu ký, do đó cần ủ ấm. Thế nhưng nằm lửa nhiều lại gây tai hại như ta biết. Mà lạ, ăn uống đơn sơ rau lang, bí đỏ, đu đủ... mà sữa rất nhiều.

Bây giờ có nhiều loại sữa nhân tạo ngoài hộp ghi chữ “sữa có chất tạo thông minh”, làm như hồi xưa không có sữa đó để uống thì ai cũng ngu hết trơn vậy!

Có nhiều tập tục về hộ sanh ngày xưa rất hay, như ở thôn quê khi sản phụ đẻ khó, lâu, chậm, người ta bắt ông chồng phải nhảy qua nhảy lại cái mương hoặc quây cái lu nước như để làm trơn cho vợ dễ đẻ; có khi ông chồng phải leo lên mái nhà mở mấy cái nút lạt (xưa nhà tranh, nhà lá, buộc bằng những nút lạt) giống như mở toang cửa nhà cho vợ dễ sanh. Những chuyện đó có vẻ “mê tín dị đoan” gì đó, nhưng thật ra nó có ý nghĩa về mặt tâm lý. Bà vợ đang đau đẻ nằm trong nhà đang rên, đang đau, vất vả, khó

khăn như vậy mà biết có ông chồng thương yêu mình, đang quây lu nước, leo mái nhà gỡ nút lạt, nhảy qua nhảy lại cái mương... hẳn là trong lòng rất vui, yên tâm có người chia sẻ khó khăn với mình thì việc sanh đẻ trở nên dễ dàng, cũng như bây giờ người ta cho ông chồng vào phòng sanh, nắm tay sản phụ, nói những lời động viên, khích lệ. Có điều bây giờ có khuynh hướng mỗ đẻ, nằm máy lạnh... nên ông chồng đành ngồi quán bia chờ vợ sanh thôi! Hồi xưa khi đẻ xong người ta chôn lá nhau, giữ lại một phần cuống rún treo trên nóc bếp (hong khô), bây giờ ta ngạc nhiên thấy cuống rún được lưu giữ để tạo tế bào gốc chữa bệnh!

Gần đây những tiến bộ của khoa sinh sản ở Thụy Điển rất hay, hay hơn cả Nhật, Mỹ... là nhờ trở lại với thiên nhiên, thí dụ như: Cho bà mẹ sanh đẻ tự nhiên, không phải nằm trên giường sanh, buộc tay buộc chân... Trong lúc đau bụng có thể ngồi, bò, ôm chân bàn mà đẻ cũng được, miễn sao thoải mái tự nhiên nhất; bất đắc dĩ, có bệnh lý mới phải mỗ đẻ. Bé sinh ra được cho nút vú mẹ ngay. Nhờ nút mới có phản xạ tiết sữa.

Vì sanh tự nhiên thì có sự co bóp nhồi nắn của cơn co tử cung rất cần thiết giúp trẻ hô hấp được tốt sau này, khi bé ra khỏi lòng mẹ còn chậm cắt rún để máu được truyền thêm qua cho đứa con.

Một điều cũng đáng ngạc nhiên nữa là không biết tại sao bây giờ người ta ngày càng khó có con. Cưới nhau xong rồi bị vô sinh ngày càng nhiều. Hồi xưa nghèo khó hơn bây giờ về vật chất, sao người ta đẻ dễ dàng, đầu năm sanh con trai cuối năm sanh con gái. Có lẽ xưa nhà cửa chật chội chỉ có mỗi một cái giường chung cả gia đình, lăn qua đùng lăn lại đùng thành ra đẻ hoài. Bây giờ nhà cao cửa rộng, vợ một nơi chồng một ngả, muốn gặp nhau phải điện thoại trước, lên kế hoạch thành ra trứng rụng cũng khó, tinh trùng ngày càng yếu liệt chăng?

(2017)

Bác sĩ nhà quê

Tìm một bác sĩ nhà quê bây giờ hơi khó! Phòng khám nào cũng sáng choang, máy móc tân kỳ, tinh xảo, thay đổi kiểu dáng công nghiệp xoành xoạch cứ như thay điện thoại di động. Thậm chí có cả bác sĩ máy, kê toa chẩn đoán bằng “yes/ no” ngon lành trước màn hình. Bệnh nhân... nhà quê run lập cập trước hàng loạt máy móc kỹ thuật cao... Một nhà thơ bị đau cột sống cô nói với tôi anh đã phải đi chụp cắt lớp (MRI) theo chỉ định bác sĩ. Lần đầu chui vào cái máy chụp cắt lớp, thò hai chân ra ngoài lạnh ngắt, cả thân người lọt tòm trong cái hộp kín bung, anh nghĩ mình đang nằm trong cái lò... thiêu! Toát mồ hôi lạnh, ngọt ngọt chịu không nổi, anh cứ phải cựa cựa để biết mình còn đang sống. Thế là không chụp được hình, bị đuổi ra. Anh chạy đến cơ sở khác. Ở đây máy đời mới, tốt hơn, rộng rãi hơn, không kín bung kín mít, anh yên tâm vì nếu có gì cũng còn... la toáng lên được cho mọi người tới cứu.... Các bác sĩ trẻ bây giờ đa số vin vào máy móc. Không có máy móc, chịu! Họ chẳng cần hỏi bệnh sử, chẳng cần thăm khám, máy làm tuốt. Một cái xét nghiệm ra mấy chục kết quả. Gõ gõ vài cái vào máy vi tính, có ngay cái chẩn đoán ngon lành... Một cô gái đến bệnh viện xin khám... bụng. Một bác sĩ trẻ không cần hỏi, ghi ngay cái phiếu cho làm siêu âm với lý do “U bụng chưa rõ nguyên nhân”. Kết quả, một cái thai 4 tháng tuổi, đã ngo ngoe trong bụng mẹ!

Có lần về thăm quê, hàng xóm bỗng đến nhờ tôi khám một bé trai mới mấy tháng tuổi bị... hăm đít, bỏ bú, quấy khóc! Khám mới thấy không chỉ hăm đít mà còn loét cả bộ phận sinh dục, viêm đỏ lúm đóm, loang lổ, lây nhầy, lan tỏa. Thì ra, từ ngày tã lót công nghiệp phục vụ trẻ con về đến miền

quê, mấy ông bố bà mẹ thấy vô cùng tiện lợi, khoa học, tiến bộ, nên cứ mua tã về bít kín hạ bộ cho trẻ cả ngày lẫn đêm để cha mẹ không phải vất vả! Trẻ đi tiêu đi tiểu trong tã mặc kệ. Lây nhầy lích nhích mặc kệ. Tiện lợi quá, đâu có nhìn thấy dơ dáy gì đâu mà phải rửa ráy chăm sóc tã bột như ông bà ngày xưa! Thế là vi trùng trong phân, ammoniac trong nước tiểu... mặc sức hoành hành. Trẻ không biết nói, khóc la ú ớ rồi thôi, chỉ mất ăn mất ngủ. Người nhà thấy loét thì mua các thứ pommade trét thêm nhiều lớp không hết. Đi bác sĩ, trong uống ngoài thoa, không hết. Tôi chỉ khuyên hai điều: một là bỏ tã lót cho bé, lau rửa sạch sẽ, để thoáng khí hoàn toàn, và hai là cho ba bé mặc tã lót nhiều lớp đó! Thấy cả nhà ngạc nhiên tưởng chữa bệnh bằng phép lạ, tôi đành cười: “Áy là dịp tốt để ba nó thưởng thức... thế nào là tã lót và thế nào là sự hăm lở... các thứ”!

Tôi hỏi thêm ông nội ngày xưa ba nó mặc gì? Mặc quần thủng đấy chớ gì! Bây giờ tui nó bày đặt! Ông nội cười nói! Đúng, quần thủng đấy vừa mát mẻ vừa vệ sinh - tiêu tiểu thấy ngay để rửa ráy - và nhất là phù hợp với khí hậu nóng bức ở ta! Văn minh tiến bộ bây giờ bít kín mít cả ngày lẫn đêm! Đó là chưa kể hiện nay người ta ngờ chuyện... vô sinh ở nam giới gia tăng là do cách ăn mặc quá kín, “bóp chết mọi mầm mống từ trong trứng nước”, vì cơ quan sinh dục nam vốn cần sự thoáng mát để... sinh tinh! Tã lót là một tiện nghi cho cuộc sống hiện tại. Nhưng chọn loại tã lót nào, cách mặc ra sao, lúc nào nên mặc lúc nào không... rõ ràng phải được hướng dẫn kỹ. Quần áo tã lót bên Tây không chắc phù hợp với trẻ con bên ta. Quần thủng đấy không chừng nay mai lại trở thành mốt như áo hở rún quần xệ đi bây giờ!

Kết quả tuyệt vời! Vài ngày sau bé đã hết hăm dứt! Cả nhà ngạc nhiên vì cách chữa của ông bác sĩ nhà quê là tôi. Còn ông bố cũng bắt đầu siêng năng rửa ráy cho con vì sợ bị bác sĩ bắt mặc tã!

Chuyện chữa bệnh “hăm dứt” của đứa nhỏ bằng cách bắt ba nó mặc tã không ngờ làm cho tôi nổi tiếng là bác sĩ nhà quê trong làng. Một người xóm trên chở mấy nải chuối đến biếu tôi và nhờ tôi chữa giùm bệnh cho bà vợ ông ta. Bà bệnh dai nhách - ông nói - cứ cảm hoài, ngày nào cũng cảm, ngày nào cũng nấu một nồi lá xông tổ bố để xông, rồi cứ gió, cứ nước, cứ ăn đủ thứ mà vẫn bệnh, vẫn ử oải, dãn dươi, xanh xao, ốm nhom, đi muốn xỉu! Ông bực nhất là ngày nào bà cũng bắt ông đi hái lá ổi, lá miễng cầu ta, lá chanh, rau

húng, tía tô ... các thứ về nấu sôi sùng sục trong cái nồi đất bịt kín để bà trùm mền xông cho toát mồ hôi. Cả người bà do vậy lúc nào cũng nghe mùi... mồ hôi, mùi lá cây, mùi thuốc! Khỏe, dễ chịu được một buổi, nửa ngày, rồi đâu lại vào đó! Thỉnh thoảng bà kêu “y tá” vô một chai nước biển. Lâu lâu để dành tiền đi Sài Gòn khám bệnh một chuyến tốn cả triệu bạc. Bác sĩ cho làm đủ thứ xét nghiệm, chụp hình phổi, siêu âm màu, đo điện tâm đồ, nội soi... và nói bà không có bệnh gì cả, chỉ suy nhược, rối loạn động vật thực vật gì đó làm bà càng hoảng sợ. Bà sưu tập cả một đồng toa và một túi thuốc đủ loại. Ông kêu có cách nào khuyên bà bỏ cái tật ghiền xông cho ông nhờ! Tôi thăm khám, xem kỹ hồ sơ rồi kết luận: bà nên tiếp tục... xông! Ông trợn mắt kinh ngạc. Đã “toa rập” với nhau rồi kia mà! Còn bà thì mắt cũng sáng lên: cứu một bàn thua trông thấy! Nhưng - tôi nói thêm - mỗi lần xông xong phải uống ngay một ly nước chanh đường chừng này và ăn một trái chuối! Chuyện dễ! Chanh, đường, chuối lúc nào cũng sẵn! Uống thêm vài ly sữa mỗi ngày và pha thêm chút ca cao, cà phê vào cho đỡ ngán (bà vốn ghiền cà phê!). Và mỗi ngày ăn... năm bữa, sáng trưa chiều xế, tối. Ăn cái gì cũng được, miễn bà thích - kể cả mắm ruốc thịt ba rọi cuộn bánh tráng rau sống - mà lâu nay bà không dám ăn! Dĩ nhiên tôi cũng không quên kiếm một thứ thuốc trời ơi nào đó trong bịch thuốc rồi cất nghĩa bằng cách châm một trảng tiếng La-tinh như đọc thần chú để bà... không hiểu gì cả! Mấy ngày sau, tình hình đã khá hẳn ra! Bảy giờ tôi mới cười bảo ông không nên cấm bà xông hơi bởi bà đã kiêng nước, không dám tắm tấp, nếu không xông nữa thì... chịu sao nổi! Xông nồi xông là một cách tắm hơi... như Spa ngày nay mà ngay các đại gia cũng ham kia mà! Spa ở nhà kiểu này vừa đỡ tốn kém, vừa có việc làm cho vui. May mà bà không bắt ông massage! Sở dĩ phải uống nước chanh đường sau khi xông là để bù lượng nước mất đi do đổ mồ hôi đột ngột, lại cung cấp năng lượng (đường) và vitamin C (chanh). Còn ăn chuối là để bù kali. Kali (potassium) là chất muối rất cần thiết cho cơ thể, dễ mất theo mồ hôi làm cho cơ thể bị uể oải, thậm chí có thể bị sạm giò... (vọp bẻ)! Kali có nhiều trong chuối, nước dừa, cam... Cũng không nên vô nước biển. Một chai nước biển 500ml loại Glucose 5% chỉ cung cấp có 100 calo, bằng ăn một hũ yaourt hoặc một phần tư chén bánh lọt hay chè tàu thưng. Vô nước biển còn có thể bị sốc, bị run tiêm truyền rất nguy hiểm nữa! Tôi đột ngột hỏi xe ông chạy bằng gì tới đây? Ông trợn mắt thì xăng chớ gì, không lẽ chạy bằng nước lã? Vậy đó, bà đang thiếu xăng, tức thiếu năng lượng, cho nên lúc nào cũng cảm thấy uể oải, đã dượt nên tưởng là "cảm" đó thôi. Đùng đi Sài Gòn khám bệnh

nữa, để dành tiền đó mà ăn. Yên tâm đi, khi bà khỏe, bà sẽ tắm... nước nóng thay vì xông lá xông!

Một bà chị họ của tôi gần bảy mươi tuổi, lâu nay vẫn sống vui khỏe, tắm biển, ăn cá tươi, đi chùa, bỗng có đứa cháu mới vào làm công ty nước ngoài ở Sài Gòn hiếu thảo mua tặng cho một cái máy điện tử đo huyết áp. Từ đó, ngày nào bà cũng đo. Không chỉ đo một lần. Thấy mệt mệt, đo. Thấy uể oải, đo. Mỗi lần đo thì thấy huyết áp vọt lên, hoảng hốt, đi cấp cứu. Bác sĩ bảo không có gì, đuổi về. Bà không tin, đi bác sĩ khác. Không có bác sĩ nào đủ giỏi để làm huyết áp của bà ổn định, “đứng y một chỗ” như bà muốn! Bà không biết huyết áp là để “trời sạt bất thường”, không thể nào đứng yên một chỗ được trừ phi... ngủm! Nó phải trôi sạt theo nhịp điệu buồn vui giận hờn lo lắng trong chuyện làm ăn buôn bán của bà. Chỉ có bác sĩ mới xác định được có tăng huyết áp hay không chứ không phải cái máy đo, dù là máy đo điện tử. Sau cùng tôi khuyên bà muốn cho huyết áp ổn định thì ... liệng cái máy đi rồi tiếp tục tắm biển, ăn cá tươi, đi chùa... như trước! Đúng là bác sĩ nhà quê!

(2009)

Chơn mạng đế vương

Ai mắc bệnh Gút (Gout) thì hình như ít nhiều đều có “chơn mạng đế vương” cả! Bằng cứ là bệnh thường luôn bắt đầu từ dưới *chân*, ở ngón chân cái trước rồi mới lan đi các nơi, và mặt khác, từ xa xưa, người ta cũng đã gọi Gút là bệnh của vua (*maladie des rois*). Lịch sử y học cũng đã ghi nhận Alexandre le Grand, Charlemagne, Louis XIV... đều bị Gút!

Vua chúa hay đi săn bắn, ăn thịt rừng, uống nhiều rượu nên dễ bị Gút. Về sau, những người giàu có cũng hay mắc phải bệnh này do những bữa ăn “đạm bạc” đầy rượu thịt của họ (theo cách giải thích bây giờ thì đó là những bữa ăn nhiều *đạm* và *tôn bạc!*) nên Gút cũng là bệnh của nhà giàu (*maladie des riches*).

Đau khủng khiếp. À không, nhức nữa, nhức khủng khiếp. À mà không đúng, buốt nữa, buốt khủng khiếp. Đau. Nhức. Buốt. Nhích qua nhích lại nhích tới nhích lui gì cũng đau cả. Chân sưng một cục, nóng đỏ. Mất ngủ. Mất ăn. Vua cũng phải kêu Trời!

Tôi vừa bị một vố. Đau sưng ngón chân cái của bàn chân phải. Đúng truyền thống: “chân” của “mạng đế vương” rồi còn gì! Nhưng oan quá, lâu nay ăn uống cẩn thận mà, có săn bắn có nội tạng động vật gì đâu... Từ lâu đã bỏ thịt, chỉ còn rau, cá, củ quả! Chắc tại già. Già, thận yếu, thải không kịp độc chất chằng?

Độc chất ở đây là acid uric, sinh ra từ chuyển hóa protein có chứa nhiều purin trong thức ăn. Acid uric lắng đọng tạo thành muối Urat, quặn quanh và chèn vào giữa các khớp, đại khái như cho cát vào các khớp xe rồi nổ máy, rò ga cho nó chạy vậy!

Các thức ăn chứa nhiều purin là thịt rừng, hải sản, kèm với bia rượu, dzô dzô 100% thì dễ có “chơn mạng đế vương” lắm! Lúc còn trẻ, còn khỏe thì thận tốt, thải độc chất nhanh, nhưng vẫn tích tụ đó, chờ có tuổi, sinh sự. Gút có thể dẫn tới biến dạng bàn chân bàn tay với những u, những cục, những hòn, đúng là “lục cục lòn hòn”... lòn nhòn làm hạn chế cử động và đau nhức kinh niên!

Thuốc trị Gút thì đã có, nhưng nhiều thứ có hại, thứ thì gây loét bao tử (dạ dày), làm mục xương, hội chứng cổ trâu, tăng huyết áp (Cushing), thứ thì gây nhiều tác dụng phụ, tương tác thuốc tùm lum nên cần có hướng dẫn của bác sĩ.

Nghe tôi bị Gút, các bạn đồng nghiệp, học trò... hỏi thử máu chưa, uống thuốc chưa, rồi đem cho mấy thứ! Có bạn còn kêu đọc thần chú, niệm Nam mô... Có bạn bên trời Tây viết “... ở thế kỷ 21 này mà không có cái gì làm cho người ta không bị “đau nhức kinh khủng” sao? Ở bên Mỹ họ có cái thuốc “painkiller” (sát sanh kiểu này thì chắc không có tội!), có hữu hiệu không?”. Dĩ nhiên là hữu hiệu, nhưng tạm thôi, không dứt hẳn được, lại cũng sinh lắm biến chứng, side-effects. Còn cái “painkiller” này có sát sanh không ư? Thì... có! Bởi cái “pain” này hẳn phải do nhiều yếu tố hợp thành, do duyên sanh cả đó thôi, nên chắc chắn cũng là một thứ “chúng sanh”! Tốt nhất là làm sao cho nó “vô sanh” thay vì “kill” nó!

Nghĩ lại, đúng là có chuyện “duyên sanh” thiệt. Mấy ngày trước ăn nhiều cá thu quá! Cá thu chiên, cá thu sốt cà, cá thu kho, cá thu canh chua me, cá thu “muối sư”... (do mấy bà chị ở quê thương tình, mang cho). Mình lại quên cá thu có rất nhiều purin! Vậy là đáng đời! Tôi nhất định không uống thuốc, “thử xem con Tạo xoay vần đến đâu!”. Tôi hiểu cơ thể phải có một cơ chế “sung nóng đỏ đau” (viêm) nào đó để chống bệnh, nếu dùng thuốc kháng viêm chẳng hóa ra triệt tiêu mất cái cơ chế tự nhiên rất quý này của cơ thể sao? Vậy, chuyển hẳn qua ăn rau củ quả xem sao. Có hiệu nghiệm ngay. Thế

nhưng nghe có bạn chỉ ăn toàn đậu với đậu mà cũng bị Gút cấp tính. Thì ra các thứ đậu cũng có nhiều purin, đậu nành, đậu xanh, đậu phộng, đậu Hà Lan... kể cả hạt điều! Ăn vừa vừa thôi thì không sao! Các loại thịt rừng, nội tạng động vật (thận, tim, gan, pâté gan, xúc xích...) và các loại hải sản như cá thu, cá hồi, cá trích, tôm hùm... đều chứa rất nhiều purin cần tránh.

Qua ngày thứ ba thì bớt đau, bớt sưng, nhưng mất cả tuần mới bình phục hẳn. Dĩ nhiên đây chỉ là một cơn Gút cấp tính, không cẩn thận thì tái phát như chơi và trở thành kinh niên!

May quá, rau, trái, sữa, yaourt, fromage, kem... trà, cà phê đều rất ít purin!

(2014)

Sáng mắt

Trường hợp tôi phức tạp một chút, vì 20 năm trước đây tôi đã từng được mổ cườm một lần - cườm chấn thương, sinh biến chứng, phải đi cấp cứu. Lần này thì cườm già ở mắt còn lại. “Con mắt còn lại nhìn một thành hai” (Trịnh Công Sơn bạn nhớ không?). Người bạn đồng nghiệp trẻ chuyên khoa mắt ở bệnh viện sau khi giúp tôi làm các thủ tục hành chánh rồi siêu âm, thử máu, khám tổng quát nội tim mạch... các thứ đã nói không chỉ bị cườm già mà tôi còn thoái hóa hoàng điểm nên mắt mổ xong cũng sẽ nhìn kém so với những trường hợp khác. Tôi cười dù vậy cũng còn khá hơn một số người mà! Mọi người nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên.

Thiệt ra tôi cũng hồi hộp. Mổ mắt đâu phải chuyện dễ. Tôi tự nhủ tùy duyên, tùy hỷ, quán niệm hơi thở... vậy mà huyết áp cũng vọt lên như thường.

Kinh nghiệm cho biết người trong ngành mỗi khi có chuyện thường rắc rối hơn thiên hạ! Trước kia, một người bạn tôi bị viêm ruột thừa, được một giáo sư ngoại khoa đầu ngành mổ... mất 3 tháng sau mới lành, trong khi người bình thường chừng tuần lễ là xong! “Cưng” quá mà! Cũng vậy, nhiều nữ bác sĩ rặn đẻ hoài không ra, phải can thiệp! Thì ra trong nghề, biết nhiều quá dễ sinh sự. Người đồng nghiệp trẻ “động viên” tôi, nhẹ nhàng thôi, nhanh thôi, không đau, anh yên tâm. Người phụ mổ nói bác sĩ P mát tay lắm, đừng lo. Rồi người ta chích cho tôi một phát vào mắt để gây tê. Sau đó tùy hỷ.

Muôn làm gì thì làm, tôi nhủ. Nghe có tiếng nói quả tôi có duyên với bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, vì 20 năm trước, chính tôi cũng đã phụ mổ ca của bác sĩ, lúc đó biến chứng nặng. Lại có tiếng reo vui ủa, bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc hả, em rất mê cuốn Nghĩ từ trái tim của thầy. Hôm nào em mang đến nhờ thầy ký tên nhé.

Xong rồi. Tốt đẹp – bác sĩ P nói – anh có thể về được rồi. Người bạn đọc mê sách tôi bấy giờ tình nguyện dắt tôi về phòng. Lần đầu tiên tôi biết thế nào là... phải vịn vào vai người khác lò dò đi vì mắt đã được băng kín. Bỗng dưng tôi nghĩ mình may mắn ở trong ngành nên đã được nhiều ưu đãi, mọi thứ nhanh chóng, nhẹ nhàng, rảnh rấp... và ước chi điều này có được với tất cả mọi người. Sáng đến thấy bệnh nhân đông nghẹt, chen chúc, gậy gổ, hỏi sao hôm nay đông vậy, cô điều dưỡng bảo hôm nay trời mưa nên chỉ bằng một phần ba những hôm trước!

Sáng ngày hôm sau tôi mở băng mắt của mình ra trước gương soi và giật mình thấy một... quái vật đang trùng trùng nhìn tôi! À mà không, một người lạ hoắc! Lắc lắc vài cái, thì ra mình đó. Không ngờ mình già đến thế! Nhăn nheo, nhăn nhúm, da môi, tóc bạc, tàn nhang đâu đó đậm đà, rõ nét. Tóc nào bạc thì ra bạc, trắng xóa. Tóc nào đen thì đen thui đen thui. Nếp nào nhăn thì ra nhăn, sâu hóm... Đâu đó rõ ràng phân minh chứ không mờ mờ như xưa khi nhìn với con mắt bị cườm che lấp. Thì ra cái thủy tinh thể nhân tạo mới thay nó làm việc tử tế rồi. Thế mới hiểu ra tại sao lâu nay mình “trẻ” thế mà nhiều người già khần cứ gọi mình bằng bác và xưng con xưng cháu ngon lành!

Khô cái lâu nay quen mang kiếng cận thị, bây giờ hết cận rồi mà đi đâu cũng mờ mờ tìm kiếng. Cái tivi bị oan. Lâu nay cứ tưởng nó hư, điều chỉnh đủ cách mà hình cứ mờ mờ thấy ghét thì ra là tại mắt mình. Thế mới biết phải “phản quan tự kỷ”, coi lại chính mình như Tuệ Trung Thượng Sĩ (thầy của vua Trần Nhân Tông) bảy trăm năm trước đã căn dặn. Ngay đêm thứ nhì sau mổ tôi đã được xem trận chung kết giữa Barcelona và Manchester United. Tuyệt vời!

Lạ lùng hơn nữa là sách báo, vi tính... từ nét chữ, hình ảnh, màu sắc các thứ đâu đó đều hiện ra rõ ràng, sắc sảo. Thế mà lâu nay mình cứ chê ông chê eo sách báo lem nhem chữ nghĩa mờ mờ hình ảnh nhòe nhoẹt... (bác sĩ điều trị

chưa cho phép tôi đọc sách báo, làm việc trên vi tính). Phố xá xe cộ cây cối gì quanh tôi cũng... đẹp hẳn ra, màu nào ra màu đó. Đỏ thì thiệt đỏ. Vàng thì thiệt vàng. Xanh thì thiệt xanh. Tím thì thiệt tím.

Hóa ra lâu nay mọi thứ đều đẹp lạ lùng đến vậy mà mình không biết. Tôi ngờ rằng những người có đôi mắt tốt xưa nay chắc chưa bao giờ có được cái cảm giác “hạnh phúc” như tôi lúc này. Dĩ nhiên rồi nay mai tôi cũng sẽ quen đi, sẽ không còn nhận ra những thứ tuyệt diệu quanh mình như thế nữa.

Một tuần lễ đã trôi qua. Tôi đã làm quen được với bộ mặt “thật” của mình.

Tôi đã “sáng mắt” ra nhiều thứ. Tuy có già đi nhưng thấy mình cũng... dễ thương!

Người ta ở bên...

bạn có qua cồn Thới Sơn

người ta ở bên

(Trần Văn Lệ)

bạn nhớ thăm người ta ở bên

cồn Thới Sơn giữa dòng Mekong

ta lặn lội trăm lần tìm kiếm

ngược xuôi khắp ngã chằng chịt bóng dừa xanh.

sông rạch quanh co lách con thuyền nhỏ

bập bênh sóng nước phương Nam

bạn dặn người ta mười bảy

tóc chải mượt dầu dừa

môi thơm mùi kẹo

nước da trắng muốt

nhờ tắm nước dừa xiêm

ta lang thang kiếm tìm

gặp ai cũng hỏi

những cô gái Thới Sơn

má hồng hây hây

lắc đầu quây quây

hông quen!

cho đến một hôm trời cũng chiều lòng

có một cô răng khênh,

bẻ gãy sừng trâu,

rất xinh

đúng là người xưa của bạn

nàng nhìn ta đôi mắt long lanh

khi ta nhắc tên,

nàng ôm chầm lấy ta rồi kêu to

ngoại ơi ngoại ơi...

trần vấn lệ

ông dì nè!

Đỗ Hồng Ngọc (2015)



Minh họa: Đinh Cường

“Đừng giục cơn sâu nữa sóng ơi”!

Xếp tập thơ lại, tôi bản thân cả một buổi chiều. Và bỗng nhiên, một câu thơ của Vũ Hoàng Chương - dịch Hoàng hạc lâu của Thôi Hiệu - hiện về trong trí nhớ: “Đừng giục cơn sâu nữa sóng ơi” (Yên ba giang thượng sử nhân sầu)!

Thơ Lữ Quỳnh với tôi là những làn sóng lắt lay của một thời trẻ dại. Cùng một lứa bên trời đọc Lữ Quỳnh, tôi như đọc chính mình... Một nỗi buồn mênh mêng, dằng dặc. Bài thơ nhỏ của anh trở thành một đề từ: *Sinh nhật tôi/ Một ngày tháng chạp/ Những ngọn nến thấp/ Là hồi ức buồn...* Tháng chạp, ấy là thời điểm của năm sắp qua, ấy là giờ khắc của hồi hã, của vội vàng, và của những cơn gió bắc buốt lạnh, se lòng trước những tà áo trắng tan trường về... Và thơ anh, những bài thơ của mùa gió bắc đó, của tháng chạp đó, là những câu thơ quận thắt....

Tôi cùng em đứng đợi dưới mưa chiều

Bên kia đường nghĩa địa đìu hiu

Bia mộ liêu xiêu mịt mù trong gió

(Chiều mưa trên thành phố nhỏ, tr 14)

Rồi chỉ vài trang sau đó thôi đã thấy ở một bài thơ khác của anh:

Nghĩa địa mùa này tro mộ chí

Xe tang nào lặng lẽ chở hoàng hôn...

.....

Tay với trời cao không thấu nỗi

Tuổi già mắt bạn cũng mờ cõi...

(Trái của đời dù đắng, tr 19),

bởi trong giấc mơ anh đã thấy: *Có tiếng vỗ tay râm ran/ Trên từng hàng ghế trống/ Lạnh lẽo gió thiên đường...* (Giấc mơ, tr 57)

Và vậy đó, những bài thơ gần đây nhất của Lữ Quỳnh mang một nỗi buồn hoàng hôn, mà tôi gọi là nỗi buồn “nhật mộ”, lúc mà người ta thường phải sứt se tự hỏi như Thôi Hiệu: “*huong quan hà xứ thị?*” (Hoàng hạc lâu). Cái hương quan hà xứ này hình như ta chỉ chạm mặt giữa hoàng hôn, những hoàng hôn tím biếc, những chập chùng khói sương, bên bờ vực thẳm. Đinh Cường có lần nói với tôi gần hai mươi năm trước: Một lần kia đứng nhìn thác Niagara, tự nhiên *moi* muốn nhảy xuống như “con điều bay cho vực thẳm buồn theo...” (Trịnh Công Sơn). Cái vực thẳm buồn theo đó cũng là cái vòm cao “trắng một màu mây vụn vụn đời” – bạch vân thiên tải không du du - nọ, khi người ta bỗng quay quắt tự hỏi mình: tôi là ai mà còn trần gian thế? Cho nên tôi không lạ khi Lữ Quỳnh viết: *Ký ức sá gì mây trắng nữa* (Đường vụn dậm, tr 33)! Cái “hương quan hà xứ” mà Thôi Hiệu nói đến chắc chắn không phải là cây đa bên nước con đò mà là một thứ quê hương nào khác, cái mà Trịnh Công Sơn bảo: “chẳng biết nơi nao là chốn quê nhà...” kìa!

Những bài thơ của Lữ Quỳnh dù có được ghi ngày tháng hay không ghi ngày tháng vẫn là một dòng chảy xuyên suốt: một nỗi buồn dằng dặc khôn nguôi của thân phận con người như thế đó. Không có gì khám phá mới mẻ trong hình thức hay nội dung thơ ở đây đâu - đừng tìm cho mất công - mà

chỉ là những ngậm ngùi ngợi than “hình hiện” nên lời. Chỉ có thể và chỉ cần thể với thơ.

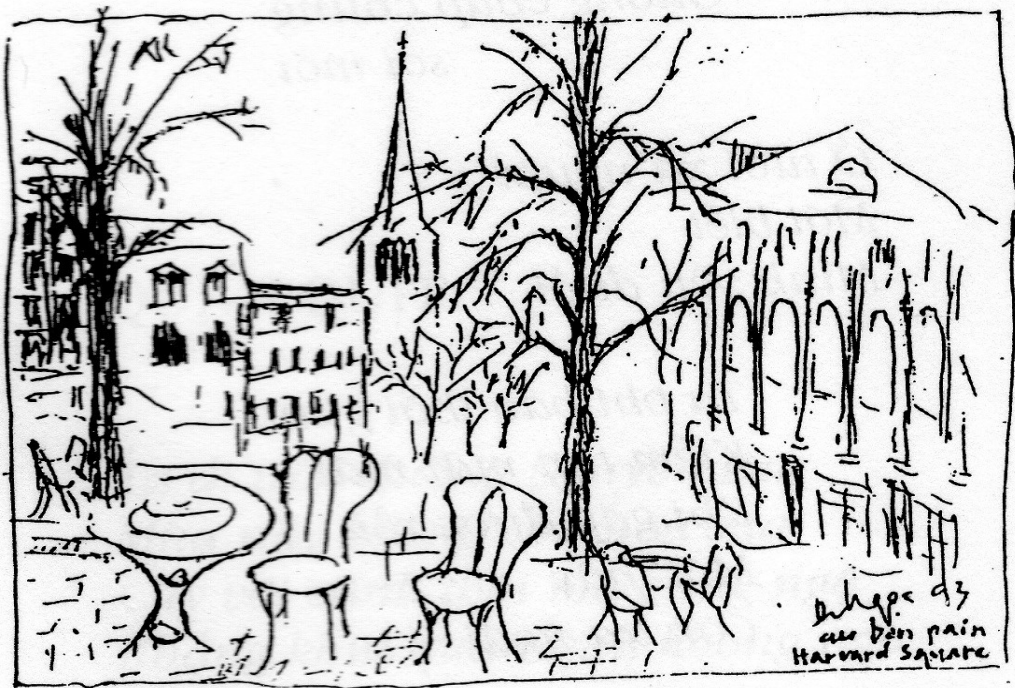
Nỗi buồn của tuổi trẻ, tuổi đôi mươi mà *Lúc mở mắt chào đời/ Quê hương bừng khói lửa/ Tôi cúi nhìn thân tôi/ Lớn lên bằng uất hận...* (Tuổi đời, tr 96), đã thấy biết mình “thân già như cỏ thụ” (tr 94) thì khi thỗi những ngọn nến thắp chập tuổi này người ta có quyền trẻ, trẻ không ngờ, như một bức tranh hồn nhiên của Picasso.

Có một bài thơ không ngày tháng của Lữ Quỳnh như một nỗi hồi sinh, một lần cứu rỗi: ... *Tóc trắng mây bay lòng mới lớn/ Từ em anh chợt tuổi hai mươi...* (Tình thoáng, tr 68).

Đình Cường trong một bức tranh minh họa, đã ghi lại hai câu thơ của Lữ Quỳnh: Lòng có trải ra trăm nghìn bến / Thì điều hiu buốt giá thêm thôi...

Tôi không tin vậy. Cho nên chiều nay ở nơi quê nhà đọc Lữ Quỳnh tôi bỗng kêu lên: “Đừng giục cơn sầu nữa sóng ơi...”!

(2009)



Phụ bản: Harvard Square
Đỗ Hồng Ngọc

Dạng đặc khôn nguôi

Cái bài thơ có vẻ ít thơ nhất trong tập *Lời Ca Cổ Non* của Từ Thế Mộng lại là bài làm cho tôi xao xuyến nhất. Không chỉ một lần mà hai lần rồi ba lần, mỗi lần đọc lại tôi đều thấy rung rung. Đó là bài “Như hai giọt nước”. Tôi bảo nó không phải thơ nhất chỉ vì nó có vẻ như một câu chuyện kể bình thường, những lời lẽ đời thường, giản dị, chân chất... về một chuyện trong gia đình – giữa thời buổi mà người ta đang cố làm mới thơ với những hình thức cầu kỳ, câu chữ bí hiểm thì bài thơ của anh có gì đó xa lạ với “thơ hôm nay”, thơ “hậu hiện đại”:

... Con học toán nhớ nhiều công thức quá

Nên quên lòng thương mẹ thương cha

Em con đó nhiều khi sờ sững nhớ

Trông chị về – con lại muốn đi xa

Con điện tin về không báo trước

Người yêu con tới hỏi sớm mai này

Ba má nhìn nhau không hiểu hết

Con ta ơi ta lạc mắt con rồi

... Ba giận con mà lòng quay quắt

Nỗi thương con nên tự nhủ mình

Ba với con như hai giọt nước

Nghiêng bên nào cũng thấy long lanh

(Như hai giọt nước)

Có lẽ tôi cũng đã già, nên mới thấm hết nỗi ray rứt trong lòng người cha, cái cảm nhận có phần thảng thốt trước dòng chảy nghiệt ngã của thời gian – giữa hai bờ thế hệ – vừa ngọt ngào vừa cay đắng, chia xa, vừa ngậm ngùi vừa độ lượng, gần gũi.

Thường khi đọc thơ, tôi chỉ đơn giản coi bài thơ đó đã gây xúc động như thế nào với lòng mình, nó có làm xao xuyến, có làm rung rung và sau đó có còn đọng lại những nỗi niềm ray rứt mà khi không còn nhớ một câu một chữ nào của bài thơ ta vẫn còn nghe cái vị ngọt ngào hay mặn chát đắng cay mà bài thơ để lại, một thứ gì đó dằng dặc khôn nguôi. Có phải đó là cái “tác lòng” của người làm thơ, cái “thôn tâm thiên cổ” đó chăng?

Cho nên gọi *Như hai giọt nước* là một bài “ít thơ nhất” cũng chính là bài rất thơ đối với tôi.

Một bài thơ thứ hai cũng để lại trong lòng tôi nỗi xao xuyến lạ kỳ, có lẽ đã được anh viết từ bên bờ dốc đá dựng đứng của thác Dambri, những ngày anh còn lang thang ở Bảo Lộc, hơn bốn mươi năm về trước.

Rừng, tôi và một vùng thác trắng...

Tôi chòm ngọn trong nỗi mừng kỳ dị

với một niềm mong ước rất xôn xao

buông nhẹ hai tay, ôi thần trí ngọt ngào

tôi sẽ mới giữa vô cùng sáng láng!

(Lời kêu gọi quyền rũ của thác)

Tôi bỗng nhớ họa sĩ Đinh Cường: anh có một bức tranh nổi tiếng vẽ một người đàn ông đứng chênh vênh bên bờ ngọn thác Niagara. Năm 1993, lúc đó tôi đang ở Boston, Đinh Cường viết cho tôi: “Đứng bên bờ vực ngọn thác hùng vĩ nhất thế giới này, moa chỉ muốn tung mình xuống dòng thác... và bỗng nhớ một câu hát của Trịnh Công Sơn: *Con diều rơi cho vực thăm buồn theo...*”

Từ Thế Mộng thật lạ. Đọc thơ anh, có lúc thấy anh có vẻ ngang tàng, hùng dũng, không hề “nhát gái”, tinh thoảng còn tinh nghịch phá phách nữa kia, nhưng có lúc lại thấy anh ú ớ, ngẩn ngơ, không nói nên lời. Cái ú ớ thật dễ thương của một khung trời nắng rực biển và gió cát của Phan Thiết:

Phượng hồng phượng hồng sao phượng hồng

sao trong mênh mông mà nhớ nhung

ngành em áo trắng trong sân trắng

phượng vẫn rơi bàn tay không!

(Phượng hồng)

Tôi yêu cái ú ớ đó của anh và cả những tinh nghịch của anh:

Em mỗi ngày một lớn

Ta mỗi ngày một già

Ta mừng em xinh đẹp

Mừng ta còn như xưa

(Chiêm bao)

Con chim tình nhỏ nhắn

Bay suốt cả đời anh

Có lẽ nào em xinh

Nhìn anh mà chẳng thấy

(Chiếc giỏ vàng)

Thấy quá đi chứ, nhưng rõ ràng “mừng ta còn như xưa” quả chỉ là một giấc chiêm bao!

“Em giữa mình gói sóng

Ráng đỏ thoảng bên trời

Anh rùng mình ngăn lại

Một tiếng thềm đang rơi!

(Ráng đỏ)

Cầu trời cho anh còn nghe mãi cái tiếng thềm đang rơi đó, và cũng cầu trời cho anh được rùng mình mỗi lần thấy ráng đỏ bên trời đó nữa. Phải sống ở biển trời Phan Thiết mới thấy hết cái tuyệt vời trong những câu thơ đơn giản đó. Cái mặn mòi của Phan Thiết hình như gắn với gió với sóng với hơi nước, với ráng đỏ, với bờ cong... Dĩ nhiên là nhiều nơi có biển, nhưng không ở đâu như biển Phan Thiết của Từ Thế Mộng:

Mấy hôm nay biển thở dài

Mới hay em bệnh đã vài bốn hôm

(Biển ốm)

Ôi còn gì tuyệt bằng những buổi chiều ở bãi, nằm im trên bờ cỏ non xanh ngảng mặt nhìn trời... Anh nghe trong hơi nước đầy hơi sương. Trong hơi sương đầy hơi em. Trong hơi em đầy hơi của mặt trời mới mọc...

(Lời ca cỏ non)

Tôi sinh ra và lớn lên ở Phan Thiết, những ngày ấu thơ cũng “vọc” biển như anh vậy nên tôi có thể hiểu anh, kể cả khi anh viết về cái mưa Phan Thiết:

Em về

trong dịu dàng mưa

Bước chân lững thững

như chưa ướt gì...

(Mưa và em)

Uớt gì? Làm tôi nhớ một câu ca dao ở Phan Thiết thuộc từ thuở nhỏ:
Trời mưa ướt lá bòn bòn...

Cũng vậy, trong Màu tình yêu, người ta không thể không tìm tìm cười một mình, với những *vàng, ngà, đỏ, đen, hồng...* của Từ Thế Mộng.

Nhưng bên cạnh một Từ Thế Mộng đôi khi tinh nghịch rất dễ thương đó là một Từ Thế Mộng khác, Từ Thế Mộng của những bài thơ cổ phong, mang hơi hướm của ngàn năm cũ, ngay cả trong cách đặt tựa đặc sệt Đường thi của anh: *Buổi sáng nhân đọc một quyển sách hay rồi Buổi tối chọc người yêu khóc rồi ngắm/ Chiều cuối năm nhớ bạn...* chẳng khác xưa Bạch Cư Dị viết: *Từ Giang Lãng qua Từ Châu đọc đường gởi cho anh em/ Đêm đông chí ở Hàm Đan nhớ nhà...* hay như Đỗ Phủ viết: *Đáp lòng tiễn biệt của ông cậu thứ mười một trong bữa tiệc...* Những lúc đó thấy nhà giáo Tư Đình bên trong Từ Thế Mộng ngồi chễm chệ như một ông đồ già, nghiêm trang và cẩn mật, nhưng giọng thơ đầy hào sảng:

Trời đang lạnh gắt ở phương xa

Rượu nốc không nguôi nỗi nhớ nhà...

(Chiều cuối năm nhớ bạn)

Đông giang Đông giang đường dốc ngược

Bạn lái xe ngỡ trông con mắt...

(Bạn lái xe)

Nhưng trên hết, trong thơ Từ Thế Mộng người ta thấy cái tình gia đình đầm ấm, chân thành, sâu lắng: với mẹ như “*Nước trong nguồn*”, với bà trong “*Hạt mưa xa*”, với vợ, với con: *Con bớt chưa con, Như hai giọt nước...*

Anh Tư Đình thân mến, tôi cảm ơn anh rất nhiều đã tin cậy tôi mà gửi tập bản thảo “*Lời Ca Cỏ Non*” và nhờ thôi viết đôi dòng cho tập thơ này của anh, lại còn cho phép tôi tùy nghi cắt xén – một tập thơ mà nếu nhìn lại thời gian, nó đã trải hơn bốn mươi năm của một đời người – (mà anh nói vì những kỷ niệm riêng tư, anh không làm sao cắt xén cho đành) – thì tôi cũng vậy, tôi cảm động mà cũng không biết phải nói gì đây cho tập thơ, chỉ biết để lòng mình chan hòa cùng tác giả, buồn vui cùng tác giả. Dễ gì ta có dịp đọc một tập thơ mang cả một đời thơ, mà còn thấy được bên kia thơ là một con người vừa đắm đuối mê say, lại vừa nghiêm túc, cẩn mật; một người có lúc như tinh nghịch mà biết bao nỗi ngậm ngùi, có lúc như đùa cợt mà vẫn thâm đậm một nỗi buồn man mác khôn nguôi... của một kiếp người như dòng sông trôi đi, biên biệt trôi đi:

Ta thấy lòng mình như đôi khác

Ta trong veo và nổi bông bênh...

(Buổi sáng nhân đọc một quyển sách hay)

Phải vậy không anh Tư Đình, Từ Thế Mộng?

(2009)

Nỗi ám ảnh sen

Hình như Lê Ký Thương bị ám ảnh bởi một búp sen. Có lẽ từ những ngày còn thơ anh đã ngheu ngao *trong đầm gì đẹp bằng sen/ lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng...* Thế rồi khi dần bước vào đời anh đã quên bài học ngày xưa, mãi mê tìm kiếm một búp sen rực rỡ hào quang ở cuối chân trời nọ, cho đến một hôm giật mình ngó lại: thì ra cái *lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng* kia rốt cuộc chỉ là *nhị vàng bông trắng lá xanh* đó thôi. Mà chợt ngộ một điều cốt lõi: *gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn!*

Và vậy đó, khi đã thấy biết, đã “tri kiến” thì người ta chỉ còn mỗi cách *sup lay cúi đầu* (Quách Thoại)... trước một điều “bất khả thuyết”. Nó vậy đó. Nó như thị. Nó như lai. *Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng* lãng xãng vậy cũng chỉ để rồi *nhị vàng bông trắng lá xanh...* thôi. Đừng tìm đâu nữa cho mất công. *Gia trung hữu bảo hựu tâm mịch* (Trần Nhân Tông). Cho nên con cóc đã vội vã quay về với búp sen. Cái đóa sen đó cứ xòe ra rồi khép lại, khép lại rồi xòe ra, từ nghìn xưa cũ, đóa sen của thiên thu lung linh giữa gió và nước, như tùm tùm cười, tỏa ngát hương thơm... Nó tuyệt vời bởi nó giản đơn, nó chung thủy, nó chẳng vì ai để tỏa hương nhưng cũng đủ làm cho cái mùi bùn kia trở nên nhu mì, yêu điệu...

Đóa sen giúp người họa sĩ từng bước trong hành trình *khai thị ngộ nhập* đó vậy. Khai là mở, là xòe ra cho thấy, thấy để biết, biết để ngộ, và ngộ để nhập. Nếu ngộ là một sựng sốt, giật mình, thì nhập lại là một lặng thình, cúi đầu, lạy tạ.

Tạ chiếc lá rơi, bởi lá rơi là nguồn sống. Tạ cây chổi chà, bởi chổi chà là quét tước, dọn mình. Tạ bù nhìn, bởi bù nhìn nhắc nhớ *lúc ra sân khấu không làm rộn* (Ung Bình). Tạ chén cơm manh áo, bởi *to be or not to be*. Tạ con đò bởi đáo bỉ ngạn...

Lúc đầu tôi có hơi dị ứng nhưng sau thì tôi hiểu. Tôi hiểu nỗi ám ảnh của chàng ngày xưa, nỗi ú ớ, nói không được của chàng hôm nay. Cái hình ảnh cúi đầu lạy ta lặp đi lặp lại là cả một hành trình ra đi và quay về. Đúng vậy. Phải lạy tạ ngàn lần để búp sen *khai thị*, mở ra điều kỳ bí, như chàng Đoàn Dự si tình kia sụp lạy ngàn lần trước tượng giai nhân “thần tiên nương tử” (Kim Dung) trong thạch động của núi đá Vô lượng ngày nào.

Nhưng khai thị là để *ngộ nhập*. Nhập về đâu? Về Như Lai, dĩ nhiên. Nhưng không chỉ có vậy. Nhập còn là nhập thế. Đóa sen không chỉ nhập vào như lai mà còn nhập vào bần! *Gần bần mà chẳng hôi tanh mùi bần*. Lê Ký Thương hình như đang trên con đường của sự trở về đó. May thay, chàng còn có những phút giây bên giá vẽ. Ở đó chàng có thể thử trộn nhị vàng với bông trắng với lá xanh...

(2009)

Lắm nỗi không đành!

Thơ Võ Tấn Khanh chỉ là một thứ tiếng lòng thổn thức, trong lúc lỡ “ngậm ngùi ngời than” mà thành cung điệu. Có người nói thơ anh “hiền” quá. Mà không hiền quá sao được, anh vốn đã vậy, vốn là vậy.

Gần năm mươi năm trước có một nhà thơ nữ mang cái tên rất Huế là Tôn Nữ Hoài My có những bài thơ tình trên báo chí lúc đó khiến nhiều bậc mày râu khá ngẩn ngơ. Một hôm, nhà thơ “hiện nguyên hình” thành một trang “nam tử hán”, chính là Võ Tấn Khanh, chàng thư sinh hiền lành, nho nhã, có nét cười hờn hậu, giọng nói nhẹ nhàng như nước sông Phan Rang những mùa nắng cháy. Phải, chỉ những mùa nắng cháy không thôi, chứ mùa mưa lũ thì dòng sông lại trở nên âm ào dữ dội, đôi lúc tràn bờ. Và, Tôn Nữ Hoài My dạo đó, Võ Tấn Khanh sau này, đã có những bài thơ! Nàng thơ đã “hình hiện” cách nào đó, qua một cô My nào đó, quả thật đã làm cho người ta hoài nhớ khôn nguôi:

Tôi nào biết chim xa rừng nẻo lạ

Và trái hồng chín rụng xuống thiên thu

(Tôn Nữ Hoài My)

Lứa tuổi chúng tôi ai cũng thấm một câu ca dao từ thuở nhỏ: *Chim xa rừng còn thương cây nhớ cội/ Người xa người tội lắm người ơi!* Võ Tấn Khanh không kêu tội lắm người ơi, anh chỉ kêu “rụng xuống thiên thu”. Cái gì rụng? Trái hồng. Thứ trái cấm của mối tình đầu đã lỡ.

Lạ, cái môi tình học trò đó. Khi người ta lớn lên, tưởng đã quên, đã nguôi. Nhưng không. Nó vẫn quấn quanh, quấn quýt đâu đó, thấm vào cây lá, vào núi thăm sông sâu:

Cây nhớ lá đã đôi lần khóc gọi

Đường nhớ chân từng lớp cuội rang sâu

Chim nhớ bạn quấn quanh từng cánh mới

Tôi nhớ người như núi thăm sông sâu

(Tôn Nữ Hoài My, khi về lại)

Hình như cái xứ Phan Rang đó, cái xứ mà như người ta thường gọi là “gió như phang” mà “nắng như rang” đó có cái gì rất lạ, như sắc lạ, keo lại trong tâm hồn những con người đã sống và lớn lên từ đó. Như những vết gạch khấn vào nhau của những tầng tháp cổ.

Xuống một chút thì biển. Lên một chút thì rừng. Thung lũng với những ngôi tháp ngàn năm phì phò hơi thở nóng, những mái chùa cong vút ôm lấy vàng trắng xưa, những cánh đồng nho nhỏ xanh mượt mà tươi non và những cánh cò trắng phất phơ lặng lẽ hình như đã nuôi dưỡng những tâm hồn mộc mạc mà sâu lắng, chơn chất mà đắm say. Cây cỏ cứ quắt queo lại, củ hạt cứ quắt queo lại không ngờ nhờ đó mà đậm đặc hơn, nồng thắm hơn, ngọt bùi hơn. Hương tỏi, hương ổi, hương cau... ở Phan Rang đều rất lạ. Và rồi, những rặng nho, tầng tầng lớp lớp làm cho người ta dễ ngậm ngùi “cùng trông lại mà cùng chẳng thấy”...

Khanh viết về quê hương mình, về người mẹ tảo tần của mình thật đầm thắm thiết tha:

Nắng trưa rang cháy vườn cây

... ..

Bước xiêu khập khiễng mổ gà

Mắt leo lét chậm như, mô hôi tan

(Đời mẹ)

Tôi thích chữ *leo lét*... Mắt leo lét. Như một ngọn đèn khô. Hình ảnh sống động của bà mẹ quê miền gió cát bạt ngàn này. Và tôi cũng thích chữ *chậm như* (chậm ghèn). Ít ai đưa vào thơ những hình ảnh như thế. Nhưng với tôi, có lẽ méo mó nghề nghiệp một chút, nó lại rất thơ, nhất là khi viết về người mẹ. Bước chân xiêu vẹo, khập khiễng, còng lưng, nhấp nhô giữa trưa nắng cháy rang người, mắt leo lét, chậm như, để kiếm lấy trái bắp trái cà về nuôi con. Khanh như khắc mà không vẽ.

Cũng vậy, dòng sông Phan Rang hiền hòa, mùa nắng phơi trần những bãi cát cho trẻ con vọc phá, mùa mưa ập xuống những con lũ, cuốn phăng những mái nghèo ven sông là những hình ảnh đậm sâu trong thơ anh:

Ôi, Phan Rang đã nuôi ta từ tấm bé

Với dòng sông, bãi cát, con đường

(Khúc ly hương)

Rất thường đó thôi. Chẳng có chút gì là câu kỳ, là thơ mộng! Vài nét băng quơ. Nhưng phải là những người đã từng phen vọc cát ở lòng sông những ngày nắng hạ, những người đã từng quen lang thang trên những con đường nhỏ rợp bóng me, với tấm lòng hơn hờ thên thang tuổi xuân thì mới nghe hết được những điều giấu nhem bên trong.

Tôi đặc biệt thích bài thơ viết về ngôi trường cũ, “Duy Tân, ngày trở lại” của Khanh:

Mỗi bước run theo mỗi ngấp ngừng

Từng viên đá cuội cũng rung rung

Còn ai nữa? Còn ai nữa bên song cửa lớp? Còn ai nữa rộn rã buổi trưa hè? Bởi “bầy chim sáo cũ không về nữa”. Thế nhưng không phải vậy. Bầy

chim sáo thì không còn mà hơi hướm thì vẫn còn. Những vật vô tri vẫn luôn có một linh hồn.

Vẫn ghé bàn thơm hơi hướm nhau

Bàn tay vụng dại cánh thơ đầu...

Cũng có lúc nổi đời trần trở, vất vả, anh cũng muốn tính toán như bao người:

Cũng muốn như người reo thích chí.

Lọc lừa trần trở bán lương tri

Nhưng rồi:

Nghiêng cốc chưa khô lòng đã cạn

Nghêu ngao lời đục rót canh chày

Vàng trắng vàng những hồn xưa sáng

Có rủ nhau về vui tối nay?

(Độc âm)

Khi biết gần gũi “những hồn xưa sáng” thì khó mà người ta tính toán, đo đếm. “Một đời lận đận đo rồi đếm/ Mỗi gói người đi đứng lại ngồi” (Bùi Giáng).

Tới một cái tuổi nào đó, bỗng nhiên người ta ngộ ra nhiều điều:

Dẫu biết trăm năm là sợi khói

Nhưng lòng ta còn lắm nổi không đành...

Chính cái “lắm nổi không đành” đó làm ra thơ Khanh. (2007)

Lẽ đẽo phương quỳ

Với tôi, Phan Thiết không chỉ dễ thương với Mũi Né, Tà Dôn, Tà Cú... mà còn đặc biệt dễ thương với ba nhà thơ bạn mình, đó là Từ Thế Mộng, Nguyễn Bắc Sơn và Nguyễn Như Mây.

Hãy nói về Từ Thế Mộng trước. Không phải vì anh là nhà thơ... lớn hơn hai nhà kia nhưng bởi anh có tuổi... lớn hơn hết trong bọn chúng tôi. Năm nay anh đã 70 rồi mà tiếng cười vẫn rộn rảng, sáng khoái và sáng nào anh cũng đạp xe đạp đi tắm biển một mình, chỉ để ngắm ráng đỏ bên trời: *Em giữa mình gói sóng/ Ráng đỏ thoáng bên trời/ Anh rùng mình ngăn lại/ Một tiếng thềm đang rơi*. Tôi hỏi tiếng gì thềm, anh im lặng không nói. Chắc phải gọi anh vài thứ thuốc! Anh là tác giả của các tập thơ *Lời ca cỏ non*, *Lẽ đẽo một phương quỳ*, *Trường ca Má thương yêu*... và nhiều tùy bút, đoản văn rất hay trên các báo. Tưởng anh mê biển mà không phải vậy, chẳng qua. *Mấy hôm nay biển thở dài/ Mới hay em bệnh đã vài bốn hôm!* Nhìn một cô gái đi trong mưa, anh kêu lên: *Em về/ trong dịu dàng mưa/ Bước chân lững thững/ như chưa ướt gì...* Từ Thế Mộng tên thật là Nguyễn Đình Tư, được mọi người biết dưới tên Tư Đình, để phân biệt với những ông Tư khác ở Phan Thiết. Vốn là một thầy giáo dạy văn, gốc Huế nhưng anh đã sống và lớn lên ở Phan Thiết từ thuở mới lên mười, cho nên anh mê Phan Thiết chết đi được.

Phan Thiết mưa và Phan Thiết nắng

Bởi vì em Phan Thiết ở bên anh

Rồi Phan Thiết một ngày chợt vắng

Em yêu ơi mưa nắng nữa sao đành...

Mười mấy tuổi đầu, anh mê một cô hàng xóm xinh đẹp, có chữ lót là Mộng. Từ đó, trên thế gian này, chỉ còn có mộng của anh, nên anh lấy bút danh là Từ Thế Mộng. Tôi đùa vậy còn thực hư ra sao không biết. Dù sao thì Mộng cũng đã thành Thực từ lâu rồi! Còn “Lẽo đẽo một phương quỳ” của anh viết từ Bảo Lộc, những tháng ngày lang thang dạy học kiếm sống. Dĩ nhiên Bảo Lộc trời thì lạnh mà đầy hoa quỳ vàng cho nên nhà thơ có lẽ đẽo cũng chẳng có chi là lạ! Trong lời tự bạch về mình, anh khoe anh “có tật mê gái, thấy con gái đẹp thì mắt sáng rỡ”. Các “con gái đẹp” dĩ nhiên cũng sẵn sàng tha thứ cho một nhà thơ mắt sáng rỡ từng chập như thế thôi!

Trong Lẽo đẽo một phương quỳ, nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn, bạn anh, đã vẽ chân dung anh bằng hai câu thơ đặc sắc:

Tư Đồ, Tư Mã, Tư Không

Ba Tư dồn lại thành ông Tư Đình!

Tư Đồ, Tư Mã, Tư Không thì tôi biết rồi, chịu rồi, nhưng thắc mắc chuyện ba Tư dồn lại, bởi nếu theo câu ca dao “Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây dùm lại thành hòn núi cao” thì ở đây phải là “dùm lại” mới đúng chứ! Tôi hỏi. Từ Thế Mộng nhìn tôi từ đầu đến chân bằng ánh mắt thương hại, rồi cười ha hả: Câu thơ của Nguyễn Bắc Sơn chỉ “ăn tiền” có chút xiu đó mà ông đòi sửa thì còn gì là Nguyễn Bắc Sơn với Tư Đình Từ Thế Mộng này nữa!

Cứ nghĩ cái cảnh ba ông Tư kia chen chúc, dồn lại một cục thành ông Tư Đình, tôi cũng không khỏi tùm tùm cười một mình vậy!

(2009)

“Thy đạo”

Nói đến Nguyễn Bắc Sơn không ít người nhắc mấy câu thơ nổi tiếng một thời của anh:

Mai ta đụng trận ta còn sống

Về ghé Sông Mao phá phách chơi

Chia sót nổi buồn cùng gái điếm

Vung tiền mua vội một ngày vui...

để chứng minh rằng anh là một nhà thơ lính chiến, ngổ ngáo và ngang tàng... Tôi không thấy vậy. Tôi chỉ thấy trong thơ anh một nỗi chua xót, đắng cay. Nỗi chua xót, đắng cay dằng dặc cho cả một thế hệ dưới màu áo của thời binh lửa. Nỗi đau như lịm hẳn vào trong: *mai ta đụng trận ta còn sống...*

GS Cao Huy Thuần, sống ở Pháp trên 40 năm, tác giả *Thấy Phật*, có lần nói với tôi lâu nay ở xa đọc những bài viết về Nguyễn Bắc Sơn cứ nghĩ anh là một nhà thơ của lính, nay đọc “Nhớ nhớ quên quên” (Đỗ Hồng Ngọc, *Như Thị*, Văn Nghệ, 2006) mới nhận ra một Nguyễn Bắc Sơn khác: nhà thơ của thiên nhiên, của tình yêu đầy nhân hậu...

Thật vậy, ở ngoài đời Nguyễn Bắc Sơn hiền như... bụt, với nụ cười chân chất dễ thương, bởi trong sâu thẳm, anh là một đạo gia, một thiền sư chính công: “*Những ngày ăn gạo lứt muối mè/ Những ngày xem Zen là lẽ sống*”. Trong bài “*Ở đời như một nhà thơ phương Đông*”, anh viết “*Một ngày kia y chiêm bái đồng lúa chín vàng/ Và nhìn thấy lòng hảo tâm của trời đất*”.

Anh viết về bạn bè thì:

*Có khi nghĩ trời sinh một mình ta là đủ
Vì đám đông quây bản nước hồ đời
Nhưng lại nghĩ trời sinh thêm bè bạn
Để choàng vai ấm áp cuộc rong chơi...*

Và về tình yêu thì:

*Vì người đàn bà nào cũng như người nấy
Nên ta bảo mình thôi hãy quên em
Nhưng đàn bà đâu phải người nào cũng như người nấy
Nên ta suốt đời nhớ nhớ quên quên...*

Mấy năm trước, gặp anh dưới chân núi Tà Cú, tôi viết tặng anh mấy câu:

*Thơ người hào khí ngất trời
Hơi men ngất đất hơi người ngất ngây
Từng phen ta đọc mà cay
Thương người thơ sống một đời cực Đông
Một gùi đầy ắp chân không
Lênh đênh xuống núi giữa mênh mông người*

(Đỗ Hồng Ngọc)

Lần đó anh gửi tôi tập bản thảo lạ: *Thy Đạo*. Thy viết hoa với chữ y dài và ghi chú thêm: Essays on the Tao of Poetry. Anh nói: Đây là vài chương sơ thảo. Đã có Kinh Thi, lẽ nào không có Thy Đạo? Tôi lật thử trang đầu:

“Sao gọi là Thy Đạo? Đạo là con đường đưa ta đến cõi miền Chân Thiện Mỹ, với miền thân tâm thường an lạc, cõi bờ chân hạnh phúc. Có nhiều con đường đi lên đỉnh núi, hãy chọn con đường phù hợp với riêng anh, nhưng cũng có một con đường chung nhất, là con đường tươi mát lá cây xanh: con đường thy ca, con đường của âm thanh du dương, dìu dặt, của thanh âm hài hòa hảo hợp. Con đường của diệu âm và ẩn ngữ, mật ngữ.

Thế gian ngôn ngữ nguyên phi chân

Nguyện ngộ Như lai chân thật ngữ.”

Tôi biết anh bắt chước người xưa khấn nguyện mỗi khi đọc kinh Phật: *Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa!* Với anh là “nguyện ngộ Như lai chân thật ngữ”! Bởi có ngữ rồi mới có nghĩa. Không thể bỏ ngữ mà lấy nghĩa cũng như không thể bỏ nghĩa mà lấy ngữ. Hưởng chi ngữ còn có diệu âm, linh ngữ... Chỉ một tiếng OM đủ thức tỉnh chàng sa môn của Hermann Hesse sắp vùi mình xuống dòng nước sâu trong *Câu chuyện của dòng sông!* Không lạ, trước khi thuyết kinh Pháp Hoa, Phật đã xuất từ trong định “vô lượng nghĩa xứ” là vậy.

Thy Đạo viết tiếp:

Dường như có hai loại thơ: thơ thần và thơ thân, thơ dở và thơ hay, thơ phù du và thơ vĩnh cửu. Thy Đạo chỉ riêng dụng thơ thần và thơ thật, thơ tâm huyết, thơ tâm tủy. Còn thơ thân, thơ phù du, thơ phù phiếm, ấy là sản phẩm của các thi công, dùng để tranh danh đoạt lợi. Xin miễn bàn.

Rồi ở chương tiếp theo, Thy Đạo bàn phương pháp luyện “Thơ thần” để trị bệnh và tăng cường sức khỏe. “Dùng bàn tay phải, bấm đầu ngón tay cái vào đầu ngón tay trở thành một vòng tròn. Ngón cái thuộc Thủ thái âm phế kinh, ngón trở thuộc Thủ dương minh đại tràng kinh. Phế dữ đại tràng vi biểu lý, kết liên nhị khí tât luân lưu. Giữ gìn năng lượng trong cơ thể. Tiếp nhận vi ba sóng điện âm”. Sau đó mới bắt đầu đọc thơ. Chẳng hạn với Kiều của Nguyễn Du: *Trăm năm trong cõi người ta...* mỗi câu phải đọc ít nhất 3 lần, có câu phải 6 hay 9 lần. Phải đọc tụng từ 36 câu trở lên mới thấy hiện tượng đặc khí, nhân thân rung chuyển. Đặc khí tức khai thông kinh mạch, huyết đạo...

Cách đây vài tháng, anh thêu thào gọi tôi qua điện thoại: “Đại ca ơi, tiêu đê mệt quá rồi... Thở không được, ho hơn 3 tuần rồi, khạc ra máu...”. Tôi lo anh bị lao phổi. Nhưng anh quyết không chịu vào nhà thương. Đòi đi y học dân tộc. Tôi bảo cứ đến đó, nói là Nguyễn Bắc Sơn, bạn của Trương Thìn thì người ta sẽ ưu tiên cho ông. Anh đi liền. Ngay sau đó, anh cho biết: “Khi tôi nói Nguyễn Bắc Sơn bạn Trương Thìn” như anh dặn thì người ta đuổi tôi ra, còn đối xử với tôi tệ hơn mấy người khác! Anh buồn, giận, bỏ về. Tôi thấy không xong, bảo ông phải vào bệnh viện này này... có gì báo tôi ngay!

Tháng rồi nhân có lớp tập huấn chuyên môn ở Phan Thiết, xong phần mình tôi trốn đi cà phê với các bạn. Hú nhau một tiếng đã kéo đến đông vui. Chỉ thiếu Từ Thế Mộng. Hẹn ở quán cà phê thôi, vì ai cũng thương tôi không biết nhậu. Có đủ mặt “anh hào”, nào Nguyễn Bắc Sơn, nào Nguyễn Như Mây, Vũ Hy Triệu, Phan Anh Dũng, Trần Văn Hiếu, Liên Tâm, Đắc... xúm xít ở một quán cà phê ven bờ biển Phan Thiết rạt rào sóng vỗ...

Nhìn Nguyễn Bắc Sơn khỏe hẳn ra tôi hết sức ngạc nhiên. Hỏi, anh nói anh chẳng thèm đi nhà thương, bệnh viện gì cả, chỉ dùng Thần số công, phối hợp Thái Ất khí công và Hà đồ lạc thư cùng với vài thứ Đà-la-ni bí truyền gì đó. Anh chỉ thay đổi có mấy chữ số mà ... hiệu nghiệm tuyệt vời! Rồi cầm lên cuốn *Nghĩ Từ Trái Tim* viết về Tâm kinh Bát nhã của tôi trên tay, anh nói để anh bói cho mỗi người một quẻ. Nhà thơ nữ Liên Tâm liền đặt cho anh một câu, anh lâm râm khấn vái cái gì đó một lúc rồi lật trang sách ra, đọc mấy câu “xử quẻ” rồi bắt đầu giải. Đúng... y boong!

Rồi Nguyễn Bắc Sơn đọc thơ vui cho mọi người nghe. Thơ rất đôi đũa thương, dù là thơ làm tức hành và đọc chỗ anh em:

Sáng nay anh đã nhậu rồi

Chiều nay nhất định anh ngồi anh tu

Con rùa thì có cái mu

Đời anh thì có... lu bù vỏ chai...

(Nguyễn Bắc Sơn)

Em đã lấy chồng anh chêt điếng
Anh đi lơ ngơ té xuống giếng
Hoát nhiên đại ngộ. Anh nhận ra
Danh lợi, tình yêu đều mộng huyễn!

(Nguyễn Bắc Sơn).

Tôi mong anh sớm hoàn tất tập “Thy Đạo” để chia sẻ cùng bè bạn, anh em.

(2009)



ĐHN

Vợ vẫn cùng Mây

Trong ba nhà thơ bạn tôi ở Phan Thiết đó thì Nguyễn Như Mây mới là nhà thơ... ly kỳ nhất, “hấp dẫn” nhất! Không phải chỉ vì anh trẻ tuổi nhất trong nhóm mà còn bởi vì anh “sung sức” nhất. Anh mới gần 60 – nhưng với vẻ khắc khổ và mái tóc thưa thưa trơn bóng làm anh trông có vẻ già hơn tuổi khá nhiều, khiến nhiều người không đoán nổi tuổi thật của anh. Năm rồi anh mua một chiếc xe đạp cổ thời Pháp, đạp... từ Phan Thiết ra Hội An, Đà Nẵng thăm quê nội. Tôi bái phục, hỏi anh đạp xe vượt qua đèo Cả ư? Không, thầy xe đạp lên xe đò chứ!

Cũng như Từ Thế Mộng, Nguyễn Như Mây sống và lớn lên ở Phan Thiết nên mê Phan Thiết chết đi được, có điều anh không mê biển như Từ Thế Mộng mà mê sông, sông Mương Mán:

Khi đêm Phan Thiết lên đèn

Sông Mương Mán bắt đầu chìm dưới trăng

Lưới chài ai mới vừa giăng

Nghe như sóng gợn lăn tăn lòng mình

Phải em thì cất tiếng lên

Cho anh nghe với cho mình gặp nhau...

(Nguyễn Như Mây)

Nghe cứ như là... Tư Mã Giang Châu hẹn người kỹ nữ năm nào trên bên Tầm Dương canh khuya đưa khách!

Thực ra thì anh mê núi hơn. Hay nói cách khác anh mê đủ thứ. (Mà ở Phan Thiết không mê mới lạ! Bởi không mê biển thì cũng mê sông, không mê sông thì mê núi, mê đồi cát, mê ánh trăng, rặng dừa, tháp cổ... Hình như thiên nhiên ở đó có đủ thứ quán quít, chằng chịt, gằn gủi để mà mê!). Nguyễn Như Mây có cả “chùm” thơ về núi. Anh thân thiết với núi đến nỗi:

Lâu, không lên chơi núi

Biết núi có già thêm?

Nay nhớ, ta lại lên

Núi chê già, không tiếp!

(Nguyễn Như Mây)

Mỗi lần gặp anh ở Phan Thiết, anh lại... than thở chuyện người ta hiểu lầm tuổi tác của mình. Cách đây khá lâu, gặp anh, anh khoe anh có một quán nem nướng... ngon nhất Phan Thiết, cạnh ga xe lửa cũ. Ngon nhất... không phải vì nem ngon mà vì anh “ngon”. Anh là một tiếp viên... nam duyên dáng của quán, rất được lòng thực khách. Anh thường kể những chuyện ít người biết về Phan Thiết cho họ nghe. Nào chuyện Ma Lâm, chuyện Mường Mán, chuyện Ba Hòn, nào chuyện Hàn Mặc Tử, Lầu Ông Hoàng, Tháp Chàm, Château d’eau... Chuyện nào của anh cũng mang một vẻ huyền bí, ly kỳ của một vùng đất cũ... Thỉnh thoảng anh còn đọc thơ cho họ nghe nữa! Rồi anh than với tôi: “Anh thử nghĩ xem, tôi có già gì lắm đâu mà mấy cô đến quán cứ ời ời gọi tôi bằng cụ. Cụ Mây ơi, cho thêm lon bia. Cụ Mây à, cho thêm cục nước đá! Rồi còn cười rúc rích trên nỗi đau khổ của tôi”! Bẵng đi một dạo, gặp anh ở Sài Gòn trong một đợt triển lãm tranh của một người bạn, tôi hỏi có gì mới không? Nguyễn Như Mây kêu lên anh ơi, bây giờ các cô không còn gọi là cụ Mây nữa mà gọi là cụ Gió anh à, chắc là tại thấy tui già hơn xưa! Tôi nói chắc họ biết anh là thi sĩ “... *nghĩa là ru với gió/ Mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây!*” đó thôi. Đừng buồn! Tết năm nay, khi tôi về Phan Thiết, ngồi uống cà phê với các bạn ở Đồi Dương, tôi lại hỏi thăm anh có gì

mới nữa không? Anh ngậm ngùi: “Tôi già thiệt rồi anh ơi, hết mây hết gió, bây giờ họ gọi tôi là cụ Ma!”. Tôi đành bái phục!

Vậy đó, Phan Thiết không chỉ dễ thương vì có Mũi Né, Tà Dôn, Tà Cú... mà còn dễ thương vì có ba ông bạn nhà thơ của tôi trong đó có Nguyễn Như Mây!

(2009)

Còn thương rau đắng...

Bạn có bao giờ Xúc Lùm, Nhảy Hùm, Quậy Đìa, Xuống Bưng, Đặt Lộp, Đặt Lò, Đặt Rù, Chặn Ụ, Làm Mừng, Bắt lươn, Bắt lịch... chưa? Chưa hả? Thì không có gì tốt hơn đọc *Mùa Màng Ngày Cũ* của Lương Thu Trung tức Hai Trầu đi! Tôi ở miệt biển, Lagi, hồi nhỏ thỉnh thoảng mới được về quê ngoại ở Phong Điền, Hiệp Nghĩa, theo người ta tát đìa bắt cá, cắm câu... mê lắm, nhưng quả thực đọc Hai Trầu mới biết ở miền Tây đời sống người dân quê mình nhiều sinh hoạt phong phú biết chừng nào!

Miền Tây, hai tiếng thôi đã nghe lòng nôn nao nhớ một bài hát cũ: "... Có ai về miền Tây/ Lúa mùa thơm thơm mãi/ Dừa xanh nghiêng chênh chênh/ Cá ngược dòng sông đầy..." (Y Vân). Cá ngược dòng sông đầy nên mới có Xúc lùm, Quậy đìa, Chặn Ụ, Làm mừng và mới có Mùa xạ lúa, Mùa cấy lúa, Mùa bấp, Mùa đậu... Về miền Tây, để ngăn ngơ mấy cây cầu khi, ngăn ngơ những chuyến phà ngang: "Em xinh tươi trong chiếc áo bà ba/ Em đi mau kéo trề chuyến phà đêm/ Qua bến bắc Cần Thơ..." (Trần Thiện Thanh). Về miền Tây, còn đó thứ tình nghĩa chân thật dù vật đổi sao dời... nên mỗi lần đọc lại Tình nghĩa giáo khoa thư của Sơn Nam, đọc lại Ba anh em nhà họ Điền, chuyện Lưu Bình Dương Lễ làm sao không cảm thấy lòng rung rung!

Bạn có để ý không, Xúc lùm, Nhảy hùm, Quậy đìa, Xuống bưng... toàn những động từ không đó nhé. Vì nơi đó tay làm hàm nhai. Vì nơi đó một nắng hai sương. Vì nơi đó người ta ham làm chớ không ham nói, không ham hý luận nọ kia!

Lương Thư Trung với lối viết trong sáng, nhưng không khỏi đôi lúc làm ta giựt mình:

“những tháng *nước ương* và xoay chiều ấy là lúc mấy chị tôm trứng cũng dạo chơi khắp các vùng sông rạch...”

“... chống xuống hoặc đi bộ, bước nhẹ nhẹ gần tới ống trúm, thò tay mở nhẹ cái gù ở đuôi ống trúm, nhanh tay cầm cây cắm miệng ống trúm, nhổ lên thật lẹ...”

“... vào tháng tư, khi trời *mưa già*, nước bùn trên các con đường quê chảy xuống sông rạch làm nước sông các nơi ngầu đục, là cá chột giậy trong các dòng sông bắt đầu *thè lè* những cặp trứng chuẩn bị một mùa lên đồng để tìm chỗ đẻ.”

“... câu quăng thì có... giường câu dài ba bốn chục thước... Khoảng chừng hút tàn điếu thuốc là bắt đầu nhổ cây sào lên và phăng giường câu vào bờ để gỡ cá”.

“...giữa tháng năm, các con rạch nước ương *ráo trội*. Các bãi bùn không còn phơi mình dưới ánh nắng như những ngày hè, và cặp mé kinh, cỏ dương như mừng nước ương, chú lại bỏ ngọn, bò dài ra thêm...”

Đọc Lương Thư Trung Hai Trầu, ta như bắt gặp một người quen cũ đã bao năm: *nước ương, mưa già, thè lè, ráo trội*...

Rồi lại giựt mình thêm với chuyện cá tôm bỗng dung mà dính tới “đạo”:

Đạo Cang thường chẳng phải cá tôm

Đang mua mớ nọ, chạy chồm mớ kia

Thì ra đạo ở trong đời là vậy!

Giải thích về chuyện tại sao viết *Mùa Màng Ngày Cũ*, Lương Thư Trung bảo: “Chỉ mong tặng bạn đọc một bức tranh nhà quê với bao mùa màng một

thời mà nay đã phai nhòa đi nhiều lắm rồi...”. Sáu bảy mươi năm, mới thôi, mà đã quá xa! Ngày nay, toàn cầu hóa, thế giới phẳng, một sát na đã qua là một pháp giới khác. Ai còn nhớ đến chuyện quê xưa?

Mùa Màng Ngày Cũ với tôi là một chút tình quê, một “khung trời kỷ niệm”, một “rau đắng nấu canh” (Bắc Sơn)!

(2017)

Về Phan Thiết

Mỗi lần về Phan Thiết, lần nào đi ngang núi Tà Cú, dãy Ba Hòn, hoặc lang thang bên bờ sông Cà Ty... thì tôi không thể nào không nhớ Hoài Khanh, nhà thơ xứ Phan Thiết. Nhất là khi đi ngang dãy Ba Hòn tôi vẫn thường nhẩm câu thơ của Hoài Khanh “Người đi để dãy Ba Hòn chơ vơ” và cái Bung Cò Ke ở ngay dưới chân dãy Ba Hòn đó, lúc 11-12 tuổi tôi đã đôi lần ngủ trọ vài đêm trước khi theo người ta đi bộ về Phan Thiết xa hàng chục cây số. Thế nhưng, một lần ghé thăm Hoài Khanh ở Biên Hòa, anh đã đính chánh “Người đi nhớ dãy Ba Hòn tro vơ” chứ Ngọc à! ...

Cái xứ Phan Thiết của tôi lạ, cứ Tà Dôn, Tà Cú, Tà Đặng, Tà Mon, Tà Lại... cứ La Gàn, La Ngâu, La Gi, La Ngà... cứ Hàm Tân, Hàm Thuận, Hàm Cường... Sau này tôi mới biết thì ra đây là vùng người Chăm xưa. Tà là “núi”, La là “sông”, và Hàm là “ruộng”...

Hoài Khanh sinh ra và lớn lên ở Đức Nghĩa, Phan Thiết. Nhà anh cách chỗ tôi ở không xa. Anh lúá lớn, đã phiêu bạt... giang hồ tự thưở nào, lúc tôi còn cắp sách đến trường tiểu học bên bờ sông Cà Ty. Anh vào Sài Gòn, làm thơ, làm báo và một mình dựng nên Nhà xuất bản Ca Dao nổi tiếng một thời. Và thơ Hoài Khanh thì thời lúá tụi tôi không ai không thuộc. Trong bài thơ *Đức Nghĩa*, Hoài Khanh viết:

Biển mang niềm nhớ đi hoang

Gió Trường Sơn luyến mây ngàn Tà Dôn

Ôi sương Núi Cú lạnh hôn

Người đi nhớ dầy Ba Hòn trơ vơ

Cành dương cát trắng hững hờ

Nhìn nhau thưở ấy bây giờ nhớ nhau.

Hoài Khanh

Vậy đó. Nói tới Phan Thiết là vậy đó. Là Biên. Là Cát trắng... Đồi dương. Mây ngàn. Tà Dôn. Tà Cú. Ba Hòn...

Còn tôi thì lần nào về ngang Lagi cũng phải ghé qua Đập Đá Dựng làm một ly cà phê. Hồi nhỏ, thì đi xe đạp cùng bè bạn băng qua các lán tranh cao quá đầu, đổ dốc vèo đến Đá Dựng, lúc còn những tảng đá cao ngất (khi chưa xây đập), dựng xe, trần truồng nhảy ùm xuống nước. Khi được xây thành đập thì giữa dòng sông đã có một ngôi nhà thủy tạ (một cột) khá thơ mộng, về sau đã đổ ụp xuống lòng sông.

Nay Đập Đá Dựng đã có những quán café hoành tráng, đường đi bộ dọc biển ngang qua khu Bàu Giòi thì đã có những resorts... khá đẹp, còn Tà Cú ma thiêng nước độc cũng đã có cáp treo.

Và không gì tốt hơn, ngồi dưới bóng dừa bên bờ biển đọc một vài trang sách... với một trái dừa ba nhất... quen thân tự thưở nào!

Rồi về Phan Thiết không thể nào quên tìm đến một quán bánh căn. Sao gọi “Bánh Căn”? Có lẽ đó là món bánh “căn bản” của con nhà nghèo vùng Phan Rang, Phan Thiết. Ở Tuy Hòa, Nha Trang, Đà Lạt... cũng thấy có nhưng khác một chút. Sài Gòn còn khác xa hơn và xuống tới Vũng Tàu thì Bánh Căn trở thành... “Bánh Khọt”!

“Dân” Phan Thiết thường cho rằng Bánh Căn xứ mình là... ngon nhất, đúng “chuẩn” nhất! Bánh căn thực chất là một món bột gạo nướng, ăn với nước mắm. Có lẽ vì nước mắm Phan Thiết nổi tiếng nên bánh căn Phan Thiết ... cũng ngon hơn các nơi khác chăng? Ai đi xa Phan Thiết cũng nhớ món bánh “căn bản” này của quê hương.

Bánh “Căn” (đừng nhầm với Bánh Canh) là thứ bột làm bằng gạo, thường xay cối đá, pha loãng vừa đủ, dậm chút cơm nguội vụn để bánh được cứng giòn rồi nướng chín vàng trên một lò đất nung có nhiều khuôn nhỏ trên ngọn lửa than hồng phừng phực. Từng cặp bánh căn được khéo léo khui lên, quệt nhanh qua chén mỡ hành, rồi úp chụp vào nhau thành một cặp đầy đặn, tròn trịa để được vùi ngập vào chén nước mắm đã chuẩn bị sẵn đâu đó với xoài sống xanh lè chua lét, với ớt đỏ rực cay sè dầm nát, rồi cứ thế mà hít hà, nhai, nuốt... Nước mắm thôi, nước mắm đậm sẵn với ớt tỏi đường chanh pha loãng vừa ăn, nhưng đôi khi... sang trọng hơn, có thêm cá kho, đôi khi có cả mắm nêm. Kiểu ăn là ăn bao bụng. Có sức ăn bao nhiêu thì ăn. Giá rẻ đặc biệt. Có khi còn cho thiếu chịu!

Trời lạnh, con nhà nghèo, phong phanh áo mỏng, sáng sáng ra ngồi quanh lò lửa than hồng, ăn một bữa Bánh Căn đầy bụng đủ cho một ngày vất vả nắng mưa... cũng chẳng khoái ru?

Sau này, đời sống khấm khá, nhiều nơi nướng bánh căn với cái vỉ bằng kim loại, với lửa gas, có nơi còn bày đặt thêm tôm thịt, mực tươi, xú mại, trứng... thì đã không còn là bánh căn “thứ thiệt” nữa.

Như đã nói, khi Bánh Căn lan tới Vũng Tàu, nó trở thành Bánh Khọt, một thứ bánh nổi tiếng hiện nay ở Sài Gòn. Bánh Khọt (tại sao khọt?) là bánh con nhà giàu, bột được chiên trên chảo kim loại nhiều khuôn nhỏ với rất nhiều dầu mỡ giòn rụm (chớ không phải nướng trên lò đất, lửa than), thêm tôm thịt các thứ, ăn với rau sống, bánh tráng...

Tìm một lò bánh căn “nhà quê thứ thiệt” bây giờ ngay tại Phan Thiết cũng không phải là dễ vậy!

(2011)

“Bãi” Phan Thiết

“**B**ãi” đây dĩ nhiên là bãi biển rồi! Không thể không thiên vị khi nói về bãi biển Phan Thiết của tôi. Với tôi, đó là một bãi biển tuyệt đẹp, đẹp nhất... thế giới, chạy dài từ Cà Ná đến Cù Mi, qua Cổ Thạch, Mũi Né, Kê Gà, Lagi, đến tận Bình Châu Bà Rịa... Hồi nhỏ, ở Phan Thiết nghe người ta hay nói “Đá một đá ra Cà Ná cá nuốt”, cứ á, á vậy mà không biết tại sao. Lớn lên, có dịp đi xe lửa ra Nha Trang, ngang Cà Ná mới “á, á” vì đẹp đến nín thở! Bãi sâu mà xanh tận chân trời. Đá từ trên núi cao đập xuống... chỉ chừa một con đường lắt léo cho xe vọt qua. Cổ Thạch thì bãi toàn đá bảy màu lộn nhon, mênh mông. Các cô gái chỉ cần lượm vài cục đá nhỏ, xỏ sợi dây, đeo lên cổ, đủ biến thành một nàng tiên. Mũi Né ngày xưa thì tuyệt vời với Rạng, với những rặng dừa không thua Honolulu, nhưng bây giờ bãi đã bê tông hóa thật đáng tiếc. Các resorts mọc lên như nấm, một thời chia cắt bãi biển thành những lãnh địa, hùng cứ một phương, bảo vệ tuần tra đặng đặng sát khí...

Ngay tại Phan Thiết thì xưa có bãi Thương Chánh nổi tiếng (*Oi những con đường ta đã đi/ Gia Long Đồng Khánh mượn xuân thì/ Chân run rẩy cát bờ Thương Chánh/ Gió ở đâu về thơm bước khuya* – Đỗ Nghê), nay chỉ còn một chút bãi Đồi Dương, Vĩnh Thủy!

Thế nhưng bãi Phan Thiết luôn có cái hay riêng. Không mơ màng như Đại Lãnh, Dốc Lết... phẳng lặng quá, trong xanh quá, chẳng gợn tí sóng, làm ngại ngần những bước chân. Nha Trang thì ra vài bước đã sục sâu như cái hồ nước mặn với những đảo nhỏ xung quanh chắn sóng, y như một hòn non bộ. Phan Thiết không vậy. Nước mặn chát, khi đục khi trong, bãi khi trời khi sục, chỗ cao chỗ thấp, sóng đập âm âm, sơ sẩy lặn cù... Đặc biệt là cát. Cát ở đây hạt to, lỏm chỏm, như sỏi chưa kịp tán nhuyễn. Đi nghe rào rào, đau điếng.

Nhờ vậy mà... tốt cho sức khỏe. Giống như được châm cứu vào các huyết ở hai lòng bàn chân, nhất là huyết dũng tuyến. Sóng âm âm như biết xoáy vào các huyết thận du, chí thất, phế du... Bãi Lagi cũng giống Phan Thiết, cũng trời sục bất thường, cũng đầy đe dọa, cũng sóng âm âm, cát to lờm chờm ... nhưng Lagi hoang sơ hơn nhiều, tắm... tiên một mình trên biển vắng cũng hay!



ĐHN

Mỗi lần về Phan Thiết bao giờ tôi cũng tắm biển cho... khỏe người. Bước rào rào trên cát lờm chờm để được châm chích. Đưa lưng cho sóng dằn,

xoa bóp. Nhớ nhà thơ Từ Thế Mộng, ngày nào cũng đạp xe đi tắm biển, có lần than: *Mấy hôm nay biển thở dài/ Thì ra em bệnh đã vài bốn hôm...* Rồi nhớ Nguyễn Bắc Sơn, vào tận Viện Y dược học dân tộc, gặp Trương Thìn, nẻo nẻo đòi phổ biến “ý châm”: chỉ dùng ý tưởng, châm đến đâu người ta nhảy dựng lên đến đó, bệnh gì cũng khỏi. Rồi... Nguyễn Như Mây, Liên Tâm, Nguyễn Hiệp, Ngô Đình Miên, Phan Anh Dũng, Lưu Văn Trung... Ghé chùa thăm thầy Huệ Tánh, ghé nhà thờ thăm cha Diễm, thăm Đức Ông - nhà thơ Xuân Ly Băng...

Cho nên nói gì thì nói, tôi vẫn cứ mê bãi Phan Thiết.

(2012)

Biết bao điều thì thâm

Từ Sài Gòn, theo quốc lộ 1 về Phan Thiết, cách Phan Thiết khoảng 50 cây số, rẽ phải, về phía biển Đông là thị xã Lagi (trước thuộc huyện Hàm Tân), tỉnh Bình Thuận. Như một cái túi treo tòng teng trên quốc lộ 1, không để ý thì khó mà nhận ra, Lagi – Hàm Tân dựa lưng vào núi, hướng mặt ra biển, gần Bình Thuận với Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu, nối liền núi đèo cheo leo hùng vĩ của miền Trung với đồng bằng cây ngọt trái lành của miền Nam nên Lagi vừa có núi cao, có biển rộng, lại có ruộng đồng xanh mướt, sông Dinh ngoằn ngoèo lững lờ theo con nước đầy voi bên những động cát trùng điệp, những trũng đèo hoang sơ huyền bí... Xa xa là Hòn Bà, một cù lao nhỏ chơ vơ bơi lạc giữa biển khơi, như còn đang vẫy tay về phía Núi Ông lạnh lẽo phía dãy Trường Sơn xa tít: *Chuyện xưa rằng phút yếu lòng/ Tách mình đứng giữa mênh mông đất trời/ Để nghe gió lộng trùng khơi/ Và nghe sóng mãi hát lời thiên thu* (Thanh Trúc)

Nhiều người vẫn ngỡ sao lại Lagi? Có người cho là Phân Ly - do sự tích Hòn Bà chia tay cùng Núi Ông, một mình trôi giạt về biển - mà thời Tây người ta đã đọc trại đi thành địa danh Lagi bây giờ? *Hỡi em Lagi là gì? Là thiên di thuở hàn vi đất trời?* (Phạm Tường Đại). Tôi thì không nghĩ vậy. Hẳn Lagi phải có họ hàng gì đó với dòng họ La, nào La Ngà, La Ngâu, La Gàn... của vùng miền này, nối liền Đồng Nai, Lâm Đồng, Bình Thuận, cùng một giuộc đất từ thuở cha ông đi mở nước còn lưu dấu. Nhưng dù có “La” gì

đi nữa thì Lagi – một vùng đất nghèo nàn heo lánh đó vẫn như một “vương quốc” cho những hồn thơ với núi non hùng vĩ, ruộng đồng bát ngát, sông nước lững lờ, Đá Dựng nên thơ, Đồi Dương vi vút với bãi cát mênh mông đầy rau muống biển và lông chông vèo vèo giữa mùa gió lộng dưới nắng vàng rực rỡ, mặn nồng. Đêm đêm, những chiếc thuyền thúng câu mực lập lờ như những thiên hà xa xôi... Một miền quê nghèo mà tươi ngon ai đến cũng gần, ai đi cũng nhớ: *Là muôn chim đến hội bầy/ Xây thành tổ ấm từ ngày hoang sơ/ Là con thuyền chở ước mơ/ Vượt phong ba đến bến bờ vinh quang* (Phạm Tường Đại). Lagi còn có những đình miếu, cổ tự oằn theo tháng năm, những nóc giáo đường cao vút giữa hoàng hôn và những chốn linh thiêng như Dinh Thầy Thím nườm nượp kẻ đi về, trên đường lên Tà Cú, Kê Gà. Cho nên không thể không thành thơ. Cho nên không thể không thành nhạc. Có lẽ là từ thuở cha ông khai sơn phá thạch, Lagi đã là một nơi sớm hình thành những nhóm thi ca tài tử, và một thi xã, Lagi Thi xã, đã ra đời gần trăm năm trước bây giờ vẫn còn đọng lại những vần thơ tao nhã của người xưa.

Tôi lớn lên ở Lagi, tuổi thơ thả diều đá đẽ, tắm sông trần trụi cùng bè bạn, đen nhẻm vì ngâm nước biển mặn, đuôi bắt còng gió bở hơi tai, nửa đêm chờ cá lưới sằm, ruốc tươi xào xúc bánh tráng rau sống, rồi cá nục hấp, cá mòi nướng, cá ngoéo luộc với thứ ớt cay xé họng, thơm lừng... Rồi là những năm tháng lao đao tản cư trong rừng sâu nước độc, sốt rét triền miên, hết Phò Trì, đến Giếng Ngự, Láng Hàng, Rừng Khi, rồi Hồ Tôm, Bàu Lòi, Nước Ngọt, Bung Cò Ke... Cho nên làm sao mà không rung rúc với những câu thơ của một Trần Yên Thảo: *Thương ai từ dạo tản cư/ Mắt nhìn đăm đuối mà như hững hờ/ Thủy chung còn tới bây giờ...* hay một Cao Hoàng Trâm: *Những ngày Phước Lộc Hàm Tân/ Bom thù dội nát bao lần hoang sơ/ Đình chùa giặc đốt chơ vơ/ Tuổi xanh mang cả ước mơ lên đường...*

Rồi quê hương gần nửa thế kỷ, Lagi vẫn là nơi tôi thường tìm về vì ở đó còn là mồ mã ông bà và người cha thân yêu, ở đó còn có những thân quyến và bè bạn từ ngày thơ dại. Lagi, nơi tôi biết dõi mắt nhìn theo những tà áo mà băng khuâng, để rồi như một Hứa Minh Tánh: *Hình như trong biển có em/ Cho nên giọt mặn giọt mềm môi anh...* để rồi *Hình như chỉ hình như thôi/ Có sao cuối đất cùng trời xôn xao...* Bỗng dưng hôm nay được bạn bè ở quê hương gọi cho tập bản thảo thơ, *Biển Hát*, mà bảo viết đôi lời. Tôi đọc thơ

mà như không đọc. Tôi thả lòng mình trôi giạt vào thơ. Bởi chỉ mới nghe những địa danh thôi mà lòng đã rung rung, tôi làm sao còn có đủ sáng suốt để đọc thơ của bạn bè, cha chú, lớp trước lớp sau, người quen kẻ lạ. Cứ mỗi một dòng chữ viết tay nắn nót (bản thảo chép tay) lại hiện lên trong tôi sông ngòi biển cả, rừng núi ao hồ, trưa hè nắng cháy nhảy ùm xuống sông Dinh, đập Đá Dựng, những ngày mưa lũ, nước cuốn trôi phăng cả nhà cửa trâu bò. Tôi cứ để lòng mình nhảy ùm như thế, cuốn trôi như thế khi đọc *Biển Hát*. Cả một dĩ vãng ùa sống lại. Rồi Lagi của bây giờ tôi mỗi gót qua cũng lạ như một Trần Kim Trung: *Xóm nhỏ ngày nào tôi vẫn quen/ Hôm nay rục rờ dưới hoa đèn/ Phố chiều mỗi gót qua cũng lạ/ Đường mới rộng dài xe bước chen* hay như lời thì thầm của nhà thơ Hoàng Hương Trang, người khách “viễn phương” mới đặt chân tới Lagi đôi lần cũng đã kịp nhận ra: *Biết bao điều muốn nói/ Vở óc giữ trong lòng/ Biết bao điều thì thầm/ Vở óc ơi giữ lấy!*

Sài Gòn có xa cách gì với Lagi đâu, vậy mà những người Lagi sống ở Sài Gòn vẫn canh cánh bên lòng nỗi nhớ quê: *Đêm đêm vô mộng về quê mẹ/ Nhật nắng chiều hoang tắm biển xuân* (Châu Anh). Lạ lùng biển mặn trời xanh có cái gì đó da diết, ray rứt, cứ như chất muối ngấm dần trên só thịt làn da, và gió bắc nữa, gió bắc lạ kỳ chỉ nghe thôi đã thấy mùi cốm Tết, nhất là khi gió bắc thổi qua những cánh bướm tan trường. Nhớ nghĩ về Lagi, tôi bàng hoàng đọc Trần Yên Thảo: *Hãy còn dáng đứng kiêu sa/ Đường trường thăm thẳm về qua Đá Hàng/ Trăm năm đâu đã muện màng/ Ta còn ôn lại chuyện ngàn năm xưa.*

(2009)

Một chuyến đi hụt...

Số là Tùng, Duyên về có mấy hôm, nên chúng tôi đã cùng nhau sắp xếp từ cả tháng trước một chuyến đi Lagi Mũi Né với mấy bạn trong “gánh hát” ở đây gồm Quy và Thương, Minh với Hằng, thế mà giờ chót người thì bận người thì bệnh, bỏ cuộc. Phải cancel khách sạn, xe cộ các thứ... Nhưng tôi là tourguide nên đã lên “đường dây” rất kỹ, sắp xếp đâu đó sẵn sàng...

Tôi sẽ thiết kế một tour rất “nhà quê” để bù cho bạn bè có khi quên cả lỗ chân trâu, bờ cỏ dại, chiếc thúng chai, đôi cát bông...

Khởi hành sớm nhe. Đi cao tốc đến Long Thành, lên quốc lộ 51 (đi Vũng Tàu), quẹo trái vào xã Tóc Tiên, ghé thăm Thiền viện Viên Không của thầy Viên Minh. Con đường quanh co len dọc núi Dinh, lát đá thô rất đẹp, thỉnh thoảng có ao bông súng đỏ rực. Những ngôi tịnh xá mọc rải rác, len lỏi giữa rừng cây thưa. Có thì giờ thì leo dốc, đến một hồ nước ngọt trên lưng chừng núi.

Rời thiền viện, đi ngang qua một cánh đồng cỏ mênh mông, có những bầy cừ trắng nhởn nhơ rất dễ thương. Mấy bạn sẽ có dịp nhớ lại cảnh “thả ngựa chăn dê” thuở nào trên thảo nguyên xa xôi.

Rồi đi theo quốc lộ 52, qua Bung Riềng, vượt khu rừng Nguyên sinh xưa từng có voi, cọp... thông dong qua lại. Ghé ăn sáng, café ở quán Vên Vên nhiều cây cao bóng cả, có suối róc rách, gặp Trung chủ nhân ngồi thiền mòn cục đá bên bờ suối...

Đọc theo đường biển vùng Hồ Tràm, Suối nước nóng Bình Châu, Láng Găng, Rừng Khi, đi ngang Tân Thắng (Phò Trì, vùng tản cư xưa quen thuộc lúc nhỏ). Cách Lagi 7km có biển Cam Bình, khu du lịch nhộn nhịp hiện nay, có nhiều món hải sản tươi ngon và giá rẻ nên rất đông khách. Ở đó, nếu có thì giờ, đi xe bò dạo biển, đến Cocobeach chơi chút cũng hay.

Đến Lagi thì nhất định phải ghé qua nhà mình một chút. Năm xưa, Lữ Kiều, Lữ Quỳnh đã từng ghé, ngủ lại vài đêm. Nhạc sĩ Hoàng Quốc Bảo thì tạt ngang chỉ kịp dừng chân uống trái dừa xiêm ngọt lịm. Ca sĩ Thu Vàng vừa rồi, trước khi qua xứ người cũng đã có dịp ghé lại một lần cùng với Thân Trọng Minh, Thanh Hằng, Lê Ký Thương, Kim Quy. Dĩ nhiên, phải tạt qua Đập Đá Dựng để biết tại sao đá lại dựng. Ngồi đó, nhấm nháp café và nghe mình kể chuyện ngày xưa trên dòng sông này.

Từ đó, sẽ đi ngang Bàu Giòi về Dinh Thầy Thím hoặc đi dọc biển, ngang khu vực Nước Nhỉ, nơi có Giếng Nguồn Chung xưa của nhóm hương đạo Lagi (giờ chẳng còn dấu vết!). Ghé Dốc Trâu. Ôi vô số là thuyền thúng. Trước kia gọi là thúng chai. Nay sơn xanh đỏ coi cũng ngộ. Xa xa là Hòn Bà rất nên thơ.

Ở Dốc Trâu ăn cơm trưa cũng tốt. Nếu không, ghé qua Ngãnh, có quán cơm quen. Gần đó là ngôi mộ của nhà văn Nguyễn Ngu Í, ông cậu mình, góc Tam Tân (nay là Tân Hải). Resort Mỏm Đá Chim có những gộp đá rất đẹp. Vùng này là quê ngoại của mình mà!

Có thể ghé thăm nhà xưa của ngoại, giờ con cháu toàn trồng thanh long, phá hết cả vườn trầu cau, dừa chuối, bưởi cam... xinh đẹp ngày xưa, lấp cả giếng nước thiệt là quá uổng. Bù lại, giờ đi hái thanh long cũng vui. Không xa kia là núi Tà Cú có chùa Linh Sơn Trường Thọ tự, nổi tiếng với tượng Phật nằm, dài 49m xây dựng từ năm 1960.

Từ đó, đi về hướng Kê Gà, có Hải đăng xưa nhất, cao nhất vùng nam Trung bộ này. Trước đây có thể đi thuyền thúng ra thăm Hải đăng, leo lên tận nóc. Rồi đi dọc biển qua vùng Đá Nhảy. Đá cứ chồm chồm lên khá lạ lùng!

Đến Phan Thiết rồi đó. Nhớ ăn bánh căn. Nhớ ăn chè Mộng Cầm. Nhớ món trà Lipton tự pha ở một quán nước ven biển với cam, chanh, quất, xí muội, táo tàu, cam thảo khá lạ, và rất ngon không thấy đâu có.

Đường về Mũi Né giờ đã tốt, vượt những rặng đồi cao, lũng sâu, từ đó, nhìn thấy cả một vùng Rạng, Mũi Né xưa, vững an bình cho thuyền bè né gió, nay đầy những resorts khu nghỉ dưỡng nổi tiếng...

Từ Mũi Né sẽ đi thăm Bàu Trắng, Bàu Sen. Sẽ lên xe địa hình leo đồi cát như một sa mạc mênh mông xứ ngàn lẻ một đêm. Sẽ ghé quán cơm NC, nhìn những chiếc lá bàng thủng nắng... Sẽ thấy cảnh hoang sơ của biển, của đồi, của thảo nguyên mênh mông. Sẽ thấy đảo Rùa bơ vợ... Rồi về Suối Tiên, có dịp lồm bồm trên dòng nước, ngắm những đồi cát chênh vênh mà nhai thứ bánh kẹp nóng hôi giòn rụm...

Trên đường về lại Sài Gòn, thì nên đi theo Quốc lộ 1 để ghé thăm núi Chứa Chan, ghé chùa Lan Nhã ở Suối Tre Long Khánh, có thì giờ nữa thì nằm võng uống nước dừa ở hồ Suối Tre...

Một chuyến đi lang thang như vậy mà chỉ để thấy núi, thấy rừng, thấy biển, thấy sông, thấy suối, thấy hồ... vậy thôi sao?

Chỉ có vậy thôi.

(2017)

Arul, chốn núi rừng

Gần mười ngày về đến nhà rồi mà tôi vẫn còn chưa “ngôi ngoai” nỗi nhớ Tây Nguyên đó bạn ơi. Người bạn cùng đi chung đoàn, Thiên Công, dù nay đã về đến Đức xa xôi buốt lạnh kia rồi nhưng chắc cũng còn “thao thức” mãi, không thể ngủ được! Bạn biết không, tôi đi đâu bây giờ cũng thành... niên trưởng. Già khú đế rồi. Nhưng đi chuyến Tây Nguyên này về thấy mình bỗng trẻ lại.

Quốc lộ 14 bây giờ đẹp lắm rồi. Nhớ xưa, đi Dak Lak (Ban Mê Thuột) đường sá vất vả cỡ nào! Xe mới đến Bình Phước, sóc Bam Bo thì đã có bạn hát “các cum cùm cum” rồi, tiếp đó là Bóng cây Konia... Ừa, “bóng ngả che ngực em/ về nhớ anh không ngủ” là sao? Có người hỏi. Ai đó bèn giải đáp, có gì đâu, vì bóng ‘anh’ cũng che ngực em hoài như vậy! Nhưng ‘bóng tròn che lưng mẹ/ về nhớ anh mẹ khóc’ là sao, thì có gì đâu, hỏi nhỏ, mẹ vẫn cõng anh lên nương lên rẫy đó thôi.

Nay đã có con đường tránh Dak Lak, đi thẳng Pleiku. Ai đó nhắc câu thơ Bút Tre: “Anh đi chiến dịch Pờ-lây/ Ku dài dằng dặc biết ngày nào ra?”... Ôi thơ đầy sáng tạo!

Xe đi một mạch đến Kontum. Buổi sáng, nhìn dòng sông Dak Bla mùa nước cạn, lững lờ trôi. Có cái quán café Gió và Nước bên cạnh. Đẹp. Café ngon. Thú vị. Tuy nhiên, mình vẫn thích Gió và Nước ở Bình Dương hơn. Nó thiên nhiên hơn, gần gũi hơn, thanh thoát hơn.

Sớm mai, lên đường đi Măng Đen, cách Kontum 50km, ở độ cao 1200m. Ở đây là vùng 3 biên giới mà một con gà gáy thì 3 nước Việt-Lào-Campuchia

đều nghe. Măng Đen nay là khu du lịch sinh thái, rừng thông bạt ngàn, hoa sim tím rực, khí hậu tuyệt vời. Thác Pa Sỹ, có 186 bậc xuống sâu lòng thác. Nhóm trẻ (U70) thì đi, nhóm U80 thì ngồi nghe thác đổ... sau hè và café với núi rừng. À không, khám phá vườn tượng Măng Đen nữa chứ. Tuyệt vời. Những đất nước gió lửa. Những sinh trụ dị diệt... Phải nói thêm, cung đường đèo đi Măng Đen quả thật tuyệt vời!

Buổi trưa về lại Kontum, thăm nhà Rông và Nhà thờ gỗ 100 năm nổi tiếng nơi này. Nhóm mình ghé thăm Viện mồ côi sau nhà thờ gỗ. Viện đang nuôi 200 em từ 2 tháng đến tuổi thành niên.

Tôi về lại Pleiku nghỉ đêm. Ghé tham quan Biển Hồ. Rất muốn ghé thăm thầy Giác Tâm chùa Bửu Minh nhưng không còn thì giờ nữa. Nhớ hôm nào thầy Giác Tâm đã về Sài Gòn thăm, mang cho rất nhiều café. Thầy có blog đăng khá nhiều bài viết của Đỗ Hồng Ngọc.

Sáng sớm hôm sau, khởi hành về Dak Lak (Ban Mê Thuột).

Dak Lak bây giờ khác xưa nhiều lắm. Hôm đoàn đi Buôn Đôn thì nhóm nhỏ mình ở lại vì đã biết Buôn Đôn. Cùng Lê Ký Thương ghé thăm Bảo tàng văn hóa các dân tộc tỉnh Dak Lak nằm ngay trong khuôn viên Biệt điện Bảo Đại.

Bảo tàng là một dự án do Pháp hỗ trợ kỹ thuật nên khá bắt mắt và hoạt động rất tốt. Nhiều đoàn học sinh được nhà trường đưa đến tham quan, học tập.

Nhờ một người bạn giới thiệu cho một quán café “đặc sệt Tây Nguyên”, không phải kiểu Sài Gòn máy lạnh, nhạc âm ỉ... Và người bạn đã dẫn tới Arul! Thôi đúng rồi. Buổi trò chuyện với Len chủ quán tuyệt vời. Không chỉ xinh đẹp, Len còn có cá tính mạnh mẽ, đáng phục. Cô giải bày cách nào đó đã thoát ra khỏi những hủ tục, đã sưu tập tất cả những thứ “mọi người vứt đi” để có cái quán không chỉ bán café mà còn là một địa điểm văn hóa thực sự. Cô cho biết đã trải qua nhiều năm bị trầm cảm nặng và rồi cương quyết chọn lấy cho mình một con đường đi riêng, chỉ làm theo sở thích mình, thực hiện ý chí mình. Cô bảo làm việc thì có hai mục tiêu: một là mưu sinh, hai là hạnh

phúc. Cô chọn hạnh phúc. Nên công việc dù vất vả đến đâu cô vẫn vui. Cô ngạc nhiên thấy nhiều người làm việc với nỗi khổ đau. Khi nói về người cha đã khuất, cô nói gọn: “bạn về trước, bạn về sau thế thôi”. Cô dạy con cũng một cách mạnh mẽ như thế, coi con là bạn, xưng hô với con là cậu với tớ, bình đẳng, không bao giờ coi điểm học tập của con mà chỉ hỏi con học môn này có thích không, khuyến khích tinh thần tự học, tự khám phá... Tôi còn trở lại Arul hôm sau cùng nhà báo Nguyễn Trọng Chức, nhà khảo cổ Nguyễn Thị Hậu, Thân Trọng Minh, Thanh Hằng. Len đã dành thì giờ cho nhóm, trò chuyện thật vui. Bên ngoài, có chút mưa đầu mùa.

Hôm sau, xe đưa đoàn đi Hồ Lak, cách Ban Mê Thuột 60km, về hướng Dalat.

Hồ Lak là hồ nước ngọt lớn thứ hai của Việt Nam (sau Hồ Ba Bể), bao bọc bởi khu rừng nguyên sinh và núi non trùng điệp. Hồ Lak nối với sông Krông Ana, rộng 6km², ở độ cao 500m, một điểm du lịch tuyệt vời của Dak Lak.

Chỉ có 4 người trong nhóm “bạn trẻ” mới dám cuời voi... xông nước. Bọn mình tính chèo thuyền độc mộc chơi mà nắng gắt quá.

Từ Hồ Lak về ghé chùa Khải Đoan. Chùa Sắc tứ Khải Đoan là ngôi chùa lớn nhất Ban Mê Thuột, có tên gọi Khải Đoan là do ghép từ tên vua Khải Định và Đoan Huy hoàng thái hậu. Chùa vừa được xây dựng lại hoành tráng, có phần hào nhoáng nhưng thiếu đi chút trầm mặc “hương xưa”, trừ tượng Phật dưới cội Bồ đề. Khải Đoan là ngôi chùa, nơi Đại đức Narada, năm 1962 đã hiến tặng Xá Lợi Phật, cùng với chùa Xá Lợi ở Sài Gòn.

Trên đường về Sài Gòn, đoàn ghé tham quan thác Dray Nur cách quốc lộ không xa. Dray Nur rất đẹp, cao 30m và rộng hơn 200m, có nghĩa là *thác cái* hay *thác vợ*. Hèn chi mà nó “yếu điệu thực nữ” chi lạ!

Hẹn hôm nào lại ghé Arul nữa nghen.

Huế bao lần về

“**T**hương em anh cũng muốn vô/ Sợ truông nhà Hồ sợ phá Tam Giang” (Ca dao). Từ nhỏ vốn đã “sợ” Phá Tam Giang qua câu ca dao đó rồi, bây giờ tận mắt nhìn Phá Tam Giang mới... hết hồn! Ôi mệnh mông trời nước. Tỉnh Thừa Thiên có thành phố Huế 80km² còn riêng Phá Tam Giang đã rộng hơn 50km² rồi và trải dài đến 24km, từ bắc vào nam, từ bến đò Vĩnh Tu đến Cầu Hai, Lăng Cô.

Chiều đó, chúng tôi về Mỹ Lợi, thăm ‘chốn xưa’ của Nguyễn Tường Bách, Lữ Quỳnh... Đây chính là quê của bà Từ Cung, mẹ vua Bảo Đại đây rồi.

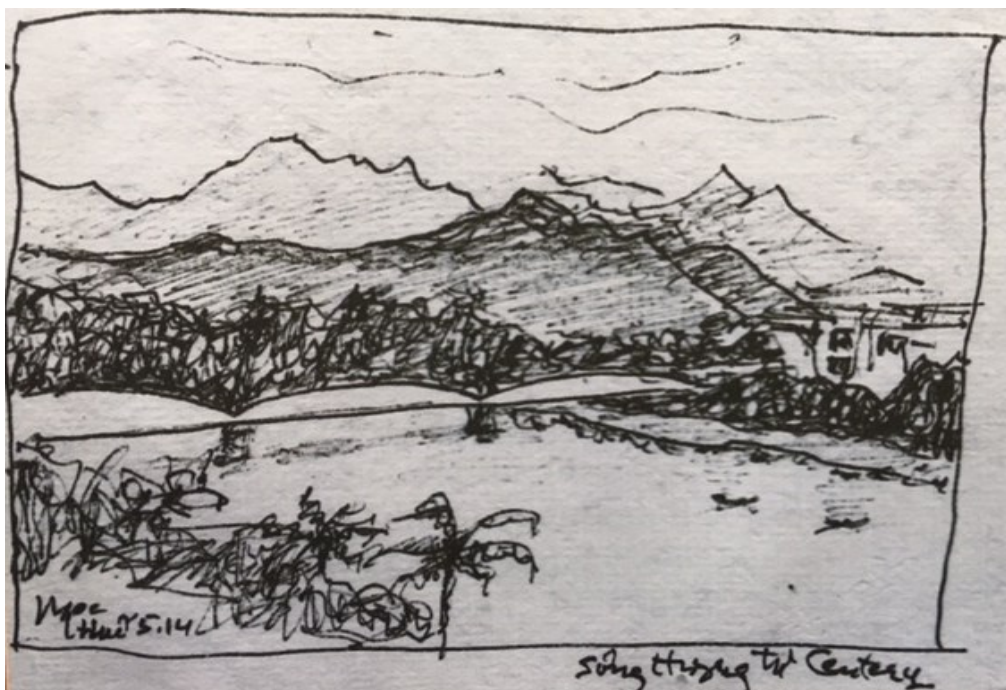
Đường vào làng quanh co. Các nhà thờ dòng tộc họ Hoàng, họ Nguyễn, họ Phan... còn vài người già cả trông nom. Rất nhiều mồ mả. Có những ngôi nhà tan hoang đầy vết bom đạn. Người bạn Huế đưa tay chỉ cho biết đây là nhà bà... Từ Cung, đây là nhà bà ngoại TS Nguyễn Tường Bách...! Đây là con đường làng mà nhạc sĩ Lê Trọng Nguyễn một lần ghé qua đã viết bài Nắng Chiều “*Qua bến nước xưa lá hoa về chiều... Ngập ngừng mềm đưa trong nắng lụa thưa... khi đến cuối thôn chân bước không hồn... nhớ sao là nhớ bóng người ngày thơ*” ... “*Nay anh về qua sân nắng/ chạnh nhớ câu thề/ tìm tái tê/ chẳng biết bây giờ/ người em gái, duyên ghé về đâu...*” Rồi người bạn nhắc nào DT, nào BT... ôi những người đẹp của ngàn đời xứ Huế... nay cũng chẳng biết về đâu.

Chúng tôi tiếp tục trên đường về thăm Túy Vân Tự (Chùa Thánh Duyên), ngôi chùa nằm chơ vơ trên ngọn núi khá cao giữa Phá Tam Giang. Xưa muốn đến thăm phải đi thuyền. Nay nhờ có cầu Trường Hà nên có thể đi bằng xe đến tận nơi.

Túy Vân là ngôi chùa được các đời vua Gia Long, Minh Mạng và nhất là Thiệu Trị đặc biệt chăm sóc vì sự hùng vĩ, uy nghi và tuyệt đẹp của nó. Trên đỉnh tháp Điều Ngự, tầm mắt nhìn rộng khắp cõi trời đất mênh mông và nhìn rõ hơn tứ đại ngũ uẩn của cỏ cây mây nước và của con người mình...

Huế, còn nhiều điều lạ. Có nghe Rú bao giờ chưa? Chưa, phải không? Hỏi Rú là gì thì người bạn Huế trả lời Rú là Chá. Rú Chá. Chịu!

Vậy nên về Huế lần này phải đi Rú Chá một phen cho biết chứ! Thì ra Rú là một thứ Rừng hơn Rừng (Rừng Rú). Còn Chá là loại cây mọc ở vùng ngập mặn như cây mắm, cây đước ở phương nam. Rú Chá Huế hình như nổi dài Phá Tam Giang vào đồng bằng Huế thì phải. Vẫn còn rất hoang sơ và thơ mộng, đặc biệt với ráng chiều rực rỡ đầy màu sắc kỳ thú không ngờ!



ĐHN

Buổi tối, ở nhà Tịnh Thy - Minh Tự họp mặt bạn bè đông vui. Lâu mới có dịp người từ Sài Gòn, người từ Đà Nẵng tụ tập nơi đây. Có một buổi sinh hoạt văn nghệ “cây nhà lá vườn”. Minh Tự không ngờ là một giọng hát hay và là một cây guitar đáng nể. Rồi thì ai đó hát Tà Áo Tím *một chiều lang*

thang bên giòng Hương giang..., rồi Ngàn Thu Áo Tím *từ khi yêu anh/ anh bắt xa màu tím...*, rồi Chiều Tím *chiều nhớ thương ai*, rồi “Anh pha mực cho vừa màu áo tím” (Tuổi 13)... Cứ tím ngắt như thế. Thế rồi không biết ai đề nghị thôi hát *Anh còn nợ em* đi, nhưng cảm không được khóc. Thì ra, mọi người “chọc” Nguyễn Minh, nhà văn “mít ướm” số một, người sáng lập Ý Thức trước kia và nay là Quán Văn. Cứ mỗi lần nghe hát “Anh còn nợ em” thì Nguyễn Minh khóc suốt muốt. Mình tưởng đùa, ai dè Nguyễn Minh khóc thiệt, khóc... rống hẳn hoi! Rõ ràng “Con tinh yêu thương vô tình chọc gọi” rồi đó thôi phải không Nguyễn Minh?

(2019)

Hội An

Từ giã các bạn ở chùa Từ An, hẹn sẽ trở lại một dịp khác, có nhiều thì giờ hơn để đàm đạo, trao đổi... tôi vội vã ra xe về Đà Nẵng-Hội An như đã hẹn. Ni cô Thuần Thiện thân thiết đưa ra tận xe, còn tặng chút quà chùa: một hũ ruốc chay thiệt ngon!

Về Huế-Đà Nẵng nhiều lần cứ qua lại bằng cách chui đường hầm đèo Hải Vân chán ngắt, nhất là gần đây cả mấy đèo như đèo Phước Tượng, đèo Phú Gia cũng đều chui hầm! Không hiểu sao người ta thích chui hầm quá vậy nhỉ? Đèo Phú Gia chẳng hạn, ở trên cao mới được nhìn bao quát đầm Cầu Hai rất đẹp. Cảnh mênh mông trời nước đó không sao không gọi một đêm trăng, với chiếc thuyền nan và tiếng đàn tiếng tiêu vi vút... bên một nàng Vân của Tô Đông Pha, hoặc tẻ lăm cũng gọi nhớ Phạm Lãi với Tây Thi rong ruổi như trong thơ Tagore “*Sớm mai dậy tiếng thềm/ Ta giong chiếc thuyền nan/ Về nơi không bến hẹn/ Chỉ có anh và em/ Về nơi không bến hẹn... Nào ai người biết được/ Cuộc hành hương chúng mình/ Trên cõi đời ô trọc/ Nào ai đôi mắt xanh...*” (Tagore. *Hành Hương*. ĐHN dịch).

Lần này tôi quyết định đi đường đèo qua Hải Vân, không đi đường hầm chán ngắt nữa. Và sẽ ghé Lăng Cô, sẽ ghé Hải Vân Quan...

Và Lăng Cô... đẹp nín thở! Đèo Hải Vân bây giờ cũng không còn “rùng rợn” như thuở xưa. Đường đã được mở rộng, đẹp, các “cùi chó” cũng không còn là cùi chó.

May quá, Hải Vân Quan vẫn còn đó. Du khách khá đông. Xưa nghe vua Lê Thánh Tông đã gọi nơi đây là “thiên hạ đệ nhất hùng quan”. Hải Vân quan là ranh giới giữa Huế và Đà Nẵng. Chỉ cách một ngọn đèo thôi mà nếp sống đã khác, ngôn ngữ, phong tục cũng đã khác biết bao rồi! Hồi xưa “Con trai

xứ Quảng ra thi/ thấy cô gái Huế chân đi không đành...” thì nay không biết có còn cảnh bịn rịn đó không nữa!

Và... Hội An đây rồi!

Cứ thấy Chùa Cầu là thấy Hội An. Nhất là khi có những nàng tiên áo trắng thấp thoáng.

Ai đã đặt tên cho dòng sông nhỏ nhắn thơ mộng tách từ sông Thu Bồn chảy vào phố cổ với cái tên rất *hoài* nhớ đó vậy nhỉ?

Buổi tối, nhằm ngày 14 âm lịch, sông Hoài trở nên sống động diệu kỳ với muôn màu sắc hoa đăng đằm thắm rực rỡ, với những chiếc thuyền lang thang xuôi ngược làm ta có cảm giác như được sống trong huyền sử nào xa...

Nhớ bài thơ viết về Hội An năm nào:

Hội An đêm:

Bập bênh con sóng rợn

Nghìn lòng mắt chao nghiêng

Những linh hồn thức dậy

Thở cùng Hội An đêm...”

(ĐHN).

Tôi, đèn bồng tắt ngúm hết trong vài tiếng đồng hồ, thả cho người ta mặc sức sống về đêm dưới ánh trăng huyền ảo tuyệt đẹp. Nhưng một ông lão... hơi già như mình, đi lang thang chen chúc giữa đám đông chỉ thấy... tủi thân, cô đơn và cô độc. Trong bóng mờ thấy một người đang ngồi thiền bên bờ sông Hoài là có vẻ gần gũi nhất, nhưng không tiện hỏi han. Một nhóm thanh niên đàn hát quyên tiền làm từ thiện, một nhóm chơi trò chơi... đập niêu âm ỉ. Có một cái chợ đêm trời ơi bán đủ thứ trên đời, quà lưu niệm, thức ăn các thứ... hết sức náo nhiệt.

Hôm sau, đi tắm biển ở bãi An Bàng. Tây ta, già trẻ lớn bé lũ lượt... Và phải nói người dân buôn bán ở đây rất đàng hoàng tử tế, không có cảnh tranh giành chèo kéo như ở một số bãi biển đông người khác.

Gặp bác sĩ Huỳnh Kim Hôn, dân Hội An, người tự nhận là học trò, dù anh tốt nghiệp Y khoa Huế. Hôn đến sớm, đưa đến quán café đặc biệt ở Hội An: Café Lạc Viên. Rồi Khiếu Thị Hoài cùng đến với vài bạn khác. Lạc Viên là quán café “nổi tiếng” ở Hội An của anh Minh, chị Mai. Dích thân hai vợ chồng chủ nhân pha chế, bưng bê café cho khách... và chỉ bán đến 10g sáng là đóng cửa, trời kêu cũng không mở. Café thì tự chủ nhân xay lấy, tự pha chế. Bàn café thì đặt đâu để đó, không được di chuyển. Có ba bốn tủ sách bao quanh. Mà trời ơi, bất ngờ có hàng chục cuốn sách của Đỗ Hồng Ngọc. Lạc Viên nằm trong cái hẻm nhỏ mà đông nghẹt. Gần như chỉ bạn bè quen biết. Không nhạc, không thuốc lá. Chủ nhân mừng rỡ gặp mình, cùng chụp chung mấy tấm hình kỷ niệm.

Sáng đó, Khiếu Thị Hoài còn đưa đi thăm chùa Bảo Châu. Chùa Ni. Thầy đi vắng. Chùa rất thanh nhã. Có một câu đối thấy Hoài ghi chép kỹ: “Châu tự tâm sinh vô giá châu/ Bảo tàng tha đắc phi chân bảo”...

Rồi ghé thăm một ngôi chùa nhỏ ở ven Hội An nhìn ra sông Thu Bồn mênh mông: chùa An Lạc. Gặp thầy trụ trì Đồng Nguyên đàm đạo như đã thân quen từ lâu.

“Thanh tịnh bốn nhiên” mãi nhé Hội An!

(2018)

Gia đình Hoa Sen, Đà Lạt

Ít khi tôi chịu “đọc thơ” giữa một nhóm đông người nhưng hôm đó đành phá lệ. Bởi nhóm thì không đông mà không khí thì lại rất đậm ấm thân tình như trong một gia đình giữa những ngày Noel lạnh ngắt ở Đà Lạt. Cả nhóm ai cũng có pháp danh là “...Nhiên”: nào Thuần Nhiên, Thảo Nhiên, Như Nhiên, Hồn Nhiên... Đó là Gia đình Hoa Sen, trong một buổi “thiền trà” rất tình cờ để gặp gỡ cùng... Bs Đỗ Hồng Ngọc. Nói là tình cờ vì không hẹn trước, không quen biết trước, chớ đa số các bạn cũng đã từng đọc Đỗ Hồng Ngọc. Chiều cuối năm rồi, bao nhiêu bận rộn, ghé thăm đột xuất và ngạc nhiên bất ngờ gặp gỡ anh chị em gia đình Hoa Sen, người ôm đàn, người ôm sách đến đông vui. Ngạc nhiên hơn nữa, họ cùng hát những bài thiền ca do nhạc sĩ Thuần Nhiên Nguyễn Đức Vinh (em nhạc sĩ du ca Nguyễn Đức Quang) trong nhóm sáng tác rất hay...

Trong không khí như vậy, không chỉ ký tặng sách, mình còn đáp lễ bằng cách đọc vài bài thơ...

Chuyện không ngờ là ngay đêm Noel đó, nhạc sĩ Thuần Nhiên đã phổ bài thơ *Giữa Một Dòng Sông* trong tập *Thơ Ngắn Đỗ Nghệ* (Sông Ơi Cứ Chảy) rất cảm động.

Bài thơ viết cho La Ngà:

Sông ơi cứ chảy

Cứ chảy về trời

Cứ về biển khơi

Cứ làm suối ngọt

Cứ làm thác cao

Cứ đổ ầm ào

Cứ làm gió nổi

Cứ làm mây trôi

Sông ơi cứ chảy

Chảy khắp châu thân

Chảy tràn ra mắt

Chảy vui bên tai

Dòng sông không tắt

Dòng sông chảy hoài... (ĐHN)

Về sau thì Gia đình Hoa Sen đã coi tôi như một thành viên: các bạn “nhứt trí” đặt tôi là “Đặng Nhiên”, hòa cùng các “... Nhiên” khác. Lần rồi gặp nhau ở nhà nhạc sĩ Thuần Nhiên, gần 20 bạn cùng tham dự.

“Dàn nhạc” sống ngoài Thuần Nhiên lần này còn có Bác Phu và Phạm Gia Cẩn. Bác Phu “chuyên trị” Mandoline, hòa cùng 2 guitar. Ca sĩ thì có Huệ Nhiên và Thắng, Cameraman thì có Phi Hùng Tôn Thất...

Dịp này, các bạn Hoa Sen đề nghị tôi nói thêm về Thở bụng, về Thiền “Quán niệm Hơi thở” dưới góc độ Khoa học y học.

Và dưới đây là mấy dòng ghi lại của Thảo Nhiên:

“Chút nắng vàng giờ đây cũng vội...” có lẽ, ngày không dài như mình nghĩ nên nắng vội chẳng? Chút nắng chiều rồi sẽ tắt? Vâng, hẳn là như thế! Nên vội! Vội thật mà!

Vội vì lý do gì? Để gặp nhau. Để thương. Để thăm thú đó đây. Để chia sẻ chút gì đó trong hành trình đi qua từng tuổi xuân cho người cùng thế hệ, cùng nghe “chân đi nặng nặng hoang mang...”. Chính vì yêu thương đó, mà có lẽ, bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc đã ung dung viết vội, viết lại những thoáng qua chợt ngộ để không phải cho mình, mà cho bạn bè của mình, cho hậu thế, cho những “bé sơ sinh” mà bác đã đón vào đời từ những thập niên 60 với lời nhắn nhủ:

“Khi anh cắt rún cho em

Anh đã xin lỗi chân thành rồi đó nhé

Vì từ nay em đã phải cô đơn

Em đã phải xa địa đàng lòng mẹ.”

Thế mà, các bé sơ sinh ngày ấy cũng đã dần hai màu tóc... Cuộc lữ vô tận tít tắp kia kết nối bao tình thương. Hạnh ngộ rồi chia xa... Sinh rồi tử. Và tử rồi sinh. Tử Sinh của Số phận Con Người! Bác sĩ đã thấy, đã Ngộ một điều gì đó. Chỉ mình Bác biết! Cái NGỘ mà chỉ riêng cho một người. Riêng mà lại chung. Của một người nhưng lại chung cho nhiều người.

Cho nên, bác gói ghém lại. Viết lại. Ngồi gõ từng chữ. Ghép lại. Để lại thêm một cuốn sách trên kệ trong tủ... Về Thu Xếp Lại. Một thu xếp đáng trân quý.

Thu xếp xong rồi thì in ấn. Sách đã về nên mang đi tặng. Đến từng nhà những người bạn thân... mà trao tận tay...

Và hôm nay, đến những bông hoa của gia đình Hoa Sen Dalat. Cảm động quá chừng. Trân quý quá chừng. Và cũng thương quá chừng. Thương tình cảm bao la chân tình của bác, thương ngôi xe hơn 600 cây số đi về... chỉ để tận tay ký tặng Về Thu Xếp Lại! Thương quá đi chớ, cái Tình của người tuổi Tám Mươi.

Buổi chiều cuối tháng ba hai không mười chín, hương trà quỳ hương nắng ... Bên nhau là những người tuổi đã bảy mươi tám mươi... rồi năm mấy sáu

mười... Lắng nghe Hương Chiêu (nhạc Thuần Nhiên, thơ Ngũ Hành Sơn) mà thương mình, thương bạn của mình quá chừng! Ở cái tuổi không còn là của năng nổ và khỏe mạnh! Tuổi thấy “trời cao đất rộng một mình tôi đi/ Đời như vô tận, một mình tôi về... với tôi”. Biết nói gì đây?

“Nói không được. Bất khả thuyết. Không từ đâu đến/ chẳng đi về đâu. Nó Như Lai. Khi cát bụi và hơi hướm kia không chịu nhau nữa, giận nhau, cãi nhau, hục hặc, chí chóa, đòi tách nhau ra thì đủ thứ chuyện trên đời sẽ sinh sôi. Cuối cùng thì đến một lúc, cát bụi trở về cát bụi, hơi hướm trở về hơi hướm... Rã ra. Tan ra. Không thương tiếc. Có một chu kỳ, có một nhịp điệu chẳng. Không biết.” (Về thu xếp lại – ĐHN)

Bác viết: “Từ ngày về hưu, bạn bè rơi rụng dần. Rơi rụng cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Lâu lâu, dòm lại cái cuốn sổ danh mục ghi điện thoại đã thấy có nhiều địa chỉ chẳng biết làm sao liên lạc được nữa. Muốn xóa mà ngập ngừng rồi không nữa.” Có chút nghẹn trong lòng.

Ngồi với nhau chỉ 150’ mà nổi lo âu nhẹ hẫng! Bởi có gì lạ đâu khi “tôi chợt nhìn ra tôi”.

Nhìn ra rằng “Vì ta không phải là gỗ đá, vô tri. Vấn đề chỉ ở chỗ không dính mắc!”

Bác vậy đó! Thông tuệ nhưng dí dỏm và hài hước! Hài hước dễ thương. Và dí dỏm rất thật thà: “có vẻ như càng già người ta càng yêu nhiều hơn, yêu vội hơn, và càng yêu thì càng “sống khỏe sống vui” hơn với một mối tình lãng mạn hoặc một mối tình “ngỡ đã quên đi/ bỗng về quá rộn ràng” bởi vì “cát bụi tuyệt vời” đã chuyển thành “cát bụi mệt mỏi” rồi! Có lẽ, khi thoáng yêu như thế thì sẽ quên đi một nỗi sợ...”

Thôi thì, vén khéo lại nhé, thu xếp lại nhé! Cho nhẹ hành trang! Đã thấy biết Như Lai. Đã sống cùng Như Lai. Đã là Như Lai.

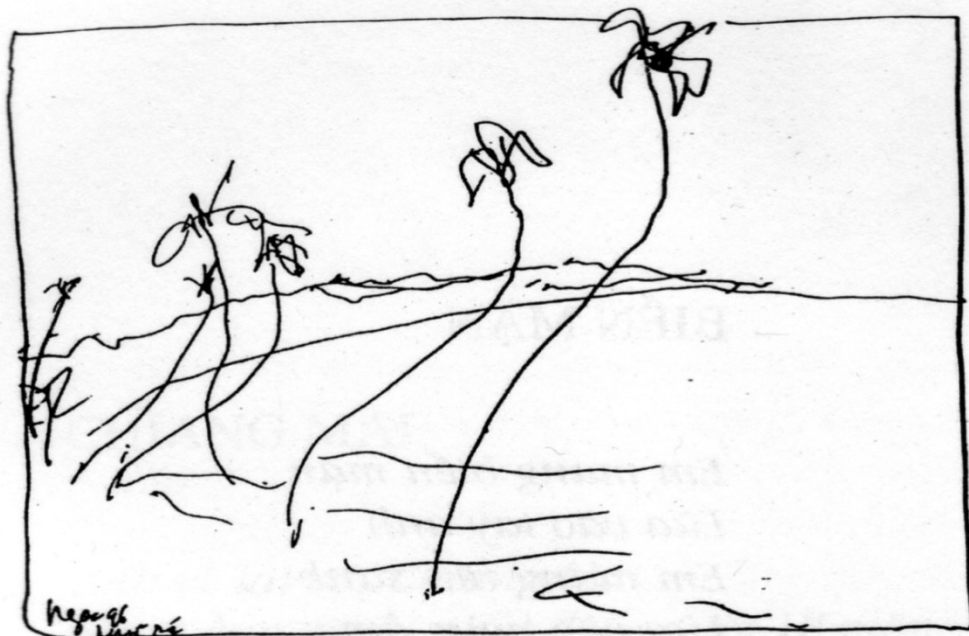
Trân trọng cảm ơn những chia sẻ chân thành của chị Thoại Anh, cô Quế Hương, cô Diệu Thanh, cùng các anh chị... đã thay lời mọi người nói lên cảm nhận riêng trong một không gian chung khi nhận sách từ tay Bs Đỗ

Hồng Ngọc trao tặng! Kính cảm ơn vô cùng chân tình mà bs Đỗ Hồng Ngọc đã ưu ái dành cho gia đình Hoa Sen và những bạn hữu! Bác sĩ đã rất vui! Và mọi người hôm ấy cũng rất vui! Chỉ tiếc là thời gian không đủ để chia sẻ những tâm tình và sự ngưỡng mộ! Không đủ để vừa nhâm nhi vị trà vừa tâm tình cùng người bác sĩ hiền hậu chân chất mà vô cùng thông tuệ!”

(2017)

“Năm nay người có về ăn Tết?”

Nhớ đúng rồi đó. Đây là một câu trong bài thơ Mũi Né, viết năm 1970, đã đăng trên báo *Bách Khoa* thời đó, tính ra cũng đã nửa thế kỷ rồi chứ ít gì! Mới thôi. Mới ngày nào.



Phụ bản: Mũi Né
Đỗ Hồng Ngọc

(....)

Mùa oi gió bắc nhớ không ngờ

Năm nay người có về ăn Tết

Có ngâm ngùi nghe chút ầu thơ? ...

(Mũi Né, Đỗ Hồng Ngọc 1970)

Gió bắc, rất lạ. Nhớ không? Thứ gió thổi lốc qua người, dán sát vào da người như có chút hồn xược ớn lạnh làm nhớ cơn sốt rét rừng thường xuyên mùa trong Tết, với hương cơm hộc, mứt gừng, mứt bí... rồi bánh căn, bánh xèo, bánh kẹp, cơm gà, bánh canh chả cá... của một vùng biển mang mang mùi nước mắm, những ai nghe quen thì đậm ghiền nặng... rồi sông Cà Ty – Mương Mán, con đường Gia Long đi mãi không cùng, với đường Trung Trắc Trung Nhị ôm sát dòng sông nhớ không?

Cho nên với tôi, gió bắc là Tết, là tuổi thơ, là Phan Thiết, là Mũi Né, là Rạng, là Lagi, là Kê Gà, là Tà Cú...

(....)

gió bắc mùa thơm ngát

bâng khuâng một mái nhà

biển xanh lùa sóng bạc

cát vàng hoàng hôn xưa...

(Quê Nhà, Đỗ Hồng Ngọc)

Và, Tết:

Đi giữa Sài Gòn

Phố nhà cao ngát

*Hoa nở rục vàng
Mà không thấy Tết*

*Một sáng về quê
Chợt nghe gió bắc
Ơ hay Xuân về
Vỡ òa ngực biếc...*
(Gió bắc, ĐHN)

Vậy đó, cho nên về Phan Thiết Mũi Né Lagi... mấy ngày chẳng qua để tìm thứ gió quen mà lạ đó. Và để nghe cái Tết tuổi thơ thấm vào trong da thịt, trong nhớ nhung...

(2020)

“Ếch kêu”

Nói đến Lai Vung người ta nghĩ ngay đến Nem! Dĩ nhiên rồi. Nhưng Lai Vung còn có quýt. Quýt hồng nổi tiếng. Đặc biệt vào mùa Tết. Mùa này chưa Tết nhưng chỉ cần coi cái vườn quýt xanh ngút ngàn đủ sướng. Rồi tự hứa trong lòng: Mùa Tết lại về Lai Vung...

Lần này đi là đi theo Thân Trọng Minh, người bạn đồng môn từ hơn nửa thế kỷ trước. Anh nói mình đến Sa Đéc, về Lai Vung, rồi đi sâu vào xã Long Hậu thì có anh chị bạn rất thân là Nguyễn Đồng Quan và vợ là Hồ Thị Bạch Nhạn đón tiếp... Anh là một thầy giáo, gốc Lai Vung còn chị không ai xa lạ, là chị của Hồ Thanh Ngạn, người bạn văn chung của chúng tôi đã mất, gốc Huế. Lần này Ngọc sẽ là “khách quý” của anh chị Quan – Nhạn đó nhé. Minh căn dặn. Sẽ ở khách sạn ngàn sao, đi thuyền trên rạch và được ăn đủ thứ đặc sản miệt vườn. Nghe mê quá.

Sa Đéc thì mình đi lại đã nhiều lần. Cũng có đi ngang Lai Vung, nhưng chỉ dừng mua Nem chớ chưa lần nào vào sâu trong vườn quýt. Ngoài “phần cứng” do Thân Trọng Minh “thiết kế”, mình đóng góp thêm “phần mềm” cho chuyến đi, cà rịch cà tang, ghé nơi này nơi khác theo... truyền thống giang hồ vất. Đầu tiên đề nghị các bạn ghé Mỹ Tho, ra tận bờ sông Tiền (Mekong) ăn hủ tiếu Mỹ Tho có tiếng từ xưa. Nhớ Trang Thế Hy, xưa ở bên kia cầu Rạch Miễu, từng có một truyện ngắn đặc sắc: Mỹ Tho!

Sau đó đề nghị các bạn ghé thăm khu Di tích Rạch Gầm – Xoài Mút, nơi Quang Trung đại phá quân Xiêm! Các bạn lâu nay chỉ đi quốc lộ 1, chưa từng

ghé nơi này. Ai cũng ngạc nhiên sao có một khu Di tích hùng vĩ mà thanh nhã đến thế, lại ít người biết.

Tiếp tục đi dọc tả ngạn sông Tiền về phương Nam, giữa những khu vườn cây trái sum suê của Vĩnh Kim, Cai Lậy, Cái Bè.

Đọc đường nhiều quán xá đơn sơ bày bán trái cây các loại. Mùa này chưa có vú sữa, xoài, măng cụt... nhưng nhiều sa-pô-chê, sầu riêng cũng rất ngon.

Rời Mỹ Tho, đoàn đi qua cầu Mỹ Thuận. Mọi người nhắc thuở đi phà. Sao quên được! “Em đi mau kéo trể chuyến phà đêm...”

Qua cầu Mỹ Thuận quẹo phải thì về Sa Đéc. Đi ngang qua Nha Môn, vùng nổi tiếng nhiều gái đẹp. Mà theo truyền thuyết thì vua Gia Long lúc còn bôn ba vùng này đã “bỏ” lại nhiều mỹ nữ (lúc đó chưa gọi là phi tần!).

Xe chạy ngang Nha Môn, mình hỏi, ủa sao chẳng thấy cô nào đẹp hết tron vậy? Mấy người đẹp ở trong vườn chớ ai đứng đây cho ông thấy! Một người bạn nói.

Từ thành phố Sa Đéc về Lai Vung khoảng hơn mười cây số, từ đó đi sâu vào xã Long Hậu, ngang chợ Long Thành, dọc theo những dòng kênh chằng chịt. Vùng này Long nhiều quá. Địa danh toàn Long. Thì ra vua Gia Long từng bôn ba ở đây khá lâu, cho nên vùng này bây giờ con gái cũng rất đẹp! Xe quanh co qua mấy cây cầu ngang nhỏ xíu. Con kênh chính ở Long Hậu đây rồi. Kênh Cán Cờ. Sao lại cán cờ? Anh Quan cho biết, theo Sơn Nam (?) thì lúc chạy đến đây, vua Gia Long bị gãy cán cờ, phải thay cán mới!

Buổi cơm trưa... linh đình đã được dọn sẵn. Ôi thôi, ê hê! Mình còn đang “Gút” nên có kiêng dè một chút. Chị Nhạn nói tôi có dự buổi nói chuyện của anh *Đến để mà thấy* tại chùa Hoàng Pháp ở Hóc Môn năm 2013 đó nhé. Thì ra thế. Tứ hải giai huynh đệ là vậy. Chị nay đã 75, đi chùa, tụng kinh, niệm Phật chăm chỉ. Anh tuổi thìn, 78 (tuổi ta) bằng với mình. Con cháu đê huê. Chị kể anh chị người Huế người Sa Đéc có duyên tiền định thế

nào mà lại gặp nhau ở Sài Gòn trên một chuyến xe buýt! Ở đây người ta gọi chị là Cô Hai Sa Đéc!

Cơm nước xong, anh Hai Quan đưa bọn này ra thăm “tịnh cốc” của anh ở sau vườn. Tịnh cốc nằm trên một cái ao anh gọi là ao “Dao Trì”. Cốc chủ trang trọng giới thiệu tịnh cốc của mình. Trời ơi, có cả một tủ sách! Đủ thứ. Cả kiếm hiệp, cả văn thơ, cả Phật học, cả Hồng lâu mộng...!

Bất ngờ cốc chủ vớ tay lấy một cuốn sách đưa cho mình xem. Ôi trời, cuốn *Guom Báu Trao Tay* của Đỗ Hồng Ngọc. Bất ngờ ở chỗ trên bìa sách, ai đó đã cắt cái hình mình trên báo dán vào. Hình trên báo *Tuổi Trẻ* năm đó, trả lời phỏng vấn, mình nói tôi học bác sĩ vì “ghiền mùi nhà thương”!



ĐHN

Bữa cháo gà chiều cũng rất ngon. Ba ông bạn mình nói “nhớ nhà” quá, bèn xách ghế ra sân... hút thuốc! Thì ra “nhớ nhà châm điếu thuốc”... là vậy!

Tôi, anh Quan chủ nhà thu xếp cho mình cùng Thân Trọng Minh ra ngủ ngoài cóc với anh, khách sạn ngàn sao như Thân Trọng Minh giới thiệu, nhưng mình từ chối, xin được ngủ một mình trên cái divan! Lý do: sợ “ếch kêu” um sùm! Ao Dao Trì dĩ nhiên là có cá quẫy, ếch kêu ồm ồm thiệt, nhưng không phải vậy. Chỉ có Lê Ký Thương biết chuyện, tùm tùm cười một mình.

Số là ở vùng mình, không biết tự bao giờ có câu chuyện kể: Đứa cháu đang ngủ với ông mình, nghe ông “đánh rắm” một tiếng rõ to giật mình hỏi – Cái gì vậy ông? – Ếch kêu! Ông nói. Một lúc, thằng nhỏ thắc mắc: Ếch kêu sao thúí? Ông lúng túng: – Ếch chết – Ếch chết sao kêu? Ông càng lúng túng: – Hai con!...

Chuyện hơi nhảm. Đừng cười.

(2017)

Tôi thấy tôi thương những chuyến phà

Tôi thấy tôi thương những chuyến phà

Ngàn đời không đủ sức đi xa...

Không phải thơ của tôi đâu! Nhại thơ Tế Hanh đó. Từ những năm 40 của thế kỷ trước, Tế Hanh viết: *Tôi thấy tôi thương những chuyến tàu/ Ngàn đời không đủ sức đi mau/ Có chi vương vãi trong hơi máy/ Máy chiếc toa đầy nặng khổ đau...* (Những ngày nghỉ học. Tế Hanh). Thật ra mấy chiếc toa tàu chẳng nặng khổ đau gì đâu, khổ đau chẳng qua là do “lòng của người đi với kẻ về” kia! Nhưng Tế Hanh quả cũng không thể ngờ rằng chẳng bao lâu sau đó, những chiếc xe lửa đầu đạn chạy nhanh như gió với tốc độ 300 km/giờ và nay đã lên đến 500 km/giờ!

Phà ở quê mình thì khác. Hằng trăm năm nay vẫn ỉ ạch nổi đôi bờ. Thế rồi một hôm bỗng bị người ta vớt lên cạn. Xẻ thịt. Bán ve chai... Không ai còn cần tới nữa! Người ta nay đã có cầu. Những chiếc cầu ngạo nghễ, nghênh ngang vươn giữa dòng sông. Nhưng, hãy đợi đây! Với tình hình hiện nay, đến một lúc khi mà “sông kia rày đã nên đồng” thì những cây cầu cũng sẽ bị xẻ thịt, bán ve chai... “Cửu Long Cạn Dòng, Biển Đông Dậy Sóng”, là cuốn sách của bạn tôi, bác sĩ, nhà văn Ngô Thế Vinh báo động gần hai mươi năm trước, nay gần như đã hiện thực. Gần đây, Ngô Thế Vinh còn có loạt bài nêu vấn đề phải chăng cần làm đê ngăn nước mặn tràn bờ và làm những hồ chứa nước ngọt ở U Minh Đồng Tháp, một khi nước ngọt sắp trở thành một thứ “vàng xanh”!

Những ngày cuối năm, tôi vội vã đi một vòng qua những chuyên phà. Hết rồi Rạch Miễu. Hết rồi Cần Thơ, Mỹ Thuận. Hết cả Hàm Luông. May còn Cổ Chiên. Cổ Chiên thiệt ngộ. Ngay cái tên nghe cũng khoái rồi. Cổ Chiên khác Cần Thơ, Rạch Miễu. Nó dài và rộng hơn, và đặc biệt, nó gần biển hơn nên lắc lư với sóng và gió biển, đến nỗi tưởng mình đang vượt biển trong khi những phà khác chỉ vờn qua một dòng sông! Cổ Chiên rồi cũng sẽ mất nay mai. Đi trên phà đã nghe có cái gì khang khác: không còn ung dung, thư thả, mà hấp tấp vội vàng. Ai nẩy như bực bội, cáu gắt hơn, kể cả những nhân viên phục vụ. Họ sẵn sàng quát tháo, to tiếng. Không một tiếng rao. Không một tiếng đàn, tiếng hát... Rồi Cổ Chiên, tôi qua Đĩnh Khao rồi Vàm Cống, An Hòa, Cao Lãnh, Mỹ Lợi... Không kể phà Cát Lái, Bình Khánh, Thủ Thiêm vốn gần gũi thân quen. Đi cho hết phà. Bởi vì rồi đây phà sẽ vắng dần rồi tắt ngúm. Như những cây cầu khỉ và áo dài trắng nữ sinh. Và, như những dòng sông...

Phà đúng là ngàn đời không đủ sức đi xa! Chỉ bờ này bên nọ. Nổi những niềm vui, những nỗi buồn, những đợi chờ... *“Em đi mau kẻo trễ chuyến phà đêm... qua bến bắc Cần Thơ”*(*)... Hôi đó trong Nam phà gọi là “bac” – tiếng Pháp - chạy có giờ. Ban đêm phà nghỉ. Trễ một chuyến phà là trễ biết bao nhiêu!

Phà chẳng những không đủ sức đi xa mà còn không đủ sức đi mau. Nó ì ạch một cách dễ thương. Ai vội vã mặc ai. Nó cứ ì ạch, khệnh khạng, làm như không nở rời bến, không nở cặp bờ... Há mõm thật to bên này nuốt gọn dòng người dòng xe rồi há mõm thật to bên kia nhả dòng người dòng xe ra cứ như một con quái vật hiền lành.

Và những chuyến phà trắng. Nó ì ạch chở trắng đi. Nó nhích từng bước như sợ trắng tan. Lòng người cũng nhẹ tênh, dải cùng trắng sáng. Bỗng nhớ *Có ai về miền tây/ lúa mùa thơm, thơm mãi/ dĩa xanh nghiêng chên chéch/ cá ngược dòng sông đầy.../ Có ai về miền tây/ mái nghèo nhưng mà đẹp/ má gầy nhưng mà xinh...* (Y Vân).

Có những cuộc tình phà. Làm như khi người ta lên phà, rời bến, người ta sống một cách khác rồi. Lòng rộng mở cùng sông nước, chập chùng cùng bãi

bờ. Người ta bỗng dễ thương chi lạ. Nếu không, đâu có L'amant (Người tình) của Marguerite Duras thuở nào...

Một ông bạn “đào hoa” của tôi nói, qua phà, một cơ hội tốt để làm quen, để tán tỉnh... Ai cũng đẹp ra, thanh thoi ra, mở lòng ra. Người ta hình như đã bỏ đi trên bờ kia bao nhiêu nhọc nhằn, bao nhiêu khổ lụy. Chỉ có ở trên phà, người ta mới dễ mời mọc xôi nem, bịch bánh trắng, mía, bắp, trái cây các thứ. Chỉ có ở trên phà, người ta mới dễ nhũn lòng với tiếng hát tiếng rao. Sau những giờ cá hộp nhọc nhằn, sau những giờ chờ đợi muốt mồ hôi, người ta uống vội trái dưa tươi hay ly trà đá để kịp chen chúc xuống phà. Nhẹ nhõm, sáng khoái, lâng lâng. Phà vì thế mà... rất phà!

Tôi còn có một kỷ niệm với Phà Rừng, một đêm trăng. Đó là năm 1978, lần đầu tiên ra miền Bắc. Phà Rừng. Phà qua sông Bạch Đằng. Không thể cầm lòng mà không thử nhúng chân xuống nước, để nghe ròn rợn lời của dòng sông “... *Bạch Đằng giang sông hùng dũng của nòi giống tiên rồng, giống Lạc Hồng, giống anh hùng, Nam Bắc Trung...*” ...

(2011)

.....

(*) *Chiếc áo bà ba*, Trần Thiện Thanh.

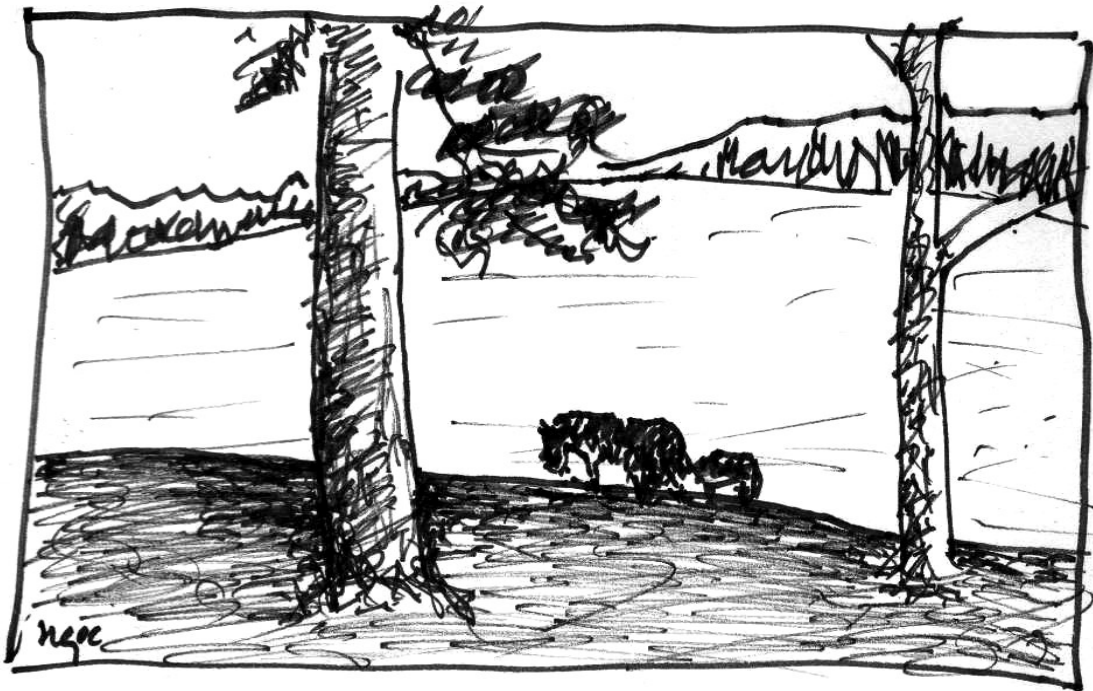
Đà Lạt

Như đã hứa, tôi mang mấy bài thơ bạn viết về Đà Lạt đi Đà Lạt. Định gặp bất kỳ ai... miễn là đáng trao thì trao ngay cho người đó, biết đâu người đó sẽ nhận ra, và kêu lên... Ồ anh là Lệ? anh là Lệ? Tôi sẽ đấm chảnh ngay “không phải đâu là không phải đâu”... rồi cùng mà “nói chuyện thế gian cười ngặt nghèo” (Luu Trọng Lu)! Tiếc thay, chẳng gặp ai vậy cả!

Đà Lạt giờ lạ lắm. Bạn sẽ không nhìn ra đâu. Nhưng rớt cuộc tôi cũng tìm được một cách nào đó. Thí dụ, thay vì quanh quẩn phố thị ồn ào, san sát nhà nghỉ khách sạn thượng vàng hạ cám, tôi đi tận Suối Vàng. Trời ơi, mới lần trước nước trong leo lẻo một dòng xanh mà nay vàng khè... vàng khẹt. Thì ra tại trời mưa. Nước trên đồi đổ xuống. Xưa nhờ thông xanh giữ lại, nay thì tuồn tuột trôi lăn.

Dù sao thì tôi cũng ghé được vào một căn nhà sàn trên thác nước, nằm võng đu đưa đọc cuốn sách mới in còn nóng hổi của mình: Thập thoáng lời Kinh. Rồi ăn cơm lam với gà đi bộ... nướng, bánh tráng mè với chuối laba, một thứ chuối thơm lựng, vỏ muồn dày hơn ruột! Sau đó đi sâu quá vào tận một nơi hẻo lánh, có những căn nhà nho nhỏ trên đồi, ở đó có cái làng gọi là làng Cù Lằn hay hay. Tôi tự chụp cho mình một cái hình để nhớ mình là một ông Cù Lằn thứ thiệt. Lúc mẹ tôi còn sinh tiền, bà hay nói tôi cù lằn, “ngu nhất thiên hạ”, nhưng tôi cãi, chỉ dám “ngu hạng nhì” thôi! Rồi hai mẹ con tranh luận sôi nổi. Tôi làm vậy thực ra là để cho bà có dịp luyện tập não bộ, đừng để sớm bị Alzheimer. Ái ố hỷ ngộ... quý biết mấy bạn ơi!

Chiều tôi lang thang ra bờ hồ. Xuân Hương giờ đã đẹp. Chút lờ lợt. Chút diêm dúa. Thôi kệ. Tôi cũng tìm ra được một góc hoang. Thì tại môn tiền nào/ Nguyệt lai môn hạ nhàn phải không?



ĐHN

Một gánh hàng rong. Bán từ khoai nướng, bắp nướng với đủ các thứ lai rai trên đời... Một con ngựa lơ ngơ. Anh xà ích hít thở. Tôi mua mấy củ khoai nướng. Chị hàng rong dễ thương, gói cho tôi mấy củ khoai... cháy đen cháy khét, chắc từ sáng ai cũng chê không mua. Tôi vừa đi vừa ăn vừa cười tủm tỉm. Chắc chị đang vui vì gặp ông cù lần. Tôi vui vì chị vui. Thú vị bất ngờ là tôi cũng đang cần chút ít charcoal cho âm bụng, tôi qua bị... Tào Tháo rượt mấy phen. Ở đời, vậy đó bạn ơi!

(2012)

Thăm thầy Phước An

Thầy Phước An nói nghe anh đến từ chiều hôm qua nên có ý đợi, sáng nay cũng ở chùa, chưa đi đâu cả. Tôi từ Đà Lạt xuống Nha Trang tối trễ quá không đến thăm thầy được như đã hẹn nên sáng nay Mừng 5 tết Mậu Tuất (2018) mới đến được đây. Ngân Hà đưa đi đường vòng phía sau chùa Long Sơn, qua Phật đài Thích Ca, ngày xưa biết bao lần đến viếng mà chưa có dịp ghé thăm Hải Đức. Ngôi chùa cổ với nhiều thế hệ các bậc tôn túc đã dày công xây dựng nên một Phật Học viện nổi tiếng của miền Trung, nơi sau này còn có Ni sư Trí Hải, thầy Tuệ Sỹ, thầy Lê Mạnh Thát... từng trú ngụ, đặc biệt nhiều văn nhân thi sĩ như Quách Tấn, Võ Hồng, Phạm Công Thiện... thường xuyên lui tới, người tu học, người tham quan, đàm đạo... như một thuở nào xưa... giữa ‘những phương trời viễn mộng’... Nhớ thời ở Nha Trang, tôi cũng thường gặp thi sĩ Quách Tấn, nhà văn Võ Hồng nhưng chưa có lần nào đến chùa Hải Đức, hình như chưa có “duyên” và còn có quá nhiều bận bịu.

Thầy Phước An không phải là ai xa lạ. Thầy là tác giả của tập tùy bút nổi tiếng “*Đường Về Núi Cũ Chùa Xưa*” rất hay về văn chương và thâm trầm đạo vị. Khi nói đến Thích Phước An những ai từng sống với Đại học Vạn Hạnh năm xưa không ai không nhớ: nhà báo Nguyễn Trọng Chức nhắc những kỷ niệm cũ, Nguyễn Hiền (5 Hiền) rồi Văn Công Tuấn... đều nhắc với tất cả lòng quý trọng.

Tôi chần chừ khá lâu trước cái Hồng Chung vĩ đại. Một nhóm học sinh lớp 11 tình cờ đến và các em mở bánh ra ăn, mời tôi thiết đãi thương. Tôi nói về tiếng chuông và ý nghĩa bài kệ khắc trên hồng chung cho các em nghe:

Bể cả triều dâng tiếng Phổ Môn

Chín tầng sen ngát hiện đồng chơn

Cam lồ giọt nước cành dương rải

Nhuần thấm sơn hà cảnh sắc xuân

Thầy Phước An vừa ra đón khách. Tôi chấp tay chào thầy và nói xin chụp cái hình kỷ niệm nhé. Thầy kêu khoan khoan chờ tôi vào thay y cho đàng hoàng đã chứ!

Rồi cùng chuyện vãn bên chén trà xuân, bên cánh mai vàng rực rỡ... Chuyện xưa chuyện nay, chuyện vãn chương, chuyện đạo pháp... Dưới chân đồi thăm thẳm kia là thành phố Nha Trang dày kín, xa xa là rặng núi xanh lơ...

Nhắc Văn Công Tuấn với mấy tập sách mới, giọng vãn chân thành trong sáng, “vang vọng lời kinh, lấp lánh ánh vàng” như Nguyễn Hiền Đức nhận xét. Thầy đi lấy ngay cuốn mới nhất của Văn Công Tuấn: *Hạt Nắng Bò Đê*, thay mặt tác giả, ghi lời trang trọng và trao tận tay.

(2017)

Mấy ngày Tết

Khởi hành sớm. Gần đến chân đèo Bảo Lộc thì ghé một quán ven đường quen thuộc bên bờ suối uống café và ăn... sầu riêng. Sầu riêng vườn, ngon, không phải thứ sầu riêng đáng ngại ngấm thuốc gì đó. Đường đi Đà Lạt bây giờ tốt rồi, chỉ có cái cứ phải đóng tiền BOT hoài vậy thôi. Đà Lạt ngày Tết đông ken, không có chỗ ở, phải vào tận nơi hẻo lánh, xa xôi, cuối hồ Tuyền Lâm, cách thành phố hơn 10km, gần như bị “cách ly”. Tuy là cái resort hoành tráng giữa rừng thông nhưng mình thấy không hợp cái tạng lắm. Hoành tráng quá, hùng vĩ quá, giữa rừng thông bạt ngàn và dòng nước hồ phẳng lặng. Mình mong có chút gì đó lãng mạn như căn nhà gỗ, ngọn lửa hồng, vườn hoa dại bên bờ suối...

Ngày hôm sau thì mình... trốn ra ngoài một chút, ghé thăm nhóm bạn Thiên ca Hoa Sen, uống một tách trà thơm và ký tặng *Thơ Ngắn Đỗ Nghê* cho các bạn qua Thảo Nhiên. Rồi ghé nhà Thuần Nhiên Nguyễn Đức Vinh, người nhạc sĩ của Gia đình Hoa Sen hôm Noel đã phổ nhạc bài thơ “Giỗ Một Dòng Sông”, nay đã có tên chính thức của bài nhạc là “Sông ơi cứ chảy...”. Ngôi nhà thật xinh xắn, thơ mộng. Thời gian không nhiều nên chỉ trò chuyện ba điều bốn chuyện với Vinh và Sen, bà xã Vinh, người đêm Noel rồi đã ngồi nghe suốt cả giờ bài hát vừa được Vinh phổ nhạc. Mong có dịp nào lại đến căn nhà đầy âm nhạc này cùng các bạn thiên ca Hoa Sen. Gửi tập thơ cho Mậu Pháp (Ngũ Hành Sơn) và Nguyễn Phú. Mậu Pháp đang áo dài khăn đóng ngồi ngoài chợ Đà Lạt viết thư pháp cho mọi người... qua đường như một ông đồ chưa già, bày mực tàu giấy đỏ giữa chợ hoa.

Từ nhà nhạc sĩ Thuần Nhiên, mình ghé qua thăm nhà thơ Nguyễn Dương Quang. Đã lâu không gặp. Ai cũng già đi rồi.

Đã đến giờ hẹn cùng gia đình đi thăm Cầu Đất, đồi trà Tea Hill Farm gì đó. Ôi bạn ơi, con đường Đà Lạt đi Dran bây giờ cũng tốt lắm rồi, không phải như xưa bọn mình đi vất vả hồi hộp. Mùa này không còn hoa quỳ vàng.

Cầu Đất đây rồi. Mưa. Mưa xuân Đà Lạt. Thoáng cái lại nắng lên. Rồi mưa nữa. Gió vù vù. Mặc, những tà áo trắng áo xanh vẫn len lỏi giữa đồi trà. Lạnh ngắt. Thiệt hạnh phúc khi vào được quán café bên trong. Làm một bình trà xanh đặc sản. Công nhận quá ngon. Mấy nhỏ ăn chút gì đó vì đã quá trưa. Ở đây chỉ còn cách Dran chừng vài chục km nữa thôi. Đến Dran sẽ có nem ngon nhưng ngày Tết chắc nghỉ bán.

Sáng mùng 4 tết, từ Đà Lạt về Nha Trang. Xe cộ các nơi đổ về Đà Lạt nườm nượp. Một cái xe khách bị cháy trên đèo Prenn làm kẹt đường thêm. Mình đến Cadasa, định ghé làm ly café mà đông nghẹt. Không gặp Nguyễn Thế Hùng, Thanh Tâm gì cả. Ai nấy chắc mệt bơ phờ vì khách quá đông. Xe đổ về Nha Trang cũng nhiều. Con đường quốc lộ 27B này rất đẹp, nhưng đèo Khánh Vĩnh thì quá nguy hiểm, thường có những vụ sạt lở núi. Mấy tuần trước đã có tai nạn xảy ra. Năm xưa mình đã từng đi đèo này một lần. Suong mù giăng kín không thấy đường. Tài xế chỉ nhìn vệt trắng giữa đường mà mò đi, giữa một bên là núi dựng đứng và một bên là vực sâu hun hút. Hôm nay nắng đẹp nhìn rõ mới hết hồn! Cũng còn nhiều chỗ sạt lở đang sửa. Vậy mà xe cộ cũng khá đông, nhất là xe gắn máy 2 bánh từ Nha Trang lên Đà Lạt ào ào...

Rồi cũng đến Nha Trang. Ôn ào. Xô bồ. Nhận nhíp. Nhẽ nhại... Phải ra ở một nơi xa thành phố, cách Nha Trang cũng vài chục cây số. Một resort đẹp, cheo leo giữa các gộp đá trên đường từ Cam Ranh về Nha Trang. Người Tàu đông quá là đông. Đến nổi một bữa nghe một nhóm người nói tiếng Việt, mình mừng rỡ: Ôi gặp “đồng hương” đây rồi!

Sáng mùng 5 Tết, mình lên ra Nha Trang. Ôi Nha Trang ngày về! Không có bãi khuya, không có con ốc bơ nằm trên cát... chỉ có người là người tấp nập ngược xuôi xí xô xí xào... Đến một góc đường, tìm cái quán café gia đình thấy vắng ngắt. Nghỉ Tết.

Phone cho một nhà báo. May quá. Quán café nào cũng đông nghẹt. Cảm ơn điện thoại di động nghe. Gặp Ngân Hà và mấy nhóc, Thu Trà, bác sĩ Bình... rồi Ngân Hà đưa đi thăm Thầy Phước An ở chùa Hải Đức.

Hôm sau, mừng 6 Tết đi Ninh Hòa, thăm cặp uyên ương Khuất Đầu và Huyền Chiêu, kéo nhau đến quán café Deja Vu, nơi Thân Trọng Minh và cả Thu Vàng cũng đã đến làm show nhạc sống hôm nào. Vợ chồng chủ quán đi vắng, có bà mẹ và cô em giúp. Cô Ngọc Anh em chủ quán xin chụp một tấm hình với mình vì đã từng đọc sách... Rồi cô còn “vấn đạo” nhờ giải đáp thắc mắc các thứ! Ông bố cho biết mới hôm qua, Ngọc Anh tự dưng nói mong sao được gặp bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, vậy mà sáng hôm nay lại gặp đây rồi, thiệt là chuyện lạ!

Về thăm Dục Mỹ, nơi ngày xưa, năm 1970, mình đã từng ở mấy tháng, làm việc ở Bệnh viện LTC. Lúc đó La Nga chưa đến hai tuổi, hằng ngày vẫn đưa xuống suối tắm và chiều chiều chở đi lòng vòng bằng xe Lambretta quanh cái phi trường nhỏ... Mới thôi mà đã gần nửa thế kỷ. Chỗ mình ở ngày xưa hình như chỉ còn bóng dáng cây dừa vút cao. Ngôi chùa nay quá to. Nhà thờ vẫn còn đó. Bệnh viện, phi trường nay đều đã san phẳng trông mía... Nhớ bác sĩ Nguyễn Xuân Quang, người bạn cùng khóa, cùng về công tác nơi này một lượt...

Mùng 7 về Phan Rang. Định ghé thăm Võ Tấn Khanh mà lạc đường nên thôi. Về thẳng Phan Thiết ghé nhà thơ Liên Tâm, gửi mấy tập thơ cho Nguyễn Như Mây, Lê Nguyên Ngữ, Phan Anh Dũng...

Về lại Sài Gòn đã thấy nhớ Đường Sách, gặp lại những con người, những gương mặt lạ mà quen như tự thuở nào xa.

(2017)

Hoa đào năm ngoái...

*K*hứ niên kim nhật thử môn trung

Nhân diện đào hoa tương ánh hồng

Nhân diện bất tri hà xứ khứ

Đào hoa y cựu tiếu đông phong...

(Thôi Hộ)

Năm ngoái ngày này dưới cánh song

Hoa đào ánh má mặt ai hồng

Mặt ai nay biết tìm đâu thấy

Chỉ thấy hoa cười trước gió Đông

(Đỗ Bằng Đoàn & Bùi Khánh Đan dịch)

Thật ra làm gì có hoa đào năm ngoái!

Hoa đào thiên thu thì có. Đồi đồi kiếp kiếp thì có. Chẳng sinh chẳng diệt thì có.

Nó cứ việc nở với gió đông và ngộ thay, nó cười mỉm, cười mũi cái anh chàng thi sĩ ngờ nghệch kia cứ tưởng hoa đào năm ngoái của anh còn đó để mà than thở nhân diện đào hoa nay đã về đâu?

Về đâu?

Chẳng về đâu cả. Bởi chẳng đến từ đâu. “Vô sở tùng lai diệc vô sở khứ...”.

Cái hoa đào đó nó cười tủm tỉm anh chàng thi sĩ chưa thấy biết Như Lai kia.

Còn người đẹp “nhân diện đào hoa” nọ có mất đi đâu bao giờ. Có nhạt phai đi đâu bao giờ!

Ngàn trước ngàn sau vẫn vậy. Vẫn “tương ánh hồng” mãi đó thôi.

Chỉ có chàng thi sĩ loay hoay trong cái ngã của mình, tưởng của ta, tưởng là ta, nên mới buồn rầu mà than thở...

Phật là Như Lai nhưng Như Lai không phải Phật.

Như Lai là Như Lai. Vô sở tùng lai diệc vô sở khứ...

Là cánh hoa mai nở thiên thu giữa đêm trừ tịch.

Là cánh hoa đào “năm ngoái” vẫn còn cười với gió đông.

(2016)

Núi vẫn cứ là núi...

“... 30 năm trước khi chưa tu thấy núi là núi, sông là sông. Sau nhân được thiện tri thức chỉ cho chỗ vào thì thấy núi chẳng phải núi, sông chẳng phải sông. Rồi nay thể nhập chốn yên vui tịch tĩnh lại thấy núi là núi, sông là sông...”

Thế mới biết “đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệ”.

(Trịnh Công Sơn)

Núi vẫn cứ là núi. Sông vẫn cứ là sông. Chẳng qua do cái thấy của ta điên đảo mộng tưởng.

Cái thấy của 30 năm trước khi chưa tu là cái thấy của lo âu vì nỗi vô thường:

Sông kia rày đã nên đồng

Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai...

(Tú Xương)

Cái thấy của 30 năm trước khi chưa tu là cái thấy của sợ hãi vì niềm chấp ngã:

Ta còn để lại gì không?

Kìa non đá lở, này sông cát bồi...

(Vũ Hoàng Chương)

Ta sống trong vô thường vô ngã mỗi phút giây mà chẳng biết.

Mỗi ngày trái đất bay vòng quanh mặt trời 2,5 triệu cây số; mỗi giây hàng trăm triệu tế bào hồng cầu tự hủy để hàng trăm triệu tế bào hồng cầu mới sanh ra...

Ta vẫn ngồi lại bên cầu cho đến lúc tóc mây bạc trắng...

Nhạc sĩ họ Trịnh âu sầu buồn bã: *Từng người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ...* Đi đâu? Về đâu? Chỉ còn mình ta đứng lại bên bờ quạnh hiu.

Cho đến lúc thảng thốt nhận ra

con sông là thuyền,

mây xa là bướm,

từng giọt sương thu hết mệnh mông...

(Trịnh Công Sơn).

Phải rồi. Cả vũ trụ, cả tam thiên đại thiên thế giới trong một giọt sương!

Người thiện tri thức đã chỉ cho chỗ vào? Vào đâu? Vào cái thấy “như thực”: thấy mọi thứ và cả cái ta nữa, luôn biến dịch, luôn đổi thay, bởi nó từ Duyên khởi, Duyên sinh mà có. Ta thì từ đất nước gió lửa, từ sắc thọ tưởng hành thức mà ra. Núi thì cũng từ đá, đá thì từ cát, gió cuốn mà chập chùng. Sông thì từ nước, nước thì từ... Cứ thế. Nhìn cho rõ ngọn nguồn. Thấy cái thực tướng vô tướng. Rồi mừng rỡ reo lên: À, thì ra là *không*. Tất cả là *không*.

Núi chẳng phải núi. Sông chẳng phải sông!...

Rồi ôm lấy cái *không* đó. Duy Ma Cật nhắc: đó là một thứ bệnh nặng.

Chấp không còn tệ hơn chấp có. Thà chấp có vui hơn.

May thay, khi thể nhập vào chốn yên vui tịch tĩnh thì rõ ràng núi vẫn cứ là núi, sông vẫn cứ là sông. Núi là núi mà còn đẹp hơn xưa. Sông là sông mà còn đẹp hơn xưa. Bây giờ đã là làn thu thủy. Bây giờ đã là nét xuân sơn...

Thì ra nó vậy đó. Nó *chân không* mà *diệu hữu*. Nó *diệu hữu* mà *chân không*.

Nó như thị. Nó vô thường. Nó đổi thay nên nó tuyệt vời. Nó *duyên sinh* nên nó mãi mãi.

Ôi những dòng sông nhỏ

Lời hẹn thề là những cơn mưa...

(Trịnh Công Sơn).

(2016)

Tôi học Phật

Càng có tuổi, hình như tôi càng nhận ra có cái gì đó ở ngoài ý chí mình, can thiệp vào mình tùy hứng khiến mình đôi lúc không khỏi chung hững, ngỡ ngàng, thậm chí “duyên” chẳng? Nhưng duyên là gì không biết. “Nghệp” chẳng? Nhưng nghiệp là gì cũng không biết. Thôi thì, cứ để nó trôi chảy, tự nhiên, bởi nó có vẻ chẳng cần đến ta, chẳng phải là ta, chẳng phải của ta...

Vào tuổi 80, tôi nghĩ đã đến lúc “về thu xếp lại”, đã đến lúc “nhìn lại mình...” như người bạn nhạc sĩ họ Trịnh kia đã nói. Về thu xếp lại, bởi “chút nắng vàng giờ đây cũng vội”, vì rất nhanh thôi, các tế bào thân xác kia đã có vẻ rã rượi, ù lì, và cũng rất nhanh thôi các tế bào thần kinh nọ cũng mịt mờ, mỗi mết, nhớ trước quên sau... Đầu năm 2019, tôi gom góp in cuốn *Về thu xếp lại* như một cột mốc, một hẹn hò, rồi cuối năm tiếp tục gom góp in thêm cuốn *Biết ơn mình* như một nhắc nhở... Bên cạnh đó, cũng đã tạm một tập bản thảo *Đi để Học, Ghi chép lang thang, Như không thôi đi được!*... chủ yếu là một dịp để giúp “Nhìn lại mình”... Tôi cũng mong gom góp, tập hợp được một số bài viết, một số quyển sách nhỏ những lời biên chép bây nay trong lúc lồm bồm học Phật, thấp thoáng lời kinh, làm thành một tập để ngắm ngời khi cần. Muốn thì muốn vậy, nhưng lực bất tòng tâm!

Duyên may lại đến.

Cách đây mấy năm, một buổi chiều, khi đi café với một người bạn trẻ về đến nhà thì nhận được 3 cuốn bản thảo “Tuyển tập Đỗ Hồng Ngọc” dày cả ngàn trang A4 của một người không quen biết gửi tặng. Giật mình. Ai vậy cà? Thấy có kẹp mảnh giấy nhỏ, ghi số điện thoại tên Nguyễn Hiền Đức. Bèn phone thăm hỏi mới biết đó là một bạn đọc quý mến mình, đã “dõi theo” hành trình viết lách của mình từ lâu, nay tỉ mỉ ghi chép lại cả một tuyển tập

đồ sộ gửi tặng và nói còn sẽ gửi tiếp mấy tập nữa! Lúc đầu tưởng anh gom góp từ trên mạng, nhưng không, anh cho biết anh đã gõ lưng đánh máy từ những trang sách mà anh ưa thích! Thời buổi này. Lạ thật.

Hẹn gặp, mới biết Nguyễn Hiền Đức (thường gọi 5 Hiền), trước 1975 từng có thời là Thư ký Tòa soạn của tạp chí Tư Tưởng của Đại học Vạn Hạnh, thư ký riêng của HT Thích Minh Châu... Anh tốt nghiệp Báo chí và Xã hội học, rồi cao học Sử ở Đại học Vạn Hạnh. Đó là một người gầy gò, trông khắc khổ, nghiêm túc, nhưng rất nhiệt tâm và nói chung... dễ thương.



Rồi hãy nghe 5 Hiền “giải trình”:

Tôi bắt đầu “gõ” và “gõ”, mãi mê “gõ” cuốn “TUYÊN TẬP ĐỖ HỒNG NGỌC – THẬP THOÁNG LỜI KINH” này từ năm 2010 và kết thúc năm 2018. Tôi rất thích từ “Thập thoáng” vì nó thể hiện rất rõ, rất đúng cái chất “thập thoáng”, “lỗm bõm” của tôi khi học Phật.

Ngay trong bước đầu “tập tễnh học Phật” tôi đã chọn cách học hợp với sở thích của mình. Đó là chọn bài, chọn sách rồi... rị mọ, cặm cụi, kiên trì “gõ” vào máy. Cách làm này giúp tôi đọc chậm, đọc kỹ từng đoạn, từng trang, từng bài, rồi chú tâm sửa lỗi. Tôi đọc ít nhất 5 lần cho mỗi trang với lòng thanh thản, thư thái. Tôi không “ép” mình phải ghi, phải nhớ một điều gì cứ để nó trôi chảy như một dòng sông. Rồi biết đâu mười năm sau, hay hơn nữa những gì tôi đã đọc, đã “gõ” sẽ giúp tôi nhiều hơn, tốt hơn trên con đường học Phật. Tôi chỉ đặt ra một thứ kỷ luật tự giác mà tôi phải tuân thủ, đó là mỗi ngày “gõ” ít nhất 5 trang, mỗi tháng tối thiểu 120 trang học Phật.

* *

* * *

Tôi có chút “duyên” với Phật, nhưng đến với Phật rất trễ. Lại đến một mình. Sinh ở Phan Thiết mấy ngày thì tôi được về ở nhà Ngoại, làng Phong Điền, Hiệp Nghĩa, dưới chân núi Tà Cú, nơi có chùa Linh Sơn Trường Thọ Tự. Nhỏ xíu, tôi đã được theo cha mẹ, các cậu, dì, lên chơi Chùa núi. Khi là sinh viên ở Sài Gòn, tôi cũng đọc Bát Nhã, đọc Suzuki, Krishnamurti... nhưng đọc chỉ để mà đọc. Đến năm tuổi gần 60, sau một cơn bệnh thập tử nhất sinh, tôi thấy mọi sự khác hẳn đi. Tôi đọc Tâm Kinh thấy không khó nữa. Như vỡ ra. Và với Tâm Kinh, tôi thấy chỉ cần học một chữ thôi. Chữ *không*. Từ đó mà vô trụ, vô trí, vô đắc. Từ đó mà gate, gate, paragate... Nó như giúp tôi trả lời câu hỏi cho chính mình, Why, tại sao? Tôi vẫn thường tự đặt ra cho mình câu hỏi “tại sao” như vậy. Rồi bằng cách nào đây (How?) để mà “hành thâm Bát nhã”? Câu trả lời là Kim Cang. Ở Kim Cang học Vô ngã (nhân vô ngã, pháp vô ngã), và Thiên định. Dĩ nhiên không thể không học những bước cơ bản: Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Thập nhị nhân duyên... Không có chánh định làm sao có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ... Con đường từ thể nghiệm, thực nghiệm đến ứng dụng trong đời sống hàng ngày. Ở Pháp Hoa học vô tướng, thực tướng, gặp Như Lai Đa Bảo của mình như

luôn tùm tùm cười chọc quê mình! Cái học y khoa, tâm lý học, xã hội học cũng đã giúp tôi thấy rõ hơn vai trò thầy thuốc, tham vấn viên của bậc Y vương qua hình tượng các vị Bồ tát Thường Bất Khinh, Dược Vương, Diệu Âm, Quán Thế Âm... để không chỉ học hiểu lời kinh mà còn vận dụng vào nghề nghiệp cho sáng tỏ hơn... Ở Duy-ma-cật, học *Bát nhị*. Kinh mở ra một cách tiếp cận mới, sinh động, cho dòng chảy mệnh mang rộng khắp.

Chắc chắn Phật không muốn chỉ có các đệ tử ngồi thiền định dưới gốc cây, tới giờ đi khát thực và đợi ngày nhập Niết bàn. Phật cần có những vị Bồ-tát đem đạo vào đời, tự giác giác tha. Thế nhưng, các Bồ-tát đầu tròn áo vuông cũng khó mà “thông tay vào chợ” giữa thời đại bát nháo này. Vì thế mà cần Duy-ma-cật. Một thế hệ cư sĩ tại gia, nhằm thực hiện lý tưởng của Phổ Hiền Bồ-tát...!

Rồi từ những điều học hỏi, nghiền ngẫm, thể nghiệm... bấy nay mà tôi mạnh dạn sẻ chia với “Tháp Thoáng Lời Kinh”, “Thoảng Hương Sen”, “Thiền Và Sức Khỏe”, “Nếp Sống An Lạc”... như một ứng dụng Phật pháp vào đời sống. Khi được hỏi “kinh nghiệm” về học Phật, tôi nghĩ trước hết, cần nắm được các thuật ngữ, sau đó là hiểu được các ẩn dụ, ẩn nghĩa, hàm chứa trong lời Kinh và quan trọng nhất là thực hành, ứng dụng vào đời sống, ở đây và bây giờ...

Những năm sau này, tôi có dịp cùng học với nhóm bạn về Lăng Nghiêm, Viên Giác, Lăng Già... Con đường học Phật thênh thang như cánh rừng kia mà ta mới tiếp cận vài hạt bụi rơi từ nắm lá Simsapa đạo nọ.

(2019)

Ca-tì-la-vê

Lâm-tì-ni là một trong “Tứ động tâm” mà người con Phật nào cũng muốn đến thăm một lần: Phật đản sanh, Phật thành đạo, Phật chuyển pháp luân và Phật niết bàn.

Hoàng hậu Mayadevi hôm đó vội vã lên đường về kinh đô Ca-tì-la-vê (Kapilavastu) để kịp sanh hoàng tử nhưng vừa đến Lâm-tì-ni thì cơn đau đã rộ, không thể cất bước được nữa. Ở đó đã có ao nước mát, đã có cây Bồ đề tỏa bóng râm. Trong đoàn tháp tùng Hoàng hậu hôm đó đã có các cô mụ, các ngự y. Khi Hoàng hậu vin cành Bồ đề rắng rạn sanh thì không còn kịp nữa. Người ta đã phải giúp Bà sanh bằng cách xẻ một bên hông. Và vì thời đó kỹ thuật vô trùng chưa tốt, Hoàng hậu đã bị nhiễm trùng hậu sản mà chết. Phật đã là một con người. Đã sanh ra. Đã khổ đau. Đã hạnh phúc. Và đã từ bỏ cung vàng điện ngọc, từ bỏ vương quyền để một mình lang thang vào rừng sâu, sống đời khổ hạnh, mong tìm con đường giải thoát cho mình và cho chúng sanh. Suốt 6 năm vất vưởng trong rừng sâu, ngày ăn một hạt mè, đêm ngủ trong nghĩa địa hay trên cành cây, người chỉ còn xương bọc da, sờ tay vào bụng thì đụng ngay đọt sống thắt lưng, đầu óc bắt đầu choáng váng, tù mù... (Narada, *Đức Phật Và Phật Pháp*), may sao nhờ chén sữa của cô gái Sujata mà tỉnh lại, nhận rõ lỗi tu khổ hạnh, hành xác là sai lầm, quyết tâm đi vào con đường trung đạo để rồi giác ngộ sau 49 ngày thiền định dưới cội Bồ đề. “Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn” chỉ có nghĩa là chính Ta chớ không phải ai khác, chính Ta mới có thể làm khổ ta, chính Ta mới có thể làm ta an lạc, hạnh phúc. Phải quay về nương tựa chính mình thôi. Thấy biết vô thường, khổ, không, vô ngã, duyên sinh, thực tướng vô tướng... mà vượt thoát sanh tử. Ở hay, thì ra tất cả mọi người đều sẵn có Phật tính, không phải tìm kiếm đâu xa. Chỉ vì vô minh che khuất. Chỉ vì tham sân si, mạn nghi tà kiến... che khuất. “Vô trí diệt vô đắc”. Ta chưa từng nói một câu nào cả. Chưa từng dạy cho ai điều gì cả. Phật bảo vậy. Có hay không có Phật ra đời, cũng vẫn chỉ là duyên khởi duyên sinh đó thôi.

Nhiều nhóm Tu sĩ và Phật tử thập phương đang chiêm bái Vườn thiêng Lâm-tì-ni quanh Cột đá Vua Ashoka. Họ đọc kinh, tụng niệm vô cùng thành kính. Nhóm nhiều quanh trụ đá, nhóm kinh hành quanh hồ nước thiêng, nhóm tụ tập dưới tán cây Bồ đề... Mọi người lần lượt xếp hàng vào viếng đền Mayadevi. Tôi vẫn lang thang một mình, quan sát, dòm ngó, ngơ ngác... Thực lòng, chỉ thấy một sự... náo nhiệt mà chưa thấy “động tâm” chi cả! Chỉ đến khi bắt gặp một chiếc lá bồ đề rơi lẻ loi trên đụn gạch xưa cũ vốn là những nắm mồ vài ngàn năm trước của các đệ tử Phật mới thấy một thoáng xúc động.

Buổi chiều, đoàn đi thăm Kapilavastu (Ca-tì-la-vệ). Đường xấu, bụi khói mịt mù, một vài cánh đồng... khô khóc...

Đây rồi, Ca-tì-la-vệ. Kinh thành trù phú ngày xưa của Tịnh Phạn Vương, dòng dõi Sakya uy dũng, phụ vương của thái tử Tất Đạt Đa. Bây giờ chỉ còn là một khu vườn hoang vắng, trơ trụi dưới nắng hanh. Quan co là những cỏ thụ sừng sững, dáng uy nghi đường bệ... Có cái gì đó nhói lòng nơi đây. Chính là sự “động tâm” rất lớn của riêng tôi. Chính nơi đây, thái tử Tất Đạt Đa đã nhận ra nỗi khổ đau của kiếp người... Chính nơi đây, thái tử Tất Đạt Đa đã vượt rào thoát ra khỏi cổng thành giữa đêm khuya, từ biệt vương quyền, từ biệt phú quý vinh hoa... quyết tâm tìm “đạo sáng cứu chúng sanh”... Phải, chính nơi đây, tôi mới bắt gặp sự “động tâm” thực sự trong không khí yên ắng của buổi trưa hè ngay trên đất Phật. Chỉ còn những đống gạch. Đây là chỗ ăn ở, giếng nước, ao sen... Tôi cứ lang thang và lắng nghe một mình. Nhặt được một cánh hoa lửa. Đặt vào lòng bàn tay. Như ngọn lửa tam muội. Rồi nhìn cái gốc cỏ thụ có hình dáng như một apsara đang múa.

Người ta chỉ cho tôi chỗ cổng thành thái tử Tất Đạt Đa đã “trón” đi, hiện chỉ còn hai cây cỏ thụ. Bên ngoài còn có gò mộ của con ngựa đã đưa thái tử đi quanh thành, nhất định không chịu về lại chuồng xưa.

(2018)

Nói chuyện ở chùa Quang Minh, Melbourne

Chùa chỉ “đặt hàng” tôi 2 đề tài, bởi biết tôi là một thầy thuốc và lâu nay học Phật:

Sức khỏe thân và tâm;

Thiền quán, Hơi thở và Ăn chay.

Tôi nhắc lại định nghĩa Sức khỏe của WHO (1946): “Sức khỏe là một tình trạng hoàn toàn sáng khoái (well-being) về thể chất, tâm thần và xã hội chứ không phải chỉ là không có bệnh hay tật”. Rất nhiều người chúng ta vẫn quen nghĩ không có bệnh hay tật là có sức khỏe rồi!

Thân với tâm không tách rời nhau. Thân tâm nhất như. Ngày nay, cần chú ý vấn đề sức khỏe tâm thần. Đời sống ngày càng cạnh tranh, đầy lo âu, đầy căng thẳng, dẫn tới bất an... Bác sĩ lo chữa cái Đau, ít quan tâm cái Khổ. Phật giáo góp phần chữa cái Khổ, nâng cao sức khỏe cho mỗi người để đạt đến sự An lạc thân tâm. Các thứ bệnh phổ biến hiện nay không thể chữa bằng thuốc: S.A.D (Stress, Anxiety, Depression) mà phải tìm đến Thiền để chữa trị (MBSR, MBCT...) như một liệu pháp hiệu quả hơn.

Chia sẻ về kinh nghiệm học Phật, tôi nhắc 3 điều: 1) Nắm vững các thuật ngữ (terminology). Thí dụ: Khổ là gì? Giải thoát sanh tử là gì? Chúng sanh là gì? Diệt độ chúng sanh là gì? Luân hồi sanh tử là gì? Niết bàn là gì?... Có nắm được các thuật ngữ, các từ “chuyên môn” này thì mới đọc hiểu và thực hành được các kinh sách. 2) Hiểu các ẩn dụ, ẩn nghĩa. Tại sao “niệm” Quán

Thê Âm Bồ-tát thì vào lửa lửa tắt, vào nước nước cạn? Lửa ở đây là sự sân hận, nước ở đây là lòng tham lam... Bồ tát Dược Vương tại sao “đốt” cháy hết thân mình rồi còn đốt cả hai cánh tay? Đây là trong Thiền định, “đốt thân” để đạt đến Vô ngã, đốt hai cánh tay để đạt đến Vô phân biệt... Hiểu vậy sẽ không còn chỗ cho Di đoán mê tín. 3) Quan trọng nhất là phải thực hành. “Đến để mà thấy”. Không lý thuyết suông. Tu là hành. “Quay về nương tựa chính mình”. Tự chứng, tự nội.

Buổi thứ hai, về Thiền quán, Hơi thở và Ăn chay. Tôi chỉ dám chia sẻ kinh nghiệm cá nhân trong thực hành Thiền Anapanasati (An ban thủ ý, Quán niệm hơi thở, Nhập tức xuất tức niệm) theo kinh Tứ Niệm Xứ mà Phật đã dạy “Đây là con đường độc nhất dẫn tới thanh tịnh cho chúng sanh, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng đắc Niết bàn”.

Câu hỏi đặt ra là Tại sao thở? Thở để làm gì? Thở cách nào? Tại sao chọn Hơi thở để “niệm” và “quán sát”? Trong hơi thở, ta thấy được đời người, thấy sự sinh diệt, thấy vô thường, vô ngã, duyên sinh... Tóm lại, sẽ học được nhiều đó. Từ thiền chỉ (samatha), thiền quán (vipassana), đến chánh định (samadhi) cũng đều có thể từ Anapanasati.

Trên thực hành, đi từng bước: 1) Thở bụng (abdominal breathing, diaphragmatic breathing), 2) Chánh niệm hơi thở, 3) Quán niệm hơi thở.

Về Ăn chay, câu hỏi đặt ra là Tại sao ăn? Ăn để làm gì? Ăn cách nào?... Chay là gì? Ngoài 4 nhóm thức ăn ta đã biết là Glucid, Protid, Lipid, Minerals cùng các vitamins... (Phật giáo gọi chung là “đoàn thực” để nuôi thân), còn có “Xúc thực”, “Tư niệm thực” và Thức thực... những món ăn của Tâm mà nếu không để ý trong thời đại fake news này, ta sẽ khổ đau dài dài...

Chỉ có vậy.

(2019)

Úc du và vài bài học quý

Đến Úc, dĩ nhiên không thể không ghé thăm vài bệnh viện, trong đó, bệnh viện gây ấn tượng nhất cho tôi là Bệnh viện Ung bướu ở Melbourne. Bệnh viện có dáng như một “con thuyền không bến” đang vượt trùng khơi! Điều đặc biệt ở đây là ta không thể phân biệt ai là bác sĩ, ai là điều dưỡng và ai là bệnh nhân. Họ đều ăn mặc như nhau, không có blouse trắng, khẩu trang mũ miện gì cả. Và mọi thứ sinh hoạt từ ăn uống, đọc sách báo đều cùng chung với nhau. Bài học của Thường Bất Khinh, tôn trọng và không phân biệt đây rồi!

Người bạn đưa tôi đi thăm khu “Tây ba-lô” của Melbourne, với những con hẻm nhỏ đi bộ hết sức thú vị... Ở đây đầy quán café, quán ăn và đầy người bốn phương qua lại. Bất ngờ tôi được biết tại khu này, những người vô gia cư, lỡ độ đường, nghèo xơ xác... có thể ghé vào một quán ăn bất cứ nào đó để nhận một phần ăn miễn phí. Thì ra, có những người có lòng, đã mua sẵn các phần ăn ở quán dành cho họ. Đúng là bố-thí “ba-la-mật” đây rồi! Tôi thâm nghĩ.

Rồi không thể không ghé viện Bảo Tàng phải không? Rất nhiều điều để học nữa ở đây. Những bộ xương khủng long... khổng lồ kia ai ngờ là con thằn lằn ngày nay! Có một câu nói của Einstein in trên vách: Look deep into nature and then you will understand everything better.

Và, Great Ocean Road! Cung đường dọc biển dài hơn 200km, được xây dựng từ hơn 100 năm trước bởi những người lính Úc sống sót sau Đệ nhất thế chiến (1914-1918). Thời đó, họ khởi công xây dựng với những dụng cụ thô sơ... cuốc chim, xẻng, xe cút-kít...và đất đá các thứ... Ngày nay đây là con đường tuyệt đẹp với những bờ vực thăm thẳm...

Ở khu rừng nguyên sinh, một chú Koala núp trong bụi tràm... như sợ mọi người chọc phá. Koala chỉ ăn vài ba lá tràm rồi lim dim ngủ suốt ngày. Đúng là một “lăn ông” thú thật! Kanguru thì bọc con trong túi trước ngực để giữ ấm và tiện cho bú. Cách nuôi con này được y học bắt chước (gọi là Phương pháp Kanguru) trong chăm sóc trẻ sanh non, nhẹ ký. Còn Koala có lẽ cũng là một bài học cho... thiên giả chẳng?

Đây rồi! The Twelve Apostles, 12 vị Thánh tông đồ của Chúa! Một khung cảnh hùng vĩ đến mức mê hồn... Tôi tự nhiên thấy mình xúc động mạnh, chấp tay xá cả không gian lẫn thời gian... xá những vị Thánh tông đồ, các vị Bồ-tát ma-ha-tát... Chưa ở đâu liễu ngộ Vô thường, Vô ngã, Thực tướng Vô tướng như ở chốn này. Những cột đá thiên nhiên hùng vĩ tượng trưng cho “Mười hai vị Thánh tông đồ” đã đổ sụp nay chỉ còn 8, và rồi đây những làn sóng thức vẫn tiếp tục vỗ về cho đến khi thấy được “Thanh tịnh bản nhiên” trong cõi trắng Lãng Già huyền mộng...

(2019)

VỀ HUẾ... THĂM CHÙA

Với tôi, Huế là về. Về Huế. Không phải đến. Không phải đi. Mà về. Mặc dù không sinh ra và lớn lên ở Huế. Chỉ nghe “về Huế” thôi mà đã thấy lòng xao xuyến, băng khuâng, nao nao rồi.

Tôi có duyên với Huế. Năm 2008, dịp Tuần Văn hóa Phật giáo tổ chức tại Huế, tôi có buổi nói chuyện về Thiền và Sức khỏe tại chùa Từ Đàm. Một người bạn Huế nói anh đến đây như đến Tào Khê rồi đó. Run lắm chớ. Lo lắm chớ. Nhưng với cái nhìn từ y học, từ khoa học thực nghiệm, tôi thấy sáng rõ con đường Thiền Phật giáo mà không ngại sẻ chia. Chính lần nói chuyện này, về sau, tôi hoàn chỉnh và in thành cuốn *Thiền Và Sức Khỏe* để phổ biến rộng rãi hơn. Nói là “Thiền và Sức khỏe”, thực ra, đằng sau đó, đã mở ra một cõi tâm linh đi về tuyệt diệu khi đọc giữa những dòng chữ vậy.

Mấy năm sau, tôi lại có dịp trò chuyện đề tài “Một nếp sống hạnh phúc” ở Huế với khá đông người tham dự. Có cả các Thầy, các Ni, các anh chị em trí thức, văn nghệ sĩ, nhà giáo, bác sĩ, sinh viên, bạn đọc... Người quen đã lâu, người mới biết, người chưa gặp bao giờ mà đã thân thiết từ lâu qua những trang sách. Dĩ nhiên, mọi người đến không phải để nghe “Một nếp sống hạnh phúc” chi đâu! Nếp sống hạnh phúc, đâu cần phải nói, phải nghe ở Huế. Về với Huế, tự dung cũng đã thấy tràn một niềm vui đầm thắm, hiền hòa, một thứ hạnh phúc dễ thương với nắng, với gió, với dòng sông, với ngọn núi, với món ăn, cây cầu, con đường, bóng cây, bờ cỏ...

Năm ngoái, lại có dịp về Huế. Lần này là buổi nói chuyện về đề tài: Đức Phật, bậc Y vương, tại Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán bên bờ sông

Hương, gần khu triển lãm Lê Bá Đảng. Lại là một dịp được gặp gỡ các Thầy, các bạn, đông vui. Tay bắt mặt mừng. Nghiền ngẫm Phật học nhiều năm, tôi càng thấy rõ Đức Phật là một bậc Y vương, đã đi từ “bệnh chứng” đến “chẩn đoán” tìm ra nguyên nhân, từ đó đưa ra những phương thức điều trị phù hợp, đâu đó chính xác như một khoa học thực nghiệm cho kiếp nhân sinh. Ở đây không chỉ chữa cái “đau” mà là chữa cái “khổ”. Con đường giải thoát chúng sinh.



ĐHN

Vừa rồi, tôi lại có dịp về Huế. Lần này đi cùng anh em trong Nhóm học Phật chùa Xá Lợi. Chương trình sẽ đi thăm một số chùa Huế mà những lần trước không có đủ thời gian.

Thăm Lăng Gia Long trước. Khá xa. Ít người thăm viếng so với các lăng Minh Mạng, Tự Đức... quen thuộc. Đường quanh co khúc khuỷu, sát bờ vực đầu nguồn sông Hương. Phong cảnh yên tĩnh. Một miền quê thanh bình.

Mỗi Lăng thể hiện tính cách của mỗi ông vua triều Nguyễn! Tự Đức thì có cái “bay bướm” của nhà thơ, “Minh Mạng” thì nghiêm trang của nhà “quản lý”... Gia Long thì uy nghi, vừa trang nghiêm vừa thơ mộng. Đặc biệt ở Lăng Gia Long phảng phất nhiều nét Nam bộ... có lẽ do lúc còn bôn ba xuôi ngược ông đã gắn bó nhiều với miền Nam. Quanh lăng nào xoài, nào vú sữa..., trước lăng mênh mông một đầm nước um tùm lau sậy có nhiều cá lóc từ phương Nam được nuôi nơi đây, người giữ Lăng cho biết.

Người gác mở cổng khu lăng mộ cho đoàn vào viếng. Bên trong có hai ngôi mộ đá, xây cất hoàn toàn giống hệt nhau, song táng vua và hoàng hậu. Không ngờ từ thời đó, đã có sự bình đẳng giới tính hay vậy.

Một điều đáng ghi nhận khác: triều Nguyễn, khi lên ngôi thì hình như vị vua nào cũng lo trước hết xây cho mình một cái lăng để đợi ngày... băng hà! Phải chăng vị vua nào của triều Nguyễn cũng ý thức đời là vô thường, kiếp sống là giả tạm? Bởi vua chúa khi lên ngôi thì thường lo gồm thâu lục quốc, nhất thống giang hồ, muôn năm trường trị, cũng như lo xây tam cung lục viện, tìm thuốc trường sanh bất tử...?

Ngày hôm sau Huế vẫn mưa. Lai rai thôi. Làm như mùa này không mưa thì không phải Huế. Giữa tháng 2 âm lịch rồi chứ! Lạnh 17 độ. Nghe nói “tháng ba bà già chết rét” là vậy!

Chương trình sáng nay đi Huyền Không Sơn Thương thăm thầy Giới Đức và khi về sẽ ghé chùa Thiên Mục. Nghe nói sư Giới Đức sắp nhập thất 3 năm. Gần như là rửa tay gác kiếm, tuyệt tích giang hồ chớ gì nên phải cần gặp sớm! Sư vốn là một nghệ sĩ, một nhà thơ, nhà văn, nhà thư pháp nổi tiếng từ hơn bốn mươi năm trước: Minh Đức Triều Tâm Ảnh. Vẫn mưa lất phất.

Khá lạnh. Mây mù trên đỉnh núi xa. Đường quanh co đèo dốc. Hình như Sư đang phải bận tiếp khách nên anh em đợi hơi lâu dưới quán lương đình. Không bỏ lỡ cơ hội, phải săn một ít hình ảnh chứ.

Lang thang chợt thấy một túp lều tranh, giữa lòng hồ lớn, có dòng suối róc rách, có nhịp cầu bắc ngang... lạ nhỉ. Ai mà chọn một chỗ đẹp như tranh vậy! Làm nhớ “*Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước/ Em đến tôi một lần/ Bao lũ chim rừng họp đàn trên khắp bến xuân...*” (Văn Cao). Lặn theo chiếc cầu tre ọp ẹp nhiều đoạn như sắp gãy tìm chủ nhân. Chó bông sữa vang. Nhìn lên thấy một... sư trẻ râu ria rậm rạp, trông rất “tiên phong đạo cốt”. Chó dữ không thầy? Không. Nó hù thôi. Mời vào. Thì ra đó là thầy Chơn Quán, đệ tử của sư Giới Đức. Hùng giới thiệu tôi. Sư mừng rỡ, ủa vậy hả? Rồi vội vàng châm nước pha trà mời khách phương xa, tuy chưa quen mà không hề lạ. Chơn Quán là đệ tử “chân truyền” về thư pháp của sư Giới Đức thì phải, lại phụ trách website của Huyền Không Sơn Thượng... nên không lạ gì với chúng tôi! Đúng là tứ hải giai huynh đệ.

Rồi Chơn Quán đích thân đưa bọn tôi lên cốc của sư Giới Đức. Tôi với Sư thì đã khá quen nhau. Sư cười: anh leo dốc cao vậy mà không thấy mệt hả? Rồi Sư... “tâm tình” một buổi, cùng trả lời những thắc mắc của anh em đặt ra về Phật pháp. Phải nói bây giờ Sư đã có cái nhìn rộng mở, xuyên suốt. Sư nói đã có lời nguyện từ khi xây dựng Huyền Không Sơn Thượng, nay đã gần như hoàn thành tâm nguyện. Giờ đến lúc phải nhập thất. Bỏ hết thơ văn, thư pháp, không tiếp ai, không điện thoại, không vi tính, hoàn toàn tĩnh lặng... Sư nói hôm nay vui quá. Chưa có hôm nào vui như vậy. Sư mời mọi người cùng chụp với Sư một tấm hình kỷ niệm...

Rời Huyền Không Sơn Thượng, đoàn về chùa Thiên Mục. Đã quá trưa. Chùa đông du khách quá! Vẫn mưa lất phất không ngớt. Mọi người đi thăm chùa Túy Vân, một danh thắng cách Huế khá xa, miệt biển, không có trong chương trình. Vẫn mưa.

Ngày mai, sẽ viếng các chùa Huế xưa...

Trước hết, viếng chùa Quốc Ân, Tổ đình thiền Lâm Tế, do Sư Nguyên Thiều khai sơn, năm 1682, thời chúa Nguyễn Phúc Tần. Một cõi Phật trang

nghiêm, thanh tịnh. Lòng như nhẹ lông. Mưa vẫn mưa bay. Rồi đến chùa Thuyền Tôn, do thiền sư Liễu Quán khai sáng từ đầu thế kỷ 17. Đây cũng là nơi đã nhiều lần mở các Đại giới đàn truyền giới cho hàng vạn tín đồ. Huế nay có Trung tâm Liễu Quán rất trang nhã bên bờ sông Hương và có giai phẩm Liễu Quán rất đẹp và giá trị. Ghé Ni viện Diệu Đức, được xây dựng từ năm 1932 bởi Sư bà Diệu Không, nay vẫn là một trung tâm đào tạo nổi tiếng cả nước.

Chùa Bảo Quốc có từ đời chúa Nguyễn Phúc Tần, nơi ngài Liễu Quán từng đến học đạo nhiều năm, sau này trở thành trường Cao đẳng Phật học, đào tạo tăng tài. Các Hòa thượng Trí Tịnh, Thiện Hoa... ở phương Nam cũng từng đến học nơi này. Bác sĩ cư sĩ Lê Đình Thám, hội trưởng An Nam Phật học hội, cũng sinh hoạt tại đây.

Chùa Bảo Quốc đã được Hoàng hậu Hiếu Khương cho tái thiết năm 1808 và sau này Bà Từ Dũ cũng đã hỗ trợ sửa sang.

Tiếp đó viếng chùa Tường Vân, Từ Hiếu, Từ Đàm, và hôm sau còn ghé thăm Trúc Lâm Bạch Mã... trên đường đi Đà Nẵng.

Rất tình cờ, không tính trước vậy mà đã có dịp viếng mười cảnh chùa Huế.

Đi sâu vào các chùa chiền xứ Thần kinh mới thấy Phật giáo từ xa xưa đã được vua chúa quan tâm hỗ trợ, đặc biệt chúa Nguyễn Phúc Tần, vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức... đã tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững, cũng đã được các Công chúa, Hoàng hậu... tích cực giúp đỡ xây dựng, trùng tu. Huế đúng là cái nôi của Phật giáo không chỉ của miền Trung mà gần gũi biết bao với miền Nam. Ngoài việc tu tập còn đào tạo tăng tài, ra báo, tổ chức hệ thống gia đình Phật tử. Đã có sự đóng góp không nhỏ của các Cư sĩ, Phật tử. *“Gốc sâu thì nhánh tốt/ Nguồn xa thì sông dài...”*.

Ở chùa Bảo Quốc hiện nay còn thấy có trưng bày hình ảnh các vị Hòa thượng và cư sĩ Lê Đình Thám, cùng một bài Thi kệ của Thầy Phước Hậu.

*“Kinh điển lưu truyền tám vạn tư,
Học hành không thiếu cũng không dư,
Năm nay nghĩ lại chùng quên hết,
Chỉ nhớ trên đầu một chữ NHƯ.”*

Phải, “Chỉ nhớ trên đầu một chữ Như”.

Vậy là đã đủ!

Hôm sau, rời Huế sớm để lên đường về Đà Nẵng.

Cứ như học trò xứ Quảng ra thi! Lại cà phê Liễu Quán. Lại sông Hương
dùng dăng.

Con sông dùng dăng con sông không chảy

Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu.

(Thu Bồn)

(2016)

Ngọn lửa

Người ta hỏi Phật vậy chớ chia sẻ cái “phước” cho nhiều người thì phước đó có bớt đi không? Phật mỉm cười bảo: “Nhu lửa ở một ngọn đuốc, hàng trăm hàng ngàn người đến lấy lửa từ ngọn đuốc đó để soi sáng, để nấu ăn, thì lửa nơi ngọn đuốc kia vẫn y như cũ!”.

Dạy học chính là chia lửa! Nếu dạy học chỉ là trao truyền kiến thức không thôi thì kiến thức sẽ rất mau... lỗi thời, rất mau cạn kiệt, nhất là trong một xã hội thông tin vô tận như hôm nay!

Nhưng để có thể chia lửa thì trước hết phải có... lửa! Muốn có lửa thì phải... tự đốt mình lên và phải có nguồn nhiên liệu bất tận nơi trái tim mình. Người thầy băng giá thì chỉ có thể truyền lạnh lẽo, giá băng. Người thầy máy móc chỉ có thể truyền những động tác. Còn người thầy truyền lửa thì lửa đôi khi có thể bốc cháy nhưng thường khi chỉ ngun ngún, âm ỉ, đợi một cơn gió bùng lên. André Maurois, viện sĩ Hàn lâm Pháp nói đến kỹ năng “nhóm lửa” cho người bạn trẻ trong cuốn “Lettres ouvertes à un jeune homme” (Thư ngỏ gửi tuổi đôi mươi, Nguyễn Hiến Lê dịch): đó là hãy bắt đầu với những bụi nhùi, mặt cưa, những cành khô nhỏ, sau đó, khi ngọn lửa đã ngún rồi thì mới có thể nhen dần vào những thân cây to, nhờ đó mà giữ hơi nóng bền lâu, không bị tắt ngúm!

Ai cũng có những người thầy trong đời mình, đã nhen cho mình ngọn lửa ấm nồng, cách này hay cách khác. Người thầy đó không nhứt thiết dạy mình trên ghế nhà trường, trên bục giảng đường. Miễn là có một tần số để nhận ra

ngọn lửa truyền trao, và nhen nhóm. Đến một lúc nào đó ta bỗng nhận ra “bán tự vi sư” - nửa chữ cũng thầy!

Khi còn là một nhóc con 11-12 tuổi ở một tỉnh lẻ, mỗi lần đau ốm, tôi đều một mình đến bác Hai Cương, một thầy thuốc Bắc nổi tiếng. Gặp bác là tôi thấy nhẹ bệnh hết một nửa rồi! Bác lớn tuổi lắm rồi, vậy mà ân cần hỏi han tôi, mời tôi ngồi, chậm rãi bắt mạch, chăm chú, có khi chưa yên tâm còn vào tủ sách lấy một quyển to dùng ra đọc, nghiền ngẫm kỹ trước khi biên toa. Lúc hốt thuốc, còn cho tôi vài trái táo, một nhúm cam thảo, căn dặn cách sắc, cách uống! Khi tôi đậu vào “Y khoa Đại học đường Sài Gòn”, còn nhớ ngày tựu trường, giáo sư khoa trưởng, bác sĩ Phạm Biểu Tâm đã ân cần nhắc nhở các tân sinh viên: Nghề y là một nghề cao quý nếu ta muốn cao quý, cũng là một nghề thấp hèn nếu ta muốn thấp hèn. Người thầy thuốc phải là người sinh viên suốt đời. Trong khi hành nghề ta có thể đôi lần ân hận nhưng đừng bao giờ để phải hối hận! Cũng gần nửa thế kỷ rồi đó, vậy mà bọn học trò chúng tôi gặp nhau còn nhắc lời thầy!

Các ngành nghề khác cũng vậy thôi. Cái còn lại chính là ngọn lửa đã được thầy truyền trao, chia sẻ, ngọn lửa đã được tiếp nối từ ngọn đuốc của thầy. Lòng yêu nghề. Đạo đức nghề nghiệp. Tinh thần tự học...

Ngọn lửa không cần nói nhiều, không cần phải là những bài giảng hùng biện, bác học. Nhiều khi chỉ là sự “dung thông” giữa thầy và trò. Tàn số có thể bắt được, một cách nào đó. Không cần kỹ thuật truyền thông hiện đại.

(2009)

Có Không

Lâu lắm, từ ngày Sư Trí Hải mất đi, tôi mới có dịp trở lại thăm ngôi tịnh xá của Sư ở Hóc Môn. Ngôi tịnh xá đơn sơ mái lá ngày nào nay đã được các đệ tử xây cất lại, trang nghiêm và thanh thoát. Chỉ tiếc không còn mái “luồng đình” ở góc vườn là nơi xưa kia tôi thường đến thăm Sư, đàm đạo, tham vấn, học hỏi. “Đàm đạo” với Sư vui lắm, không chỉ nói chuyện kinh sách mà còn là chuyện văn chương thi phú, chuyện các nhân vật gần xa từ Kim Dung, đến Bùi Giáng, Nguyễn Ngụ Í, Trần Ngọc Ninh, Tuệ Sỹ... đến Không Lộ thiền sư, Huệ Năng lục tổ...

Tôi biết sư Trí Hải từ lâu, từ hồi cô còn là Phùng Khánh, dịch giả *Câu Chuyện Dòng Sông* của Hermann Hess (cùng với Phùng Thăng), 1966. Đó là cuốn sách mà đến nay thỉnh thoảng tôi vẫn đọc lại. Cô cũng là người mà khi viết xong cuốn *Nghĩ Từ Trái Tim* tôi liền gửi bản thảo viết tay đến nhờ đọc, góp ý. Ngay sáng hôm sau, cô đã phone bảo tôi hôm đó Hóc Môn cúp điện, cô đã phải đốt đèn cầy mà đọc suốt đêm thứ “chữ bác sĩ” thế này! Cô bảo được lắm, khuyên nên in ra đi, sẽ giúp ích được cho nhiều người đó.

Rồi Sư đọc cho tôi nghe một bài viết của Sư về *Có Không*.

Về thăm tịnh xá Trí Hải ở Hóc Môn lần này còn có Thầy Hạnh Bảo – là một người cháu của Sư - vừa ở Đan Mạch về và nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương, chị em chú bác ruột của Sư. Tôi đã có dịp nhắc lại những kỷ niệm về Sư thuở sinh tiền, những điều tôi học hỏi được ở Sư cho các vị đệ tử Sư nghe. Thầy Hạnh Bảo cũng có một bài pháp thoại ngắn. Buổi họp mặt chân tình và ấm áp. Thế nhưng, hôm đó tôi chưa có dịp nói cho các cô nghe về bài thơ tôi viết

tặng Sư (2003) và bài họa của Sư (đã in trong bản thảo *Ngoa Bệnh Ca 2, Trí Hải*). Hai bài thơ này cũng đã được nhà thơ Trụ Vũ viết thành thư pháp trưng bày ở Thiền viện Vạn Hạnh năm đó trong một cuộc triển lãm của ông.

Có Không

Kính tặng Ni Sư Trí Hải

Có có không không có có không?
Không không có có có không không?
Âm vang một tiếng hư không lạnh
Lấp lánh ngàn hoa nguyệt ánh lồng!
Tuyết cũ năm nao còn lắng đọng
Hương xưa ngày đó đã mênh mông...
Áo ai thấp thoáng bên bờ giậu
Vẫn có mà không chút bụi hồng...

Đỗ Hồng Ngọc

(2003)

Có không mê giác

(họa thơ Bs Đỗ Hồng Ngọc)

Có cũng không mà không cũng không
Giác mê mê diệt: giác không không
Thấy danh thực hữu: mê dường có

Xem lợi hư vô: giác đã lòng
Vướng có, khổ đau càng thông thiết
Chấp không, tội nghiệp cũng mênh mông
Ngộ tâm ấy Phật, ly trần cấu
Rừng tía không xa chốn bụi hồng.

TRÍ HẢI

(Ngọa Bệnh Ca 2)

Lên non hái lá

Người xưa tìm thuốc lên non hái lá. Thử nếm. Thử chữa bệnh cho mình. Rồi mới dám mà sẻ chia cho bạn bè hàng xóm, giữa chốn thân quen. Phải phơi nắng, phơi sương, phải chẻ, phải sao, phải sắc. Ba chén sáu phân. Tùy bệnh trạng mà gia giảm. Thuốc chữa được bệnh cũng là thuốc độc. Chỉ cần một chút sơ sẩy, hững hờ!

Tôi là một người thầy thuốc, một bác sĩ, mà cũng là một bệnh nhân, lắm nỗi lao đao, đi tìm thuốc chữa cho chính mình. Mới thấy tốt nhất là đừng nên có bệnh! Đừng phải cần đến thuốc men. Nhưng *“Không hẹn mà đến, không chờ mà đi, bốn mùa thay lá thay hoa thay mãi đời ta...”* (Trịnh Công Sơn)

Có lần tôi hỏi một vị sư có phải câu hay nhất trong kinh Kim Cang là *“Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”* không, sư nhẹ nhàng bảo không, Kim Cang câu nào cũng hay! Câu nào cũng hay? Vậy mà sao ta chỉ thấy những chung hững, ngẩn ngơ, lúng ca lúng củng, tối mịt tối mò. Hay là đã tự ngàn xưa nên tránh sao khỏi tam sao thất bản? Hay là phải chất lọc bốn câu một kệ mới thấy chỗ vi diệu thậm thâm? Làm sao mà *“Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”* đủ làm cho lục tổ Huệ Năng đại ngộ? Làm sao mà *“đôi cảnh vô tâm”* đủ làm cho vua Trần Nhân Tông trở thành Tổ sư thiên phái Trúc Lâm? Làm sao mà hai trăm năm trước Nguyễn Du phải đốt nến đọc Kim Cang đến ngàn lần... *Ngã độc Kim Cương thiên biến linh/ Kỳ trung áo chỉ đa bất minh!* (Kim Cương đọc đến ngàn lần/ Mà trong mờ ảo như gần như xa- T.V) để rồi cuối cùng mới chợt tỉnh thấy ra kinh không chữ mới thật là chân kinh (*Chung tri vô tự thị chân kinh-ND*)! Kinh không chữ ư? Đọc giữa dòng ư?

.... Vượt qua cái chữ, thấy được kinh vô tự, ấy là đã thôi không dừng trên *văn tự* nữa mà đã bước vào *quán chiếu* để từ đó mà thấy được *thực tướng Bất nhã!*

Nó vậy đó. Nó “Nhu như bất động”.

Kẻ làm thầy thuốc có thể chữa được cái *đau* mà không chữa được cái *khổ*. Có thể chữa được cái *bệnh* mà không chữa được cái *hoạn*. Có thể chữa được cho người mà không chữa được cho mình. Nên phải cầu học, tìm học khôn khuây.

Thế rồi “Gươm báu trao tay” đã được trao đến tận tay những ai, sau năm năm lên non hái lá, thử sao, thử sắc, thử nếm, thử nghiệm thực chứng mới yên tâm mà trao gởi. Và từ phương xa kia, Diệu Hạnh Giao Trinh cũng đã dịch sang Anh ngữ cho người bạn trẻ hôm nay.

(*Gươm Báu Trao Tay*, 2008)

Cà kê dê ngỗng...

Tôi là một kẻ làm biếng, lại hành cái nghề mà ông tổ là cụ Hải Thượng Lãn Ông, ông già lười ở làng Hải Thượng, vậy mà bỗng trở thành một người bận rộn lúc nào không hay!

Số là ông bạn nhà báo của tôi, ông Trần Trọng Thức, một hôm gõ cửa báo: “Nghe nói ông sắp về hưu, rồi rảnh, viết cái gì đó cho báo Doanh nhân Sài Gòn Cuối tuần cho vui đi”! Nghe “doanh nhân” tôi đã hoảng vì cái sự bận rộn của họ trong khi mình đang chuẩn bị rửa tay gác kiếm, tuyệt tích giang hồ. Biết ý, ông cười: Đây là “Doanh nhân cuối tuần”, không phải chuyện làm ăn đâu! Viết cái gì cũng được, miễn là cà kê dê ngỗng, có hơi hướm sức khỏe và văn hóa một chút... là được! Tôi bèn tra tự điển: cà kê, có nghĩa là dài dòng, hết chuyện này sang chuyện khác, còn dê ngỗng thì ai cũng biết! Thôi thì nê bạn...

Tôi nhớ André Maurois, người mà tôi rất mến mộ đã từng viết *Lettres à l'inconnue* (*Thư Gửi Người Đàn Bà Không Quen Biết*, bản dịch Nguyễn Hiến Lê) bằng cách tưởng tượng ra một người phụ nữ xinh đẹp, tuổi khoảng ba mươi, có nhan sắc, thông minh và nhạy cảm... để ông viết mỗi tuần một bức thư gửi cho người trong... mộng, trao đổi về mọi thứ chuyện trên đời. Tôi thử bắt chước tạo ra cái mục ***Thư gửi người bận rộn***, lấy ý từ chữ busi-ness, là ‘bận rộn’ xem sao. Và tôi cũng tưởng tượng ra người bận rộn của tôi. Nghĩ gì viết đó. Cà kê dê ngỗng mà. Nhưng viết chỉ được ít lâu thì hết chuyện. Nhớ hồi xưa có đọc một cái truyện ngắn đâu đó kể một người cô đơn, cả đời không ai thèm viết thư cho mình, thấy bạn bè ai cũng có thư đọc mà giận, bèn

mỗi ngày tự viết cho mình một bức, đem ra bưu điện gửi về địa chỉ với tên mình đang hoàng, rồi cũng ung dung mở thư ra đọc, tủm tỉm cười một mình khoái trá... lại bắt chước anh ta mỗi tuần viết cho mình một bức thư như vậy. Chẳng ngờ được độc giả khen, nói cà kê dê ngỗng mà coi cũng được! Từ đó tôi trở thành một người bận rộn... Thứ Tư nào cũng phải nộp cho tòa soạn một bức thư bất kể trời mưa hay nắng! Mà độc giả mới dễ thương làm sao...

(2006)

Những nụ cười...

Tôi vốn ít hay cười. Ngay từ nhỏ, người ta đã gọi tôi là “một ông cụ non”, vì lúc nào cũng có vẻ đạo mạo, nghiêm túc quá. Sau này ra hành nghề, làm một người thầy thuốc, một người dạy học, tôi như càng nghiêm túc, đạo mạo hơn. Tại cái tạng, biết sao! Thấy bạn bè vui vẻ, khoái hoạt... tôi cũng thích lắm mà không làm sao bắt chước được. Chỉ đôi khi đọc sách có chỗ nào dí dỏm thâm trầm kín đáo một chút, tôi mới tùm tùm cười một mình. Tôi cũng không biết hút thuốc. Không uống rượu. Không bia bọt. Thường chỉ “phá mối” trong những bữa họp mặt đông vui làm bạn bè vừa thương vừa giận! Cũng tại cái tạng thôi. Trong nhiều năm trời, tôi làm việc như điên, cho đến một hôm người ta phải đưa tôi vào bệnh viện để mổ sọ não cấp cứu vì tai biến mạch máu não. Người ta cạo trọc đầu tôi, đục hai lỗ thủng, rồi đặt ống dẫn lưu cho máu chảy vào hai chai nhỏ treo tòng teng bên dưới. Khi tỉnh dậy, nằm trần truồng trên băng ca ở phòng hậu phẫu lạnh ngắt, đắp một tấm “ra” trắng mỏng trên người, tôi nghĩ thế là xong!

Một cô điều dưỡng đến tiêm thuốc, đọc hồ sơ thấy tên tôi, em hỏi có phải bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc “Phòng mạch Mục Tím” không, tôi ừ ớ gật. Thế là em kêu lớn: Các bạn ơi, lại “coi” bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc nè! Bốn năm cô chạy đến

đứng quanh tôi. Thì ra lâu nay các em đọc báo Mục Tím, biết tên tôi nhưng chưa biết mặt. Trong cơn đau thập tử nhất sinh như vậy mà tôi cũng không khỏi tức cười nghĩ lâu nay mình làm thầy thuốc đã “coi” của người ta cũng hơi nhiều rồi, bây giờ người ta coi lại một chút cũng phải thôi...

Sau đó, mấy người bạn thân còn kể lại, khi nghe tin tôi bệnh nặng như vậy, họ đã tổ chức một buổi nhậu “ăn mừng”. Không phải ăn mừng vì tôi bệnh nặng mà ăn mừng vì họ không bệnh, chưa bệnh. Lâu nay tôi vẫn là người hay khuyên họ bỏ thuốc lá, bớt uống rượu để tránh nguy cơ bệnh tật này nọ mà!



ĐHN

Từ đó, tôi bắt đầu biết cười hơn. Khi đi lại được vài bước thì việc đầu tiên là tôi nhìn vào gương để cười cái đầu trọc lóc lún phún của mình, cái bộ râu xệu xạo của mình. Tôi vội lấy viết vẽ lại cái sự ngộ nghĩnh đó. Rồi tôi đi lại quanh sân, lượm những hòn sỏi nhỏ và ngạc nhiên thấy những hòn sỏi đó giống Tôn hành giả, Trư bát giới, Tam Tạng... Đọc báo, tôi lựa các chuyện cười đọc trước. Nó giúp tôi tùm tùm khi gặp một chuyện hay, hạp với tạng mình. Tôi sưu tầm để dành những chuyện mình thích, đọc đi đọc lại cho vui. Chủ yếu là các chuyện cười về ngành Y, chuyện trẻ con, chuyện nước ngoài...

Ông bà ta nói “Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ”, vậy sao một người thầy thuốc đã từng trải những nỗi khổ đau vì bệnh tật như tôi lại không thể kê một toa “thuốc bổ” cho chính mình bằng những nụ cười chớ?...

(1997)

Một mùi gió bắc quen thuộc...

Thật ra già là gì, lúc nào thì già, lúc nào thì chớm già, sắp già, mới già, đã già. Có tuổi nào là tuổi “hườm hườm” chẳng? Một người bạn ở tuổi hườm hườm hỏi, sao, ông bác sĩ, ông đã viết nào cho các bà mẹ sinh con đầu lòng, nào cho tuổi mới lớn, sao không viết một chút gì đó cho tuổi sắp già, tuổi hườm hườm, tuổi xế bóng, tuổi gió heo may đã về xem sao. Tôi lần nữa hẹn. Phải già một chút nữa cho biết đã rồi mới dám viết chứ, phải không?

Không như nhà thơ đo tuổi mình qua ánh mắt cố nhân, tôi đo tuổi mình qua cách xưng hô của các bà mẹ bé con đến khám bệnh. Trước đây họ gọi tôi bằng anh, sau gọi bằng chú, rồi bằng bác, và rồi mới đây thôi, một chị hãy còn rất trẻ đưa bé đến khám bệnh, lúc bé la khóc, chị dỗ nín đi, nín đi cho ông ngoại khám con, thì tôi mới biết mình đã lên đến ông ngoại rồi mà không hay. Tôi hỏi theo thói quen chị là gì của cháu, chị trả lời ngon ơ, dạ, bà ngoại.

Nhìn ngắm mình, nhìn ngắm bạn bè mình mới bật cười cái “Ôi cát bụi tuyệt vời” mà thâm cảm ơn anh bạn nhạc sĩ họ Trịnh đã nói giùm mình nhiều quá. Một người bạn nghe, bảo này đừng có mà hù dọa người ta đó nghe, đừng có làm cho người ta sợ hãi, làm cho người ta thấy ra sự thật phũ phàng đó nghe... Còn một người bạn khác thì khuyên cứ nói rõ ra, thà biết trước còn hơn, biết trước để chuẩn bị tâm lý và để thích nghi, để điều chỉnh. Phải, chấp nhận, thích nghi, điều chỉnh như dòng sông kia vẫn đứng im mà chảy mãi,

biết thích nghi, tự điều chỉnh mình qua bao thác ghềnh để nhập vào biên khơi. Khả năng thích nghi, điều chỉnh ấy là khả năng của một sức khỏe lành mạnh, xứng đáng cho một tuổi già lành mạnh, cho nên, không phải cứ chờ thật già mới viết cho tuổi chớm già, mà ngay giờ đây vừa gặm nhấm nó, vừa rình rập nó, quan sát nó và ghi lại, không phải nó chỉ là mình mà là của tất cả bạn bè chung quanh rồi sắp xếp lại, biết đâu mua vui cũng được một vài trống canh?.

Vậy, hỡi những người bạn yêu quý của tôi, xin hãy vui với những dòng chữ chân tình này, và nếu có bực mình thì cứ tự nhủ làm gì có, hù dọa đó thôi... Còn nếu có bắt gặp hình ảnh chính mình trong những dòng chữ này thì cũng hãy mỉm cười mà thứ lỗi...

Vì sáng hôm nay, một chút gió heo may đã về, những chiếc lá vàng đã rơi lác đác trên những con đường thành phố, một mùi gió bắc quen thuộc đã len vào giữa những hàng cây...

(Gió Heo May Đã Về, 1995)

Già... mà sượng!

Gìà thì khô, ai cũng biết. Sanh bệnh lão tử! Nhưng già vẫn có thể sượng. Muốn sống lâu thì phải già chớ sao! Già có cái đẹp của già. Trái chín cây bao giờ cũng ngon hơn trái giú ép.

Cái sượng đầu tiên của già là biết mình... già, thấy mình già, như trái chín cây thấy mình đang chín trên cây. Nhiều người chối từ già, chối từ cái sự thật đó và tìm cách giấu cái già đi, như trái chín cây ửng đỏ, mềm mại, thơm tho mà rắng căng cứng, xanh lè hoài thì coi hồng được.

Mỗi ngày nhìn vào gương, có thể phát hiện thêm những vẻ đẹp bất ngờ. Những nếp nhăn mới xòe trên khóe mắt, bên vành môi. Những món tóc rũ nhau bạc chỗ này chỗ nọ, cứng đơ, xơ xác... Rồi những đốm đen da mỗi xuất hiện ngày càng đậm đặc mà không khỏi tức cười!

Thực tế, già thì khó mà sượng. Con người ta có cái khuynh hướng dễ thấy khổ hơn. Khổ dễ nhận ra còn sượng thì khó biết! Một người luôn thấy mình... sượng thì không khéo người ta ngờ hấn có vấn đề... tâm thần! Nói chung, người già có ba nỗi khổ thường gặp... đó là thiếu bạn, thiếu ăn và thiếu vận động.

Nhìn qua nhìn lại, bạn cũ rơi rụng dần... Hụt hẫng, cô đơn và... cô độc. Rồi thấy mình bị bỏ rơi, thấy không ai hiểu mình nữa! Quay quắt, căng thẳng, tủi thân. Lúc nào cũng đang như:

“Gặm một khối căm hờn trong cũi sắt

Ta nằm dài nghe ngày tháng dần qua...!”

Rồi dần dần mọi thứ phải lệ thuộc. Vòng đời đã quay ngược lại rồi. Ngày nào oa oa rồi biết lật, biết ngồi, biết bò, biết đứng chựng, chạy đi... rồi bây giờ thì lững thững, rồi bò, rồi ngồi, rồi lật..., rồi oa oa...

Còn ăn uống thì phải “listen to your body”. Hãy lắng nghe sự mách bảo của cơ thể mình! Cơ thể nói... thèm ăn cái gì thì nó đang cần cái đó, thiếu cái đó! Nhưng nhớ ăn là chuyện của văn hóa! Chuyện của ngàn năm, đâu phải một ngày một buổi. Món ăn gắn với kỷ niệm, gắn với thói quen, gắn với mùi vị từ thuở còn thơ! Người già có thể thích những món ăn... kỳ cục, không sao. Men tiêu hóa được tiết ra từ tâm hồn chứ không chỉ từ bao tử.



Minh họa Đỗ Trung Quân

Còn vận động? Hai chân trở nên nặng nề, như mọc dài ra, biểu không chịu nghe lời ta nữa! Các khớp cứng lại, sưng lên, xương thì mỏng ra, giòn, dễ vỡ, dễ gãy...! Ai biểu “Đi đâu loanh quanh cho đời mỏi mệt...” (Trịnh Công Sơn)!

Nghiên cứu nói chung cho thấy tuổi già thường có được hạnh phúc khi: Biết từ bi với mình, chấp nhận mình, hiểu luật vô thường của cuộc sống; có kỷ ức tốt về tuổi thơ và tuổi thanh xuân; được tự tại sắp xếp cuộc sống theo ý riêng, không bị áp đặt; duy trì tốt các mối quan hệ gia đình, bè bạn... Sức khỏe thể chất tương đối tốt thôi, không mong lúc nào cũng “như xưa” được nữa! Tài chánh được tự chủ. Gần gũi với thiên nhiên. Giữ ngọn lửa nhiệt tình, niềm an lạc, thanh thản trong tâm hồn. “Tự tại” vẫn là niềm mơ ước lớn nhất của tuổi già đó vậy.

“Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời chiếu kiến Ngũ uẩn giai **không**, độ nhất thiết khổ ách”.

(2016)

Túm tím một mình

Trái tim không phải để suy nghĩ. Trái tim là để yêu thương. Khi trái tim nghĩ thì chắc cũng không nghĩ như khối óc. Trái tim có cách nghĩ riêng của mình mà nhiều khi khối óc không sao hiểu được. Thời đại của chúng ta, con người dùng khối óc nhiều quá, nhiều đến nỗi người ta luôn ở trong tình trạng muốn “điên cái đầu”. Và thực vậy. Bệnh tâm thần ngày càng phát triển, tự tử, ma túy, stress... ngày càng gia tăng trong một xã hội mà người ta luôn bị quay cuồng, luôn phải chạy đua với tốc độ, tuổi trẻ, nhan sắc, thành đạt... Có lẽ đã đến lúc thử nghe tiếng nói của trái tim. Một hôm, có chàng thi sĩ đi ngang qua vườn rào kia, giật mình thấy một bông búp đỏ ở bờ giậu, cái bông búp rất tầm thường như hàng ngày chàng vẫn thấy khi qua lại chốn này, bỗng nhiên như nở một nụ cười màu nhiệm, rồi không chỉ cười, nó hát, và chàng thi sĩ chỉ còn biết sụp lạy, cúi đầu (Quách Thoại). Vâng, chàng đã nghe. Nghe không phải từ bông hoa kia mà từ trong trái tim mình. Và chàng sửng sốt. Mọi thứ như khác hẳn. Đã thoát ra, đã vượt ra, vượt qua... Người ta có thể nghĩ chàng thi sĩ chắc điên, có điều chàng biết rất rõ chàng đã nghe, đã thấy một điều kỳ lạ. Một thứ mật ngữ. Như anh chàng chèo đò của Hermann Hesse, ngày ngày vẫn chèo đò đưa người qua sông, cho đến một hôm bỗng nghe được tiếng nói của dòng sông và từ đó chàng đã tự đưa mình qua sông, và đã vượt ra, vượt qua. Chúng ta bây giờ hình như có quá ít thì giờ để nghe tiếng nói của trái tim mình, dù chỉ cần nháp con chuột trên vi tính thì đã nói trọn vòng trái đất, vậy mà người ta có vẻ ngày càng xa nhau hơn, xa với người và xa cả với mình. Một thi sĩ đã phải kêu lên: “... Không có thì giờ!

Chim lấy đầu mà về tổ. Tôi lấy đầu mà làm thơ. Em lấy đầu mà đọc những bài thơ tôi sắp viết?...” (Nguyễn Sa).

Tôi cũng vậy. Tôi cũng không có thì giờ. Quản quật. Tôi tắm mặt mũi vì “trăm công ngàn việc”. Cho đến một hôm, hình như, có lẽ, một lần kia có một lúc hình như tôi cũng chợt nghe. Hình như thôi, không chắc, không dám. Ngẫm nghĩ rồi nghe ngóng. Nghiền ngẫm rồi ngập ngừng. Rồi bức xúc, phải viết ra cho khỏi quên, để lâu lâu còn coi lại một mình. Ba năm nghiền ngẫm, sáu tháng viết và hơn hai năm ngại ngần, thỉnh thoảng đọc và sửa, nhờ vài bạn thân giao chỉ thêm cho, rồi tìm tòi, tham khảo, loay hoay... Tôi không phải là thi sĩ, không phải là tu sĩ, tôi chỉ là một bác sĩ, một người thầy thuốc, nên đôi khi phải hành nghề, phải giúp đỡ bạn bè, hàng xóm, kẻ nhúc đầu người đau lưng... và trước hết là phải chữa bệnh cho chính mình. Có những lúc thuốc men chỉ chữa được cái đau mà không chữa được cái khổ, chữa được “triệu chứng” bên ngoài mà không chữa được “căn nguyên” sâu xa, từng từng lớp lớp bên trong. Tôi đành chia sẻ những điều tôi nghĩ, tôi cảm, tôi nghe. Có thể đúng. Có thể sai. Có thể không đúng không sai. Có khi hiệu quả, có khi không. Có người hạp mà có người dị ứng. Vậy nên nếu tình cờ mà đọc được những dòng này thì xin hiểu cho mà đừng trách. Nếu muốn, có thể tùm tùm cười một mình. Cũng chẳng khoái ru?

(Nghĩ Từ Trái Tim, 2003)

Sáng, trưa, chiều, tối...



ĐHN

Sáng, trà Tào Khê

Huệ Năng từ phương Nam lặn lội đến Huỳnh Mai bá Ngũ Tổ Hoàng Nhân. Tổ hỏi: “Người từ phương nào đến, muốn cầu vật chi?”.

Huệ Năng đáp: “Đệ tử là dân Lãn Nam, từ xa đến lễ Thầy, chỉ cầu làm Phật, không cầu gì khác!”. Tổ bảo: “Ông người Lãn Nam quê mùa, ít chữ, làm sao kham làm Phật?”.

Huệ Năng đáp: “Người có Bắc Nam chớ Phật tánh đâu có Nam Bắc. Kẻ quê mùa này cùng với Hòa thượng chẳng đồng, nhưng Phật tánh đâu có sai khác!”. Hoàng Nhân giật mình. Cho xuống bếp... bửa củi, nấu cơm, giã gạo!

Không lâu sau đó, Ngũ Tổ gọi riêng truyền dạy cho, rồi trao y bát, lên đưa Huệ Năng xuống thuyền trôn về phương Nam xa xôi nơi có dòng suối mát Tào Khê tu tập. Huệ Năng trở thành Lục tổ từ đó, ngày ngày uống ngụm trà Tào Khê, bắt đầu truyền thụ dòng Thiền “đốn ngộ”.

Một hôm có Vĩnh Gia Huyền Giác đến Tào Khê. Gặp Huệ Năng, ông đi quanh ba vòng rồi chống tích trượng đứng yên. Huệ Năng trách: Đại đức từ đâu đến mà lớn lối ngạo mạn vậy?

Huyền Giác trả lời: Sinh tử sự đại – Vô thường tân tốc (sinh tử việc lớn, vô thường mau chóng, lẽ nghĩa làm chi!).

Huệ Năng đáp: Sao không nhận cái lý (thể) “Vô sinh” và thấu rõ (liễu) cái nghĩa “không chóng”.

Huyền Giác đáp: “Thể” tức vô sinh, “liễu” vốn không chóng.

Huệ Năng khen: Đúng vậy! Đúng vậy! Rồi, mời Huyền Giác ở lại Tào Khê với mình một đêm để cùng uống trà... mà đàm đạo!

Về sau, Huyền Giác viết Chứng đạo ca: *Tuyệt học vô vi nhân đạo nhân, Bất trừ vọng tưởng bất cầu chân. Vô minh thực tánh tức Phật tánh, Áo hóa không thân tức Pháp thân.* (...)

Trưa, cơm Hương Tích

Hôm đó Duy-ma-cật tiếp Bảo Tích và năm trăm vị vương tôn công tử, thiếu gia, con nhà viên ngoại – là những Bồ-tát tại gia tương lai – tại cái thất trống trơn của ông ở thành Tỳ-da-ly.

Giữa lúc mọi người đang sôi nổi hào hứng bàn những chuyện cao xa... thì Xá-lợi-phất, vị đệ tử trí tuệ bậc nhất của Phật, lên tiếng đưa mọi người về “mặt đất”: “*Sắp đến giờ ăn rồi. Các vị Bồ-tát này sẽ ăn thức gì đây?*”.

Duy-ma-cật: “*Xin đợi cho giây lát, tôi sẽ khiến quý vị được thứ thức ăn chưa từng có*”. Thức ăn chưa từng có ư? Họ háo hức chờ đợi.

Thì ra... Duy-ma-cật mang đến *một mùi hương!* Một mùi hương thơm. Thứ “thức ăn” xin được từ cõi Chúng Hương của Phật Hương Tích!

Duy-ma-cật chỉ xin “chút xíu thức ăn thừa” của Phật Hương Tích để đãi các vương tôn công tử tại Tỳ-da-ly hôm ấy. Chỉ một chút xíu thức ăn thừa thôi nhé. Một chút thức ăn thừa thôi cũng đã là quá đủ, bởi thứ “thức ăn chưa từng có” đó là một thứ “vô tận hương” đến từ bên trong của người có giới đức. Chính là *hương giới đức*. *Một thứ hương có thể “bay cao, bay xa, bay ngược chiều gió”!*

Chiều, thuyền Bát-nhã

“Bát-nhã” lúc nào cũng phải có... “thuyền”! Nhưng “bè” cũng được... Có lần Phật bảo: Qua sông rồi còn vác bè theo làm chi!

Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa (Prajna Paramita) thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Bát-nhã luôn là Bát-nhã “Ba-la-mật”. Prajna Paramita. Para: bờ kia, bên kia. Mita: đến. Paramita: là đến bờ kia, là “đáo bỉ ngạn”. Từ bờ mê qua bến giác.

Qua bờ kia thì “Độ nhất thiết khổ ách” được ư? Được. Với điều kiện hành thâm Bát-nhã. Thấy rõ năm uẩn đều Không. Lý vô ngại thì sự vô ngại. Lý sự vô ngại thì Sự sự vô ngại...

Các vị Bồ-tát theo nguyện vì người mà nân ná cõi Ta-bà, qua qua lại lại giữa đôi bờ.

Bát-nhã, Prajna, là cái Biết trước cái Biết. Cái biết trước cái biết là cái biết hiện tiền, biết “như thực”, không qua suy luận, phê phán, biện biệt. Thức đã chuyển thành Trí.

Tối, trăng Lãng-già

Giữa đỉnh núi ở trên đảo Lãng-già khi nhìn những ánh trăng bập bênh trên sóng nước, vỡ tan, vỡ tan theo từng con sóng, Phật đã cất tiếng cười to. Ánh trăng vỡ tan và gom tụ lại. Rồi vỡ tan, rồi gom tụ lại. Hoa đóm hư không. Dầu chân chim ngang trời. Bức tranh vân cầu. Nó vậy đó. Thế giới muôn hồng ngàn tía cũng chỉ do tâm thức tạo ra. Nó như huyễn, nó như mộng, như bào ảnh, như sương mai, như ánh chớp... Bên dưới đó, là Như Lai tạng, là A-lại-da vẫn im ả, “như như bất động”. Chỉ có cái thức tâm phân biệt của ta quậy phá chính ta. Cái tâm thanh tịnh bản nhiên kia vẫn im ắng. Không lay động. Vẫn bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Vì thức khởi mà sự sinh. Thế giới chỉ là tâm thức của chính mình. Chúng sanh là ảo vật do ảo thuật gia là ta vẽ bày để rồi tự mình phan duyên, dính mắc, khổ đau... Bồ-tát “*Trí bất đắc hữu vô – Nhi hưng tâm đại bi*”.

Thấy biết Như Lai, thì sống với Như Lai, sống trong Như Lai, sống cùng Như Lai vậy.

(2019)

BẠT

ĐỌC ĐỒ HỒNG NGỌC

TRẦN VĂN LỆ

Tôi từng viết về Đỗ Hồng Ngọc qua tập thơ *Thư Cho Bé Sơ Sinh & Những Bài Thơ Khác*. Tôi dùng từ “ám áp” nói về cách diễn lời diễn ý của ông. Nay với tập tùy bút này, tôi thấy ông chẳng thay đổi gì, toát ra từ văn chương của ông là sự ám áp, là lòng từ bi hỷ xả. Có lần tôi nói Đỗ Hồng Ngọc giống như Ông-Thầy-Chùa, ông Thầy ở trong Chùa giảng dạy cho người ta biết cách thích nghi với đời sống, hồn nhiên tự tại; tôi không coi ông là một Nhà Sư vì ông luôn luôn gần gũi với mọi người trong tình thân ái và nhân ái. Tập tùy bút cho tôi thấy lòng ông thản nhiên thom ngát đạo hạnh, không có chút nào mê tín, không có chút nào dị đoan. Sự gặp gỡ giữa đời thường này là một cái duyên. Cái duyên khởi từ Thơ, miên man vào Văn, thành tâm tình, thành tâm sự.

Tôi và Đỗ Hồng Ngọc “có duyên” từ năm đệ thất, 1954 – 1955 tại trường Phan Bội Châu, Phan Thiết. Sau đó chúng tôi lưu lạc, Đỗ Hồng Ngọc... mất tích cho đến cuối thập niên 1990, tôi thấy cái bút danh Đỗ Hồng Ngọc trên nhiều báo tôi thử đánh bạo làm quen. Thì té ra, cố nhân! Hơn hai mươi năm rồi, tình của chúng tôi thắm thiết.

Tôi có suy bụng ta ra bụng người, thật. Nhưng tôi tự tha thứ cho tôi: mình nói tốt về một người, mình ca ngợi một người tốt mình không có tội! Đỗ Hồng Ngọc là Bác sĩ y khoa đã có năm mươi năm hành nghề, rất mát tay và xứng đáng nhận danh hiệu Lương Y Như Từ Mẫu. Chẳng chỉ thế, với thi tài và văn tài của ông, Đỗ Hồng Ngọc đã có chỗ đứng không-đổi-dời trong lòng người đọc sách. Bạn chưa tin tôi, bạn đọc Đỗ Hồng Ngọc đi, rồi bạn thấy tôi nói về Đỗ Hồng Ngọc còn “hạn chế” lắm!

Đỗ Hồng Ngọc nói về Tùy Bút như sau:

Tôi khoái Tùy Bút. Không biết tại sao. Chắc là tại cái tạng. Tùy Bút nó gần với Thơ hơn. Nó không hư cấu. Nó đến từ cảm xúc hơn là từ tính toán. Nó tùy duyên mà tới. Nó tùy hứng mà nên. Nó tùy nghi mà hiện. Và nó tùy hỷ mà vui...

Đọc Tùy Bút của Đỗ Hồng Ngọc, tôi nghe lòng tôi lắng xuống. Đời còn đẹp lắm vì còn có người trang điểm cho đời bằng văn chương. Đỗ Hồng Ngọc cho ra đời đúng lúc tập Tùy bút ở tuổi tám mươi này. Chúng ta thử nghĩ rằng mình đang gặp lại cái gì đây, chuyện gì đây, người nào đây... và các bạn sẽ gặp lại chính mình. Tôi không nói Đỗ Hồng Ngọc là nhà luân lý, tôi chỉ muốn khen Đỗ Hồng Ngọc, ông là nhà văn đi theo hướng “Văn Dĩ Tái Đạo”. Đỗ Hồng Ngọc đóng góp cho đời, xây dựng giềng mối cho đời bằng văn chương đậm đà. Hãy viết vì tình người, dịu dàng, nhẹ nhàng và ấm áp!...

* * * * *

Đọc được một cuốn sách hay, tôi nghĩ rằng có một hôm nào đó... tôi không quên những gì tác giả viết ra, miên man và lan man nhưng “hay kỳ lạ” vì nó cho mình suy nghĩ về mình, bất chợt nhìn ra cảnh đời nghe ít nhiều xao xuyến... từ đó, tôi nhủ lòng tôi: mình nên sống đậm thắm, mình nên là người tử tế.

Trần Văn Lệ

Phụ lục

CÒN CHỨT ĐỂ DÀNH

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

Việc đầu tiên khi nhận được bản thảo Để Làm Gì là tôi in ra, với ý nghĩ, phải được cầm tập giấy ấy trên tay, nằm trên chiếc ghế mây ở ngoài hiên mà đọc, cùng với tiếng gió thổi lùa qua lối vườn hẹp lao xao giọng lá, cùng tiếng nắng đi khẽ qua thềm, cùng tiếng lòng mình im như đám mây dường không tan trong màu xám rất gần kia, phải, mấy hôm nay mưa nên trời như thấp xuống. Vậy mới đủ bộ để cung kính những con chữ trên trang giấy thắm. Khi có thơ, văn, trên trang giấy thì giấy kia bỗng sâu huyền, sóng động lạ lùng. Nó như trời có mây, biển có sóng, suối có những hòn cuội lăn theo, sông có những con đò nhỏ lặng trôi, nó như đôi mắt nhìn mình thăm thẳm... nên chỉ mình thích lắm, đọc sách in giấy -hoài cổ-, anh Ngọc có nói và cười bình thản, *để làm gì*, không nhỉ.

Và như thế bên hiên mỗi sáng có người thiên với chữ, có cái gì đó *tự nhiên thành*, chả là dịch coronavirus khiến cầm chân mọi người ít dám đi đâu, giờ lại được làm con một sách gậm nhấm chữ thơm. Thế chẳng phải là *bất chiến* mà có được thú vui ngàn xưa trong những ngày đầy lo lắng dịch bệnh này đó sao!

Và đọc, và đọc, vừa đọc vừa dè sẻn như sợ hết, rồi cảm xúc đòi đoạn... Anh Đỗ Hồng Ngọc gọi là tạp bút là tùy bút gì cũng lọt với Đề Làm Gì. Vì có những bài đầy chất thơ (thêm, đằm thắm vị) của tùy bút. Xen kẽ với mọi đề tài viết theo ngẫu hứng, rồi những bài cảm nhận về các tác giả, mà loại nào cũng đều được viết dưới lăng kính thơ mộng để chuyển tải những suy nghĩ uyên bác một cách rất thâm trầm nhẹ nhàng. Đó là điểm đặc biệt của bút pháp Đỗ Hồng Ngọc. Lôi cuốn người đọc bằng sự hiểu biết sâu rộng mà không giáo điều, giáo khoa, chỉ là ở đâu đó thì thâm to nhỏ..., như Emily Dickinson từng nói *“thi nhân chỉ thấp lên những ngọn đèn, còn chính họ thì bước ra ngoài.”* (Sakya Như Bảo dịch)

Khi tôi đọc đến trang cuối cùng, ngồi yên lặng một mình ngoài hiên với trời đang đổ mưa, cơn mưa đầu mùa báo hiệu mùa xuân đến. Nhìn những bong bóng nước vỡ tôi thấy mình quá thắm thía câu tùm tùm, để làm gì. Có phải khi người ta bình yên nói *để làm gì* là lúc người ta buông bỏ mọi mong cầu, là lúc người ta không còn đôn đáo với những mục tiêu mà mới đây thôi đã là điểm cho họ hăm hở bước đến? Và chợt lúc nào đó nhìn hạt lệ mình rơi trên những con chữ một buổi *“về thu xếp lại”* thì cười một mình, *Rồi lại cũng không thể không trầm ngâm ngẫm ngợi với “để làm gì”, với “sáng, trưa, chiều, tối”*... (Lời Ngỏ, tr. 2), có khóc có cười, có trầm ngâm ngẫm ngợi thì dường như biết để làm gì rồi, thưa anh.

Và có phải, khi hỏi, để làm gì, thì người biết sống đầy đủ từng phút giây, tiếp xúc trọn vẹn những kỳ diệu đang xảy ra chung quanh và trong mình, có phải vậy gọi là chánh niệm? Dường như là những năng lực của nuôi tiếc của chờ đợi đều dồn vào năng lực tỉnh thức sống với *ở đây và bây giờ* nên người đã cảm được triple cái màu nhiệm phút hiện tiền? Đó là cảm nhận của tôi khi đọc những tình, những cảnh, những nhận xét, những chiêm nghiệm, trong tập Đề Làm Gì này. Tình thì chân thật, hóm hỉnh. Cảnh thì tâm và người quyện luyến nhau đến nao lòng. Chiêm nghiệm thì sâu lắng, bác học mà giản dị, và lạ thay giọng kể lại bình yên tự tại đến thế! *Nhiều khi phải qua cái tuổi nào đó, thấm đẫm một chút cuộc đời, nghe được cái tiếng kêu ‘trần thế’ thì mới nhận ra sự thiết yếu của tự tại.* (tr. 6)

Khi đọc xong một bài nào tôi thường ghi chú ngay cảm nghĩ của mình, xin chép vào đây những ý nghĩ tản mạn đó, không phải là một bài viết mạch lạc về một tác phẩm, như thể tôi đang ngồi nghe người kể chuyện và tôi được nói ngay ý mình, vậy thôi, chẳng “để làm gì”.

Tôi đặc biệt thích những bài tả những cảnh nơi ông đã đi và đã sống, bạn ơi hãy đọc đi rồi có thấy như tôi, cái gắn bó nhân duyên của tình ấy và cảnh kia, cái “đôi cảnh vô tâm” của người thật là ảo diệu, cảnh có làm tâm quuyến luyến nhưng lại chẳng thể buộc tâm. Phải chăng đó mới thật là thiên?

Ở đoạn cuối của bài An Lạc, *Thử “chiết tự” từ Hán Việt thì ra An là ‘dưới mái nhà có người con gái’, còn Lạc là ‘ngôi nhà tràn đầy ánh sáng, có vườn cây xanh mát, có tiếng hát, tiếng đàn, tiếng dật cử, quay tơ...’.* Rồi cùng mà cười. “*Em lo gì trời gió/ em lo gì trời mưa.../ em cứ yêu đời đi/ như lúc ta còn thơ/ rồi để anh làm thơ/ và để em dật tơ...*” (*Thoi tơ, thơ Nguyễn Bính, nhạc Đức Quỳnh*) (tr. 7)

Tác giả nói ý nghĩa của An Lạc với những câu thơ khiến tôi vui quá thốt lên, hóa ra thi sĩ chân quê Nguyễn Bính nhà mình đã vẽ một cảnh An Lạc theo câu chúc “Thân Tâm thường an lạc” như nhà Phật rồi, mà chắc chắn là Nguyễn Bính lúc viết câu thơ này chưa học Phật, đúng không?

Cái thú vị khi đọc Đỗ Hồng Ngọc là ở những chỗ kết nối rất thi vị này, như bài Nhớ Tiếng Thu Giữa Boston cũng thế, cùng ông nghe Thu.

Và tôi bỗng nghe. Vâng, lúc đầu tôi chỉ định dòm thôi nhưng tôi bỗng nghe, không phải là tiếng quạ kêu quang quác thảng thốt, cũng không phải tiếng chim cu gù rúc rúc quuyến rũ mà là một thứ tiếng lạ, tôi chưa từng nghe bao giờ, tiếng thu.

... Mà cũng không phải để nghe tiếng, dù là tiếng lá rụng mà để nghe mùa. Cái tiếng mùa đi, mùa về, cái tiếng đời của mỗi chúng ta. Nó ở trong không gian dằng dặc, đùng đục thênh thang kia, và ở cả trong thời gian hun hút, héo hon rơi rụng nọ, một thứ “tiếng động nào gõ nhịp không hay” (Trịnh Công Sơn) đó chẳng. Tôi bước đi từng bước nhẹ dưới những vòm cây và nghe cho hết tiếng thu về.

Người nghe sống hết cái xao xác của lá vàng để rồi chợt nhận ra, Lưu Trọng Lư! Mới tận tường: *Có phải cái tiếng thỏn thức, cái tiếng rạo rục của ai kia đã một hôm thu làm cho chàng thi sĩ trẻ tuổi trở thành một con nai, lang thang dẫm ngập lá vàng, hững hờ bước đi mà chẳng biết về đâu, vì sao...* (tr. 17, 18)

Đường tơ *tiếng mùa đi* bỗng nối kết hai tâm hồn đồng điệu, hẳn nơi rừng thu kia Chàng Nai Lư Trọng đang đứng chờ để “high-five” với chàng thơ họ Đỗ một buổi thiên thu nào đó... Có người đọc cảm mình như mình thế này thì, *chẳng là khoái ru, nhà thơ Lư ơi?*

Ở bài Tôi Cũng Tin Vậy, *Đọc bản thảo Thử Bút của bạn, nhớ lời bạn dặn viết gấp mấy dòng mà dấm và sợ. Như ngọn lửa ngùn trong một góc cây to, chỉ cần thổi vài hơi là đủ bùng cháy. Bùn nhùi đâu mà sẵn sàng đến vậy?* (tr. 34) Người Đọc và Văn như bùn nhùi và lửa, vậy mới đã đời tan nát tri âm! Đây là câu tôi viết dưới bài ngay sau khi đọc. Và không hiểu sao hình ảnh *chiếc lá bàng đỏ ở cuối hành lang của một phòng thí nghiệm*, làm tôi buồn bã vì nỗi hiu quạnh của phận người đến vậy, *mỉm cười mà ánh mắt vời vơi xa xăm*. Như một khung cảnh nào Đỗ Hồng Ngọc cũng nắm được cái đoạn trường mà lòi ra. Để Làm Gì.

Có điều này, đối với Đỗ Hồng Ngọc, Nghe cảnh chứ không Nhìn. Cái nghe của tâm hồn mẫn cảm, khiến những nơi chôn ông đi qua, kể lại, nó như mang một hồn vía khác, đem lại cho người đọc một cảm xúc mới lạ về một cảnh mà họ đã biết.

Khi muốn kể cho cô bạn Susan nghe về cái hay của bài thơ Quê Hương của Đỗ Trung Quân, ông bồi rồi, *Làm sao cho cô nghe được mùi hương cau của những đêm trăng tỏ* (tr. 26), muốn vậy, chắc phải mời Susan về quê mùa hoa cau, cùng nhau, thật yên lặng, dưới trăng tỏ, nói khẽ với Susan, nghe hương cau đi, chắc trong không khí đó Susan sẽ tự biết lắng lòng bắt nhịp được hơi thở của trăng, của thềm quê, thì nghe ra hương cau..., khi Đỗ Hồng Ngọc dùng chữ Nghe, tôi cảm thấy, ông sống bằng cách tan mình vào. Phải chẳng là vô ngã?

Lại có cả cái Nghe này, *Và để nghe cái Tết tuổi thơ thấm vào trong da thịt, trong nhớ nhung...* (Tr. 157), thế chẳng phải là tan ra đó sao?

Và tâm thái, *kệ nó*.

Máy bay êm như ru, hay tôi êm như ru, không biết. Kệ nó... Thì ra tôi đang bay về phía mặt trời. Thời gian ngừng lại. Tôi vịn đồng hồ thêm hai tiếng theo thông báo. Không cảm thấy mình mất đi hay được thêm. Bởi, làm gì có thời gian? Thời gian chỉ được làm bởi không gian đó thôi. (tr. 35)

Đỗ Hồng Ngọc luôn tự tại thông dong bởi cách nhìn mọi điều, nó là như vậy, và dù tâm và cảnh quán quít nhau (sao lạnh như tiền đượ!), nhưng không vương bận, cái sống bây giờ và ở đây của người thiền ở cốt lõi ấy. Tôi rất tâm đắc *Không cảm thấy mình mất đi hay đượ thêm...*, vẫn là thời gian ngay lúc này với hít vào, thở ra. Người ghi nhận mọi thứ chung quanh thật tha thiết sâu sắc mà bình thản.

... Một loài hoa lạ. Rực rỡ, chói ngợp mà lạnh lùng. Chen chúc mà riêng tư. Rộn ràng mà kín đáo. Mong manh. Thanh thoát. Bỗng dưng tôi nhận ra tất cả cái đẹp của vô thường! Hoa có vẻ như không có mùi hương, hay không cần có mùi hương, hay hương rất thoảng vì đã pha trong màu mây, màu nắng, màu gió để rải đều khắp các rặng núi xa kia? (tr. 37)

Tha thiết vì đang sống trọn vẹn hết tâm ý với đối tượng, và trọn vẹn nên nhận ra *cái đẹp của vô thường*. Thế nên, *để làm gì là một tâm thái an nhiên, vô ngã. Kệ nó. Để rồi ung dung tự tại cười nụ niết bàn?*

Cách sống đón nhận mọi thứ theo tùy duyên của ông cũng là một yếu tố khiến sự đổi thay, không tác động lên tình cảm, ví dụ,

Ồi vô số là thuyền thúng. Trước kia gọi là thúng chai. Nay sơn xanh đỏ coi cũng ngộ... Có thể ghé thăm nhà xưa của ngoại, giờ con cháu toàn trồng thanh long, phá hết cả vườn trầu cau, dứa chuối, bưởi cam... xinh đẹp ngày xưa, lấp cả giếng nước thiệt là quá uổng. Bù lại, giờ đi hái thanh long cũng vui... (tr. 139)

... Chiều tôi lang thang ra bờ hồ. Xuân Hương giờ đã đẹp. Chút lèo lẹt. Chút diêm dúa. Thôi kệ. Tôi cũng tìm ra đượ một góc hoang. Thị tại môn tiền nào/ Nguyệt lai môn hạ nhàn phải không? (tr. 166)

... Buổi tối, nhằm ngày 14 âm lịch, sông Hoài trở nên sống động diệu kỳ với muôn màu sắc hoa đăng dầm thắm rực rỡ, với những chiếc thuyền lang thang xuôi ngược làm ta có cảm giác như đượ sống trong huyền sử nào xa... Một nhóm thanh niên đàn hát quỳên tiền làm từ thiện, một nhóm chơi trò chơi... đập niêu âm ỉ. Có một cái chợ đêm trời oi bán đủ thứ trên đời, quà lưu niệm, thức ăn các thứ... hết sức náo nhiệt. (tr. 148,149),

Có thấy một Đỗ Hồng Ngọc như thế không, một tâm thái xuề xòa không quan trọng điều chi, phải dùng chữ độ lượng thì đúng hơn, tôi nghĩ có

được là do đã trải qua bao kinh nghiệm thăng trầm của cuộc đời. Nay thuyền thúng xưa kia là thúng chai, nay quét xanh đỏ, ừ, thì *coi cũng ngộ*, cái giếng nước ngày xưa để tưới trà tưới cau bị lấp, *thiệt quá uổng*, giờ bù lại đi hái thanh long, ừ, thì *cũng vui*. Hồ Xuân Hương lòn loẹt diêm dúa, ừ thì, *thôi kệ*. Và hình như chẳng động tâm buồn giận khi bên cạnh cái không khí như *huyền sử nào xa* là cái chợ đêm huyền ảo, làm như người có thể vừa nghe cái âm ỉ kia lẫn tiếng tơ trầm lặng huyền sử nọ. Mới thấu cái nhìn đơn thuần của kẻ tu thiền, mới hay cái đạt đạo của đối cảnh vô tâm.

Trở lại Chỉ Ngàn Ấy Thôi, đoạn tả hoa đào ở bài này rất tuyệt, chỉ muốn trích hết ra đây..., nhưng tôi muốn nhấn một ý như đã nói ở trên, Nghe, Nghe tiếng thì thâm nhựa chảy trong cây,

Rồi từ đời hoa xa lạ ấy lại bỗng gán gửi thơ Phạm Thiên Thu, Đỗ Hồng Ngọc thuộc nhiều thơ và kinh Phật, bất cứ một cảnh, một tình huống nào cũng được gắn kết với Thơ, với Kinh, và cảm nhận qua trung gian của cảm xúc Thơ, nên văn đẹp, siêu thực, và nội dung chứa nhiều ẩn dụ sâu sắc.

Đường chim bay hay đường đèo dốc, đường có ánh trăng trong lòng đá hay đường có nắng hoa đào?... Trên bãi nắng sân trường, cỏ xanh mượt, những cô sinh viên Nhật nhỏ nhắn xinh đẹp ngồi nép từng cụm dưới hoa, vừa sười nắng vừa ăn trưa. Có tiếng chim riu rít rụt rè đầu đó. Cảm lòng không đậu, tôi cũng ngả lưng vào một cội đào để nghe cho hết tiếng thì thâm. Rừng xưa có gã từ quan. Lên non tìm động hoa vàng ngủ say (Phạm Thiên Thu). Tôi không phải là gã từ quan, cũng không tìm động để ngủ. Tôi thức, thao láo thức. Tôi thử nâng một chùm hoa đào trên lòng bàn tay. Hoa tíu tíu bám vào từng kẽ ngón. Hoa bám rất chặt, như núu lầy khiến tôi cũng giựt mình. Bỗng dưng từng cánh hoa run rẩy. Càng lúc run càng mạnh. Ô hay, chẳng lẽ? À, mà không, gió! Xin chứng giám, gió! (tr. 38) Tầm tầm mà cười với tác giả, cái gì đó rất người mà gió làm cho nó thơ mộng quá trời!

Cũng trong trang này có câu, *Rụng là để rụng vậy thôi như nở là để nở vậy thôi*. Trong lúc nói chuyện qua viber, anh em chúng tôi có bàn, hoa có bao giờ hỏi nở để làm gì không, tôi trả lời hoa nở không để làm gì, ai đó cứ việc tận hưởng phút giây ngắm, và anh bảo, *vô tác vô nguyện/ thanh tịnh bốn nhiên/ tùy chúng sinh tâm/ chu biến pháp giới/ tông nghiệp phát hiện...*

Chỉ Ngàn Ấy Thôi là một trong những bài tôi thích nhất.

Trong không khí Trà Đạo Nhật (tr. 47), người sống hết *Một hồn Nhật* *lâng lâng của những kawabata, akutagawa... xa lắc xa lơ, để rồi thấp thoáng ảo diệu lời kinh Ly tướng thì thấy...*

Khi nâng chén ngang mày, nghe thoáng mùi hương trà xanh tỏa ngát. Ném. Không chát đắng. Tan loãng. Nghe ngóng. Ngập ngừng. Bàn tay nâng niu, bàn tay che chở. Bàn tay nào của Đức Phật mà Tôn Ngô Không cân đầu vân ngàn lần không thể vượt qua? Chậm rãi, từ tốn, cẩn trọng. Để nghe cho hết từng tác động thân hành. Nghi thức chỉ là tướng. Ly tướng thì thấy. Thấy gì? Thấp thoáng bóng Trương Chi dưới đáy ngọc hay Duy Ma Cật giữa trùng vây?

Ở Lời Ngỏ,

Không ngờ mà khi thu xếp, gom góp lai rai như vậy, tôi đã không cảm được nước mắt khi đọc lại “nỗi cô đơn uy nghi” của Võ Hồng, “người ta ở bên” của Trần Văn Lệ, “gọi chiều nước lên” của Trần Hoài Thu, và “lắm nỗi không đành” của Võ Tấn Khanh...

Rồi cũng không thể không cười một mình với “làm mới thơ”, với “vỡ vãn cùng Mây” với “hỏi không đáp, bèn...”

Rồi lại cũng không thể không trầm ngâm ngâm ngợi với “để làm gì”, với “sáng, trưa, chiều, tối” ... (tr. 2)

Tôi cũng rung nghẹn khi đọc, “*Bụi chuối nhà ai bên đường đã mọc/ Chuối mẹ chuối con, trời hồi quê nhà!*” ... Hai tiếng “trời hồi” mới “*cải lương*” làm sao! Nhưng nó đã làm tôi muốn rơi nước mắt! *Cải lương thật tuyệt vời!* (tr. 64). Nó đập vào tâm can mình khiến giờ nhìn bụi chuối, vẫn hàng ngày đứng bên kia đường, thấy nó như có gì khang khác, nó như ấm áp hơn, mẹ hiền hơn với những tán lá như cánh tay xò ra ôm tiếng kêu tha thiết *trời hồi quê nhà* của đứa con xa xứ. Cảm ơn Nhà thơ Trần Hoài Thu. Người bạn anh đã nhắc ... *gió bắc đã hiu hiu rồi đó Thu ơi!*

Và cả nỗi cô đơn uy nghi kia, cụm từ này diễm lệ quá, nó gọi một cách chính xác hình ảnh lẫn nếp sống của nhà văn nổi tiếng Võ Hồng, ông đã sống và sáng tác trong cô độc, một sự cô độc bận rộn như ai đó đã nói, nên cô độc mà không cô đơn, bởi, *Vẫn căn gác nhỏ với một phòng chường hơn chục mét vuông, vừa là chỗ ăn chỗ ngủ, chỗ làm việc, tiếp khách... lộn nhón những*

sách vở, thư từ, bản thảo... tràn lan trên bàn, trên nệm, dưới gầm (tr. 72) từ đó mà bao áng văn chương công hiến cho đời. Nên hiểu vì sao là *cô đơn uy nghi*. Người ở đó nhìn vào nỗi cô đơn của mình, nhìn vào những con chữ vây quanh mình, và uy nghi nhất, đó là không gian và thời gian người trở về với mình, cõi tâm thanh tịnh bao la, và tôi hiểu phút giây không cầm được nước mắt của Đỗ Hồng Ngọc khi *về thu xếp lại*, có lẽ lúc ấy ông đã chạm vào cái tơ mảnh uy nghi thiên thu của Võ Hồng.

Cả cái không thời gian không gian của hai chàng trai trẻ Đỗ Hồng Ngọc và Trần Văn Lê, cảm động đến ngây thơ, (hay ngược lại?), có lẽ nước mắt này là mừng cho cảm xúc mãi thanh tân của nhau chẳng? ... *có một cô răng khềnh,/ bẻ gãy sừng trâu,/ rất xinh/ đúng là người xưa của bạn/ nàng nhìn ta/ đôi mắt long lanh/ khi ta nhắc tên,/ nàng ôm chầm lấy ta rồi kêu to/ ngoại ơi ngoại ơi.../ trần văn lệ/ ông dì nè!* (tr. 99), có nghĩa là người ở bên cũng mãi hoài cố nhân! Thương hết biết...

Chẳng khác là bao tâm trạng, *Có một bài thơ không ngày tháng của Lữ Quỳnh như một nỗi hoài sinh, một lần cứu rỗi: ... Tóc trắng mây bay lòng mới lớn/ Từ em anh chợt tuổi hai mươi* (thơ Lữ Quỳnh) (tr. 102), làm tôi nhớ Quang Dũng, *em mãi là hai mươi tuổi/ ta mãi là mùa xanh xưa...* Những tình nhân đời đời hai mươi tuổi ơi, Tình yêu vô hiệu hóa Thời Gian đó chẳng?

Rồi Lắm Nỗi Không Đành kia khiến, *thưa người lệ chẳng đặng đừng nên rơi...* (NTKM), vậy đừng cho mình là *mít ướt* nữa nhe *thiên huynh*.

Tôi nghe trên những con đường trẻ trung mà những người bạn này đã đi qua, giờ này nó đang, *Đường nhớ chân từng lớp cuội rang sấu* (thơ Võ Tấn Khanh) (tr. 113)... Còn mấy ai trở về để được băng khuâng tâm trạng, *hoa đào năm ngoái...?*

Phải nói là những trang viết về bằng hữu của Đỗ Hồng Ngọc, vừa được đọc những thơ hay, vừa cho thấy được một tình đáng quý ở đời, mà người xưa gọi là đạo, *Mây phản chiếu ánh sáng mặt trời mà thành rắng, suối treo vào bờ đá mà thành thác. Cũng là một vật nhưng nương vào vật khác thì tên gọi cũng nhân đó mà khác đi. Đạo bạn bè sở dĩ quý là vì vậy.* (Trương Trào, Huỳnh Ngọc Chiến dịch)

Và. Đồng điệu làm sao:

Nhiều người sợ rằng đến một lúc nào đó người ta sẽ không còn ai đọc sách in trên giấy nữa, vì đã có CDRom, Ebook... tiện lợi hơn nhiều!

Thực ra, với những người yêu sách, mê sách, thì không có lý do gì để phải... hoảng sợ! Bởi vì sách không chỉ để đọc mà còn để nhìn, để ngắm, để ngửi, để nghe... (tr. 40)

Ngay đầu bài tôi đã nói rồi, việc đầu tiên tôi nhận bản thảo là in nó ra để đọc, để nhìn chữ trên giấy. Và cũng giống nhau (có khác chút xíu, bút chì tôi gọt nhọn, không giắt mép tai).

... khi đọc, thường có cây viết chì cùn, giắt ở mép tai, thỉnh thoảng đánh dấu chỗ này chỗ nọ, ghi chú điều này điều khác. Tóm lại, người mê sách đã biến cuốn sách đâu đâu thành thân quen, gần gũi, riêng tư của mình... Vài chục năm sau, một hôm dọn dẹp nhà cửa, tình cờ đọc lại những dòng xưa, nét xưa... không khỏi ngậm ngùi!

Nên tôi đang rất mong cầm được tập sách Để Làm Gì thơm mùi giấy xưa để nhìn, để ngắm, để ngửi, để nghe. Để làm gì, tôi e rằng mình cũng sẽ như vậy, để còn sống được chút ngậm ngùi khi một buổi, một mình thu xếp lại, gặp bạn sách xưa mà rơi lệ...

Santa Ana, ngày mưa đầu mùa xuân, 12.3.2020

Ntkm

.....

Nói thêm: Khi đọc bản thảo tôi thấy có nhiều lỗi chính tả và typo, có hỏi anh để sửa, anh trả lời, “anh đã đến tuổi không cầu toàn nữa, lấy cái vui làm gốc,” nghe vậy thì lấy làm sáng tỏ thêm về những tiêu chuẩn xưa nay ở đời, tôi nhớ ba tôi khi xưa, lúc in tập thơ đầu tiên không vừa ý thấy tôi buồn ba tôi bảo, cái gì có khiếm khuyết chút mới hay, như ai đó nói, tuyệt đối là kẻ thù của cái đẹp, con nhớ đó... (ntkm)

MỤC LỤC

- * 2. *Lời ngỏ*
- * 3. *Để làm gì?*
- * 6. *An lạc*
- * 8. *Một hôm gặp lại*
- * 13. *“Em hồn nhiên rồi em sẽ bình minh”*
- * 17. *Nhớ Tiếng Thu ở Boston*
- * 19. *Con tinh yêu thương*
- * 22. *Cám ơn Asimo*
- * 25. *Kể thơ trên xe lửa*
- * 28. *Làm mới thơ*
- * 31. *Tôi cũng tin vậy*
- * 35. *Chỉ ngàn ấy thôi*
- * 40. *Văn hóa đọc*
- * 43. *Khúc khích trên lưng*
- * 46. *Trà đạo*
- * 50. *Lãng mạn xưa và nay*
- * 53. *Sến già nam*
- * 59. *Một cốt cách ở đời*
- * 63. *Gọi chiều nước lên*
- * 69. *Võ Hồng vào tuổi 80 “và nổi cô đơn uy nghi”*
- * 76. *Minh*

- * 78. Hỏi không đáp, bèn...
- * 81. Còn sữa để cho con
 - * 84. Bò, tại sao điên
 - * 86. Chuyện sanh đẻ
 - * 88. Bác sĩ nhà quê
- * 92. Chon mạng đế vương
 - * 95. Sáng mắt
 - * 98. Người ta ở bên
- * 100. Đừng giục cơn sầu nửa sóng ơ
 - * 104. Dằng dặc khôn nguôi
 - * 110. Nỗi ám ảnh sen
 - * 112. Lắm nỗi không đành
 - * 116. Lẽo đẽo phương quỳ
 - * 118. Thy Đạo
 - * 123. Vơ vẩn cùng Mây
 - * 126. Còn thương rau đắng
 - * 129. Về Phan Thiết
 - * 132. Bãi Phan Thiết
 - * 135. Biết bao điều thì thâm
 - * 138. Một chuyến đi hụi
 - * 141. Arul, chốn núi rừng
 - * 144. Huế bao lần về
 - * 147. Hội An
 - * 150. Gia đình Hoa Sen, Đà Lạt
 - * 155. Năm nay người có về ăn Tết

- * 158. “Ếch kêu”
- * 162. Tôi thấy tôi thương những chuyến phà
 - * 165. Đà Lạt
 - * 167. Thăm thầy Phước An
 - * 169. Mấy ngày Tết
 - * 172. Hoa đào năm ngoái
 - * 174. Núi vẫn cứ là núi
 - * 177. Tôi học Phật
 - * 181. Ca-tì-la-vệ
- * 183. Nói chuyện ở chùa Quang Minh, Melbourne
 - * 185. Úc du và vài bài học quý
 - * 187. Về Huế thăm chùa
 - * 193. Ngọn lửa
 - * 195. Có Không
 - * 198. Lên non hái lá
 - * 200. Cà kê dê ngỗng
 - * 202. Những nụ cười
 - * 205. Một mùi gió bắc quen thuộc...
 - * 207. Già mà sượng!
 - * 210. Tầm tìm một mình
 - * 212. Sáng, trưa, chiều, tối
- * 216. Trần Văn Lệ đọc Đỗ Hồng Ngọc
- * 218. Nguyễn Thị Khánh Minh – Còn chút để dành

đỗ hồng ngọc

đề làm gì

tạp bút

Saigon, tháng 2, 2020

Website: www.dohongngoc.com

Email: dohongngocbs@gmail.com

dàn trang: nguyên hiên-đức

sửa bản in: nguyệt mai

minh họa: đỗ hồng ngọc, đỗ trung quân, đình cường, lê ký thương

